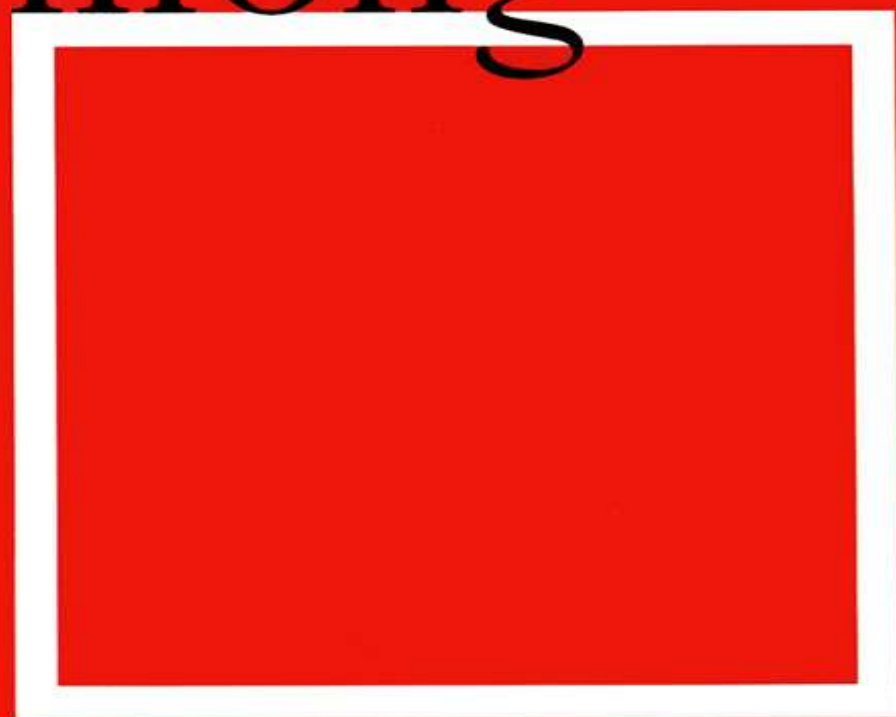


TAO DẪN

văn học
Việt Nam

P
H
A
N
D
U

mông



su'

K
I
N
H

*Sóng lớp phé hưng nghe đã rộn
Chuông hồi kim cổ lắng càng mau*



N X H
H U À
À U Ấ N
T Ộ
B B
Ả I
N

MỘNG KINH SƯ

Tác giả: Phan Du

Phát hành: Tao Đàn

Nhà xuất bản Hà Nội 2016



VCTVEGROUP

Nguồn sách & Solo text: @mayaincaztec

Scan & Pdf: @annie_tuongminh

Ocr & Đóng gói: @Trúc Quỳnh Đăng



ebook©vctvegroup

01/08/2019

PHAN DU

MỘNG

KINH

SƯ

Khả liên nhi bách niên cơ nghiệp
Bất cập sơn tăng nhất mộng trường.

Hai trăm năm xót cơ đồ,
Không bằng giấc mộng thầy chùa trên non!

GIẢN CHI

(dịch và viết)

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

*Sóng lớp phể hưng nghe đã rộn,
Chuông hồi kim cổ lắng càng mau...*

LINH MỤ TỰ VÀ DÒNG HỌ CHÂN CHỦ PHƯƠNG NAM

Khắp cả một vùng Hương Ngự non thanh, nước đẹp, thẳng cảnh thực chẳng hiếm gì và chùa chiền không phải là ít ỏi. Trong số trên tám mươi đền chùa có tên tuổi tọa lạc đó đây trong toàn tỉnh, vẫn còn có nhiều danh lam có thể chinh phục được lòng ái mộ và tình lưu luyến của du khách hoặc bằng cảnh trí đặc sắc, hoặc với lối kiến trúc quy mô hay với những kỳ tích về nguồn gốc, chứ không riêng gì Linh Mụ tự. Nhưng dù sao, Linh Mụ tự vẫn chiếm được cái ưu thế trội vượt hơn hết, không những vì cái cảnh trí thơ mộng nơi này, nhưng còn vì một đặc điểm mà các danh lam khác không làm sao có được. Đó là những yếu tố phong thủy của cuộc đất nó chiếm cứ, yếu tố đã tạo nên một liên hệ thiêng liêng, mật thiết và bền bỉ, giữa ngôi chùa với dòng họ chân chủ phương Nam.

Số là xưa kia, Tiên Chúa Nguyễn Hoàng, tức Thái Tổ Gia Dũ Hoàng đế (1558 -1613)^[1] sau khi vào trấn đất Thuận Hóa - bắt đầu từ tháng Mười năm Mậu Ngọ, tức năm Chính Trị nguyên niên thời Lê (1558), với niềm tin tưởng vững chắc ở sức bảo trợ huyền nhiệm của một dãy Hoành Sơn hùng tráng theo lời truyền bảo của Bạch Vân cư sĩ - tuy lập Dinh ở làng Ái Tử, thuộc huyện Đăng Xương, phủ Triệu Phong (nay thuộc tỉnh Quảng Trị), nhưng cặp mắt yêu chuộng phong thủy của Tiên Chúa lại thường soi rọi địa hình, địa vật khắp cả một vùng Thuận Hóa^[2]. Chẳng có núi nào, sông nào, chẳng có những cuộc đất lạ nào mà Tiên Chúa không tìm đến, không thăm dò, vì mục đích chiêm ngoạn cái *khí tượng vạn thiên* của các nơi danh thắng cũng có, mà phần chính là vì cái chủ đích khám phá những địa thế có khí mạch của núi non ngưng kết, cần cho công cuộc khai cơ, hưng nghiệp.

Gót phiếm du của vị chúa phương Nam, một hôm, đã dừng lại trước một ngọn đồi đột khởi giữa một cánh đồng ở thôn Hà Khê, xã An Ninh, huyện Hương Trà^[3].

Đồi có hình rất lạ. Giữa khoảng bình địa, nó hiện ra như một con rồng quay đầu nhìn lại dãy núi chính, nơi nó phát xuất. Phía trước, ngay dưới chân đồi, là một dòng sông uốn khúc uyển chuyển, xinh mềm như vòng tay ngọc nữ, và, phía sau, đồi tiếp giáp với một cái hồ, mặt nước phẳng lặng như tờ. Dưới cái nhìn sành sỏi của các nhà địa lý, cảnh trí có cái đặc tính *giai thẳng* này nhất định phải là nơi từng có linh khí ngưng tụ. Tiên Chúa lại tiến lên đỉnh đồi, nhìn ngắm quanh vùng. Trước mắt là cả một bức tranh sơn thủy vô cùng ngoạn mục, huyền ảo chẳng kém gì cảnh sắc trong tranh thủy mặc trên quạt của Mã Viễn đời Tống hay trên lụa của Ngô Đạo Tử đời Đường. Trông về phương nam, một vòng sông thanh tú, và bên kia sông, một ngọn gò thuộc xã Nguyệt Biều, gò Thọ Khang - về sau này được mang tên là gò Thọ Xương hay Long Thọ Cang^[4] - nơi mà những *canh gà* từng được coi như là một trong những yếu tố đã tạo thành cái nguồn thi vị bàng bạc khắp cả một bầu trời Hương Ngự:

Gió đưa cảnh trúc la đà.

Tiếng chuông Linh Mục, canh gà Thọ Xương^[5].

Cùng với gò, một bãi hoang phù sa phô trương cái sức sinh sôi rất mực sung thiệm^[6] của loài thảo mộc. Xa hơn là cánh đồng Nguyệt Biều phì nhiêu, êm ả. Trông về phương tây, dòng sông, sau khi vừa rẽ qua một khúc quanh, dàn rộng cõi lòng hầu như mênh mông với mặt nước phẳng lì, bóng bẩy như một bức định kính tráng bằng chất ngọc lưu ly vừa đông lại. Xa xa, án ngữ chân trời, một dãy núi xanh huyền ảo, chạy dài phía sau màn sương thoang thoáng, điểm chuyết, cùng với sông kia, gò nọ, cho cảnh trí nơi này cái vẻ lồng lộng, bao la, sáng lạn và thanh khiết của một cõi trời đã lau sạch bụi trần.

Nhưng có thể cặp mắt của vị chân chủ phương Nam đã phải để ý đến một điểm đặc biệt hơn các thức đẹp kết hợp thành cái toàn bộ cảnh trí thơ mộng này. Đó là một đường hào - đào khá sâu - cắt đứt chân đồi tàn nhẫn như dấu vết lưỡi gươm sắc bén của tên đao phủ thiện nghệ còn lưu lại trên cổ tử tù. Bàn tay thô bạo, ngu xuẩn nào đã vô tình làm cái chuyện rất đáng kiêng kỵ về mặt phong thủy đó? Xén ngang chân đồi thì có khác gì là cắt đứt long mạch, làm phân tán cái khí thế của núi non ngưng tụ! Hoặc giả đã có tay tổ nào trong giới phong thủy bày ra cái trò yểm trừ này chằng?

Chúa phương Nam liền mở cuộc dò la, thăm hỏi đám bô lão, để tìm hiểu và khám phá cho ra nguyên do. Và quả đúng như điều nghi hoặc của Tiên Chúa, hào đào là nhằm mục đích yểm trừ, và tác giả của cái công trình phá hoại này lại không ai khác hơn là tướng Cao Biền, một tay địa lý đại danh từng có chủ trương triệt tiêu tất cả mọi yếu tố phong thủy có thể giúp cho chân mạng đế vương xuất hiện ở phương Nam.^[7]

Các vị bô lão hiểu chuyện đã tường trình cùng Tiên Chúa rằng: vì biết được tại đồi này có một nữ thần thường hiện ra, lại xem xét kỹ, thì lòng gò có linh khí đáng ngại, nên Cao Biền đã dùng phép thuật yểm trừ và cho đào hào để dứt tuyệt long mạch. Từ đấy, ngọn đồi vắng bóng nữ thần. Dân làng qua lại đồi này, dù vào lúc giữa trưa đứng bóng hay trong đêm vắng canh khuya, cũng chẳng bao giờ còn được mục kích sự hiển hiện của thần linh như trước. Lạ hơn là cái hồ ở phía sau đồi - về sau được mang tên là Bình Hồ - nước cứ ngày càng đỏ ra như máu^[8]. Một hồ máu rõ ràng! Phải chằng là máu của Rồng thiêng? Và như thế rất nhiều năm qua, không ai còn nhắc đến chuyện nữ thần, nhưng rồi, một đêm kia, có đám hành giả, nhân đi ngang qua đồi vào khoảng quá giờ Tý, đã tình cờ trông thấy, dưới bóng trăng khuya mới mọc, một bà lão, tóc và chân mày bạc phơ, ngồi ở chân đồi. Áo dài của bà cụ đỏ chói màu ráng pha, nổi bật trên chiếc quần màu lục rất tươi. Ánh trăng tuy còn lơ mơ, nhưng dường như đã được pha lẫn một

nguồn ánh sáng huyền diệu nào đó, để soi tỏ được không những y phục, mà cả cái dáng mạo phúc hậu, trang nghiêm của bà cụ, cùng những đường nét thêu trổ tuyệt mỹ trên đôi hài gấm đế trắng và chiếc nón thúng - cũng cùng một màu trắng - có quai lụa hồng. Bà cụ nhìn vào đường hào, nhìn lên đỉnh đồi, rồi nói lớn, như có ý để những lời tiên tri của mình được lọt trọn vẹn vào tai đám hành giả đã tán loạn cả hồn phách vì cuộc gặp gỡ bất thần và đáng hãi hùng này:

“Cao Biền vì ác ý muốn dứt tuyệt long mạch ở phương Nam, nhưng làm sao có thể nghịch lại sự định phận của Thiên Thư. Sơn hà nào có chân chủ nấy. Long mạch tuy bị dứt, nhưng chưa tuyệt. Máu Rồng còn tươi. Một ngày kia chuyện buồn rồi cũng chấm dứt. Bàn tay của chân chủ phương Nam sẽ lấp hào đi để cho linh khí tụ lại, long mạch nối liền. Một con Linh Quy, để được thoát kiếp, sẽ hút sạch máu trong lòng hồ. Nước hồ trong ra, cõi trời Nam càng thêm hưng thịnh, trăm họ vui khúc âu ca.”

Bà cụ nói xong, vụt biến mất. Một vệt hào quang xanh eo éo trườn nhanh ra, bay vút đi trong thanh không như một dải lụa dài, quấy động không khí thành ngọn cuồng phong dữ dội. Nhưng rồi, chỉ trong giây lát, gió lặng, trăng sáng hơn lên. Ngọn đồi lại phục hồi trạng thái đều hui, vắng vẻ như chẳng có gì quái dị xảy ra.

Câu chuyện trên đây, nhất là những lời tiên tri của vị nữ thần, làm cho Tiên Chúa rất đổi đẹp lòng. Người liền đổi buồn làm vui phán bảo:

“Bà lão ấy chính là người của nhà Trời sai xuống để báo trước về nghiệp lớn của ta. Truyền cho hào kia phải sớm được lấp lại và một cảnh chùa phải được xây cất nơi đây.”^[9]

Theo lệnh Chúa ban truyền, chẳng bao lâu một ngôi chùa đã được dựng lên ngay trên ngọn đồi, vào tháng sáu mùa hè năm Tân Sửu - tức tháng Bảy dương lịch năm 1601. Chùa được mang tên là Thiên Mục tự,

và hai trăm sáu mươi một năm sau, dưới thời Dực Tôn Anh Hoàng đế, được đổi tên thành Linh Mục tự^[10]. Hồ phía sau được mệnh danh là Bình Hồ. Theo câu chuyện còn được nhân dân xã An Ninh truyền tụng đến nay, thì quả đúng như lời bà lão nhà Trời đã nói về Linh Quy, sau khi chùa được hoàn thành ít lâu, một con rùa khá lớn, từ đâu dưới lòng sông Hương bò lên đồi, tiến vào vườn chùa, rồi vì khát nước, nó đục thủng thành chùa phía sau, tiến ra tận mép Bình Hồ. Con rùa lạ lùng này uống đến đâu thì nước trong đến đấy. Công việc nó làm dường như cảm động thấu đến lòng Trời, nên giông tố tự dưng ùng ùng nổi dậy. Mây vần, gió giục, cát bụi tung bay mù mịt cả một vùng Hà Khê. Và khi nước hồ vừa trong, thì cả đất trời vụt nhiên rung chuyển trong một tiếng nổ kinh hoàng. Lưỡi búa của Thiên Lô, trong chớp nhoáng, đã giúp Linh Quy thoát kiếp^[11]. Xác nó hóa đá và nằm mãi bên hồ cho đến ngày nay^[12].

Long mạch ở gò Hà Khê chính là sợi dây vô hình đã gắn liền vận mệnh của Linh Mục tự với vận mệnh của dòng họ chân chủ phương Nam, và đã dành cho nó một sự đãi ngộ hậu hĩ qua các đời chúa cũng như các triều vua nhà Nguyễn.

Tính đến nay, tuổi thọ của Linh Mục tự đã có trên ba thế kỷ và đã được kết nối bởi biết bao nhiêu vinh, nhục, thăng, trầm. Được khai sinh dưới thời Tiên Chúa, được chăm chút dưới thời Hiền Vương^[13], được rạng tỏa ánh vinh quang, hoa gấm dưới thời Quốc Chúa^[14], được phục hồi phong độ và sùng ái dưới thời Gia Long, sau cảnh ly loạn, can qua, và được vươn lên tột đỉnh thịnh đạt dưới thời Thiệu Trị, Linh Mục tự quả đã chiếm được một ưu thế vô song trong các chùa chiền ở vùng Hương Ngự. Nhưng rồi có thể nói là kể từ ngày Hiến Tổ Chương Hoàng đế^[15] thăng hà trở đi, cơ duyên phát đạt của ngôi cổ tự này ngày càng suy giảm, nhất là về sau này nữa, với sức tàn phá thảm hại của trận bão năm Thìn (1904), với cái ám kế chiếm đoạt của báu, tượng vàng, do bàn tay bí mật của ngoại nhân có đầy đủ uy quyền, thế lực để khiến được *Bộ Công phải dâng thang, Bộ Lễ phải nộp chìa*

khóa của kho tàng Bửu Tháp^[16]. thì Linh Mục tự phải được coi như đã qua hẳn một thời oanh liệt, vàng son rồi.

Từ đó đến nay, tuy không rơi chìm vào quên lãng, và mặc dù được trải mấy lần trùng tu, cái phong thể trọng vọng xưa kia thay vì được phục hồi, chỉ tàn tạ thêm, cái cảnh sắc “*vùng nhật chiếu đến Thiên quan, bóng xuân triều về Phật tọa*”^[17] cũng phải nhường cho nơi khác.

Đại hồng chung đã câm tiếng! Hương Nguyện đình chỉ có nền xưa! Khách thập phương ngày càng thưa thớt. Linh Mục tự giữa những cảnh chùa trẻ trung, tân tiến hiện nay ở Cổ đô, tuy vẫn còn hiện diện, vẫn phô trương Bửu Tháp trên đồi Hà Khê, nhưng thực sự thì đã lùi xa vào quá khứ.

Sớm chiều, những chú tiểu yếu ớt, vận dụng hết sức mình vẫn không thể thỉnh chuông cho đủ số một trăm lẻ tám tiếng, mệt mỗi buông tay nửa chừng và qua hơi thở nhọc nhằn, qua những tiếng kinh, tiếng mõ bơ vơ, lạc lõng trong bầu không khí u tịch, buồn rầu lóng nghe^[18] những âm ba ngấn ngủi chìm tắt vội vàng, để chạnh lòng nuôi tiếc cái sức ngân nga du viễn của Đại hồng chung xưa!

Nhưng nếu tiếng chuông Linh Mục không còn đủ sức để *vươn lên, từ dưới bóng xanh cổ thụ, thấu tận miền Phật cảnh*^[19] và lan xa tỏa rộng khắp sông Mê, bể Khổ để làm tròn sứ mạng cảnh tỉnh chúng sinh, thì nó lại có đầy đủ thẩm quyền hơn tiếng chuông chùa nào hết, để kể lể và làm sống lại, dưới mắt du khách, bao nhiêu vang bóng của Kinh sư. Đồng thời có quyền nhắc nhở với một niềm kiêu hãnh rằng: công cuộc hình thành kinh đô nhà Nguyễn, tại Phú Xuân, nếu truy nguyên cho tận cùng, phải được coi như là bắt đầu khởi niệm từ ngôi chùa cổ kính này, một ngôi cổ tự từng được Hiến Tổ Chương Hoàng đế liệt vào trong số hai mươi thắng cảnh trội nhất ở Thần kinh.

Là con đầu lòng trong các công trình kiến trúc của họ Nguyễn ở vùng Phú Xuân, Linh Mục tự, với trên ba trăm rưỡi tuổi, từ ngọn đồi Hà Khê, đã chứng kiến được đầy đủ, từ đầu chí cuối, quá trình hình

thành, diễn biến của Kinh sử qua bao nhiêu thăng trầm, dâu bể, để đến nay có thể thu gọn vào cái *lãng mau* của những hồi chuông triều mộ, thành một giấc mộng “*Kê Vàng*” mà trong đó, du khách nặng lòng hoài cổ, mỗi lúc dừng chân dưới mái chùa xưa, giữa cảnh quạ kêu trắng rụng, có thể tìm được, cùng với cái thú truy hồi những vang bóng xa xưa, một mảnh gương kim cổ rất giàu ý nghĩa.

PHÚ XUÂN VÀ DI CHÍ THIÊN DI DINH, PHỦ VỀ NAM CỦA TIÊN CHÚA NGUYỄN HOÀNG

Với bản đồ tịch trong xứ, do Luân Quận công Tống Phước Trị, từng giữ chức vụ Thuận Hóa Trấn phủ^[20], dâng lên ngay lúc Tiên Chúa mới vào Nam, và thêm vào đó, những lời tiên tri của bà lão nhà Trời xuất hiện ở ngay chân đồi Hà Khê, Tiên Chúa chắc hẳn đã lưu ý nhiều tới cảnh trí, địa thế của vùng đất thuộc tỉnh Thừa Thiên hiện nay, nhất là vùng Phú Xuân. Cái ý định thiên^[21] dinh về Nam hẳn đã ve vãn tâm trí của vị chúa trẻ tuổi - mới trên ba mươi - giàu chí lớn, ngay từ khi cái cảnh sắc, khí tượng “thiên phủ”^[22] của nơi này - được tăng thêm phần quyền rũ vì câu chuyện Cao Biền yểm trừ long mạch - đã lọt vào tầm mắt.

Thực vậy, cái phần đất đai thuộc vào Hóa Châu dưới thời nhà Trần đã từng nằm trong địa bàn của châu Lý - một trong hai châu mà Chế Mân, vua nước Chiêm Thành, đã dùng làm lễ nạp trượng nhằm đánh đổi cái diễm phúc được vầy duyên loan phượng với một công chúa Việt Nam, và dưới thời Lê, trở thành ba huyện *Kim Trà, Đan Điền, Tư Vinh* thuộc sáu huyện và hai châu của phủ Triệu Phong thuở đó^[23], lại được đổi tên là *Hương Trà, Quảng Điền, Phú Vinh* dưới thời Tiên Chúa^[24], quả là một vùng có hình thế kín đáo, hiểm trọng.

Hiểm trọng, kín đáo, vì ở phía Bắc có biển Hạc Hải - năm Minh Mạng thứ hai (1821) được đổi tên là phá Tam Giang - rộng những sáu dặm, dài ba mươi lăm dặm, do nước từ ba ngả sông Tả Giang, Trung Giang và Hữu Giang đổ vào, sâu rộng mênh mông và thường có phong ba dấy khởi^[25], ở phía đông có vũng Hà Trung^[26] với những đầm Minh Lương, Ô Trai và Đả Đả rộng hai dặm lẻ, chu vi có tới trăm

dặm. Tương truyền, chính tại nơi này, Thái Tôn Hiếu Triết Hoàng đế, tức chúa Nguyễn Phước Tần, nhân một dịp kinh quá, đã trông thấy tận mắt, một con sóng yêu quái nổi dậy. Chúa cả giận, ra lệnh bắn ngay hai phát đại bác vào đám sóng đang lồng lộn trong cơn cuồng nộ. Tức thì, hai con sóng trong đám phun máu ra đỏ cả một vùng, trong lúc một con sóng thứ ba lần trốn vội vàng ra khơi. Ở phía đông nam, lại có ải Hải Vân hùng vĩ, hiểm hóc. Hải Vân, một loại *thiên hạ đệ nhất hùng quan*, cùng với Hang Dơi, tức Bãi Chuối, nằm ngay chân núi giáp bờ biển ở phía bắc, đã từng nổi tiếng với câu ngâm ca:

Bộ hành khả úy hê Hải Vân,
Thủy hành khả úy hê Bức Cốc ba thần.
*Đi bộ thì khiếp Hải Vân,
Đi thuyền thì khiếp sóng thần Hang Dơi*^[27].

Hải Vân còn là nơi mà, về sau này, chúa Nguyễn Phước Châu, một phen tuần hành, đã phải tán tụng về cái vẻ hiểm trở, hùng tráng, trong bốn câu thơ:

Việt Nam hiểm ải thử sơn diên,
Hình thế hỗn như Thục đạo thiên.
Đã kiến vân hoành tam tuần lãnh,
Bất tri nhân tại kỷ trùng thiên^[28].
*Chót núi này là hiểm trở nhất ở Việt Nam,
Hình thế giống như đường đi đất Thục,
Chỉ thấy mây giăng trên ba núi lớn,
Không hay mình ở trên mây từng trời.*

Ngoài ra còn có nguồn núi Tả Trạch, xoay chuyển về hướng nam, với năm mươi lăm thác nước và nguồn núi Hữu Trạch chạy dài qua phía hữu với mười bốn thác, lại có vô số đôi khe rành rọt đủ để trấn ngự được bước tiến của các *man*.

Cùng với cái thế hiểm trở này, còn phải kể những đặc điểm của sơn xuyên có lợi cho công cuộc hưng nghiệp. Núi Cư Chính^[29] chẳng hạn - dưới thời Minh Mạng năm thứ hai, được đổi tên là Hưng Nghiệp - đã được các tác giả Đại Nam nhất thống chí nhấn mạnh về tính cách quan hệ đối với nghiệp lớn của nhà Nguyễn như sau: “*Thế núi chạy dài nhiều tầng quanh bọc, các ngọn nước chạy triều về Đông, nghiệp lớn muôn đời của bản triều thật triệu đọan từ nơi đây*^[30].” Và sông Hương Giang, ở phía nam quận Hương Trà, một thành quả mỹ miều của một cuộc giao duyên giữa hai nguồn nước đa tình. Một nguồn từ Khe Ba ở núi Trường Đông phía Tả Trạch, một từ phía đông núi Chấn Sơn thuộc nguồn Hữu Trạch, băng vượt qua bao nhiêu đường xa, dặm dài, để cùng gặp nhau ở nơi hò hẹn đây trăng gió là ngã ba sông Bằng Lăng, hợp nhất mà chảy xuống phía đông, tạo thành một dòng tú thủy nổi danh, trầm lặng uốn khúc giữa những đồng xanh, thôn hoa. Chất nước mát ngọt trong lành của dòng sông không những chỉ mang lại sự phì nhiêu cho đôi bờ, mà còn phối hợp với phong thổ để tắm nhuần thêm chất đường thanh mật ngọt, phổ thêm nhạc điệu vào giọng nói, và điểm chuyết thêm vẻ thanh tân, nào chúng cho giống thực nữ sinh trưởng giữa vùng Hương Ngự. Và cũng trên bờ sông này, vị trí Kinh sư tọa lạc quả là một nơi *thống hội cả núi bể khí hậu hòa bình... sông lớn bao la ở trước, núi cao hộ vệ ở sau... địa thế hùng tráng như rồng lượn quanh co, hồ ngòi chễm chệ... thật là bụng rốn của trời đất*^[31].

Thêm vào đây, còn có cửa bể Ô Long - tức cửa bể Tư Hiền - với câu nói còn được truyền tụng của vua Lê Thánh Tông nhân dịp vào đánh Chiêm Thành: “*Núi sông này khí thế hùng dũng lắm thay! Đời sau chắc có anh hùng chiếm cứ nơi này.*” Hùng dũng vì cái cảnh tượng:

Liệt chương huyền nhai thanh xúc xúc
Man thiên phách lãng bích trùng trùng.
*Núi xanh cao giăng sườn đồ sộ,
Biển chập chồng sóng vỗ dậy trời.*^[32]

Ngoài những đặc điểm của sơn xuyên vừa kể, nơi này còn là một vùng ruộng đất phì nhiêu, tài nguyên sung thiêm: *giáp bờ bể, dọc theo núi, cá tôm, cây gỗ dùng không thể hết*^[33], hải vị, hào soạn^[34], lâm sản vô cùng phong phú.

Tấn thăm kịch Huyền Trân, hay cuộc đối chác xem trọng giá trị đất đai hơn giá trị con người: “*Hai châu Ô, Lý vương ngàn dặm, một gái Huyền Trân của mấy mươi*”^[35]. nỗi sầu khổ, tủi thương của khách má hồng bạc phận, cái cảnh *nước non nghìn dặm ra đi* của một công chúa hoa ngọc phải đem phẩm tiên trao phó tay phàm, cùng những vang bóng của một cuộc chia ly từng được cấu tạo thành một bức tranh đầy màu sắc tươi sáng mà thê lương, huy hoàng mà bi đát dưới ngòi bút của thi nhân:

*... thuyền Chiêm trên bể rộng,
Sắp hàng đi tới nơi chân trời mơ mộng.
Nơi vầng ô sang sáng pha hồng tươi,
Cờ tung bay phấp phới trên nền trời.
Và, như ru, nhịp nhàng chèo khua sóng,
Tiếng loa xa còn mơ màng đồng vọng.
Nhưng dấy thuyền gió quuyến vẫn dần trôi,
Đưa Huyền Trân về Chiêm quốc, hỡi ôi!*

PHẠM HUY THÔNG

(Huyền Trân công chúa)

hắn phải sống dậy, trên vùng đất đai này, dưới cái nhìn thăm dò địa thế của vị Tổng trấn Tướng quân và chắc là đã phải gọi ra cho Tiên Chúa một sự ngạc nhiên về sự an bài, bố trí khéo léo của Định mệnh, vì hầu như cái thăm kịch Huyền Trân đã chuẩn bị, ngay từ thời nhà Trần, những yếu tố địa lợi cần thiết cho họ Nguyễn sau này trong công cuộc khai cơ hưng nghiệp.

Nhưng vì sao cái ý chí ấy lại không được thực hiện ngay trong buổi sinh thời của Tiên Chúa?

Nhiều bậc trưởng lão ở Kinh kỳ, bên cạnh những chén trà ngào ngào hương lan Trân châu^[36] hay hương hoa mộc hoặc trong những chiếu rượu thông dong kiếu Phi anh hội^[37], mỗi lúc được gạn hỏi về điểm này, thường có lối suy diễn bằng cách ước đạt tâm lý, tuy có phần khiên cưỡng nhưng không phải là hoàn toàn vô căn cứ.

Sự suy diễn này được dựa vào một vài giai thoại có vẻ hoang đường dưới thời Tiên Chúa. Trước tiên là cái điềm lành mà vị Thái phó Nguyễn Ứ Dỹ đã nghiệm được ý nghĩa qua bảy chum nước do nhân dân mang đến dâng cho Chúa^[38] tại bãi cát Cồn Cỏ, làng Ái Tử, khi Tiên Chúa do^[39] An Việt, tức cửa Việt ngày nay, lên sông Quảng Trị, vừa bắt đầu đặt chân vào vùng Thuận Hóa^[40]. Thứ đến là cái thắng lợi vô cùng may mắn trong cuộc chống cự Mạc tướng Lập Bạo, cũng trên dòng sông Ái Tử. Chính tại đây, chuyện lạ đã xảy ra, vào một đêm mà hương thơm của những hạt gạo Minh Xuân^[41] mềm dẻo, cùng tất cả những thức hào soạn dâng lên, không làm cho Tiên Chúa ngon miệng chút nào. Và, những vò rượu Kim Lung^[42] hảo hạng, dù có cạn hết cũng khó thể giải tỏa được nỗi lo buồn trong lòng Tiên Chúa. Thế địch quá mạnh. Lập Bạo, với sáu chục binh thuyền, từ Hải Dương vượt bể tiến vào^[43]. Trại mạc của Lập Bạo giăng đóng san sát từ con đường Hồ Xá đến đền Lãng Uyển Thanh Tương^[44], biểu dương cả một khí thế hùng mạnh đến độ chỉ nhìn qua, Tiên Chúa đã biết lực lượng của mình khó bề đương cự nổi. Cứ lấy sức mà chọi sức thì sự thất bại đã quá rõ ràng. Còn Phi thúy trĩ, do dân huyện Thành Hóa dâng lên cho Chúa, vào ngày xuất quân, không còn được coi là một điềm lành làm đẹp lòng Chúa như khi nó vừa được mang đến trong chiếc lồng son^[45]. Giữa lúc lòng dạ rối bời vì chuyện quân cơ, Chúa tựa mạn thuyền, thờ thẩn lạng nhìn dòng sông. Đêm thanh cảnh vắng. Mặt sông vắng gió, không hề gợn một nếp nhăn, bằng phẳng như tấm kính dưới bóng trăng vàng. Bỗng nhiên Tiên Chúa chú ý đến một hiện tượng bất thường. Gần bên thuyền Chúa, mặt nước tự dưng xao động, ba đào nổi dậy như đang cơn giông tố mà chẳng hề lay chuyển mình thuyền. Và

từ chỗ khơi động thủy ba, có những tiếng “trảo thảo” vọng lên. Trước chuyện quái dị, vị chân chủ phương Nam nghĩ ngay đến sự hiển linh của giang thần, bèn đổi lo làm mừng, chinh túc nghi dung, nhìn thẳng vào đám sóng mà mặt đảo^[46]. Và, đêm ấy, trong mộng, có một phụ nhân hoa ngọc, mặt sương mình tuyết, phong vận rất mực đoan trang đã hiện về bá yết và hiến kế mỹ nhân. Phụ nhân tự xưng là nữ thần Trảo Trảo^[47].

Y theo kế của nữ thần, Tiên Chúa liền chọn một nàng hầu có cái nhan sắc rất đổi nảo nùng - nàng Ngô Thị tự là Ngọc Lâm, tục gọi là nàng Trà - trao cho nàng cái nhiệm vụ chiêu phủ kẻ địch bằng vàng ngọc và cái duyên đẹp nói, đẹp cười. Quả nhiên, mặt hoa da phấn và cái vẻ nảo chùng của nàng Trà đã làm xiêu lòng Mạc tướng, đẩy y đến chỗ bỏ mình giữa chốn ba quân^[48]. Cũng như Từ Hải quá tin Kiều nhi thuở nào, Lập Bạo theo lời quyến dụ đường mật của giai nhân, đã chịu cùng nàng bơi một chiếc thuyền con đến nơi họp mặt với Tiên Chúa, một ngôi đền tranh mới dựng bên bờ sông, có sẵn hầm đào cho phục binh ẩn núp. Và tại đây, Lập Bạo đã phải ngã gục xuống giữa trận mưa tên, khi y cố tháo lui để tẩu thoát^[49]. Không những trừ được Lập Bạo, Tiên Chúa với chiến thắng này, còn được thêm một số binh sĩ quy hàng đông đảo để sử dụng vào công cuộc khẩn hoang ở các vùng chung quanh cồn Tiên, thuộc huyện Gio Linh, lập thêm được những ba mươi sáu xã mới^[50].

Chính những kỷ niệm đẹp đẽ này - từng làm thỏa mãn lòng tự ái và củng cố niềm tin của Chúa vào cái cơ duyên hưng nghiệp của mình - đã gây cho Tiên Chúa một mối tình quyến luyến keo sơn đối với cái địa phương mà Chúa đã dừng bước để đóng trụ sở đầu tiên và, do đó, Tiên Chúa không nỡ rời bỏ nơi này, tuy đã hơn một lần, dinh trại từng được thiên di. Ái Tử hay Trà Bát hay Dinh Cát cũng vẫn là những địa điểm không cách nhau xa lắm, cũng nằm trong phạm vi một huyện Võ Xương hay Đẳng Xương như Chúa đã đổi tên cho^[51].

Thực vậy, trong suốt thời gian năm mươi lăm năm trời ở cương vị chân chủ phương Nam, Tiên Chúa không hề rời bỏ huyện Đăng Xương. Có thể câu chuyện bảy chum nước, xét như là một yếu tố về nhân tâm, giải thích được phần nào sự trì hoãn việc thiên dinh về Nam. Vào trấn Thuận Hóa là đi lánh một cái họa có thể xảy ra, đi tìm một chỗ dung thân. Và sự bắt đầu một công cuộc khai cơ ở một vùng xa xôi hiểm trở, còn bờ ngõ lạ lùng, lại thường có quân nhà Mạc năng tới lui quấy nhiễu như vùng Thuận Hóa thuở đó, thì yếu tố nhân tâm càng phải được chú trọng nặng hơn yếu tố thiên thời, địa lợi.

Vốn phải xa lìa nơi Kinh khuyết chỉ vì muốn tránh một cái họa có thể xảy ra bởi bàn tay thâm độc của một ông anh rể quá giàu tham vọng, Tiên Chúa lòng riêng vẫn còn quyến luyến nhà Lê, và cũng chưa nghĩ đến chuyện chống nhau với họ Trịnh, nếu không có những mưu toan ám hại của Trịnh Tùng^[52], mà Tiên Chúa đã cảm đoán được, qua thái độ của đứa cháu gian hùng này, khi Bình An vương cố tình lưu giữ ông Cậ ở Thăng Long để tránh cái chuyện thả hổ về rừng^[53]. Năm Kỷ Tỵ (1566), một lần ra châu vua Lê ở An Tràng; năm Quý Tỵ (1593) một lần đưa quân ra phù Lê giúp Trịnh diệt Mạc^[54]. Bốn trăm cân bạc ròng, năm trăm cây lụa quý triều cống hàng năm^[55], trước sau vẫn giữ đúng kỳ, đủ lễ, há chẳng đã chứng tỏ cái mộng “*Triều đình riêng một cõi trời*” chưa hề ve vãn tâm tư của Tiên Chúa thuở đó.

Và, sau này, với cuộc giã từ đột ngột Thăng Long (1600), mượn cơ đẹp bọn phản nghịch Phan Ngạn, Ngô Đình Nga, Bùi Văn Khuê nổi lên ở cửa Đại An - do chính âm mưu mật sử của mình^[56], dong buồm ra khơi, cướp gió mà quay về Thuận Hóa^[57], Tiên Chúa tuy đã rắp tâm chống lại họ Trịnh, mưu đồ hưng khởi sự nghiệp, mở rộng bờ cõi về Nam để bành trướng thế lực, lại càng tha thiết đến yếu tố nhân tâm. Với sự phò giúp của những hạng hiền tài như Oai Quốc công Nguyễn Ứ Dĩ, Thống binh Mạc Cảnh Huống và Luân Quận công Tống Phước Trị, cùng một số đông người ở Tống Sơn theo vào với Chúa, mối quan

tâm lớn nhất mà Tiên Chúa thường biểu lộ vào lúc bấy giờ là sự chiêu hiền và thu phục lòng dân.

Nhân dân ở huyện Đãng Xương^[58] đã tỏ lòng kính mộ Tiên Chúa, ngay từ lúc đầu, qua câu chuyện dâng bảy chum nước, có thể đã trở thành một thứ quần chúng quen thuộc, đáng tin cậy vì lòng trung thành. Phong khí thuần lương, có tính hiếu học, *sách đất tiền mảy cũng sẵn sàng mua*^[59], nhân dân Đãng Xương hẳn đã chiếm được nhiều cảm tình và tín nhiệm của vị Tổng trấn Tướng quân. Dinh Cát thuở đó còn là một nơi đô hội, vì cái xứ *có nhiều con gái đi chợ, tóc bỏ xõa, ngang lưng có thắt dải lụa, khách đến nhà niềm nở chào mời tràu cau*^[60], vốn đã là một *cảng khẩu trọng yếu của các thương thuyền Trung Hoa*, với rất nhiều thuyền buôn Trung Quốc đổ về, mang lại cho Tiên Chúa một nguồn lợi không phải là nhỏ^[61].

Có thể vì những lẽ vừa nói, mà trong mười hai năm trời còn lại, trị sở của Tiên Chúa không hề rời quá xa làng Ái Tử, tuy Thiên Mục tự, vì câu chuyện long mạch ở vùng Hà Khê, đã được Chúa cho xây cất, cách một năm sau đó (1601) cùng với một nhà kho tại vùng Hương Ngự, và công cuộc Nam tiến đã ghi được một thắng lợi quan trọng với cuộc tiến chiếm đất Chiêm Thành ở vùng Phú Yên (Sông Cầu) vào năm 1611.

Nhưng nếu cái ý định thiên di Thượng đô về Nam không được thực hiện ngay trong buổi sinh thời của Thái Tổ Gia Dũ Hoàng đế, thì nó lại trở thành một thứ di chỉ được các vị chúa kế vị tiếp tục noi theo, như chúng ta sẽ thấy sau này, qua chuỗi thăng trầm, suy thịnh của Linh Mục tự.

TỪ DINH TRẠI Ở TRÀ BÁT ĐẾN PHỦ TRỊ Ở KIM LONG

Vùng đất Thuận Quảng, ngay khi Tiên Chúa mới vào, quả không phải là một vùng hoang vu, ác địa. Phủ Tân Bình, dân cư đã đông đảo “xóm làng trù mật, gà chó đầy đàn, cỏ nước ngon lành, trâu bò béo tốt”^[62]. Tài nguyên dồi dào, phong phú “ở đồng bằng, nông tang vốn sẵn nghiệp nhà, bờ biển cá muối là kho vô tận... hải vị, sơn hào của nhiều chan chứa. Đất đai phì nhiêu, lúa thóc làm ra không khó nhọc”^[63] nên đời sống của người dân không những no ấm dư dả mà còn có cái phong thú dật lạc, an nhàn. “Thổ nghi đã sẵn thứ rượu tắm ngon nổi tiếng, xuân sang thì mở hội bơi giải, hạ tới thì bày cuộc đấu thắm, đập diu rộn rã, nơi ca, chốn múa, cách ăn uống hoang phí vô cùng, đến vài lăm gạo cũng không đủ dùng mười hai tháng”^[64]. Và phủ Triệu Phong, ở phía cực nam lộ Thuận Hóa thì “non sông kỳ tú, ruộng đất mở mang, nhân dân đông đúc, quả là một nơi đô hội lớn, cảnh tượng vui tươi, phong vật quý giá”. Còn huyện Điện Bàn - miền bắc tỉnh Quảng Nam hiện nay - “nhân dân làm giàu bằng thóc, nhà nông đập lúa bằng trâu. Xã Mạc Châu trồng nhiều hoa hồng, xã Lan Châu sản xuất nhiều lụa trắng. Đàn bà mặc áo Chiêm, con trai cầm quạt Tàu, người sang kẻ hèn, bát đĩa đều vẽ rồng, vẽ phượng, kẻ hơn người kém, sống áo toàn đỏ màu hồng”^[65], và chính vì cái mức sung thiêm phú túc sẵn có, mà vùng Thuận Quảng, sau năm mươi lăm năm trời “phá rừng bụi, đuổi hùm voi”^[66] nhằm mở đường khai cơ, hưng nghiệp của Tiên Chúa, càng biểu lộ rõ hơn, dưới mắt dòng họ chân chủ phương Nam, cái khí tượng của một cõi kim thang^[67] vô cùng bền vững, đúng như điều mà Thiên cơ đã mặc khải với Tuyết Giang phu tử^[68] qua hòn giả sơn ông thường nhìn ngắm hằng ngày, bên mái Bạch Vân am. Sử văn đã ghi chép: “Đoan Quốc công vũ trị vài mươi năm,

chính trị khoan hòa, thường ra ân huệ, dùng pháp luật công bằng, răn giới bản bộ, cấm trấp kẻ hung dữ, dân hai trấn cảm ân mến đức, dòi đổi phong tục, chợ không hai giá, dân không ăn trộm, cửa ngoài không đóng, thuyền buôn ngoại quốc đều đến buôn bán, quân lệnh nghiêm túc, mọi người đều cố gắng vì vậy không ai dám dòm ngó, dân trong xứ đều được an cư, lạc nghiệp”^[69]. Cho nên ngay vào giờ phút dọn mình để “quay đầu về núi”, Tiên Chúa đã ân cần căn dặn người kế vị mình:

“Thuận Quảng, phía bắc có Hoành Sơn, một dãy trường thành chạy dài từ núi Khai Trương xuống tận bể cả; có Linh Giang, rộng những một trăm bảy chục trượng với đôi bờ viễn cách và sức án ngữ mãnh liệt của ba đào; ở phía nam, có ải Hải Vân và núi Phù Nam hiểm yếu chẳng kém đường đi Ba Thục, là những thành lũy, then khóa cửa ngõ thiên nhiên, bảo vệ vững chắc cơ đồ. Núi non trùng điệp, vàng, sắt chất chứa cả một kho tàng vô tận, sông bể mênh mông, cá, muối, hào soạn tha hồ mà khai thác. Là hạng người dùng lược, nếu khéo biết lợi dụng đến cùng những đặc tính “kim thang, thiên phủ” của nơi này, bằng cách thu nạp trọng dụng hiền tài, chiêu luyện sĩ tốt, hết lòng vỗ thương trăm họ thì sự nghiệp sẽ bền bỉ, trường cửu muôn đời.”^[70]

Lời trời trần này của Cẩn Nghĩa công^[71] trước khi ngon giấc nghìn thu ở núi Thạch Hàn, đã trở thành một ý chí chung của cả một dòng họ. Ngăn chặn sức xâm tính của quân Trịnh ở phương Bắc, bành trướng thế lực bằng cách mở mang bờ cõi về phương Nam - cuộc Nam tiến của dân tộc đã từng được khởi niệm từ dưới thời Lê Đại Hành với con đường bộ do ba vạn dân công thực hiện, dưới quyền điều khiển của Ngô Tử An, khai thông từ nam giới đến châu Địa lý vào năm Nhâm Thìn (992) - quả thực đã là một thứ ý chí được nuôi dưỡng, truyền tiếp không ngừng qua chín đời chúa, được nung nấu ngày thêm kiên cường, mãnh liệt qua một cuộc trường chinh đầy thử thách, gian lao, kéo dài trên hai thế kỷ, để kết tụ ở Nguyễn Ánh sau này, thành một thứ chí khí thiết thạch khả dĩ thắng vượt nguy cơ hầu như tuyệt

vọng và không những cứu vãn được một cơ đồ suy sụp, mà còn từ đó tạo thành một vĩ nghiệp huy hoàng.

Và qua cái quá trình “*Bắc phòng, Nam tiến*” ấy, vùng Phú Xuân, miền cát địa có long mạch ở đồi Hà Khê, có *ái trời trực đất* ở gò Long Thọ^[72] tợ hồ đã là một cái đích nam châm, để trị sở của họ Nguyễn hướng lần từ Dinh, phủ, điện của các chúa cho đến Kinh đô vào thời trung hưng sau này.

Thực hiện cái di chí thiên dinh về Nam trước tiên là Sãi Vương hay Tế Vương - công tử thứ sáu của Thái Tổ Gia Dũ Hoàng đế, tức Hy Tôn Hiếu Văn Hoàng đế (1613 - 1635).^[73] Tương truyền, trước giờ khai hoa mãn nguyệt, Thái Tổ Gia Dũ Hoàng hậu nằm mộng thấy có thần nhân đến bái yết và trao cho một tờ giấy có viết rất nhiều chữ *Phước*. Lúc tỉnh dậy, Hoàng hậu sinh được con trai là Hiếu Văn. Hoàng hậu đã định lấy chữ *Phước* đặt tên cho con, nhưng rồi lại nghĩ rằng nếu đặt như vậy thì chỉ con mình được hưởng phước mà thôi, trái lại dùng chữ *Phước* đặt thành chữ lót thì cả dòng họ sẽ được hưởng phước đời đời. Bèn đặt tên cho công tử là Nguyên, tức Nguyễn Phước Nguyên, và chính cái điềm mộng kiến này với sự suy rộng của một bà từ mẫu đã biến cải Nguyễn tộc của hoàng gia thành Nguyễn Phước tộc kể từ thuở đó.^[74]

Sự kế vị của chúa Nguyễn Phước Nguyên tức Thụy Quận công xét ra cũng thực là thuận lý, hợp tình. Bốn người anh đầu, Nguyễn Hà, Nguyễn Hán, Nguyễn Thành, Nguyễn Diễn đã nối gót nhau, xa chơi miền U Minh, trước ngày Thái Tổ băng hà khá lâu. Người anh thứ hai là Nguyễn Hải thì neo thuyền bể hoạn đã vương mắc ở bến Thăng Long. Lẽ tự nhiên người được chọn để kế vị phải là Phước Nguyên chứ không thể ai khác nữa. Đã thế, Thụy Quận công, ngay từ buổi thiếu thời, đã tỏ ra có nhiều tài đức, xứng đáng để nối được chí lớn, nghiệp lớn của người cha hào hùng từng dày công trấn cứ một vùng lĩnh thổ như Thuận Quảng thuở đó để mở đường cho cơ đồ vương bá về sau. Chỉ ngay cái danh hiệu *Phật chủ* hay Chúa Sãi mà thần dân

thuở ấy đã dùng để tôn xưng Thụy Quận công^[75] cũng đủ bảo chứng được, ở vị chúa quá ngũ tuần này, cái khả năng xứng đáng để kế tục Tiên Chúa trong công cuộc khai cơ hưng nghiệp và giữ vững giềng mối.

Nhưng theo công lệ tự nhiên, một cái nghiệp lớn của hạng người kinh quốc cũng như của hạng kinh doanh thường tự nó đã là tạo đoan, ngay từ lúc đã được hình thành, của mầm loạn nảy sinh trong tình máu mủ, ruột thịt vì sức cám dỗ rất khó tránh vượt của tài lợi hay thế lực, quyền hành. Mầm loạn ấy đã bộc hiện ngay từ đời thứ hai của dòng họ chân chủ phương Nam, một lần với Nguyễn Hạp, con trai thứ bảy, và Nguyễn Trạch, con trai thứ tám của Thái Tổ, và là em cùng cha khác mẹ của Sãi Vương, vào năm Canh Dần, tức năm thứ bảy đời Hy Tôn (1620) và một lần nữa với Nguyễn Phước Anh, con trai thứ ba của Hy Tôn, vào năm 1633^[76].

Hạp và Trạch mưu việc phản loạn, mật ước với Trịnh Tráng^[77] - con của Trịnh Tùng và là chồng của Ngọc Tú, con gái đứng vào hàng thứ mười hai trong số các con của Thái Tổ - sẽ làm nội ứng, một khi Tráng đưa quân đến bờ sông Nhật Lệ. Tráng được mật thư liền hưởng ứng ngay. Nhưng điều đáng tiếc là cả Hạp lẫn Trạch và Trịnh Tráng, vì chóa mắt bởi tham vọng, mà quên rằng những mưu toan lật đổ Sãi Vương vào thuở đó chỉ là một chuyện manh động, không một điều kiện, yếu tố chủ quan hay khách quan nào có thể hỗ trợ hay bảo đảm được sự thành công. Sự kế vị ngôi chân chủ mà Thụy Quận công đã được Thái Tổ dành cho không những hợp tình, hợp lý như đã nói, mà cái tài trị nước an dân của vị chúa này, với sự phò tá của nhiều bậc hiền tài, sau bảy năm trời tại vị, đã được xác định trước mắt trăm họ.

Chỉ nhằm thỏa mãn tham vọng riêng tây, bất chính mà dám phản bội lại cái ý chí của cả một dòng họ - qua sự cấu kết ngay với kẻ thù là Trịnh Tráng - lại dám khinh thường di mệnh của tiên vương không vì một lý do nào khả thủ, bất hiếu, bất đễ và bất nghĩa như thế, Hạp và Trạch làm sao có thể tìm được sự ủng hộ, hưởng ứng của thần dân

thuở đó. Hậu quả đáng tiếc và khó tránh đã xảy ra cho hai anh em phản nghịch là “*cái chết nhục nhã trong xó ngục*” và cho Trịnh Tráng là trên năm nghìn quân, dưới quyền điều khiển của Nguyễn Khải^[78], băng ngàn vượt bể, tụ tập vào nơi “*cát lạnh đất chai, sương mù gió thổi*”^[79] để chờ ngày xâm tính cơ đồ chúa Nguyễn, đã phải cuốn cờ, xếp trống, ngượng ngùng rút lui, tạo cho Sài Vương một cái cơ để khước từ số cống thuế hàng năm.

Hạp và Trạch chết. Quân Trịnh rút lui. Nhưng ngọn lửa bốc dậy từ kho lương làng Ái Tử vào dịp phản loạn nói trên cùng với vụ khước từ việc nạp cống thuế do Trịnh chúa sai người vào đòi hỏi, đã khiến Thụy Quận công, vì sự phòng xa, trước những viễn tượng của một cuộc chiến tranh ác liệt có thể xảy ra, sớm nghĩ đến việc thiên di trị sở. Từ làng Trà Bát, huyện Đăng Xương (Quảng Trị), dinh chúa được dời vào xã Phước An, huyện Quảng Điền, trước đó có tên là Đan Điền - thuộc tỉnh Thừa Thiên, vào năm Vĩnh Tộ Nhị Niên, tức tháng Tư năm 1626. Tới đây dinh được đổi làm phủ. Và, tại trị sở mới, Sài Vương càng quan tâm đến việc tổ chức guồng máy cai trị, tăng cường kế hoạch nội trị, ngoại an, với chủ trương “*mở lưới vơ hiền, giảng chài vét sĩ*”. Lại nhận thấy, về mặt quân cơ, binh bị, lối dụng nhân dưới thời Tiên Chúa có phần câu nệ, hẹp hòi vì các chức vụ như Chưởng dinh, Chưởng cơ, Cai đội^[80] chỉ dành cho người trong vòng bà con của nhà chúa hoặc cho người Thanh Hóa cùng con cháu của họ mà thôi, Thụy Quận công đã cải cách bằng một chính sách rộng rãi hơn, cho mộ thêm những người có sức mạnh, tinh thông võ nghệ ở khắp hai trấn Thuận Quảng, bổ làm thân binh ở các cơ đội, và xét trong số này những người tỏ ra đặc lực, có công đều được lược dụng^[81].

Đã sẵn những bậc hiền tài từng phò tá Tiên Chúa trước kia, ngọn gió “*chiêu hiền*” còn đưa tới cho Thụy Quận công nhiều trang lương đồng, đáng kể nhất trong số này: hoặc có tài lược sáng suốt khá sánh với Khổng Minh, Bá Ôn xưa như Nguyễn Hữu Dật và Đào Duy Từ - một kẻ sĩ ngay trong lúc “*tạm ẩn bóng đợi chờ tri kỷ*”^[82], đã tự tin cái

vốn thao lược gồm tài của mình phải có chỗ đắc dụng và chân chúa có ngày phải cầu hiền, để “*nay tuy tạm trồng rau cuốc đất, nhưng có ngày cò phất trên yên*”^[83], hoặc gan dạ, quả cảm, xứng danh hổ tướng, có thể là “*thuyền khi cần qua sông, mớ muối khi cần nêm canh*” như Nguyễn Hữu Tiến^[84]. Thêm vào sự may mắn này, từ phương xa muôn dặm, những người Tây dương, nhất là người xứ Bồ^[85], ngoài việc đem bán súng điều thương, súng đại bác, vật liệu chế thuốc súng, còn mang tới cho Chúa kỹ thuật chế tạo vũ khí. Nhờ đó, từ ngày trị sở dời vào Phước An cho đến cuối đời mình, Sãi Vương quả đã làm đẹp lòng người cha an nghỉ giấc thiên thu ở núi Thạch Hàn, với rất nhiều thành quả triển khai nghiệp lớn.

Để tăng cường phương tiện chiến đấu, ngoài lò đúc súng do Jao Da Cruz^[86], một người Bồ lai tới Đàng Trong trước năm 1615, thiết lập tại Phường Đúc^[87], một lò thứ hai do lệnh chúa, được tổ chức và bắt đầu hoạt động vào năm Tân Vị (1631) cùng với trường bắn, mã xưởng và tập tượng trường^[88]. Để phòng ngự sức xâm tính tràn vào từ phương Bắc - sau chiến thắng ở bờ sông Nhật Lệ với cuộc đại phá hai trăm chiến thuyền của vua Lê Thần Tông và Trịnh Tráng vào năm 1627, và nhất là sau cuộc tiến chiếm đất Bố Chính, từ Linh Giang về Nam, đặt làm Bố Chính dinh hay Ngõa dinh (dinh ngói) hay Nam Bố Chính châu vào năm 1630, một lũy dài hai nghìn năm trăm trượng (khoảng 10 cây số), cao non một trượng (3 mét), chân rộng hai trượng, tức lũy Trường Dục hay lũy Hồi Văn được xây từ làng Trường Dục, ở chân núi Trường Sơn, chạy xuống tận bãi cát Đông Hải, vào năm Canh Ngọ (1630) và một lũy thứ hai, lũy Thầy, cách lũy Trường Dục hai chục cây số về phía Bắc, về sau được mang tên là Định Bắc trường thành, chạy từ cửa Nhật Lệ đến núi Đâu Mâu, nơi từng nổi tiếng có núi gò hùng vĩ, cao nhọn, có Tiên xuất hiện và có giếng sâu với một con cá thần quái dị. Lũy được hoàn thành vào năm Tân Vị (1631)^[89], dài hơn ba nghìn trượng (khoảng mười hai cây số), cao một trượng năm thước (độ 6 mét), mặt ngoài đóng gỗ lim, bên trong đắp đất, xây

làm năm cấp, xe cộ, voi ngựa có thể qua lại dễ dàng, và cứ cách một trượng có đặt một khẩu súng khóa sơn, cách ba hay năm trượng có xây một pháo đài, đặt một khẩu súng nòng lớn^[90].

So với thời Thái Tổ Gia Dũ Hoàng đế, binh bị, thực lực, công việc chinh đốn nội trị, phòng vệ ngoại an tuy có phần khả quan hơn, ngay cả kế hoạch Nam tiến hầu như cũng đã thu đạt thêm một thắng lợi đáng kể: việc xâm lấn bờ cõi Chân Lạp một cách hòa bình, êm thấm, qua mối lương duyên của Miên vương Chey Choettha với một công chúa Quảng Nam - Công chúa Ngọc Vạn hay công chúa Ngọc Khoa?^[91] Và việc xin đất làm căn cứ ở miền nam Cao Miên và mở đồn quan ải ở Prey-Kor (tức Saigon) cho tiện việc thu thuế^[92], nhưng phủ trị của Hy Tôn ở Phước An thì vẫn chưa được chú trọng nhiều về mặt chính nghi hình thức, chưa có cái bề thế khí tượng đặc biệt của một đô ấp vương giả. Phải chăng cái ấn tượng chẳng đẹp của vụ phản nghịch, dấy khởi từ trong tình cốt nhục của hai người em trai, sự nhị tâm của một đứa con giàu tham vọng đến coi nhẹ cả tình phụ tử, sự dòm ngó, rình rập cơ hội phục thù, xâm tính của Trịnh Tráng sau ngày thay thế Trịnh Tùng, còn hứa hẹn nhiều đe dọa, nhất là từ ngày Hy Tôn đã thách thức một cách công khai bằng chuyện trả lại *sắc thư* trong chiếc mâm đồng hai đáy^[93], đã không cho phép vị chúa cao niên này thành thoi tâm trí để nghĩ nhiều tới việc kiến tạo cung điện và phô trương nghi vệ?

Nhưng chính tất cả những nỗ lực và thành tích hưng nghiệp ở thời Hy Tôn đã chuẩn bị cho cảnh sắc phú thịnh và cái phong khí văn vật của thủ phủ ở Kim Long, dưới thời Thần Tôn sau này.

KIM LONG DƯỚI THỜI NHÂN LỘC HẦU

NGUYỄN PHƯỚC LAN

Thực vậy, khi Nhân Lộc hầu Nguyễn Phước Lan hay Công Thượng vương, tục gọi là Chúa Thượng kế vị Hy Tôn Hiếu Văn Hoàng đế - thọ bảy mươi ba tuổi, ở ngôi hai mươi năm - thì vùng Thuận Quảng đang là thời kỳ hưng thịnh, phú túc, trăm họ vui cảnh ấm no, thanh bình.

Thừa kế đại nghiệp vào năm Ất Hợi (1635), qua năm sau, Nhân Lộc hầu liền cho dời phủ từ Phước An đến làng Kim Long thuộc huyện Hương Trà.

Kim Long nằm trên tả ngạn sông Hương, cách đồi Hà Khê và Thiên Mục tự không xa. Địa thế Kim Long, so với xã Phước An, không những rộng rãi, khoáng dã hơn nhiều, núi sông lại thanh tú, cảnh trí thanh nhã, thơ mộng đẹp như tranh vẽ. Trị sở chúa Nguyễn, với chuyển thiên di này, đã xích lại khá gần cái vị trí lý tưởng của Kinh sư sau này.

Phủ trị tuy đóng tại Kim Long - gần chợ hiện nay - nhưng cảnh sắc, phong khí vui vẻ thì bao trùm cả một địa bàn gồm các xã Phú Xuân, Vạn Xuân, Xuân Hòa và An Ninh, vì lẽ, cùng theo về với chúa, ngoài đám triều thần đông đảo, còn có trên năm sáu nghìn binh sĩ cùng gia đình, thân thuộc^[94]. Vào thời đó, tại địa phương, ở tả ngạn cũng như hữu ngạn sông Hương và sông Kim Long - nay đã bị bồi lấp - vốn đã sẵn có những thôn hoa rậm rạp, đông đảo dân cư, nên sau khi phủ chúa được dời đến, Kim Long càng trở nên trù mật.

Đường, các, dinh thự lần lượt được xây cất. Lầu son, gác đỏ đua nhau mọc lên bên trong la thành của phủ chúa cũng như trong các khu vườn sầm uất của các thượng quan. Vào thời bấy giờ, tuy mái cung,

mái điện, dinh thự, đài, các chùa rặng tủa màu ngói *hoàng lưu ly, thanh lưu ly* - phần nhiều lợp toàn bằng tranh - nhưng cây gỗ quý giá, lối chạm trổ cầu kỳ, tinh xảo, quy mô kiến trúc cũng đã đủ làm cho những du khách, từ viễn xứ đổ về, phải thán phục vì cái vẻ trang nhã, ngoạn mục^[95]. Các loại thảo mộc hữu danh cùng các thứ kỳ hoa trong xứ cũng gặp được vận hội tốt để quy tụ về nơi thủ phủ. Cung điện, dinh thự rợp phủ bóng mát *lệ chi, long nhãn*, càng tôn thêm vẻ trang nghiêm, kín đáo với những hàng *hoàng mộc bút, trắc bách diệp*, hòe, phượng, lê, đào châu hầu bên cửa, trong sân, với sức khoe tươi, phô thắm của những cội hải đường, ngọc lan, tường vi, nguyệt quế cùng các giống cúc, lan đủ loại.

Thêm vào đó, mã xưởng, tập tượng trường cũng được dời về, binh xá của quân sĩ được xây cất, võ khố được thiết lập, núi đất cao trên ba mươi tám trượng, rộng những một trăm năm chục trượng được đắp lên tại bến đò Thanh Phước, để hàng năm, vào tháng Bảy, tổ chức những cuộc thao diễn phép bơi thuyền, bắn súng^[96]. Từ năm 1647, những khoa thi Chính Đờ và Hoa Văn^[97] được mở để thu hút nhân tài trong cõi. Vào những dịp khánh tiết, bóng binh sĩ áo đỏ, nón vàng, súng hỏa mai sáng loáng, xen lẫn bóng những thớt thị tượng cao lớn, mang bành vàng, thắt là lụa, và những chiếc hồng thuyền đỏ thắm màu sơn, những chiếc thuyền sơn son thếp vàng lộng lẫy - tủa rặng ánh vinh quang của những chiến thắng lẫy lừng trên mặt bể cả - thường biểu diễn trên mặt sông Hương, càng làm tôn trường thêm cái phong độ đô phủ của Kim Long.

Chốn đô hội này còn được điểm chuyết thêm cái sắc thái hoa lệ, phong thái xa hoa, do một ngọn gió phóng lãng thổi lên từ phố Thanh Hà. Ở Đàng Trong, các chúa đối với thương khách ngoại quốc, nhất là đối với người của thiên triều, *không áp dụng một chính sách ly cách nghiêm ngặt như ở Đàng Ngoài*. Ngay từ thời Tiên Chúa, các Hoa thương đã được phép lui tới mua bán tại vùng phụ cận Thủ phủ. Khi trị sở của chúa Nguyễn còn đóng lại Trà Bát, thì Dinh Cát là một cảng

khẩu trọng yếu. Nhưng khi trị sở đã dời về Phước An, và sau đó thiên di đến Kim Long, thì thuyền buôn của Trung Hoa lại theo cửa Thuận An, tiến vào cập bến Thanh Hà, vì theo lối này, có tiện cho việc mua bán hơn là chạy vào sông Quảng Trị như xưa. Và sau khi dời phủ về Kim Long, Chúa Thượng đã cho phép tiên hiền trong làng Minh Hương kiến thiết một khu chợ tại nơi giáp giới hai xã Thanh Hà và Địa Linh^[98]. Mặc dù những thương thuyền từ Trung Quốc chạy qua ít khi ghé thẳng nơi này, nhưng phố Thanh Hà, thuộc tỉnh Thừa Thiên, vốn nằm ngay trên một quãng sông Hương sâu rộng, rất tiện cho các thuyền lớn ghé đậu, phải là một cảng khẩu địa phương thuận lợi cho việc chuyển vận, phân tiêu hàng hóa từ Hội An đưa ra và là một cửa ngõ lý tưởng của Kim Long đối với ngoại thương^[99]. Ngoài các phẩm vật đưa sang từ Trung Quốc như tơ sống, đồ sứ, thuốc bắc, giấy tiền, hương đèn, bút chì, sách vở, hàng vóc, bánh kẹo, v.v... đám Hoa thương còn buôn cả nội đồng, mâm đồng của các tàu Tây cập bến Hội An về đây bán lại. Các loại xa xỉ phẩm cũng như sách vở được người dân Kim Long, nhất là hạng quyền quý, tranh nhau mua sắm. Thường dân nơi này, vốn đã từng sống trong cảnh làng chợ đông vui áo cơm dư dật, cũng nhiễm lẫn phong thái xa hoa.

Lẽ tự nhiên đời sống trong phủ chúa, thuở ấy, cũng rạng vẻ kiêu sa, hoa gấm, với những cung cách, nghi phục sắc mùi vương giả. Khách viễn phương, có dịp viếng thăm “Kehue”^[100] thường được đẹp mắt hiếu kỳ vì những y phục rực rỡ, cùng cái văn vẻ, sang hòng của lối trang hoàng bày biện trong phủ chúa cũng như trong các tư dinh của đám thượng quan. Nhã nhạc đã trỗi dậy và những ca nhi, vũ nữ đã thường được xuất hiện trong các buổi yến ẩm tràn ngập hào soạn, dưới mái vương phủ. Nghi vệ được chăm chút càng làm tăng thêm phong thể trọng vọng của bậc chân chủ. Mỗi lúc chúa ngự ra ngoài, trên hai nghìn cận vệ giáo gươm san sát, tàn lọng, cờ xí rợp đất, tạo thành cái thế tiền hô, hậu ủng lẫm liệt, oai phong. Và chỉ để xem mặt bốn nữ tu sĩ người Tây Dương, tình cờ bị trôi giạt vào bờ cõi bởi một cơn sóng

gió bất kỳ, Công Thượng vương đã dùng đến bốn nghìn lính dàn hầu cùng hai đội cận vệ mang gươm bịt bạc, và đã mở tiệc linh đình khoản đãi, có vũ nữ múa hát giúp vui.^[101]

Nếp sống vương giả, nghi thể nghiêm lệ kể trên quả cũng thích nghi và phù hợp với một thủ phủ đang vươn lên trong cảnh thịnh trị do tài kinh bang của một vị chúa hào hoa, đa tình, đa cảm nhưng cũng chẳng thiếu hùng nghị và đồng lược.

Nhưng cũng chính giữa cuộc sống phồn vinh, sung dật ấy, Công Thượng vương đã hai lần suýt bị nghiêng giữa cơ đồ, sự nghiệp, một lần vì sự phản nghịch của một người em và một lần vì cái họa nữ sắc.

Em Thượng Vương là Nguyễn Phước Anh, trấn thủ Quảng Nam, từ lâu đã có ý giành ngôi thế tử. Ngay từ dưới thời Hy Tôn, Phước Anh đã nuôi những mấy trăm đồng sĩ trong nhà và đã hơn một lần âm mưu liên kết với họ Trịnh, nhưng việc bất thành. Khi Hy Tôn mất, Công Thượng vương được kế thừa đại nghiệp lại có ý định thăng Nguyễn Phước Tuyên làm Trấn thủ Quảng Nam. Phước Anh rất đỗi bất bình. Thay vì lo về chịu tang cha, Anh lại dự định cử binh mưu đoạt ngôi lớn. Trong đám tay chân dưới trướng của Anh thuở đó, có viên Ký lục^[102] họ Phạm, vốn là người thân tín của Thượng Vương đưa vào và được giao phó nhiệm vụ theo dõi mọi hành động khả nghi của người em từng đã manh tâm phản nghịch. Ký lục Phạm giả vờ tán thành âm mưu cướp đoạt ngôi lớn, lại đề nghị cùng Anh việc đắp lũy Cu Đê từ núi đến bể phòng chuyện cố thủ và dàn thủy quân ở cửa Hàn để chống cự nếu quân Chúa kéo vào. Bày mưu xong, Ký lục Phạm liền cho người lên về Thượng đô cấp báo với Thượng Vương. Được tin, Công Thượng vương rất đỗi phân vân bối rối. Vốn nặng tình cốt nhục hơn ngôi cao, Chúa đã cho triệu một số trọng thần họp mặt và đã khóc mà phán bảo:

“Phải chăng vì ta còn kém đức nên mới có chuyện đáng tiếc xảy ra. Ý ta muốn nhường ngôi cho bào đệ hầu tránh nỗi đau lòng vì cảnh cốt nhục tương tàn ngay trong cơn tang khó.”

Nhưng đám cận thần nhất quyết không tán thành ý định của Chúa và xin Chúa phải dẹp bỏ tình riêng vì không thể trao cả đại nghiệp vào tay một người vô đạo như Nguyễn Phước Anh. Chương cơ Nguyễn Phước Tuyên liền được lệnh đem quân dẹp loạn. Cai đội bộ binh là Dương Sơn đi đường tắt, đánh thẳng vào dinh trấn Quảng Nam, bắt được quyển sổ “*đồng tâm hướng thuận*” ghi rõ họ tên những người trong đảng của Anh. Nguyễn Phước Anh chạy về ngả cửa bể Đại Chiêm, nhưng sau đó Anh cùng những người có tên trong sổ đồng tâm đều bị giết sạch^[103].

Cái họa phản nghịch dẹp yên. Nhưng sau đó chẳng bao lâu, Công Thượng vương lại vướng vào một cái họa còn nguy hiểm hơn nhiều cho đại nghiệp. Cái họa nữ sắc.

Trong giới nữ lưu được cung dưỡng nơi gác gấm ở Thượng đô thuở đó, xuất hiện một áng đào kiếm cực kỳ diễm lệ. Đó là nàng Tống thị, con gái của Tống Phước Thông. Cha Tống thị từng giữ chức Cai cơ^[104] vào thời kỳ con rể là công tử Nguyễn Phước Kỳ còn làm Trấn thủ Quảng Nam. Sau khi rể quý tạ thế, Phước Thông buồn rầu, thất vọng, đưa cả gia quyến trở về miền Bắc, Tống thị không chịu theo cha trên đường hồi hương. Góa chồng và đã có ba con, nhưng vốn lãng lơ, dâm dật, quen nết gió trăng nên Tống thị vẫn háo hức chuyện mặc xiêm áo của chồng để làm đẹp với người. Đã sẵn cái vốn hương trời, sắc nước, cái tài đưa tình, gợi cảm bằng lối ăn nói rất mực duyên dáng, khôn ngoan, Tống thị còn có một phương thuật chinh phục tình yêu rất nhiệm màu kỳ lạ. Người biết chuyện ở Thượng đô thuở ấy gọi nàng là một “*dâm phụ có râu chuối trăm hoa*”. Thực vậy, với râu chuối kết bằng trăm thứ hoa, Tống thị đã làm cho biết bao người trong giới cao môn, quyền quý phải say mê đắm đuối đến quên cả đạo nghĩa, luân thường, và coi nhẹ cả thanh danh, sự nghiệp. Trong số này, trước tiên phải kể đến Công Thượng vương Nguyễn Phước Lan.

Thực vậy, Công Thượng vương cũng đã phải vướng vào cái mê võng nữ sắc khi tiếp nhận râu chuối trăm hoa của Tống thị, người chị

dâu, dâng tặng. Hương hoa hay nhan sắc của nàng họ Tống đã khiến cho Thượng Vương mê say đắm đuối một người góa phụ đến quên cả thị phi và nghiệp lớn? Cứ theo lời đồn đãi trong dân gian, xâu chuỗi trăm hoa của nàng họ Tống quả có một thứ ma lực rất là quái dị. Vì ngay đến những người chưa từng gặp mặt nàng hay cả những người có ác cảm với nàng, nhưng đã ngửi phải hương thơm của xâu chuỗi trăm hoa do tay nàng kết thành thì tức khắc đắm ra đắm say, mê mẩn, ngày đêm tư tưởng đến nàng, khát khao cái diễm phúc cùng nàng vui vầy ân ái, hướng vọng về nàng như hoa hướng dương tìm bóng mặt trời, như sắt nhớ nam châm, chẳng hạn như trường hợp của Chương cơ Nguyễn Phước Trung sẽ nói đến sau này.

Công Thượng vương ngày càng say mê Tống thị và kể từ năm Kỷ Mão (1639), Tống thị được Chúa cho tự do ra vào vương phủ, được sủng ái, quý trọng và tin cậy đến độ nàng muốn gì Chúa cũng chiều ý, nói gì Chúa cũng nhất nhất nghe theo. Được thế, Tống thị càng gièm sảm đủ điều những kẻ nàng thù ghét, những cận thần dám can gián Chúa, những người có thái độ khinh khi, miệt thị hay không chịu đồng tình, đồng lõa với nàng trong các mưu toan bất chính, ám muội. Về phần Công Thượng vương, vì quá đắm say, mê luyến Tống thị nên ngày càng thay đổi tính tình. Con người hào hoa khiêm cung, hòa nhã ấy chẳng mấy chốc đã trở thành một bạo Chúa nóng nảy, hiếu sát, đam mê thú cung dưỡng bằng thanh sắc, hoang dâm xa xỉ, đắm đuối triền miên trong hoan lạc bên cạnh Tống thị, bỏ bê quốc sự, coi nhẹ xã tắc, sơn hà. Lợi dụng cái thế được sủng ái, Tống thị không những chỉ tìm cách làm giàu bằng sự hối lộ của những người ra vào cầu cạnh, mà còn thẳng tay bóc lột đám lê dân nên chẳng mấy chốc gia sản của nàng đã đứng vào hàng đầu trong giới hào phú toàn cõi. Tiền bạc như nước, vàng ngọc châu báu chất đầy rương hòm, ruộng đất cò bay thẳng cánh. Lũ nạn nhân nếu có kêu rên, than thở, thì chỉ một lời nói của Tống thị, đã bị bọn quân lính, theo lệnh Chúa, bắt bớ giam cầm hoặc đánh đập đến chết, ném thây giữa chợ. Số người chết oan vì Tống thị ngày càng

nhieu, nổi oán hận sôi dậy trong lòng chúng dân tuy phải nơm nớp run sợ, im hơi nín tiếng trước sự đe dọa của những vụ khủng bố kinh hoàng và những cực hình tàn ác. Những lời can gián của triều thần chẳng những không có hiệu lực chút nào mà còn gây thêm cảnh sấm sét, châm ngòi thêm cho những cơn thịnh nộ lôi đình, rước họa cho hạng người trung ngôn. Ngay cả Tổng trấn Tường Quận công Nguyễn Phước Khuê, người từng được Thụy Quận công, trước khi lâm chung, ủy thác mọi việc giải quyết chính sự để giúp Thế tử Nguyễn Phước Lan - còn kém lịch duyệt - và đã từng có công dẹp bọn phản nghịch, cũng chịu bất lực trong sự khuyên lơn, can gián. Thượng Vương, chẳng những bất chấp sự dị nghị mà còn tiến xa hơn trong sự lỗi đạo trị quốc, an dân. Muốn chứng tỏ mối tình keo sơn, bền bỉ của mình đối với người đẹp và cái ý nguyện “*trăm năm cùng huyết*”, Thượng vương dự định xây cất một lâu đài nguy nga để sau này cùng Tống thị vui hưởng tuổi già. Công trình kiến trúc đồ sộ này đòi hỏi rất nhiều nhân công, vật liệu. Do đó, lệnh còn được truyền ra cho khắp các huyện phải cung ứng đủ số thợ thiện nghệ cùng số nhân công và bắt buộc dân chúng, bất luận lớn bé, già trẻ phải lên rừng đốn gỗ, khiêng đá. Tiếng kêu ca, ta thán vang dậy khắp nơi vì nạn sưu dịch nặng nề, khắc nghiệt. Đám triều thần ai cũng căm tức Tống thị và lo thay cho nghiệp Chúa. Ngay giữa lúc ấy, thiên tai lại phát hiện như để báo trước những chuyện chẳng lành cho nghiệp lớn. Hạn hán xảy ra vào năm Tân Tỵ (1641), lúa bị khô cháy. Nạn đói hoành hành nhiều nơi, so với nạn đói năm Đinh Sửu (1637) còn trầm trọng, nguy nan bội phần.

Chường cơ Nguyễn Phước Trung - em Công Thượng vương, con thứ tư của Hy Tôn - người có uy lớn khiến các tướng đều sợ, tính vốn nóng nảy, hung dữ, đối với binh, dân, mỗi khi nhận thấy lỗi lầm, lập tức dùng hèo sắt đánh đến toác thịt, gãy xương, lại thích nuôi chơi các loài độc cầm, ác thú, thả ra chợ cho chúng cướp cá tôm, đuổi cắn người để làm trò vui, nhưng thâm tâm vốn không phải là người xấu,

nên rất bất bình trước tình trạng nheo nhóc của nhân dân và sự lộng hành của Tống thị, đã gọi tên thị ra để mắng nhiếc và đe dọa:

“Đã đến lúc ta phải cho đám ác thú của ta nhai xương, xé xác con mẹ dân phụ họ Tống để trả thù, rửa hận cho sĩ thứ, ta mới thỏa lòng.”

Lời đe dọa này lọt tai Tống thị, nàng sợ hãi vô cùng, và chính nó là tạo đoạn cho một âm mưu kinh khủng của nàng về sau.

Nhưng gỡ được cái họa nữ sắc là cái công của Viên Hiền hầu Nội tán họ Phạm^[105]. Vốn là người cương trực, tiết khái, không thể coi nhẹ cái trách nhiệm của một trang lương đồng trước những đe dọa cho vận mệnh xã tắc mà Thiên cơ đã mặc khái cũng như trước cảnh điêu linh khốn đốn của bách tính. Nội tán họ Phạm, một sớm, đã vào thẳng vương phủ tâu bày:

“Thân chúa, xin chúa thượng hãy chém đầu hạ thần nếu chúa thượng không còn muốn nghe những lời trung ngôn. Kẻ bầy tôi này không thể sống mà chịu tiếng bất trung và chịu nhắm mắt, ngậm tăm trước những chuyện ngang trái đưa tới nhiều nguy cơ cho đại nghiệp mà các tiên vương đã dày công tạo dựng.”

Thái độ quyết liệt của Viên Hiền hầu có gì khiến Thượng Vương sửng sốt, trong lúc Viên Hiền hầu tiếp tục tâu bày: “Kinh nghiệm cổ kim về diêm tối ư kiêng kỵ cho đạo trị quốc là việc xây cung, đắp nền bằng hờn oán của nhân dân, chất chứa kho lẫm bằng máu mỡ của nhân dân. Và lại, phép làm chính trị phải tôn trọng cương thường. Nay chúa thượng vì lòng nịch ái^[106] một phụ nhân dân loạn mà coi nhẹ cương thường nhân luân, buông lỏng giềng mối, gây cảnh điêu linh khốn khổ cho sĩ thứ ngay cả giữa lúc thiên tai, hạn hán đang dấy khởi, lan tràn, thì nhất định cái họa suy vong không thể nào tránh thoát. Là kẻ bầy tôi, trong tình trạng này, nếu không đóng trọn vai trò “*tránh thân*^[107]” để cứu vãn được tình thế, thì chỉ còn có cái chết mới bảo toàn được khí tiết và tránh được sự lỗi đạo ái quốc, trung quân.”

Nghe giọng nói và ngấm thần sắc cùng thái độ của Viên Hiền hầu, Thượng Vương biết rõ là người bầy tôi trung thực này đã có quyết

định dứt khoát, nên khi thấy Hầu vừa rút gươm ra khỏi vỏ, Thượng Vương đã vội vàng bước xuống, giật vội thanh gươm, phán bảo:

“Viên Hiền hầu chớ khá nóng nảy. Chính Hầu đã thức tỉnh ta rồi.”

Và quả đúng như vậy. Tuy đắm lụy nữ sắc, Thượng Vương vẫn còn mang sẵn trong dòng máu cái truyền thống hùng nghị để với mỗi xúc động tâm lý bất thần mãnh liệt - gây nên bởi cái cử chỉ can đảm, hào hùng của một người bầy tôi giàu tiết khái - vụt nhiên tỉnh ngộ và phục hồi lại được cái ý chí thẳng vượt nhược điểm của mình.

Ngay sau đó, để tỏ ý phục thiện và lòng cảm mộ cái gan trung nghĩa hiếm có của Viên Hiền hầu, Thượng Vương liền hạ lệnh bãi bỏ dự án xây cất lâu đài, tổ chức gấp rút công việc chấn tể, và cũng kể từ ngày ấy, mối tình đối với Tống thị ngày càng phai nhạt.^[108]

Sự kế thừa đại nghiệp tuy phải mở đầu với một biến cố chẳng lành hay việc mưu phản của em trai, thêm vào đó, cái họa nữ sắc như vừa nói, nhưng mười ba năm trị vì ở cương vị chân chủ của Công Thượng vương lại là một thời kỳ thịnh đạt, với rất nhiều thành tích vẻ vang gặt hái được về mặt ngoại an cũng như nội trị, nhờ ở sự phò tá tận lực của nhiều bậc hiền tài. Dời trị sở, kiến thiết Thủ phủ, chỉnh đốn tổ chức, mở các khoa thi để tuyển chọn nhân tài, tăng cường binh bị, thao luyện quân sĩ về kỹ thuật chiến đấu trên bộ, dưới thuyền. Nhờ đó, mà đã hơn mấy lần đẩy lui và gây thất bại nặng nề cho quân Trịnh, triệt hạ uy thế của lực lượng hải quân “*chỉ biết sợ có sức mạnh của Trời*”^[109], qua những chiến thắng như chiến thắng năm 1642, làm cho quân Ô Lan (tức Hòa Lan) phải thất điên, bát đảo, và thuyền trưởng Ô Lan, Van Liesvelt, phải tử trận một cách thảm thương; chiến thắng năm 1643 - một võ công oanh liệt của Thế tử Dũng Lễ hầu Nguyễn Phước Tần, tại cửa Hàn - một cuộc chiến đấu oai hùng với cái cảnh “*năm chục chiếc ghe Ô, ghe Chu*^[110], dưới quyền chỉ huy của Thế tử, rượt đuổi vùn vụt như bay trên mặt bể cả, xông xáo vào một chiến thuyền lớn nhất trong ba chiến thuyền của địch - đang cùng hoảng hốt nhắm về hướng đông tìm đường tẩu thoát. Cả đám thủy quân gan dạ, nháy

ào lên, dẫn cột buồm, chặt bánh lái, đứt đứt dây lèo, khiến cho thuyền trưởng và thủy thủ bên địch phải kinh hoàng như đang đứng trước một đoàn âm binh từ đâu dưới thủy cung đột hiện. Túng thế, quân địch phải phá thuyền bằng thuốc súng. Đô đốc Peter Baek cùng trên hai trăm thủy thủ nát thịt, tan xương. Âm mưu cấu kết giữa quân Trịnh và quân Hà^[111] tan vỡ. Trịnh Tráng, sau trên một tháng trời sốt ruột đợi chờ, phải cùng vua Lê ngậm đắng nuốt cay, lui thủi quay về Thăng Long.”^[112]

Và sau cùng là chiến thắng năm Phước Thái thứ sáu 1648.

Chiến cuộc lần này xảy ra là do âm mưu xúi giục của nàng Tống thị. Sóng khuynh thành đã làm dậy khởi cảnh can qua. Nguyên từ khi bị thất sủng, Tống thị càng lo sợ về lời đe dọa của Chương cơ Nguyễn Phước Trung, nên ngày đêm trù kế giữ mình, và để tìm cách thoát khỏi nơi hang hùm nọc rắn, Tống thị đã nghĩ đến chuyện mượn tay họ Trịnh để gây cái họa nghiêng ngửa cơ đồ cho dòng họ chân chủ phương Nam. Nàng bèn viết một bức mật thư kèm theo một xâu chuỗi trăm hoa do chính tay nàng kết thành, sai người tâm phúc mang ra cho thân phụ nàng để dâng lên chúa Trịnh. Trong thư, Tống thị khẩn thiết thỉnh cầu Trịnh Tráng sớm cất quân vào tiến đánh Thuận Hóa và nàng sẽ nguyện đem hết gia sản lớn lao của mình để lo việc quân lương. Cuộc Nam phạt thành công nàng sẽ xin về Đàng Ngoài để hầu hạ Chúa. Trịnh Tráng xem thư đã thích trí lại nghĩ đến xâu hoa, tự dưng cảm thấy tâm thần xao xuyến, càng nhìn nét bút càng tư tưởng đến mỹ nhân ở một phương trời, đâm ra thương mến, nhớ nhung và nôn nóng được sớm thấy dung nhan, vui vầy cá nước, bèn gấp rút chuẩn bị cuộc Nam chinh để làm đẹp lòng Tống thị.^[113]

Một phen giáp chiến, quân Nguyễn thua to. Quân Trịnh tiến đóng ở đồn Võ Xá. Nhưng rồi với đại binh của Thượng Vương đóng ở trại Toàn Thắng^[114], với sự cầm cự anh dũng của Trương Phước Phấn và con là Trương Phước Hùng để giữ vững lũy Trường Dục - lũy được mang thêm cái tên Phấn Cố Trì kể từ ngày ấy^[115], với cái khí thế nhỏ

núi, đập thành của quân tiếp viện thiện chiến và một trăm thớt voi dũng mãnh, dưới quyền điều khiển tài tình của Thế tử^[116], với cái quyết tâm của các tay hổ tướng như Nguyễn Hữu Tiến và Nguyễn Hữu Dật, quân Nguyễn đã lật ngược thế cờ, giành phần toàn thắng, đúng như lời tiên đoán của bà lão dâng đậu Trường Xích cho Thượng Vương, khi quân lính của Chúa vừa hạ trại ở làng Trung Chi.^[117]

Chiếm Nam Bố Chính, đóng trại ở Võ Xá, hạ được Lũy Thầy, quân Trịnh đã chắc mẫm diệt tan quân Nguyễn, nhưng rồi bất ngờ lại bị đánh tan tành không còn manh giáp, bị đuổi chạy đến tận Linh Giang, Trịnh Tráng thêm một phen vỡ mộng xâm tính Thuận Quảng, và, đám tàn quân của họ Trịnh cũng thêm một lần được chiêm nghiệm thấm thía ý nghĩa của câu ca: *“Nhất khả kỳ hề Động Hải Trường lũy, nhị khả kỳ hề Võ Xá nê điền”*^[118]. Và, cũng như chiến thắng trên sông Ái Tử xưa kia đã cống hiến cho Tiên Chúa một số binh sĩ đầu hàng đông đảo để thực hiện công cuộc khẩn hoang quanh vùng Cồn Tiên, chiến thắng 1648, cũng mang lại cho Công Thượng vương trên ba vạn binh sĩ quy hàng để thực hiện công cuộc khẩn hoang, lập ấp, trên dải đất đai chạy từ phủ Thăng Bình và phủ Điện Bàn đến tận Phú Yên.^[119]

Phủ trị Kim Long lại được dịp phô bày cảnh sắc hoa gấm để đón tiếp Công Thượng vương và đoàn quân chiến thắng. Nhưng tiếc thay, tin mừng vừa loan thì tin buồn cũng được vó ngựa truy phong mang về cấp báo. Vì trên đường khai hoàn, Công Thượng vương, tức Thần Tôn Hiếu Chiêu Hoàng đế, đã băng hà khi thuyền đang vượt phá Tam Giang, vào ngày mồng sáu tháng Hai năm Mậu Tý (tức mười chín tháng Ba năm 1648), thọ 48 tuổi, ở ngôi được 13 năm.

Được tin buồn cấp báo, Kim Long buồn rú băng tang.

Chúa chết vì bạo bệnh hay vì sự đầu độc do Tống thị chủ mưu để giành ngôi cho con mình? Đó là một nghi vấn được nêu ra, nhưng sử văn chưa giải đáp thỏa đáng.

NGUYỄN PHỦ Ở KIM LONG DƯỚI THỜI HIỀN VƯƠNG

Nhưng sau những ngày tang khó, Kim Long lại thu hồi cảnh sắc trù phú, phồn vinh, để tiến triển thịnh đạt hơn, qua bảy năm trời yên bề lặng, lửa dập, khói tan, kể từ trận thảm bại của quân Trịnh nói trên.

Mức phú túc của đám dân thị tứ ngày càng tăng tiến, và, theo với cái đà thăng hoa này, phong thói xa xỉ, nề nếp đài các, phong lưu, cái văn vẻ của nền giáo hóa thiện hạnh chớm nở, lần hồi ăn sâu từ các giới quyền quý đến tận các tầng lớp sĩ thứ, đồng thời lan rộng cả một vùng thôn hoa, lục dã, ít nhất là từ Kim Long đến tận phường Phú Hòa bên tả ngạn sông Hương hiện nay, đổ xuống thấu ranh giới Địa Linh, Thanh Hà, và ở phía hữu ngạn, tới mạn Phú Cam cùng các khu vực ven sông của những phường Phú Ninh, Phú Vĩnh.

Ngọn gió ngoại thương càng mang thêm về nơi này - qua sự chuyển vận, phân tiêu^[120] của thương khẩu Thanh Hà - nhiều loại hóa phẩm ngoại lai quý lạ, để đánh động thị hiếu của đám người phồn hoa dư ăn, thừa để, do những thương thuyền từ các xứ Âu châu, hoặc từ Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, hay từ Phi Luật Tân, Malacca đổ về Hội An^[121], một mã đầu^[122] lớn về thời đó. Tơ lụa, gấm vóc, sa đoan, đồ sành, đồ sứ, đồ đồng, họa phẩm, đao kiếm, giày, bút tất, các loại rượu và hào soạn, thuốc men cùng các chất bổ dưỡng hiếm lạ.

Cũng vào thời bấy giờ, một vài thứ công nghệ trong xứ đã bắt đầu phát triển, đáng lưu ý nhất là nghề dệt các thứ hàng quý như: *thái đoan*, *sa lãng*, *cấm trừu* cùng các loại *hàng có hoa*. Viễn tổ của các phường dệt nổi tiếng thuở đó là người phủ Thăng Hoa, thuộc Quảng Nam dinh^[123]. Hội An, như vừa nói, là một mã đầu lớn có sức quyến rũ khá mạnh đối với bọn thương nhân từ phương xa tới. Mà sức quyến

rũ của Hội An lại chính là sức quyến rũ của nguồn thổ sản sung thiệm ở Quảng Nam dinh, một vùng mà Lê Quý Đôn đã từng cho là “*một xứ phì nhiêu bậc nhất trong thiên hạ*” và một thương khách họ Trần, người Quảng Đông, từ Trung Quốc qua, đã phải nhìn nhận rằng: “... *buôn ở Quảng Nam thì trăm thứ chẳng thiếu hàng gì, các phiên bang chẳng nơi nào sánh kịp.*”^[124]

Của núi, của rừng cống hiến thì có: trầm hương, tốc hương, sáp ong, mật ong, dâu sơn, cây gõ, sừng tê, ngà tượng; của sông, của bể cung cấp thì có: cá, muối, đồi mồi, hạt trai; của đất đai thết đãi thì có: lúa, kê, đường, chè, hạt cau, hồ tiêu^[125], toàn là những loại sản phẩm đáp ứng đúng sự thèm khát của những lòng thuyền cầu tài, cầu lợi từ mười phương viễn xứ đổ về. Cho nên rất sớm, kể từ buổi đầu thế kỷ thứ mười bảy, Hội An đã mở rộng cánh tay “chiêu khách”, đón tiếp các thương thuyền Âu châu, và sớm hơn nữa, từ cuối thế kỷ thứ mười sáu, Hội An đã là nơi tới lui, lưu trú của các thương gia Nhật Bản, Trung Hoa, nhiều nhất là Trung Hoa, với những thương thuyền Phúc Kiến cập bến khá tấp nập, kể từ mùa xuân Vạn Lịch thứ năm (1577)^[126]. Nhờ có sự tiếp xúc, chung đụng sớm sủa như thế với đám người thiên triều, mà một số người địa phương ở Quảng Nam dinh đã học được nghề dệt các thứ hàng quý nói trên. Vì sẵn óc thông minh, sẵn có xảo tú^[127], lại giàu đức tính cần cù, chịu khổ công tìm tòi học hỏi cái khôn, cái khéo của người nên “*người phủ Thăng, phủ Điện dệt được các thứ the đoạn, lụa là hoa hòe, tinh xảo chẳng kém gì hàng Quảng Đông*”^[128], và đời này qua đời khác, truyền cho con cháu, phổ biến ngày thêm sâu rộng. Cả một vùng Thuận Quảng, dưới thời Dũng Quốc công^[129], đã có rất nhiều phường dệt lừng danh trong cõi. Ngay ở Thuận Hóa, gần Nguyễn phủ, có phường dệt Thái Nghệ, ở mạn sau Phú Cam, trong địa phận các làng Sơn Điền, Dương Xuân, Vạn Xuân, số thợ có tới non năm trăm người, chuyên sản xuất những loại *cắm trều, sa đoạn* đẹp nổi tiếng. Lại có làng Quang Xuyên, dân làng rất thiện nghệ về lối đan mũ mã vĩ, hay đan những con rồng, con phượng,

các kiểu vạt thò, tam sơn, bát bảo cùng các thứ hoa để chế khăn đạo sĩ, trông thấp thoáng như sa huyền^[130]. Ngoài ra, ở huyện Phú Vinh - nay gọi là Phú Vang - có nhiều thợ thêu hoa vào cổ áo phụ nữ và các túi đựng trà bằng hàng, gấm, đường nét thêu thùa trông thật tinh xảo. Cũng tại huyện này, lụa vàng, lụa trắng của làng An Lưu sản xuất rất được hạng giàu sang ưa chuộng.

Tơ lụa trong xứ sản xuất đã nhiều, nghề dệt lụa và hàng quý lại rất phát đạt, thợ thêu, thợ may khéo léo, nên lối ăn mặc của đám thị dân thị tứ thuở đó thực là diễm lệ, xa hoa. Ở Kim Long, hạng quyền quý “quần áo may thuần gấm vóc. Những người sắc mực ở dân gian, quần áo mặc thường cũng thuần sa đoạn chứ mặc áo vải thì lấy làm xấu hổ.”^[131] Đến như nếp sống hàng ngày, thì cái phong khí xa xỉ, hào phóng quả đã tạo thành một trào lưu đua đòi từ trên xuống dưới, bày ra cái cảnh tượng “phượng hoàng đua, bìm bịp cũng đua”. Chẳng những hạng quan quyền đua tranh nhau khoa trương vẻ phú quý, sang trọng “nhà cửa chạm trổ, thêm đá tường xây, chặn màn toàn bằng sa đoạn, vung nôi thuần bằng đồng thau, sập ngò, ghế tựa, mâm sứ chén hoa, yên cương ngựa nạm thuần vàng bạc”^[132], mà đến hạng lính tráng cũng nhiễm nặng thói phong lưu, trưởng giả, cũng “ngồi chiếu mây, ghế tựa”, cũng nghiền cái thú thưởng thức trà Tàu bên cạnh đỉnh trầm nhẹ tỏa khói thơm, cũng dùng chén sứ bịt bạc, ống nhổ bằng thau^[133]. Hầu hết các thứ vật dụng tiện nghi sang trọng đều do Hoa thương cung cấp. Đàn bà con gái thì chăm chút tô điểm, chưng diện “áo quần toàn bằng tơ lụa, cổ áo thêu hoa, coi tiền bạc, thóc gạo rẻ như bùn”^[134]. Cái cảnh “thương mãi giời sơn phấn, quân dân diện áo xanh, khăn gấm đựng trà, chân hoa trỏ bước”^[135] thường đập vào mắt Đại Sán Hán Ông^[136] dưới thời Quốc Chúa Nguyễn Phước Châu sau này, có thể đã rất thịnh hành, phổ biến dưới thời Dũng Quốc công. Đàn bà, con gái Kim Long, vì đó, từng nổi tiếng quyến rũ, lẳng lơ, quen nét gió trăng, hoa liễu một thời. Cái di phong ấy còn kéo dài mãi về sau, để một nhà vua si tình - chừng như vua Thành Thái - đã đắm

say đến độ quên mình đường đường là một đấng chí tôn trên ngôi cửu ngũ, lén lút vì hành vi lên xuống nhiều lần, làm nảy sinh trong đám dân gian một câu ca dao đầy giọng phúng thích sâu cay: “*Kim Long lắm gái mỹ miều, Trầm thương, trầm nhớ, trầm liêu, trầm đi.*”

Phong thái sinh hoạt của Nguyễn phủ, vào thuở đó, lẽ tự nhiên, càng tăng thêm vẻ xa hoa, nghiêm lệ.

Công cuộc khai hoang, dinh điền phát triển, quan thuế cũng như sự đổi chác các loại *hồ tiêu, vẩy cá, trầm hương, yến sào* cho bọn khách buôn ngoại quốc để lấy hàng hóa, mang lại cho Nguyễn phủ một nguồn lợi không nhỏ. Công khổ đã sung dật, các vật liệu, tiện nghi cần thiết cho nếp sống vương giả và triều nghi lại được cung cấp dồi dào hơn trước bởi đám Hoa thương. Thổ sản ngự tiến từ các vùng xa đổ về Kim Long thực chẳng thiếu gì của ngon, vật lạ. Thuế lụa Quang Lăng ở Quảng Nam dinh, thuế vải trắng Thanh Hà ở Quảng Ngãi, thuế gấm ở Thuận Hóa, và các loại *châm kim đoạn, hồng phương ty, bạch phương ty, hồng sơ, bạch quyển hoa lăng* do các Cai bạ tàu^[137] dâng nộp vào các ngày chính đán^[138], lễ lạc, hay do thương thuyền Trung Quốc thường mang từ Hội An tới, làm trội thêm vẻ hoa mỹ, thanh lịch, kiêu sa của lối phục sức trong phủ chúa. Thêm vào đó, còn có sự phục vụ rất tận tâm và đặc lực, vào những dịp khánh điền, của dân xã Minh Hương hay bọn khách buôn ở phố Thanh Hà, vốn là những người rất thành thạo, khéo tay về các công việc thường được Nguyễn phủ trao phó, như trang trí, trần thiết, xe đèn sáp, viết liễn đối, bày biện cỗ bàn, yến tiệc v.v...^[139]

Giữa cuộc đời “*rồng bay, phượng gáy*” ấy, Dũng Lễ hầu Nguyễn Phước Tần - công tử thứ hai của Thần Tôn, một vị thế tử thanh niên anh hùng, mới hai mươi chín tuổi, từng lập nhiều võ công oanh liệt trên bộ cũng như dưới thuyền, lúc Thần Tôn còn tại thế - sau khi thừa kế đại nghiệp, có thể vì quá say sưa với cảnh vinh quang, chiến thắng vừa thâu đạt, tưởng mình đã có quyền được nghỉ nhiều đến sự hưởng thụ các thú vui chơi hoan lạc, nên đã có lúc nhắm mắt, buông mình,

đảm đỏi trong nguồn ma lực của nữ sắc, đến độ xao nhãng cả di chí hưng nghiệp của các Tiên vương.

Chuyện chẳng lành ấy hầu như đã xảy ra vào năm thứ tư đời Dũng Quốc công, khi giữa đám ca nhi trong Nguyễn phủ đột nhiên xuất hiện một ngôi sao sáng chói.

Nàng Thừa hay ngôi sao ấy - một áng đào kiếm trổ sinh ở đất Nghệ An - vốn có một thứ diễm sắc thanh quý, lộng lẫy mười phân vẹn mười, và hào quang của nó đã làm tái nhợt lu mờ tất cả mọi vẻ thanh tân, mỹ tú của đám phi tần dày công trau luyện sắc, duyên. Cho nên Dũng Quốc công, một phen vừa giáp mặt và được thưởng thức tài nghệ, đã đem lòng sủng ái. Thế rồi, tiếng đàn ngọt hát hay phối hợp với cái mãnh lực ma túy của sóng khuynh thành, đã lôi cuốn một vị chân chủ anh hùng, minh mẫn như Dũng Quốc công vào giữa cái mịt mờ của đám mê vân sắc dục.

Nhưng với cái vận số đang lên, cái thế thăng tiến đang phấn phát, nghiệp lớn của họ Nguyễn vẫn còn mang sẵn những yếu tố khả dĩ giúp nó thoát vượt được những cạm bẫy làm đổ nát cơ đồ. Một ưu điểm rất may mắn của các chúa Nguyễn là, để đáp ứng nhu cầu nhân sự cần thiết cho công cuộc khai quốc, Nguyễn phủ đã có một chủ trương chiêu nạp hiền tài sâu rộng, không hề câu nệ về đẳng cấp, dòng dõi, quốc tịch, ngay trong đường lối tiến cử cũng như về đường khoa cử, và, để chứng tỏ tinh thần trọng dụng người hiền, đã tỏ ra rất hào phóng về tước lộc, áo mũ, cân đai. Trong đám người phò tá vì thế không thiếu những hạng có tài kinh luân, mà cũng không hiếm gì những hạng nghĩa khí, trung trực, có can đảm nhẹ xem tính mệnh để đóng vai "*tránh thần*", mỗi lúc xét ra cần thiết. Cũng như Viên Hiên hầu Nội tán họ Phạm trước kia đã dám can ngăn Chúa Thượng, một cự thần - có thể là Chương dinh Nguyễn Cửu Kiều - một hôm, đã thẳng thắn gửi những lời can gián, vạch rõ cái họa nữ sắc nguy hại cho vận mệnh đại nghiệp như thế nào, và khẩn thiết yêu cầu Dũng Quốc công phải sớm xa lìa con đường sắc dục, thu hồi tất lòng sủng ái từng

dành cho ả ca nhi xứ Nghệ. Dũng Quốc công nghe xong cả giận, và, trong một phút thiếu tự chủ vì cơn lôi đình, thịnh nộ, đã đập bàn, xẵng giọng phán bảo:

- Ta đã từng nằm gai nếm mật để bảo vệ cơ đồ, đến nay giềng mối vững vàng, trăm họ an lạc, há ta chẳng có quyền được cung dưỡng bằng cái vui thanh sắc, yến ẩm hay sao?

Tiếng nói của Chính khí đâu có chịu chùn bước trước cái uy sấm sét trên chín bệ cao:

- Thân chúa, cung dưỡng bằng ca vũ, yến diên^[140] để thỏa cái thích tình của ngũ quan không hẳn là điều kiêng kỵ đối với quân đạo. Nhưng quá buông lung theo sở thích, mê đắm từ sắc đến độ lãng quên trọng trách trị quốc, an dân, cố kim chưa hề tránh được cái họa nghiêng đổ giềng mối. Vùng Thuận Quảng này mặc dù là nơi *hổ ngồi, rồng nằm*^[141], quân Trịnh mặc dù bị thảm bại phải tạm nguôi ngoai tham vọng xâm tính, nhưng nếu vì đó mà kỷ cương buông lỏng, pháp lệnh bỏ bê, thì cái cơ suy vong chẳng mời gọi cũng tự nhiên tìm đến. Gương Oai Mục Đế và Tương Dực Đế^[142] đâu đã phai nhòa, mai một, chúa thượng há sớm quên sao?

Và quả tiếng nói của Chính khí đã gây được cái tác dụng của một hồi chuông cảnh tỉnh. Nó làm sống dậy trong tâm tưởng của một vị chân chủ những gì cần chiêm nghiệm như một bài học lịch sử quý báu cho hạng người trị quốc. Hình ảnh cung điện dọc ngang trên trăm sở, đài cao đến chín tầng, hình ảnh những chiếc long thuyền vàng son chói lọi, đủng đỉnh rẽ nước Tây Hồ rạng tỏa gấm sen, với những kiều nữ phô diễn vóc ngọc thân ngà lộ liễu, trần truồng, uốn lượn đường cong, nét mềm thanh tú theo nhịp mái chèo và ca nhạc, đi liền với hình ảnh một hôn quân dâm dăng bị phanh thây, xé xác trước họng thần công, hình ảnh một bạo chúa đắm đuối giữa bể truy hoan bị hạ sát một cách thảm nhục tại Bích Câu và xác bị ném vào lửa đỏ... vụt nhiên hiện ra, sống động, trước mắt Dũng Quốc công. Những lời trung ngôn chưa hẳn đã vui tai, nhưng trong men nồng của rượu quý, trong cái

mãnh lực quuyến rũ của thanh sắc đã nghe có thoảng qua những gì khác lạ. Và, đêm hôm ấy, chẳng biết bàn tay hữu ý nào đã đặt trên án thư một tập sử tích “*Ngô Vương*”^[143]. Cảo thơm lần giở trước đèn, Dũng Quốc công hốt nhiên tỉnh ngộ. Và cuộc phản tỉnh cam go, đau xót, đã đưa tới một quyết định tàn nhẫn, nào nùng.

Tựa cửa lầu khuya, hướng nhìn về phía núi Thạch Hàn xa xăm, và sau những phút vô biên trầm ngâm tư lự, Dũng Quốc công thở dài những cương quyết:

- Chính kẻ đã can gián ta sẽ có đủ quyết tâm để thi hành ý định của ta.

Sáng hôm sau, nàng Thừa - người đẹp được sủng ái - thể theo mỹ ý của Dũng Quốc công, mang đến tận nhà vị Chưởng dinh họ Nguyễn một bộ triều phục mới tinh. Vui vẻ tuân hành mệnh lệnh, con người đáng giá nghìn vàng ấy có biết đâu rằng: gót sen, một khi đã tiến về phía tư thất của Chưởng dinh Nguyễn Cửu Kiều, là sẽ phải tiến thẳng vào thế giới u linh. Vì, hỡi ôi! Bức mật thư mà Dũng Quốc công đã lồng vào tay áo của bộ triều phục do nàng mang đến là một mật lệnh ủy thác cho Chưởng dinh họ Nguyễn cái nhiệm vụ kết liễu đời nàng bằng một thanh gươm sắc bén^[144]. Vụ hành quyết âm thầm, tàn nhẫn ấy đã xảy ra tại nơi nào trong vùng Hương Ngự? Không có sử văn ghi chép rõ ràng. Nhưng trong lòng thuyền lạnh lùng cô tịch, giữa cảnh sương mờ, trăng xế, trên mặt sông Hương, mỗi lúc nhắc lại câu chuyện “*phong tình cổ lục*”, du khách như có thể còn nghe oan hồn của khách hồng nhan bạc mệnh, rũ tóc sầu, ôm ngực huyết, khóc than đâu đó bên cầu Bạch Hồ hay trên cồn Dã Viên.

Nhưng vụ nàng Thừa vừa giải quyết xong với mối ly sầu huyết lệ, thì một đại biến lại xảy ra vì một phụ nhân gian hoạt là nàng Tống thị.

Thất bại trong âm mưu năm Mậu Tí, Tống thị càng thêm lo ngại cho thân phận của mình. Nhưng vốn thông minh, giáo hoạt, có tài quyền biến, Tống thị liền nghĩ đến cái kế mê hoặc, lung lay ngay cả con người trước đây từng thù ghét và muốn diệt trừ nàng: Trung Tín hầu

Nguyễn Phước Trung. Mượn tay họ Trịnh để trả thù không xong, nàng họ Tống lại muốn mượn tay chú của Dũng Quốc công để rửa hận và phá hoại cơ đồ họ Nguyễn.

Thực là cả một chuyện mạo hiểm, nhưng Tống thị vẫn dám nghĩ, dám làm vì nàng vững tin ở sắc đẹp và cái thuật quyến rũ bằng râu chuỗi trăm hoa.

Bèn chọn một nữ tì duyên dáng, lanh lợi nhất - nàng Hoa, bày dạy cung cách phục dịch đúng theo khuôn phép ở chốn cao môn rồi nhờ người thân tín đưa vào hầu hạ trong dinh Trung Tín hầu. Trước khi vào dinh, Hoa đã được Tống thị dặn dò tỉ mỉ những điều cần thực hiện. Điều quan hệ là phải gây được lòng tin yêu và tìm hiểu sở thích của hầu.

Hoa quả đã đáp ứng được điều mong muốn của nàng họ Tống. Chỉ một thời gian ngắn, Trung Tín hầu đã phải chú ý đến Hoa và cho nàng chuyên giữ công việc hầu trà, chuốc rượu, sớm hôm gần gũi bên mình.

Đã biết Trung Tín hầu mỗi khi dùng trà thơm thường có thói quen thích dùng đồ ngọt, Hoa tin ngay cho Tống thị, và, một sớm, sau khi đã chuyên trà thơm vào chén, Hoa bưng lên, đặt cạnh khay trà một quả bánh khô rất đẹp và, cùng với quả bánh, một râu chuỗi trăm hoa cực kỳ ngoạn mục.

Trung Tín hầu nhìn quả bánh, trầm trồ ngợi khen và khi ăn thử mấy cái, càng thấy khoái khẩu, vì hương vị của bánh thực là đặc biệt, khác xa với các loại bánh từng dùng xưa nay. Vừa thưởng thức, Trung Tín hầu vừa gật gù连连:

- Ngon lắm! Ngon lắm! Và lạ thực! Cái tài bánh trái đến như thế này thì quả là tuyệt diệu.

Rồi nhân lúc khoái trá vì hương vị của trà quý, bánh ngon, Trung Tín hầu vui tay cầm lấy râu hoa ngắm nghía. Ngắm mãi không chán, hầu lại ngửi qua hương thơm. Bất giác, lòng nghe bồi hồi, rung động và tự dưng đâm ra khát vọng được trông thấy dung nhan của người tặng bánh, tặng râu. Hầu liền gọi Hoa, căn vặn dập dồn:

- Bàn tay nào đã kết chuỗi hoa này? Đã làm ra những chiếc bánh này? Ta muốn biết rõ để đáp lại tấm thịnh tình đáng quý.

Hoa làm ra vẻ bối rối, run sợ rồi khép nép thưa:

- Kính xin Đức ông tha cho tội chết, con mới dám thưa.

- Sao vậy? Sao lại tội chết...? Ta chẳng bắt tội đâu mà sợ, nói đi.

- Thưa Đức ông, vì người dâng hoa, dâng bánh không xứng đáng được Đức ông biết tới. Con chỉ nhận quà để dâng lên chỉ vì biết Đức ông thích món này và biết bánh trái của kẻ ấy làm thì cái khéo, cái ngon không có tay nào có thể sánh kịp.

- Nhưng tại sao lại không xứng đáng được ta biết tới. Ta cần biết người ấy là ai? Ta cần biết ngay, mà phải nói ngay.

Hoa trộm liếc nhìn Trung Tín hầu, ấp úng giây lát, rồi hạ thấp giọng:

- Thưa... đó là người từng ước mong được làm hoa hướng dương để châu vàng nhật là Đức ông, nhưng đã phải ôm một mối khổ hận từ lâu, vì chẳng những nỗi lòng thầm kín đã không được bóng huy quang soi thấu, mà còn phải chịu nhiều điều sàm báng của bọn người ác khẩu để bị hiểu lầm, ngộ nhận và phải lâm vào cái thế bơ vơ qua bao cảnh hồ chọi, rông tranh...

Trung Tín hầu tỏ vẻ cảm động, kinh ngạc kêu lên:

- Thực sao? Nhưng kẻ ấy là ai? Ta muốn biết tên, biết mặt. Ta muốn gặp ngay. Mà phải nói mau.

Hoa cúi đầu, hạ giọng, thưa nhỏ cho Hầu biết kẻ đó chính là nàng Tống thị. Và, lạ lùng thay, vừa nghe đến tên nàng, Trung Tín hầu đã hớn hở mặt mày:

- Tống thị! Tống thị! Trời ơi, ta muốn gặp nàng. Ta muốn tin ngay cho nàng biết là nàng phải sớm gặp ta. Mà nghe rõ chưa. Đi gặp, tin gấp.

Ngay tối hôm ấy, Tống thị trang điểm cực kỳ lộng lẫy, theo Hoa mà lên vào dinh. Một phen gặp gỡ, cái nhan sắc kiều diễm, lối phục sức

chải chuốt, thanh lịch, cái phong vận yếu điệu, thanh tân của nàng đã gây cho Trung Tín hầu cái ảo giác như đang đứng trước một giáng tiên vừa đội trắng sa, rẽ khói sương mà đến. Thi lễ xong, Tống thị khép nép thưa gửi:

- Trước kia, tiện thiếp vì khiếp sợ uy danh của bậc cao minh quân tử mà phải ẩn lánh, nay lại cũng vì nể sợ uy danh mà xin tìm đến khấu đầu dưới trướng.

Nhớ lại chuyện cũ, Trung Tín hầu vội vàng tạ lỗi. Và đêm hôm ấy, với cái thuật ái ân “*tía rụng, hồng rơi*”, Tống thị đã chinh phục được lòng nịch ái, đắm say của một võ quan hung bạo từng coi nàng như một loài yêu quái cần phải diệt trừ.

Và những gì phải xảy ra, đã xảy ra, đúng theo kế hoạch dự liệu của nàng họ Tống. Trung Tín hầu nghe theo lời nàng, xuất tiền kết nạp dũng sĩ, ngầm ngầm chuẩn bị một trận tập kích vương phủ vào khoảng tháng Tư năm Giáp Ngọ (1654). Những người gia nhập đảng của Hầu và Tống thị đều được ghi tên vào một sổ bộ do Tống thị cất giữ.

Nhưng thiên bất dung gian. Trong đám thuộc hạ của Trung Tín hầu, có tên Thăng Bối, khi biết được mưu đồ dấy loạn này liền mật báo ngay với Dũng Quốc công.

Được tin mật báo hôm trước, thì ngay sáng hôm sau, lệnh từ vương phủ được ban ra bắt thần, cấm chợ búa không được họp, đường sá không cho người được đi lại. Khắp nơi từ điền dã đến sơn khê, binh cũng như dân, nam nữ, lão ấu tuyệt đối phải ở yên tại chỗ. Và trong lúc đó, tại Thượng đô, quân lính kéo tới bao vây dinh Trung Tín hầu, bắt hết người nhà, giam cầm, xét hỏi, Trung Tín hầu Nguyễn Phước Trung, không còn chạy chối ngả nào, phải cung khai sự thực.

Vì Trung Tín hầu là chú, nên Dũng Quốc công không nỡ nào khép vào tội chết, chỉ giam cầm ngục thất mà thôi. Nhưng rồi Hầu cũng chết trong ngục thất. Tống thị lần này quả đã đến bước đường cùng và phải đền tội một cách xứng đáng với những ác họa do thị gây ra. Thị

bị chém và bêu đầu giữa chợ. Và theo lệnh Chúa, gia tài lớn lao của thị được đem cấp phát cho quân, dân trong vùng.^[145]

Sau khi Trung Tín hầu đã bỏ mình trong xó ngục và Tống thị đã gửi hồn theo bóng kiếm, có người bắt được, ngay tại nhà nàng, sổ bộ ghi tên tất cả những người tham dự cuộc mưu phản của Trung Tín hầu, đem dâng cho Chúa. Nhưng thay vì khai thác để thanh trừng, Dững Quốc công đã cho đốt đi.^[146] Cử chỉ khoan hồng này của Chúa đã gây một cảm kích rất sâu xa trong đám bề tôi cũng như trong các tầng lớp chúng dân.

Cái họa nữ sắc được chặn đứng kịp thời, mầm phản loạn được hủy diệt ngay trong trứng nước, Dững Quốc công như người tỉnh mộng, càng tỏ ra xứng đáng hơn trước trên cương vị chân chủ phương Nam.

Bảy năm hưu chiến giữa Nam Bắc thay vì trôi qua hoàn toàn trong cảnh an nghỉ vui chơi, đã được Dững Quốc công, sau cơn hồi ngộ, khai thác đủ mọi lợi thế để chinh đốn nội trị, ngoại an và xúc tiến công cuộc mở mang bờ cõi. Qua gần bốn chục năm trời tại vị, Dững Quốc công hay Thái Tôn, Hiếu Triết Hoàng đế quả đã đáp ứng đúng kỳ vọng của các đấng tiên vương, nhất là của Tiên Chúa, từng đặt để ở những người kế thừa đại nghiệp.

Trong phủ chúa, sự kiệm ước được thay thế cho những phong thái xa hoa, lãng phí. Các công tác tu trúc lâu đài, cung thất cũng được hạn chế đúng mức.

Để phòng vệ biên cương cho hữu hiệu, Cai suất đại viên và binh đồn trú được đặt thường xuyên tại Lưu đồn đạo hay Dinh Mười (Thập Dinh)^[147], lũy Trấn Ninh và lũy Sa Phụ được xây đắp (1662). Công việc thao luyện quân sĩ, cải tiến kỹ thuật và tăng cường phương tiện chiến đấu trên bộ cũng như dưới thuyền được xúc tiến thường xuyên, trong tinh thần nghiêm chỉnh, khẩn trương. Ở khắp các đồn trại hiểm yếu, quân số được bổ sung. Tại Quảng Bình, Thủy dinh Tham tướng Tôn Thất Tráng được mạng rèn thêm binh khí, huấn luyện sĩ tốt. Từ năm Vĩnh Thọ nguyên niên (1658), Chúa đã ra lệnh tập tuyển trường ở

Nghệ An, duyệt dân bảy huyện chia thành ba hạng: toáng, quân và dân, chỉnh đốn việc thu thuế để cung cấp quân lương. Và sau trận thất bại năm 1660, khi bảy huyện Nghệ An lọt trở vào tay họ Trịnh, Dũng Quốc công rút kinh nghiệm, nhận thấy phép bắn của quân mình chưa được tinh thông, bèn ra lệnh phải luyện tập ráo riết^[148]. Vào năm Quý Mão (1663), tại Thuận Hóa, núi đất ở bến đò Thanh Phước - đắp từ đời Thần Tôn được xây ụ cao thêm ba chục thước và trang bị xạ hầu (khung căng ở giữa có vẽ đích) cùng các vũ khí đầy đủ để thường xuyên tổ chức những cuộc thi bắn cho quân sĩ và các thủy sư^[149]. Nhờ đó, phép bắn ngày càng tinh thêm. Ngoài ra, việc kiểm xét tình trạng tốt xấu, cùn, sắc của các thứ quân khí ở các dinh, các quận hay châu, huyện cũng được đặc biệt chú trọng^[150]. Mặc dù đã nhiều phen chiến thắng quân Ô Lan trên mặt bể cả - ngay từ thuở còn là Thế tử - Dũng Quốc công vẫn không chủ quan khinh địch, trái lại càng quan tâm nhiều hơn về mặt chỉnh bị chiến thuyền. Vào năm 1674, tổng số chiến thuyền của Đàng Trong đã có tới 133 chiếc^[151] với cái khả năng cướp gió, vượt sóng nhậm lệ^[152] phi thường, và cái khí thế chiến đấu táo bạo, dũng mãnh khiến cho địch quân thoát thấy bóng đã khiếp vía, kinh hồn.

Thay vì những cuộc hội hè, vui chơi do Nguyễn phủ thường tổ chức vào các dịp khánh điền, nhân dân Kim Long được vui xem nhiều hơn trước các cuộc thao diễn của quân sĩ, phi ngựa, bắn cung, múa kiếm của giới công tử, vương tôn, những cuộc tập trận tại Tập tượng trường, hoạt động nhộn nhịp hơn xưa, với số thị tượng được gia tăng hoặc bằng lối săn bắt, dụ dỗ từ rừng già về, hoặc do sự triều cống của các *man* và nước Chân Lạp. Ngay tại các dinh, Chúa cũng ra lệnh cho đám văn thần, quan lại Tam Ty phải tập bắn cung, cưỡi ngựa.

Để mở rộng đường “săn hiền, đón sĩ”, ngoài các khoa thi *Chính đồ* và *Hoa văn* đã có từ thời Thần Tôn, Dũng Quốc công còn đặt thêm khoa thi Thám phỏng hỏi về tình trạng binh, dân và việc Lê Trịnh^[153].

Vói ý chí thiết thạch và tài trị quốc, Dũng Quốc công còn được phò tá bởi một đám bề tôi tận trung hầu hết là hạng “*lương đồng, can thành*”^[154], đáng kể nhất trong số như Chiêu Võ hầu Nguyễn Hữu Dật - từng được triệu bổ văn chức từ năm mới mười sáu tuổi, dưới thời Hy Tôn, và Quận công Nguyễn Hữu Tiến - vốn là Cai đội dưới thời Hy Tôn, cả hai có công đánh bại Trịnh quân nhiều phen, xây đắp lũy Trấn Ninh, Sa Phụ và được người đương thời xưng tụng là hai “hổ tướng”. Về hai bậc công thần này, sử văn có đoạn ghi chép, theo đó, vào năm Thịnh Đức thứ ba (1655), Trịnh Đào^[155] sai Phạm Tất Đồng đem quân vượt sông Gianh để xâm lấn Nam Bố Chính. Dũng Quốc công quyết định đem quân đánh đuổi. Trong khi Chúa đang còn phân vân chưa biết nhân tài nào đáng chọn để giao phó việc quân thì một đêm, Chúa nằm mộng, thấy thần nhân trao cho một bài thơ:

Tiên kết nhân tâm thuận,
Hậu thi đức hóa chiêu.
Chi diệp kham tời lạc,
Căn bản dã nan diêu.

Có nghĩa là:

“Trước đoàn kết lòng người cho hòa thuận, sau thi thố đức hóa cho rõ ràng. Cành lá có khi gãy rụng, nhưng gốc rễ khó thể chuyển lay.”

Lúc tỉnh dậy, Chúa nghiệm thấy bài thơ có hai chữ Thuận và Chiêu ứng với tên Thuận Nghĩa (Thuận Nghĩa hầu Nguyễn Hữu Tiến) và tên Chiêu Võ (Chiêu Võ hầu Nguyễn Hữu Dật), nên từ đó mọi cơ mưu về quân sự, Chúa đều đem bàn cùng hai người ấy^[156]. Ngoài hai hổ tướng này, còn phải kể đến Chương dinh Nguyễn Cửu Kiêu, từng phá được thủy binh họ Trịnh tại cửa bể Đan Nhai, có công triệu phủ các hạt Kỳ Anh, Thạch Hà, được quân, dân theo rất đông đảo^[157]; Chương phủ trấn Nguyễn Dương Hưu có công đánh dẹp Chân Lạp; Chương cơ Nguyễn Đức Bảo, trấn thủ Quảng Nam, từng được Dũng Quốc công, hạ tì thư khen ngợi về cái đức thân dân, đồng thời ban thưởng cho *kiệu*

đen, ấn đồng^[158]. Và nhất là Chưởng cơ Nguyễn Phước Hiệp, công tử thứ tư của Dũng Quốc công, mới hai mươi hai tuổi đã lãnh mệnh Nguyên soái, đóng quân ở Cư Hà, chống cự anh dũng quân Trịnh xâm lăng, chiếm phần toàn thắng^[159].

Chính vì những yếu tố trên đây mà về thời Dũng Quốc công, sử văn đã ghi nhận được rất nhiều thắng lợi của họ Nguyễn trong cuộc Nam Bắc phân tranh cũng như về mặt nói rộng bờ cõi, bành trướng thế lực xa dần về Nam.

Năm Ất Vỵ^[160] (1655) - sau bảy mươi năm hưu chiến nhân cơ Trịnh quân xâm lấn Nam Bộ Chính, Dũng Quốc công liền từ thế thủ xưa nay, đột khởi thế công. Tiết chế Nguyễn Hữu Tiến và Đốc chiến Nguyễn Hữu Dật, một phen vượt sông Linh Giang, với cái khí thế đập thành nhổ núi của đoàn quân Bắc phạt, đã thực hiện được cái chí “*thành liền mong tiến bệ rồng*”. Cả bảy huyện ở Nghệ An, nằm về phía nam sông Cả, lọt trọn vào tay chúa Nguyễn^[161]. Mặc dù về sau, vì sự bất hòa giữa các tướng Nguyễn, Trịnh Cán^[162] lại có cơ giành được ưu thế, thắng được nhiều trận, thu hồi bảy huyện nhưng cũng bắt đầu từ đây, quân Trịnh phải lần lượt rước hết thảm bại này đến thảm bại khác, qua các cuộc Nam phạt do Trịnh Tạc^[163] chỉ huy. Với cuộc Nam phạt vào năm 1661, Trịnh Tạc và vua Lê Thần Tông, vì cái mưu cố thủ thành trì của Nguyễn Hữu Dật nhằm kéo dài ngày tháng để đánh úp một đêm bất ngờ, đã phải đại bại, kéo vội tàn quân sang sông, ôm hận quay về phương Bắc.^[164]

Nhưng vẻ vang và quan trọng hơn nữa là chiến thắng năm Nhâm Tý (1672). Cũng như Trịnh Tráng trong cuộc chinh phạt năm Mậu Tý (1648) trước kia. Trịnh Tạc và vua Lê Gia Tông lần này, khi vượt qua Linh Giang, vây bức được lũy Trấn Ninh, lấp bằng được hào rãnh, những tướng đã nắm chắc phần thắng trong tay, diệt trừ được họ Nguyễn, nhưng rồi, với cái tài điều khiển và hiệu lệnh nghiêm minh của Nguyên súy Nguyễn Phước Hiệp cũng như tinh thần quyết chiến, quyết thắng của tướng tá, binh sĩ, quân Trịnh lại thêm một lần đại bại,

Trịnh Tạc và vua Lê Gia Tông đành phải rút lui^[165]. Khói lửa của cuộc Nam Bắc phân tranh được dập tắt kể từ ngày ấy, và được thay thế bởi một cuộc hưu chiến kéo dài trên trăm năm, tạo thêm rất nhiều lợi thế cho sự củng cố, phát triển đại nghiệp của dòng họ Nguyễn Phước ở phương Nam.

Kim Long lại được khoác áo hoa gấm, mở hội liên hoan để đón tiếp đoàn quân chiến thắng. Dững Quốc công còn muốn đi xa hơn trong việc chào mừng một thắng lợi đưa tới cho đại nghiệp vận hội long hưng. Quang cảnh khải hoàn, vì thế, càng tưng bừng, long trọng hơn mọi lần trước, với lễ tế Trời Đất và lễ Hiến phù^[166] tại Từ đường. Đồng thời các lò ở xóm Phường Đúc, theo lệnh Nguyễn phủ, hoạt động rộn rịp ngày đêm. Bao nhiêu tay thợ lành nghề từng được học hỏi, trau luyện thuật đúc súng với người xứ Bồ, đều được huy động để trở tài nghệ trong một công tác đặc biệt nhằm kỷ niệm ngày chiến thắng: những chiếc vạc đồng to lớn, tượng trưng cho sự uy quyền và sự bền vững của đại nghiệp họ Nguyễn bắt đầu xuất hiện kể từ ngày ấy.^[167]

Không những chặn đứng được tham vọng xâm tính của họ Trịnh ở mặt Bắc. Nguyễn phủ, dưới thời Dững Quốc công, còn gây được ảnh hưởng, thế lực sâu rộng trên lĩnh thổ Chiêm Thành, Chân Lạp.

Về phía Chân Lạp, ngay những lưu dân Việt Nam, sống xen lẫn với dân Miên, mở mang đất ruộng, tại những vùng xa xôi như hai xứ Moi Xui (tức huyện Phúc Chánh, tỉnh Biên Hòa sau này) và Don Nai (tức Biên Hòa) ở địa đầu Gia Định, cũng được thổ dân kiêng nể, không dám tranh trở, nhường lánh đi nơi khác vì sợ oai đức của Triều đình.^[168] Vùng Gia Định ao chuôm, rừng rú được bắt đầu khai thác, với sự xây cất đồn, dinh tại chợ Điều Khiển hiện nay, đặt dinh Phiên Trấn ở gần ấp Tân Thuận, cho dân được trưng chiếm đất dư chung quanh để lập làng mạc, chợ, phố.^[169]

Về phía Chiêm Thành, bờ cõi được nói rộng trên lĩnh thổ xứ này với sự thành lập dinh Thái Khang và phủ Diên Khánh (tức Khánh

Hòa) vào năm 1653. Sau khi đàn áp được vụ quật khởi của vua Bà Thấm.^[170] Công việc duyệt tuyển hai phủ Diên Ninh và Thái Khương bắt đầu vào năm Cảnh Trị thứ bảy (1669). Bọn văn thần Hồ Quang Đại được Chúa giao phó công việc bao đạc những ruộng đất thực sự cày cấy của các xã dân, định làm ba bậc, lại chia các ruộng mùa thu cùng thổ khô thành nhiều hạng để lấy lúa tô. Ruộng khẩn ngày càng gia tăng nhiều nên Chúa cho đặt Ty Nông lại để trông coi thuế khóa^[171].

Tình hình Đàng Trong thuở đó, theo sử văn ghi chép thì: “... Trong cõi vô sự, thóc lúa được mùa. Chúa lo sửa sang chính trị, không xây đài tạ, không gàn thanh sắc, giảm nhẹ sưu dịch, thuế má. Trăm họ vui vẻ, đều khen là đời thái bình.”^[172]

Trong cái thế hưng thịnh của họ Nguyễn, dưới thời Dũng Quốc công, Thiên Mục tự, lẽ tất nhiên không những chỉ được chứng kiến mà còn được chia sẻ cái vinh dự thăng hoa.

Với cảnh phồn vinh của Kim Long và ảnh hưởng Phật giáo về thời đó, Thiên Mục tự phải là một cửa Thiền quan rạng tỏa bóng xuân. Đèn sáp, hương khoan, các đồ tự khí bằng đồng do các thương thuyền Trung Quốc du nhập và qua sự cúng dường của khách thập phương đông đảo, càng làm tôn trưởng thêm vẻ trang nghiêm, tráng lệ của nơi cung Thiền, Phật tọa.

Nhưng cũng chính vì cái cơ duyên phát triển này của mây lành, mưa pháp, mà Thiên Mục tự, xét về cơ cấu và lối kiến trúc đơn giản lúc đầu, quả không xứng đáng chút nào với cái phong thể ngày càng trọng vọng của một đệ nhất danh lam, nhất là sau trên nửa thế kỷ phải chịu đựng sự thử thách của phong sương, tuế nguyệt.

Người lưu ý đến điểm này trước nhất phải là Dũng Quốc công, vị chân chủ đã có sẵn lòng sùng mộ Đạo pháp, lại từng thoát vượt được cạm bẫy của lòng mê dục, tránh khỏi cái họa nghiêng đổ cơ đồ, giềng mối. Có thể những lúc nghĩ đến sự may mắn lớn lao này của đại nghiệp, Dũng Quốc công phải liên tưởng tới mối liên hệ huyền nhiệm

kỳ bí giữa dòng họ mình với câu chuyện “*trích tiên*” và “*long mạch*” ở gò Hà Khê. Cho nên, chính dưới thời của Chúa, cùng vào một năm mà tại Bình Định, ngôi chùa Thập Tháp (Amitâbha) được xây cất tại phủ Quy Ninh do ý nguyện của một nhà sư Trung Quốc, Tạ Nguyên Thiều, đồ đệ của Khoáng Viên hòa thượng, từ Quảng Đông vượt bể qua Đại Việt, mở đường giác lộ^[173], thì ở Kim Long, công tác tu trúc Thiên Mục tự được khởi công vào tháng Bảy, năm thứ mười bảy đời Hiền Vương, tức năm 1665.^[174]

Dự hưởng sự hưng thịnh của đại nghiệp họ Nguyễn dưới thời Dũng Quốc công, Thiên Mục tự, với cái quy mô lớn lao hơn trước cùng vẻ lộng lẫy vàng son do công trình tu trúc lần này mang lại, càng được tôn trọng thêm bề thế, phong độ để càng lưu ý khách thập phương nhiều hơn trước về cái kỳ tích phát nguyên đã dành cho nó sự đãi ngộ hậu hĩ của dòng họ chúa Nguyễn, qua cái huyền thoại:

*Trích tiên chuyện cũ truyền Thiên Mục,
Hồn mộng mơ màng trở lại đây.*^[175]

Và, cũng từ ngày ấy, cơ duyên phát triển của ngôi cổ tự ngày thêm tăng tiến, theo với cái đà hưng khởi của họ Nguyễn, để sau non nửa thế kỷ, càng trở nên huy hoàng lộng lẫy hơn, với công trình bồi đắp của Minh Vương Nguyễn Phước Châu, tức Hiền Tôn Hiếu Minh Hoàng đế.

PHÚ XUÂN DƯỚI THỜI NGHĨA VƯƠNG VÀ MINH VƯƠNG

Kim Long chiếm giữ địa vị một thủ phủ, tính ra trước sau có tới nửa thế kỷ, từ năm 1636 cho đến năm 1687.

Cái vinh dự này đã tới lúc phải được nhường lại cho nơi khác.

Tháng Ba năm Chính Hòa thứ tám (1687), Dũng Quốc công ngoại bệnh. Vào ngày Đinh Dậu, nghiệm biết là đã sắp đến giờ phút quay đầu về núi, Chúa bèn cho triệu công tử thứ hai là Hoàng Ân hầu Nguyễn Phước Trăn, ân cần phán bảo:

- Bình sinh, ta vì đại nghiệp không ngại xông pha ra vào những nơi gian hiểm để bảo toàn xã tắc, sơn hà. Con nối ngôi ta, phải nối chí ta, phải lấy nghĩa làm chèo lái, lấy nhân làm yên khấu để nắm vững mỗi giềng, giữ an bờ cõi. Hầu hết các quan văn võ đều do ta trạch dụng cần được con hết lòng tin dùng để chăm lo chính sự, tuyệt đối không được cho bọn tiểu nhân lên vào. ^[176]

Triều thần, vì nặng tình với Chúa, tâm xúi được cầu chết thay bằng cách nạp sách trong hòm *kim đăng* ^[177] như Chu Công xưa từng làm tờ sách cầu xin chết thay cho Võ Vương, nhưng Chúa mỉm cười, từ khước:

- Các khanh quá yêu ta, nhưng làm sao mà cải được mệnh trời khi số ta đã đến.

Nói xong nhìn khắp mọi người, ra dấu già từ rồi nhắm mắt ngon giấc thiên thu. Dũng Quốc công thọ sáu mươi tám tuổi và trị vì ba mươi chín năm ở ngôi chân chủ.

Đại nghiệp của họ Nguyễn, kể từ ngày Tiên Chúa bắt đầu “*chinh phục hoang vu, ác địa, đuổi hùm voi để giành chỗ ở*” cho đến cuối đời Hiền Vương Nguyễn Phước Tần (1648-1687) đã trải qua trên một thế

kỷ hưng phát không ngừng. Thủ phủ, lẽ tự nhiên, với tầm quan trọng và cái bề thế ngày càng lớn lao của nó phải cần đến một địa điểm tọa lạc hội đủ hơn Kim Long những điều kiện, yếu tố phải có của một thượng đô xét về địa thế cũng như về phong thủy, cảnh trí.

Có thể chúa Nguyễn Phước Trăn hay Nghĩa Vương, tục gọi là Chúa Ngãi, ngay khi còn là Thế tử, đã lưu ý nhiều về điểm này. Từ tả ngạn sông Kim Long thuở đó, cái nhìn của Chúa đã hướng về vùng Phú Xuân ở phía đông, nơi mà các nhà địa lý thời danh, từng được ra vào vương phủ, không ngớt lời ca tụng về cái đặc tính “*giai thẳng*” của địa thế.

Nghĩa Vương lên ngôi, thủ phủ liền được thiên di qua làng Phú Xuân vào tháng Bảy năm Đinh Mão tức năm 1687.^[178]

Kim Long, với sự thoái nhượng này, đã được đền bù lại bằng một vinh dự khác: trị sở cũ biến thành nơi thờ phụng Thái Tôn Hiếu Triết Hoàng đế, vị chân chủ đã từng đem lại cho nó một thời oanh liệt, vàng son.^[179]

Từ tả ngạn sông Kim Long dời qua phía hữu ngạn, tọa lạc ở vùng Phú Xuân, trên tả ngạn Hương Giang, trị sở mới của chúa Nguyễn đã nằm vào cái vị trí lý tưởng của Kinh sư sau này. Với vị trí mới, thủ phủ của chúa Nguyễn được coi như đã tiếp thu tất cả những cái lợi của yếu tố phong thủy mà núi sông nơi này có thể cung hiến, đáng kể trước nhất là sông Hương Giang và núi Bằng Sơn.

Ngay từ thuở ấy, ngọn núi Bằng Sơn - được đổi tên là Ngự Bình từ thời Gia Long - đã được chọn làm án trước. Với hình thế bằng phẳng, vuông vức, đột khởi ở phương Nam về phía tây bắc huyện Hương Thủy, giữa hai núi đất ở hai bên: Tả Bất Sơn và Hữu Bất Sơn^[180], Bằng Sơn là một ngọn núi từng được các nhà phong thủy coi như là một thứ “*bảo chướng nguy nga*” đem lại cho thủ phủ của các chúa Nguyễn ở thời khai quốc, cũng như cho Đế thành của các vua Nguyễn vào thời Trung Hưng, cái hiểm yếu không kém gì sự hiểm yếu của đất nước Tân bên Trung Quốc, cái thế hiểm yếu *có thể giúp cho hai vạn*

quân của Thiên tử địch lại một trăm vạn quân của chư hầu. Đặc tính “bách nhị” này đã được chính vua Thiệu Trị, tức Hiến Tổ Chương Hoàng đế, một phen xa giá quang lâm, và trước cảnh mùa đông ngự tửu, tung hô vạn tuế ba lần của đám quân tiên xu, đã nhắc đến với một niềm tin trọn vẹn, qua mấy vần thơ sau đây, trong bài “Bình lãnh đặng cao”:

... Thừa ân vũ trụ thiên niên tại
Túng lâm kiên khôn vạn cảnh hàm
“Bách nhị” sơn hà tăng tráng cố,
Vân khai thụ khí ái tình lam.
... Thừa ân huệ ngàn năm vũ trụ còn lâu dài,
Cuộc du lâm thấy bao hàm cả kiên khôn muôn cảnh.
“Hai phần trăm” núi sông thêm bền vững,
Mây đặng khí tốt trên đặng núi tình minh.^[181]

Cùng với cái thế bảo vệ của núi, hay của ngọn Bằng Sơn, còn có cái thế hộ vệ của sông. Và sông là dòng sông Hương hay dòng sông Thơm. Mà thơm là vì:

... Cỏ thơm có giống thạch xương bồ,
Sanh ở hai nguồn Tả, Hữu hạch,
Hơi thơm đầm nước, nước trong veo,
Hợp thành sông Thơm chảy róc rách...

VÂN BÌNH TÔN THẤT LƯƠNG
(Hương Giang hành)

Cũng chính với vị trí mới của thủ phủ họ Nguyễn, sông Thơm hay Hương Giang, núi Bằng Sơn hay Ngự Bình càng gặp được cái thế thuận lợi để chứng tỏ tất cả sự đặc lực trong nhiệm vụ hộ vệ Đế thành.

Từ cao mà phóng xuống một cái nhìn bao quát để thâm tóm cả muôn sai quanh co, rộng hẹp của dòng sông, cặp mắt để vương hẳn phải nhìn nhận Hương Giang - dòng tú thủy được chọn để châu hầu kinh khuyết

- quả đã có đủ tác phong, cung cách phù hợp với sự đòi hỏi của triều nghi.

Thực vậy, ở ngay cái khởi điểm hình thành là ngã ba sông Bằng Lãng, dòng sông Hương uốn chuyển uốn mình quanh co giữa ruộng vườn, gò bãi của bao nhiêu lục dã, hoa thôn, qua lăng Cơ Thánh, đổ theo phía đông Hương Uyển sơn tức núi Ngọc Trản, tiến lần đến ngã ba sông Long Hồ để chuyển qua Lợi Tế kiều hay cầu Bạch Hồ. Và, đến đây, như một cung nữ đã thành thuộc triều nghi, Hương Giang dừng lại giây phút, chỉnh túc nghi dung, y thường, để kính cẩn tiến qua trên bốn dặm dài trước mặt Kinh thành, với cái dáng khiêm cung, khép nép của những gót chân hoa phi tần rón rén bên cạnh long sàng. Qua khỏi quãng lộ trình nghiêm cẩn ấy, dòng sông liền chuyển hướng về phía Tam giang khẩu Gia Hội, đổ xuống Bao Vinh, Triều Sơn, Thanh Phước, vượt cửa tấn^[182] Thuận An để ngã mình vào lòng Bể Cả^[183].

Hiền dịu, từ tốn, thâm lặng, khiêm cung, đó là những đức tính mà Kinh Khuyết đòi hỏi ở một dòng sông hộ vệ Đế thành. Để rút được những kinh nghiệm này, Hương Giang đã phải trả một cái giá khá đắt. Một cánh tay ngà ngọc của nó: *dòng sông Kim Long* - xưa kia chảy từ chợ Kim Long đến chợ Kê Vạn, băng ngang vùng thành nội, đổ ra phía đông theo ngã Đông Thành thủy quan hiện nay^[184] - vốn rất trung thành, hăng hái trong nhiệm vụ hộ vệ thủ phủ về mặt Bắc vào lúc Nghĩa Vương dời trị sở về đất Phú Xuân, nghe đâu đã bị yếm trừ bởi chính Nghĩa Vương, lại bị chặt rụng dưới thời Thế Tổ Cao Hoàng đế, chỉ vì nó không biết khéo uốn mình theo khuôn phép, còn muốn giữ nguyên cái phong độ hiền ngang, man rợ, phóng túng của khe, thác và đã dám sỗ sàng xâm nhập vào gần nơi cung cấm.^[185]

Bài học quý giá về cung cách phục vụ uy quyền phong kiến này, Hương Giang đã lĩnh hội thấu đáo và nhờ đó, nó càng ý thức rõ được tính cách vừa quan trọng, vừa khiêm nhường của vai trò nó đảm nhận. Đế thành không đòi hỏi ở nó cái ồn ào, hùng tráng, mênh mênh. Phận

sự của nó là tức trực ở đấy, đem cái duyên dáng của một dòng lệ thủy diu hiền để hòa hợp các thức đẹp thiên nhiên với những công trình nhân tạo của nghiệp vương, nghiệp bá: cung điện, lăng tẩm, thành quách, đền đài, nhằm điểm chuyết thêm vẻ trang nghiêm, thơ mộng cho nơi kinh khuyết. Hương Giang đã đáp ứng đúng các yêu cầu này, đã làm vui đẹp lòng rồng, và vì thế đã được nhìn nhận là “*nhất phái uyên nguyên hộ đế thành*”^[186], được chạm hình ảnh vào “*nhân đình*”^[187], đăng trật vào *Tự điển*^[188]. công trạng ngang hàng với ngọn Bàng Sơn án ngữ ở phương Nam. Cho nên, muốn thấy cái đẹp của dòng sông Hương thì phải nhìn nó bằng cái nhìn của bậc đế vương từ trên ngôi cửu ngũ nhìn xuống, hay bằng cái nhìn của hạng tao nhân mặc khách chỉ thích những nét thanh tú thơ mộng, hiền hòa, những vẻ êm đềm, trầm lặng. Trái lại, với cái nhìn của khách hải hồ từng quen ngắm cái dài thăm thẳm, rộng mênh mông của trường giang, quen nhìn cái cảnh “*Hoàng hà chi thủy thiên thượng lai*” hay cái sức tuôn đổ ngang tàng của nước thác dưới ngọn bút danh họa của Vương Duy thì Hương Giang sẽ chỉ là một lạch nước hẹp hòi, nhỏ mọn.

Phụ lực vào cái thế hộ vệ của núi sông trên đây, các cồn Thanh Long ở đông bắc, Bạch Hồ ở tây nam, Giang Hến và Dã Viên còn góp thêm phần hiệu năng tốt lành về mặt phong thủy.

Chính trên dải đất nằm giữa sông Hương - ở phía nam - và sông Kim Long - ở phía bắc, ngay về phía đông nam kinh thành hiện nay, đường sá được mở ra, viên tường, cung thất được xây cất, ao lớn được đào, nhà cửa mọc lên san sát, nghi vệ và cái không khí thuần nhã, văn vật - nhen nhúm từ Kim Long - được chuyển về triển khai ở Phú Xuân, làm tăng thêm ảnh hưởng của nền giáo hóa thiện hạnh.

Tuy nhiên, các công tác kiến trúc cung thất, phủ đệ, cũng như công cuộc tu trúc phủ cũ ở gò Dương Xuân, Văn Miếu ở làng Triệu Sơn^[189] dưới thời này, vẫn còn giữ theo tinh thần kiệm ước, chừng mực của thời Thái Tôn.

Nội vi của vương phủ rộng chừng một hai dặm, chung quanh có vòng tường thấp. Ngoài vòng tường có hàng rào tre gai. Bên ngoài hàng rào là một dãy trại sủng, gồm nhiều trại lợp bằng tranh, “*mỗi trại đều có đặt sủng đồng, nặng từ vài trăm cân đến vài nghìn cân, đúc rất tinh xảo, khảm châu sa, phi túy, văn vẽ sáng ngời*”^[190]. Phía ngoài các trại sủng lại có lũy tre bao bọc.

Thủ phủ được dời về Phú Xuân giữa cảnh phong điều, vũ thuận. Nối ngôi chân chủ vào năm Đinh Mão, Anh Tôn Hiếu Nghĩa Hoàng đế Nguyễn Phước Trăn (1687-1691)^[191] được thừa hưởng một di sản sung thiêm, tráng quan biểu hiện cả cái thế long hưng của đại nghiệp xét về mọi mặt.

Ở phương Bắc, hiểm họa xâm tính của quân Đông kinh không còn là mối đe dọa trầm trọng như xưa. Về phương Nam, Chiêm Thành, sau cuộc quật khởi thất bại của vua Bà Thấm vào năm 1653, và sự thành lập dinh Thái Khang cùng phủ Diên Khánh dưới thời Thái Tôn, đã chịu khép mình trong cái thế thần phục và giữ đúng lệ triều cống hàng năm. Về phần Chân Lạp, sau cuộc nổi loạn bất thành của Nặc Ông Thu vào năm Mậu Thìn (1688)^[192] xứ này cũng đành yên phận một phiên bang, biết kính nể uy đức của Nguyễn phủ.

Phú Xuân, cũng như Kim Long trước đó, hàng năm kiêu hãnh tiếp nhận những số cống thuế quan trọng, do các đoàn sứ giả từ Chân Lạp, Chiêm Thành và các *man* thành kính kéo về tiến dâng. Chỉ riêng Chiêm Thành, số cống thuế đã gồm có tới *hai thớt voi, một trăm trâu, một trăm bò, năm trăm cây vải, rất nhiều ngà tượng, gỗ mun cùng nhiều thứ danh mộc khác*^[193]. Vua xứ Chân Lạp, Nặc Ông Thu, năm 1690, chỉ trong vòng hai tháng, đã tiến cống một số voi có trên ba chục thớt^[194]. Các *man* thì có ngà tượng, sừng tê, mây song, kỳ nam hương, sáp ong, mật ong, khổng tước v.v...

Dưới thời Nghĩa Vương cũng như Minh Vương, công việc binh bị, về mặt tổ chức cũng như thao luyện, tập dượt càng hoàn bị, chu đáo và nghiêm nhặt hơn trước bội phần.

Để có đủ quân số cần thiết, mỗi gia đình bách tính, có con trai được mười tám tuổi, phải đưa một người. Nguyễn phủ tuyển chọn toàn những người khỏe mạnh. Tân binh phải trải qua ba năm tập luyện, hoặc về mặt thủy, hoặc về mặt bộ, và, sau đó, phải phục vụ cho tới lúc mái tóc điểm sương, tuổi đến lục tuần mới được giải ngũ. Trong thời gian tại ngũ, ngoài áo quần được cung cấp, vũ khí được trang bị, mỗi binh sĩ hàng tháng được lãnh một số bạc, gạo, cá, mắm đủ dùng.^[195]

Dưới thời Minh Vương, chế độ bắt lính càng có phần gắt gao hơn nhiều. “*Trong nước trăm thứ thợ đều do quân làm. Mỗi năm, vào khoảng tháng Ba, tháng Tư, quân nhân đi ra các làng, bắt dân từ mười sáu tuổi trở lên, những người thân thể cường tráng, đóng gông lại bằng một cái gông tre hình như cái thang nhưng hẹp hơn, để giải về phủ sung quân. Vào quân đội rồi, mỗi người chuyên học một nghề, kế phân phái đi theo các chiến thuyền để luyện tập; có chiến tranh đem ra đánh giặc, lúc vô sự ở theo vương phủ làm xâu, tuổi chưa được sáu mươi chẳng được về làng cùng cha mẹ, vợ con đoàn tụ; hàng năm thân thích đem áo quần, vật thực đến thăm mà thôi.*”^[196]

Ngay lúc thường, số sĩ tốt tinh nhuệ, có mặt dưới bóng cờ cũng đã lên tới bốn vạn. Ngoài số một vạn rưỡi quân sĩ túc trực thường xuyên với nhiệm vụ biên phòng ở mặt bắc, còn có một vạn được phân phối các dinh, chín nghìn dành cho vương phủ, sáu nghìn đặt dưới quyền sử dụng của Thế tử, các công tử^[197] cùng các thượng quan. Ở vương phủ thời đó còn có hai đội kỵ binh gồm bốn trăm kỵ sĩ.^[198] Vào những dịp thao diễn hay khánh tiết, y phục của binh sĩ trông rất đẹp đẽ, ngoạn mục. Mỗi đội có một màu sắc riêng hoặc đỏ, hoặc xanh hay vàng. Các đội cận vệ của Chúa và của Thế tử mặc toàn đồng phục bằng nhung, mang khí giới nạm vàng, nạm bạc vào những ngày đại lễ.^[199]

Thủy quân cũng có một khí thế hùng dũng không kém, với những đội chiến thuyền rất hùng hậu và tinh nhuệ. Thuyền lớn và khá dài, mỗi bên có tới ba chục mái chèo mạ vàng rực rỡ, và được trang bị ba khẩu đại bác lớn ở đằng mũi, hai khẩu nhỏ ở hai bên.^[200] Ngoài ra còn

có hai cỡ trống lớn, một mõ gõ lớn để gõ nhịp, bắc ngang trên bốn cọc nạng sơn son ở giữa khoang thuyền, vỏ thuyền sơn đen, lòng thuyền sơn đỏ, láng và bóng bấy đến soi rõ mặt người. Binh sĩ thủy quân lúc thường mặc quần đùi bằng thao trắng, đội nón dẫu chóp lông. Khi chiến đấu thì mặc áo bó sát thân mình, dài tới đầu gối và đội mũ gõ thép vàng. Mỗi chiến thuyền có một sắc áo riêng cho quân sĩ. Ngoài sáu chục binh sĩ chèo thuyền - có súng hỏa mai, đoản đao và cung tên đặt sẵn dưới chân - còn có ba võ quan điều khiển, sáu lính pháo binh, hai lính báo hiệu. Trong lúc chèo, binh sĩ đứng thành hàng dài ở giữa thuyền và phải tuyệt đối giữ im lặng - trừ lúc nào có lệnh phải cất tiếng hò - phải lắng nghe tiếng mõ gõ nhịp, mắt phải chăm chú theo dõi hiệu lệnh phát ra từ chiếc gậy điều khiển của vị chỉ huy. Vì được tập luyện đêm ngày rất thuần thục, nên hiệu lệnh được tuân hành một cách đúng đắn, rập ràng, không một tư hào đơn sai. Cả một đoàn chiến thuyền khi tiến, khi thối, lúc cạy qua tả, lúc bát qua hữu^[201], phân tán, tập trung, phóng tên, nã súng, nhất nhất đều nhanh nhẹn, lẹ làng, với sức cướp gió, vượt sóng nhanh và khỏe như ngựa phi trên bộ, chim bay trên không^[202] và một khí thế chiến đấu trông đến phải kinh hoàng, khiếp phục.

Chẳng những lục quân, thủy quân được chinh bị chu đáo, mà cả Tượng binh cũng được tăng cường hùng hậu hơn xưa, nhất là dưới thời Minh Vương.

Vì lẽ sức voi đã góp phần rất nhiều vào các chiến thắng vẻ vang của quân đội Nguyễn phủ, qua các trận truy kích Trịnh quân, chinh phạt Chiêm Thành, nên việc diễn tập tượng binh, săn dụ voi rừng được Quốc Chúa đặc biệt chú trọng.

Ở Phú Xuân, thưở đó, nhân dân thủ phủ, đêm về, thường quen với tiếng chuông báo hiệu cho khách hành nhân qua lại được biết để tránh xa đám voi cái kèm những thớt voi đực vừa dụ được ở rừng già đưa về.

Xưởng tượng của Chúa có rất nhiều voi lớn^[203]. Những cuộc thao diễn tượng binh thường được tổ chức vào tháng Tư, dưới quyền chủ tọa của Quốc Chúa. Và đây là cả một ngày hội vui của nhân dân Thượng đô nhưng lại là một ngày dài nhất, chứa chất đầy lo âu, đe dọa, đối với đám võ quan, quân sĩ tượng binh và đám quản tượng.

Cảnh tượng hùng tráng, ngoạn mục của cuộc thao diễn tượng binh đã được Đại Sán Hán Ông, một lão tăng từ Trung Quốc qua Việt Nam, thể theo lời mời của Quốc Chúa, ghi nhận thành một bức tranh linh động, trong bài *Thao tượng hành* sau đây:

*“Tháng Tư ngày dài buổi ban mai,
Nón hồng, mũ bạc tuốt sáng ngời.
Đứng trên lưng voi ba võ sĩ,
Tay cầm xà mâu dáng hùng oai.
Phía đông mười voi làm một đội,
Phía tây quân sĩ năm trăm người
Cờ trắng phất lên, quân sĩ tiến,
Hò reo đốt lửa, khói mù trời.
Cờ trắng hạ xuống, phất cờ xanh,
Nài cứ đầu voi búa chan chát.
Voi quật bù nhìn cuốn đem về,
Mau thì có thưởng, chậm bị phạt.
Bồng chốc tập xong định hơn thua,
Xiết bao máu chảy, thịt da nát,
Xiết bao khó nhọc quy sa trường,
Lính bị roi đòn, quan bị cách.”^[204]*

Quân bị đã vững vàng, hùng hậu, mà công việc điều hành nên công vụ cũng được chú trọng đúng mức qua việc mở rộng phương thể tuyển chọn, trạch dụng nhân tài. Về việc thi cử, lúc đầu lệ thi Nhiêu học trong các kỳ duyệt tuyển lớn vẫn giữ y như trước. Nhưng bốn năm

sau, lại tổ chức thi riêng, chẳng hạn như trong khoa thi mở vào năm Chính Hòa thứ mười sáu (1695), cùng với các danh mục trúng tuyển đã có từ trước như Chính đồ, Nhiêu học, Hoa văn, Thám phỏng, còn có thêm những danh mục trúng tuyển mới như Giám sinh, Sinh đồ. Cũng trong năm ấy, cùng với khoa thi ấy, Minh Vương còn cho mở khoa thi Văn chức và Tam ty tại sân vương phủ, gọi là thi Đình. Thi Văn chức nhằm tuyển người có văn học, còn thi Tam ty là để tuyển chọn viên chức phục vụ tại ba Ty: Xá Sai, Tương Thần Lại và Lệnh Sử.^[205]

Nguyễn phủ, vào thời này, còn nhờ ở cảnh “*phong điều, vũ thuận*”, đạt tới một mức phong phú, sung thiêm hiếm có vì các lợi nguyên trong cõi.

Khắp các dinh, kho lẫm tràn đầy lúa thóc. Công cuộc khẩn hoang, dinh điền, di dân, lập ấp ngày càng phát triển. Các nguồn tài nguyên được khai thác hữu hiệu hơn xưa, nhất là vàng, bạc và sắt. Vàng ở núi Kim Sơn, thuộc tỉnh Thừa Thiên^[206] và nhiều hơn là ở Trà Tế Sơn cùng các núi ở phủ Thăng Hoa (nay là Thăng Bình) thuộc Quảng Nam dinh, nơi mà, sau này, Ngoại tả Trương Phúc Loan được chiếm cứ để làm ngụ lộ^[207]. Theo Lê Quý Đôn ghi chép trong “*Tạp lục*” thì Trà Tế cũng như Trà Nô là “*những ngọn núi có kim khí rất vượng, thường có một đường từ trong đất đi xiên xéo ra, khí vàng bốc nổi lên trên cũng có đường đi thẳng, có đường đi ngang qua núi khác. Núi nào có vàng thì đất mềm, không thì đất cứng. Chủ hộ đãi vàng tìm ở đâu núi thấy có mạch vàng thì đào lấy đất ấy, trữ làm một đồng, làm nhà che trên rồi lấy nước đãi cho sạch đất. Chỗ đất đào ấy hoặc sâu đến một nghìn thước, đãi lọc trong một ngày thường được một ghé^[208] vàng vụn, đem nạp cho sở nấu vàng.*”^[209]

Các khách du từ viễn phương lui tới thủ phủ không ngớt trầm trồ về việc chúa Nguyễn có rất nhiều vàng đãi^[210] cũng như các thứ vật dụng bằng quý kim. Hai câu thơ:

Gạo thơm hơi bốc mây nương trắng,

Vàng báo ân ban đất chói lò.

của Đại Sán Hán Ông, tuy có phần nào thậm xưng về sự thù phụng hậu hĩ của Quốc Chúa đối với một vị lão hòa thượng người thiên triều được Chúa quý trọng, vẫn là một bằng chứng về cảnh hào phú rất mực của vương phủ thời đó, nhất là câu chuyện *khoe của* sau đây của Minh Vương, cũng do Đại Sán Hán Ông kể lại:

“... *Ta bày dâng bài khải, bốn bài thơ và một ít trái cây. Nhà vua xem kỹ từng bài, rất tán thưởng. Chập lâu, đem ra các đồ vật ngự dụng, chỉ từng món, hỏi ta có đẹp không? Xem ra các món đều toàn bằng vàng bạc, châu báu, chạm trổ công phu, tuy không văn nhã, thiếu chất phác, nhưng thấy đều lạ lùng, chóa mắt, có phong vị phú quý...*”^[211]

Với cảnh hưng thịnh, phú cường như thế, nghị vệ của vương phủ cũng được chăm chút tỉ mỉ và càng tăng thêm vẻ trang nghiêm, đường bệ. Thuyền của Chúa ngự chẳng hạn là loại *Hồng thuyền*, kiểu đóng rất đẹp và khá lớn, vì tả hữu có tới hai mươi lăm mái chèo. Thuyền sơn son bóng loáng. Lối trang trí rất thanh nhã. Cửa khoang cũng sơn đỏ và chạm long vân, phía trên che đệm có đăng vãn. Trong khoang thuyền có trái chiếu lát mịn màu xanh lục, lại có đặt đỉnh trầm để xông kỳ nam hương và bày đủ các thứ tiện nghi như gối tựa bọc gấm, hộp đựng cau trầu, ống nhổ, toàn bằng vàng ròng. Lính chèo *Hồng thuyền* được tuyển chọn phải là những thủy quân lực lưỡng đã trải nhiều năm trong nghề.^[212]

Trên bộ, mỗi lúc Chúa ngự ra ngoài thì có đội quân mào đỏ đi trước dẹp đường. Khách hành nhân qua lại phải tránh xa kiệu chúa những một hai dặm. Kiệu giống hình xe lừa, có mười sáu quân khiêng toàn là những binh sĩ cao lớn, vạm vỡ, mình trần, vận khố có vuông vải che phía trước, tóc bỏ xõa xuống lưng. Hai bên kiệu có đội quân hầu cầm kim đao, kim thương dài những năm, sáu thước, số hộ tốt^[213] đã đông đảo, nghi thức châu hầu, phòng vệ lại rất cẩn mật, nghiêm minh, như chúng ta sẽ thấy, qua sự mô tả dưới đây của Hòa thượng Thích Đại

Sán về cuộc ngự giá của Chúa đến một đàn chay, vào buổi cuối xuân năm Ất Hợi (1695):

“... Quốc vương đội mũ xung thiên cánh chuồn, mặc đạo bào màu huyền, đi giày nhung, không mang bó tất. Quốc cậu mặc áo măng bào, cầm kim đao đứng hầu. Ngoài vách chùa, quân lính đứng vây hai lớp. Lớp ngoài toàn người cao lớn, râu ria. Ai râu ít thì vẽ thêm râu giả, đội mũ bằng gỗ đỏ thếp vàng, mặc áo đoạn đỏ, cầm kim thương đứng thẳng hàng khít rịt. Lớp trong toàn thanh niên mạnh mẽ, chít khăn đà-la-ni đỏ, mặc áo nhung lục, cầm kim đao, cũng đứng như lớp ngoài. Cán đao và cán thương đều sơn màu anh đào. Mỗi khi Quốc vương trong điện bước ra, quân lính đều xây mặt ngó vào. Quốc vương đi vào thì sắp hàng đứng hai bên đối diện nhau rất thẳng. Ngoài dậu tuy có vài nghìn quân thế mà trong ngự tọa lặng thinh, chỉ nghe tiếng chim kêu, lá rụng mà thôi.”^[214]

Việc cung dưỡng bằng thanh sắc, đèn Vũ tạ, thú ca lâu, so với các thời tiền vương cũng có phần chán khởi hơn nhiều. Trong vương phủ cũng như ở Thủy điện thường có ca vũ, hát tuồng để chúa, vương mẫu, thế tử, các công tử, công nương cùng các vị thượng quan thưởng thức, nhất là vào những dịp khánh điển. Những đoàn “Tiểu hầu” được thành lập, tuyển mộ toàn những ca nhi, vũ nữ tài hoa, có đủ thanh sắc, lại được luyện tập rất công phu về các vũ điệu hiến vui. Điệu múa được ưa chuộng nhất trong vương phủ là vũ khúc “Thái liên” diễn tả trạng thái cao nhã, trang trọng, tình tứ, dáng dấp mềm mại, bay bướm của người đẹp trong lúc dong thuyền hái hoa Quân tử. Những lúc trình diễn ca vũ, các vũ nữ đội mũ vàng giống mũ thất phật, vận áo hoa màu lục dài phết đất, tay cầm nhạc khí, thoa son, dồi phấn rất mực diễm lệ, náo nùng.^[215]

Đại nghiệp của họ Nguyễn ở phương Nam, vào thời này, quả thực đã đạt tới cái thế vững chãi và cái khí tượng tráng quan của một bá nghiệp, với cái uy phong bao trùm cả một bờ cõi rộng lớn “... hùng cứ

tam giang bát trấn, thống trị bốn mươi bảy châu... bao la vạn thủy thiên sơn, thuộc hạt trăm sáu mươi quận.”^[216].

Hoài bão lớn lao của Tiên Chúa, hoài bão xây dựng nghiệp lớn ngay trên gai góc, bụi bờ của vùng ô châu ác địa, mãi về lúc Tiên Chúa quay đầu về núi dưới bóng Thạch Hãn Sơn với cái phạm vi lãnh thổ “*chuyên có hai châu, hẹp như một dải*”^[217] - vẫn đang còn là một cái mộng mơ hồ, thì đến lúc này đã trở thành sự thực hiển nhiên. Và chuyện phải đến đã xảy đến.

Trên danh nghĩa, họ Nguyễn, cho đến thời Hiếu Võ sau này, vẫn tỏ ra còn tôn trọng nhà Lê. Công văn, giấy tờ vẫn noi dùng Quốc hiệu và niên hiệu Lê Triều^[218]. Ngay trong tư tưởng, nỗi niềm tư Lê^[219] vẫn còn vương vấn vì mối liên hệ giữa dòng họ với Lê triều từ thời Nguyễn Kim. Quốc Chúa, trong những cuộc mạn đàm với Đại Sán Hán Ông, vẫn thường nhắc nhở đến chuyện này, nhất là chuyện Thái tổ Gia Dũ Hoàng đế, vì thiện ý phò Lê, đã từng kéo quân ra Đông Đô, ở lại những tám năm trời, góp sức với Trịnh Tùng diệt trừ quân Mạc, lập được biết bao công lớn.

Nhưng trong thực tế, cái cảnh “*Triều đình riêng một cõi trời, gồm hai vãn vũ*” thì lại ngày càng phát hiện theo với cái đà long hưng của đại nghiệp. Kịp đến thời Minh Vương, tức Hiền Tôn Hiếu Minh Hoàng đế (1691-1725), công tử cả của Nghĩa Vương - một vị chân chủ trẻ trung, nổi nghiệp lớn vào năm mười bảy tuổi, không những chỉ có “*phú tính thông minh, độ lượng khoan hòa, dung mạo đoan chính*”^[220] chữ tốt, văn hay, mà còn sẵn có bâm tính kiêu hùng, dũng lược, từng bao phen đánh đông, dẹp bắc, thâm phục được cả Chiêm Thành, nói rộng thêm bờ cõi xa hơn về phương Nam, thì việc tiến thêm một bước để tự xưng Quốc Chúa, đưa quốc thư và cống phẩm sang Thanh đình cầu phong và đúc Quốc tỹ “*Đại Việt quốc Nguyễn Vương vĩnh trấn chi bửu*”^[221] là một sự đụn dẫy^[222] tất nhiên của cái cơ duyên hưng nghiệp đã tới kỳ cực triển.

Và chính giữa cảnh long thịnh ấy của Nguyễn phủ, Thiên Mục tự lại, một lần nữa, được gia tăng ân sủng.

QUỐC CHÚA VÀ NGÔI CỔ TỰ TRÊN ĐỒI HÀ KHÊ

Linh Mục tự, thuở đó, còn mang tên là Thiên Mục tự, vào mùa đông năm Ất Hợi - ngày 16 tháng Mười âm lịch, tức ngày 22 tháng 11 năm 1695 - được Quốc Chúa chọn làm nơi lưu trú cho một vị thượng khách: Thạch Liêm hòa thượng, hiệu Đại Sán Hán Ông.

Ngay khi đến ở tại ngôi cổ tự “*chung quanh có trồng nhiều cổ thụ, day mặt ra bờ sông. Trước chùa, ngư phủ, tiều phu tấp nập sớm chiều qua lại. Trong chùa cột kèo chạm trổ rất tinh xảo*”^[223]. Vị lão hòa thượng sính thi họa này, đối cảnh sinh tình, đã có thơ vịnh như sau:

*Cảnh bụt từ xưa chúa Nguyễn xây,
Cửa son, điện ngọc phủ rêu đầy.
Một đời tươi sáng còn cây cỏ,
Muôn thuở mưa hoa kết điện đài.
Sơn thủy ngoài hiên mây ngả bóng,
Đi về trước ngõ cánh buồm bay.
Trích tiên chuyện cũ chùa Thiên Mục,
Hồn mộng mơ màng trở lại đây.*^[224]

Việc Thạch Liêm lưu trú tại chùa Thiên Mục, cũng như chuyện Quảng Nam Nguyễn vương hai lần thỉnh cầu vị lão tăng này qua Việt Nam đem “*kim thẳng khai giác lộ*”^[225], lần đầu dưới thời Anh Tôn - do nhà sư Tạ Nguyên Thiều tự Hoàng Bích phụng mạng qua Quảng Đông đón rước (không có kết quả) và thỉnh tượng Phật, chuông khánh - và lần này, do Trần Thiềm Quan cùng Ngô Tư Quan mang thư của Quốc Chúa và của Quốc sư Hưng Liên qua mời, cũng như việc tổ chức những pháp hội trọng thể để Đại Sán Hán Ông truyền thụ Bồ Tát

giới cho một nghìn bốn trăm tăng chúng tại Phú Xuân và ba trăm tăng chúng ở Hội An, sau cùng, chuyện *Minh Vương đem vương mẫu, công chúa, hậu cung, quyển thuộc đồng thọ Bồ Tát giới và quì thọ Hộ pháp Kim cang thư*^[226] nhân ngày Phật Đản, mồng tám tháng Tư năm Ất Hợi, thực đã quá đủ để chứng tỏ cái ưu thế của Phật giáo ở Đàng Trong vào thuở đó.

Phật giáo, nhất là Thiên học, trong cái thế phục hưng, đã gây được một ảnh hưởng rất sâu đậm trong giới sĩ phu, quan lại, và cả trong vương phủ, để ngay trong giới cao môn, quyền quý, không hiếm gì những hạng lương đồng, khôi nho, vì nặng tình với Đạo pháp mà coi nhẹ mùi vị đỉnh chung và cái mộng công hầu, khanh tướng. Đệ tử công tử của Thái Tôn, tức Quận công Nguyễn Phước Hiệp, mới hai mươi tuổi đã lãnh mệnh làm nguyên soái, chống cự quân Trịnh xâm lăng vào năm Nhâm Tý (1672). Một phen đại thắng, được ân hưởng những trăm lượng hoàng kim, năm chục cây gấm, nhưng rồi thay vì bén mỗi phú quý, say bả vinh hoa, đã khước từ tất cả mọi tước lộc, xua đuổi bọn thiếp hầu, lập am mây vui cảnh nhàn lạc, tu hành, đặt túi kinh luân và tài thao lược ra ngoài vòng cương tỏa^[227], Đông Triều hầu tức Tham chính đoan sự Trần Đình Ân, có công phò tá bốn triều, lúc tuổi đã già càng được trọng dụng, nhưng không tham luyện quyền cao, chức trọng, một hai thỉnh cầu xin lui gót về chốn điền viên. Một khi được Quốc Chúa chấp thuận, hầu liền tìm về chùa Bình Trung hưởng thú ẩn cư, vui say Thiên học, chăm lo vun xới hoa Đàm thay cho đào, lý^[228]. Lại có Thiều Dương hầu, anh thứ ba^[229] của Quốc Chúa, tuy không chuyên tâm về Phật học, không gửi mình vào chốn Thiền môn, nhưng vẫn dừng dừng với tuồng danh lợi, lập vườn ở mé sông, sống trong mấy gian nhà cỏ đơn sơ, tiêu điều, với cái đạo phong của hạng thoát tục, dứt tuyệt mê luyện sân si, tháng ngày bốn cột với gió trăng, kho trời vô tận, “trồng cây chơi cảnh, ngồi đất uống trà, tuyệt nhiên không có vẻ vương hầu, phú quý”.^[230]

Và ngay trong hàng chân chủ, lòng sùng mộ giáo lý Phật đà cũng từng được biểu thị qua rất nhiều công trình kiến tạo hoặc tu trúc chùa chiền, đúc chuông, đúc tượng, ân ban biển vàng, bi văn, câu đối hoặc các thứ tự khí cho rất nhiều danh lam, Phật đường trong cõi. Phần đông các chúa như Hiền Vương, Nghĩa Vương, Minh Vương và Võ Vương đều có Pháp danh. Nhất là Minh Vương thì quả đúng là vị chân chủ “*muốn lấy nghiệp tu để gây nghiệp bá*”. Vị chúa trẻ tuổi này đã sùng Nho lại rất mộ Phật, lâu thông kinh sử, và đạo tâm đã nảy nở ngay từ thuở còn thơ ấu. Cùng với công cuộc trùng tu Văn Miếu ở Triều Sơn, Chúa đã thực hiện rất nhiều công quả trong việc “*đắp trường thành che chở vườn Thiên*”.

Với vận hội tốt đẹp và những cơ duyên may mắn này, Thiên Mục tự, dưới thời Quốc Chúa, hẳn phải có đủ điều kiện thuận lợi để đạt tới cái tư thế, phong độ của một đệ nhất danh lam ở Thuận Hóa. Quy mô và vẻ tráng lệ của nó vượt xa hẳn các cảnh chùa cùng được kiến tạo từ thuở sinh thời của Tiên Chúa. Sùng Hóa ở Phú Vang (Thừa Thiên), Bửu Châu ở Trà Kiệu (Quảng Nam), Kính Thiên ở Lệ Thủy (Quảng Bình)^[231], so với Thiên Mục tự, dưới thời Quốc Chúa, mờ nhạt như những hoa sao cùng nở một lúc với vầng nguyệt đêm rằm.

Quả vậy, vì kể từ năm Canh Dần (1710) - Hiến Tôn thứ 19 - những hồi chuông triều mộ của Thiên Mục tự không chỉ đánh tan niềm tục ở các thôn mạc thuộc vùng Hà Khê, mà còn ngân xa tỏa rộng khắp cả một vùng bao trùm Kinh sư sau này, nhờ ở những loạt âm ba du viển của một cỗ Đại hồng chung nặng trên ba nghìn hai trăm tám mươi lăm cân, cao hai thước rưỡi tây và rộng một thước hai, với một bài *minh* khắc trên mặt, do tự tay Chúa làm ra.

Nhưng Hiến Tôn Hiếu Minh Hoàng đế hay Minh Vương vẫn chưa lấy thế làm hài lòng. Có thể cảnh thanh bình đã vững chắc của đất nước, và những thắng lợi về mặt mở mang bờ cõi ở phương Nam đã làm cho vị chân chủ tự phong là Quốc Chúa này chú trọng càng nhiều

hơn công việc khuếch đại Thiên Mục tự, để tỏ niềm tri ân đối với vị “trích tiên”, sứ giả nhà Trời.

Vào thuở đó, khói lửa của cuộc phân tranh Nam - Bắc từng kéo dài dai dẳng non nửa thế kỷ (1627-1673) đã được đôi bên hai họ Nguyễn, Trịnh cùng dập tắt từ trên bốn chục năm trời, sau trận thảm bại của Trịnh Tạc ở bờ sông Nhật Lệ. Và, ở phương Nam, bờ cõi càng mở rộng với sự thành lập, ở hạ phần Lục Chân Lạp^[232], các dinh Trấn Biên (Biên Hòa), Phiên Trấn (Gia Định), các huyện Phước Long (Đồng Nai), Tân Bình (Saigon) vào năm 1698^[233], *mở đất thêm nghìn dặm*, được dân số hơn bốn vạn^[234]. Cùng với những thành tích này, công cuộc dẹp nội loạn ở Chân Lạp, vào năm Ất Dậu (1705) và việc bày vẽ cho quân dân khai khẩn ruộng đất ở Vũng Cù của Chính thống Cai cơ Nguyễn Cửu Vân, và, thêm vào đó, sự quy thuộc của Mạc Cửu, năm 1708 - được Chúa cho nhậm chức Tổng binh trấn Hà Tiên - càng làm cho uy danh của Quốc Chúa lan rộng từ Phú Xuân đến vịnh Thái Lan^[235], về phía Chiêm Thành, sau vụ đánh bắt được vua Chiêm là Bà Tranh vào năm Chính Hòa thứ mười ba (1692), đổi nước ấy thành trấn Thuận Thành, phong cho viên quan cũ của vua Chiêm là Tả trà viên^[236] Kế Bà Tử làm Khâm lý, sau đó lại phong làm Phiên vương, Nguyễn phủ hàng năm được Chiêm Thành nạp cống: *hai thớt voi, hai chục con bò vàng, sáu chiếc ngà voi, mười sừng tê, năm trăm khăn vải trắng, năm chục cân sáp ong, hai trăm tấn da cá, bốn trăm thùng cát phất sa, năm trăm chiếc chiếu tre trắng, hai trăm cây gỗ mun và một chiếc thuyền dài.*^[237]

Những thành tích vẻ vang của công cuộc khai cơ, hưng nghiệp kể trên, nhất là việc xâm lấn lãnh thổ Chân Lạp - một hoài bão từng được ủ ấp từ thời Chúa Sãi hay Hy Tôn Hiếu Văn Hoàng đế - lẽ tất nhiên phải có dự phần vào cái động cơ đã thúc đẩy Quốc Chúa thực hiện các công tác trùng tu, kiến tạo nhằm làm tôn trưởng thêm phần nguy nga, tráng lệ cho Thiên Mục tự, vào năm Giáp Ngọ (1714). Và có thể cũng dự phần vào động cơ này, một sự kiện may mắn, tránh cho cơ đồ cái

họa giữa nghiêng, là việc phát giác và đàn áp kịp thời một âm mưu phản loạn, vào năm Kỷ Sửu (1709)^[238]. Đó là vụ mưu phản của Nội hữu Phò mã Tổng Phước Thiệu, vốn nuôi tham vọng đoạt ngôi chân chủ, Thiệu đã quyến dụ được Cai đội Nguyễn Cửu Khâm, cùng lập mưu cho thuộc hạ vào Quảng Nam, bí mật liên kết một số hào kiệt, dấy binh đánh lấy Bình Khương, Phú Yên, rồi quay về Quảng Nam, cướp quân của Hòa Đức, để từ đây đánh thẳng ra Chánh dinh. Nhưng trong số người dự mưu, có tên Nguyễn Phước Thuận, vì sợ hãi mà tố cáo. Những kẻ chủ mưu đều bị bắt, bị giết, riêng Tổng Phước Thiệu được Quốc Chúa, vì lượng khoan hồng, tha cho tội chết, bãi làm thứ dân, giam cầm ở vườn Bát Khải^[239].

Công cuộc tu trúc Thiên Mục tự được Chúa giao phó cho Chưởng cơ Tổng Đức Đại. Một năm tròn xẻ cây, chặt đá, đắp đất, nung gạch, với sự gia công, gắng sức đêm ngày của một số đông đảo những tay thợ thiện nghệ được huy động từ khắp nơi trong cõi, công cuộc trùng tu đã làm cho ngôi cổ tự càng trở nên nguy nga, đồ sộ, tỏa rạng ánh vàng son, châu báu, với rất nhiều điện, đường, lầu, các như Thiên Vương điện, Ngọc Hoàng điện, Đại Hùng bửu điện, Thập Vương điện, Đại Bi điện, Dược Sư điện, như Tàng Kinh lầu, Chung Cổ lầu, như Thuyết pháp đường, Vân thủy đường, Thuyền đường và Tri vị đường, ngoài ra còn có Tăng liêu cùng Thuyền xá những vài mươi sở, với vườn Côn Gia trong đó có trên vài mươi phương trượng, với Điều đài xây cất ở bên sông, để Quốc Chúa làm nơi giải trí, di dưỡng tinh thần mỗi kỳ thăm viếng^[240]. Lại mở hội lớn vào dịp khánh thành, xuất kho chẩn tế tiền, gạo cho đám bần dân. Nhân dịp này, Quốc Chúa còn chịu trai giới suốt một tháng trời tại vườn Côn Gia. Tiếng đồn về công cuộc tu trúc Thiên Mục tự cùng tầm quan trọng của lễ khánh thành được lan truyền xa rộng nên các phiên hầu cũng nao nức đổ về, nhất là Phiên vương Chiêm Thành là Kế Bà Tử còn đem cả con cái, tướng tá, băng ngàn, vượt suối xa dâng tấc thành^[241].

Công cuộc tu trúc Thiên Mục tự dưới thời Minh Vương Nguyễn Phước Châu sở dĩ đạt tới cái tầm quan trọng như vậy, ngoài những lý do đã nói, còn có một lý do khác nữa bắt nguồn từ việc thiên di trị sở. Vào năm 1712, mặc dù đã có cái bề thế và khí tượng của một thủ phủ và tuy đã hội đủ những yếu tố *giai thắng* về địa lý, Phú Xuân vẫn không giữ vững được cái địa vị trọng yếu mà Nghĩa Vương Nguyễn Phước Trấn đã dành cho nó. Đến đây, nó phải nhường cái vinh dự này lại cho xã Bát Vọng ở huyện Quảng Điền. Dời trị sở, nhưng vốn sùng mộ giáo lý Phật đà, lại nặng tình với ngôi cổ tự ở gò Hà Khê, vị chủ từng mang pháp danh là Hưng Long^[242] và thường xưng là “*Quốc chủ Thiên Túng đạo nhân*”^[243] đã chọn cảnh Thiên quan có nhiều liên hệ màu nhiệm với đại nghiệp của dòng họ mình làm nơi di dưỡng tinh thần, tìm những giây phút siêu thoát trong hương thơm, sắc đẹp của án Phật, hoa Đàm cùng cái cảnh trí thơ mộng nơi này. Việc xây cất điều đài chứng tỏ Quốc Chúa thường lui tới Thiên Mục tự^[244]. Và, vườn Côn Gia nhờ đó mà có được cái cảnh sắc huy hoàng, tráng lệ để, sau này, khi lâm vào cái thế điêu tàn, đổ nát theo với cảnh ngửa nghiêng của đại nghiệp họ Nguyễn - vì cái họa xâm tước của quân Trịnh và quân Tây Sơn - đã khiến cho du khách, mỗi lúc viếng thăm cảnh cũ, đối cảnh sinh tình, mỗi sâu hoài càng thêm trĩu nặng, và, có người vì đã tiếc rẻ cái bề thế xưa mà phải buồn than:

Nguyễn gia thất thế bài không tại,
Tăng xá thiên gian ngõa bán linh.

(Bài vị của bảy đời chúa Nguyễn còn đấy, ngôi của ngàn gian tăng xá đã trụi hết nửa rồi.)^[245]

Nhưng đó là chuyện về sau. Cái họa suy vong còn những trên nửa thế kỷ về sau mới xảy ra cho dòng họ chủ phương Nam. Còn ngay lúc bấy giờ, thì cái thế thăng hoa của Thiên Mục tự vẫn còn nương theo vận hội long hưng của nghiệp chúa, như điều nương theo gió.

Sau ngày hoàn tất công cuộc đại trùng tu, Quốc Chúa còn trang bị cho tự viện của chùa một số có tới nghìn bộ kinh Đại tạng và Luật, Luận mua từ Trung Quốc đưa về. Quốc Chúa lại cho dựng một tấm thạch bi cao những sáu thước rưỡi, rộng ba thước, đặt trên lưng một linh quy bằng cẩm thạch dài năm thước, rộng ba thước rưỡi, cao một thước bảy tấc năm phân^[246]. Nội dung bi văn đã nói lên cái chủ ý của Quốc Chúa, vị chân chủ “*muốn lấy nghiệp tu để gây nghiệp bá*” và “*... coi đời sống vương giả ở nơi cung điện không thoả mái bằng đời sống ở chốn thiền quan, ngựa thặng yên cương nạm vàng, dát ngọc không quý bằng một chiếc gậy kim cương, cầm y, hoàng bào rực rỡ thường làm chóá mắt thế nhân không giá trị bằng chiếc áo cà sa, và những kho ngọc vàng, châu báu xét cho cùng chỉ toàn là những trò hư ảo mà thôi*”^[247], nhân đó mà phát khởi cái ý nguyện xây cất một ngôi Phật tự, rồi do cái ý nguyện này, đã đi tới quyết định công cuộc đại trùng tu Thiên Mục tự vốn đã *tọa lạc giữa một đồng ruộng đẹp tự thảm thêu lại được bọc quanh bởi những dãy quần sơn xinh như rồng bay, phượng múa*.^[248]

CẢNH THỊNH ĐẠT CỦA PHÚ XUÂN DƯỚI THỜI VÕ VƯƠNG NGUYỄN PHƯỚC KHOÁT

Trong lúc Thiên Mục tự được hưởng thụ dồi dào ân sủng, thì Phú Xuân, kể từ năm 1712, phải lâm vào cái số phận hẩm hiu như Kim Long thuở trước. Từ cái cương vị một thủ phủ rạng vẻ phồn vinh, đô hội, nó phải thềm lạng rút lui vào cái tư thế khiêm nhường của những lục dã, hoa thôn. Đã có lúc cuộc đất quý này dâm ra nghi ngờ cả những yếu tố “*giai thắng*” mà các nhà phong thủy tài danh từng gán vào cho nó. Phải chăng cái vị trí nó cung hiến cho thủ phủ chưa xứng và chưa đúng với điểm kết cục của long mạch ở gò Hà Khê để đảm bảo sự củng cố và trường cửu của đại nghiệp? Phải chăng Quốc Chúa đã bị ám ảnh, ngay từ ngày kế thừa nghiệp lớn, về sự thăng hà quá vội của Anh Tôn Hiếu Nghĩa Hoàng đế sau ngày xây dựng tân phủ Phú Xuân mới được ba năm?

Sử văn hoàn toàn thình lạng về những nghi vấn trên đây. Chỉ biết Phú Xuân phải chờ tới trên một phần tư thế kỷ, qua hai đời chúa - Minh Vương và sau đó, Ninh Vương Nguyễn Phước Trú (1725-1738) [249] - mới thu hồi lại được ưu thế để vươn lên tột đỉnh thịnh đạt dưới thời Võ Vương Nguyễn Phước Khoát, tức Thế Tôn Hiếu Võ Hoàng đế (1738-1765).

Võ Vương Nguyễn Phước Khoát - công tử cả của Ninh Vương, mẹ là Trương thị, sinh năm Giáp Ngọ Lê Vĩnh Thịnh năm thứ mười (1714), hiệu là Từ Tế đạo nhân - kế vị năm hai mươi bốn tuổi, là một vị chúa thông minh, cương nghị, biết quan tâm đến chính sự, nhưng lại có tính tàn nhẫn, tham lam, và ham đắm cái thú yến ca, tửu sắc.

Ngay sau khi kế vị, một sớm, có một kẻ sĩ hào hoa, tuấn lãng, lấy tư cách là thư sinh đến xin bệ kiến để *hiến sách*. Võ Vương cho được bài yết. Xem qua sách lược và hỏi qua nhiều vấn đề quan trọng về chính

sự, Võ Vương biết ngay kẻ hiển sách quả là hạng người xuất chúng, kiến thức uyên bác, kinh luân, thao lược gồm tài, lại tỏ ra tinh thông về Lý số, bèn hỏi họ tên. Được biết tên họ là Nguyễn Đăng Đàn, người huyện Hương Trà^[250]. Võ Vương cả mừng, phán bảo:

- Thì ra chính là Siêu Quần tiên sinh đây sao? Ta đã từng được nghe chúng dân ca tụng tài đức của nhà thầy từ lâu, nay lại được nhà thầy hiển sách thực là một may mắn lớn cho ta...

Siêu Quần tiên sinh vội nghiêng mình, từ tốn:

- Thân chúa thượng, chẳng qua vì quá yêu mà có số người đã xưng tụng một cách quá đáng như vậy, khiến kẻ dật dân^[251] này phải tự thẹn vì rất nhiều cái danh hư truyền của thiên hạ gán cho.

Nhân sẵn mối ưu tư vì một câu sấm truyền chẳng lành, Chúa hỏi:

- Gần đây trong dân gian có đồn đãi về câu sấm văn “*Bát thế hoàn trung đô*”, nhà thầy nghĩ sao về chuyện đó?

- Thân chúa thượng, quả có như vậy. Đó là sự chuyển vận của thiên cơ do rất nhiều nguyên nhân sâu xa tích lũy từ trước. Theo sấm văn, đại nghiệp này chỉ vững được tám đời, rồi mất. Nhưng bên cạnh cái lý “*Thiên định*” còn có cái lý “*nhân định thắng thiên*”. Chính vì đó mà kẻ dật dân này mới xin hiển sách, nhằm mong tránh được cái họa chung cho trăm họ.

- Nhưng có chắc là thành sự hay không?

- Thân chúa thượng, cổ kim đã từng chứng minh muốn được lòng Trời không gì hơn là làm đẹp ý dân, muốn làm đẹp ý dân không gì hơn là rộng ban đức nghĩa, xa truyền oai lệnh, lấy trung tín làm giáp trụ, lo cảnh yên vui, no ấm cho sĩ thứ như lo cho chính thân mình.

Võ Vương tỏ vẻ hoan hỉ:

- Nhà thầy đã vì ta mà đến, há chẳng vì ta mà vui lòng, vứt bỏ cần câu Vị thủy, ở lại giúp đời hành sự hay sao?

Siêu Quần tiên sinh vội tâu:

- Kẻ dật dân này vốn đã bén mùi hương mây, cảnh khói, quen vui với tươi, nón, cá, tôm, lại xét thấy những hạng khô nho, lương đồng phò tá đắc lực không hiếm gì người, xin chúa thượng thể tình mà tha cho cái khổ phải xa lìa trúc mai, rừng, suối. Khi cần, sẽ xin tìm đến.

Trong số môn đệ đông đảo của Siêu Quần tiên sinh từng theo thọ giáo từ ngày tiên sinh mở trường dạy học ở chân núi Thanh Thủy^[252], có người hỏi tiên sinh vì lẽ gì đã chịu hiến sách lại không chịu phò tá Võ Vương, tiên sinh thở dài mà đáp:

- Khi chưa giáp mặt Chúa, ta có nhiều tin tưởng là những sách lược của ta sẽ được nghe theo. Nhưng trong lúc bệ kiến, thường để ý đến dung mạo, thần sắc, lại xét qua ngôn ý của Người, ta nhận ra Chúa không phải là hạng thực sự ưa chuộng vương đạo, nhất là không đủ kiên nhẫn để tin tưởng vào phương sách chuyển đổi vận số, cứu vãn nguy cơ bằng đường lối trung chính. Chúa là hạng quyền xảo, thích cơ mưu... chỉ cầu chuyện thành tựu ngay trước mắt mà không nghĩ được chuyện lâu dài về sau. Đã vận dụng cơ mưu thì dù có thành công cũng chỉ là tạm bợ. Ăn thua ở một chữ “*thành*” mà thôi.

Người môn đệ cầu xúi được biết rõ hơn, Siêu Quần tiên sinh tỏ dáng ngậm ngùi:

- Con hươu đã đến lúc phải sỏ, dù có trói buộc bằng xiềng xích chặt chẽ đến đâu rồi nó cũng thoát ra. Đại nghiệp của họ Nguyễn dù có được cố gắng duy trì bằng những cơ mưu đánh tráo thiên cơ, cũng chỉ kéo dài thêm một đời nữa là cùng.

Tương truyền rằng: đúng như điều dự đoán của Siêu Quần tiên sinh, Võ Vương, sau đó, vì nghe theo lời giải thích sấm văn của một thuật sĩ người xứ Nghệ An cho rằng *qua tám đời chúa - chỉ tám mà thôi - đại nghiệp sẽ lọt vào tay người khác, phương Nam sẽ nằm dưới ách thống trị của những người lạ*^[253] và muốn thoát được cái họa này cần phải sớm có cơ mưu để cải đổi mạng Trời, đánh lạc được sự ứng nghiệm của Thiên cơ.

Võ Vương lại suy nghiệm kỹ về mấy chữ “*hoàn trung đô*” càng lo ngại về nỗi Đàng Trong sẽ có thể bị sáp nhập với Đàng Ngoài, thuộc uy quyền vua Lê, chúa Trịnh như xưa nên càng tin và nghe lời thuật sĩ.

Trị sở, từ xã Bát Vọng, huyện Quảng Điền, liền được dời trở về Phú Xuân. Phủ chánh được lập ngay bên tả phủ cũ và hoàn thành vào tháng Giêng năm Kỷ Mùi (T739). Vào tháng Sáu năm sau, triều thần dâng Chúa tôn hiệu Thái phó Quốc công.

Việc lập phủ chánh tuy đã hoàn tất, nhưng với cái ý hướng đổi mới theo cơ mưu của thuật sĩ, Võ Vương còn ra lệnh xây dựng Đô ấp. Công cuộc kiến tạo này kéo dài trên năm năm trời và được coi như là hoàn thành vào năm Giáp Tí (1744).

Từ cái thế bị thất sủng, Phú Xuân đột nhiên gặp tuần thái lai. Không những chỉ được phục hồi phong độ xưa, mà còn được tiến xa hơn theo vận hội thăng hoa, đạt tới cái bề thế tráng lệ, huy hoàng chưa từng có của một Thượng đô.

Xét về mặt phong thủy, cái khí tượng “*thiên phủ*” thực đã biểu hiện rõ ràng: “*Đất bằng phẳng như bàn tay, rộng hơn mười dặm, ở giữa là chánh dinh - đất cao, bốn bề đều thấp - tức là chỗ nổi bật ở giữa đất bằng, ở vị Càn (tây bắc), trông về hướng Tốn (đông nam), đặt ngang sống đất (long tích), trông xuống bến sông, đằng trước là quần sơn, châu về la liệt, thu hết nước ở bên hữu nên của cải và vật lực giàu thạnh*”^[254].

Lầu son, gác tía, điện các nguy nga, cảnh sắc trù mật, phồn vinh, phong khí văn vật, hoa lệ, so với xưa khác hẳn một trời, một vực^[255]. Ngay tại vương phủ mọc lên biết bao công trình kiến trúc quy mô: nào điện Kim Hoa, điện Quang Hoa, điện Quang Văn, nào là Diên Trì các, Triều Dương các, nào là Tựu Lạc đường, Chính Quan đường, Trung Hòa đường, Di Nhiên đường, Sướng Xuân đường, nào là đình Thụy Vân, đình Giáng Hương lại có hiên Đồng Lạc, có am Nội Viện, lối kiến trúc rất công phu, cầu kỳ, phô diễn được tất cả vẻ cao sang, vương giả^[256]. Khuôn viên của vương phủ hình vuông, có ba lớp

thành bao bọc, có bảy cửa thành ra vào, cửa chính trông thẳng ra sông có xây vọng lâu. Một trăm năm chục đại bác cỡ nhỏ đặt rải rác quanh thành, ba khẩu thần công lớn đặt cách vương phủ không xa, về phía tả, làm tăng thêm vẻ uy nghiêm, đường bộ^[257].

Vì dụng ý đổi mới, đổi lạ, lại ưa chuộng việc chinh nghi hình thức, khoa trương cái khí tượng vương giả của Đô ấp, nên ngoài những công trình kiến trúc này, Võ Vương còn cho sửa sang lại điện cũ ở phủ Dương Xuân - vốn được coi là Ấn phủ dưới thời Minh Vương vì vào năm Canh Thìn (1700), nhân trùng tu cơ Tả Thủy của Phủ, lính đào đất đã bắt gặp một ấn đồng có khắc chữ “*Trấn Lỗ tướng quân chi ấn*”^[258] - và xây cất điện Trường Lạc cùng hiên Duyệt Võ ở phía thượng lưu sông Hương với hậu uyển có đặt giả sơn, kỳ thạch, đào ao vuông, hồ cong, cất nhà thủy tạ, chắp nối phi kiều, xây tường bao quanh có tạc hình cỏ hoa, long, hổ, lân, phụng để làm nơi thừa lương, yến hội.^[259]

Phía trên cũng như phía dưới Đô ấp, quân trại, quan xá được xây cất la liệt, “... bày hàng như bàn cờ. Nhà của Thủy quân nằm trên bờ bên kia sông. Xưởng thuyền, kho lúa tọa lạc ở các xã Hà Khê, Thọ Khương. Nhà vườn của công, hầu, quý thần nằm men hai bờ thượng lưu... Các nhà đều lát nền bằng đá, trên lát ván kiên kiên, có xối thiếc để hứng nước”^[260]. Tiếp theo là thị phố trù mật, đường sá rộng rãi, chợ búa đông đảo, nhà cửa san sát, mái ngói dăng hàng, quang cảnh trông thực tưng bừng, rộn rịp. Dưới sông ghe câu, đò, nớt, thuyền buôn, thuyền chài qua lại liên miên, tấp nập. Từ hữu ngạn sông Hương nhìn qua, hay từ Triều Dương các phóng xuống một cái nhìn bao quát, cảnh trí của vương phủ ở Phú Xuân thời bấy giờ quả là cảnh trí của một Thượng đô uy nghiêm, nằm giữa một vùng địa thế vừa hùng tráng lại vừa u nhã với sự phối hợp tuyệt mỹ của núi sông thanh tú.

Công cuộc kiến tạo đô ấp vừa hoàn tất thì tầm quan trọng của Phú Xuân lại được tăng thêm bởi một biến cố tốt lành xảy ra ngay tại Thượng đô. Biến cố này đã từng xảy ra một lần dưới thời Minh

Vương, cách năm mươi một năm về trước, vào ngày Ất Mão, mười một tháng Ba năm Quý Dậu (13-4-1693). Vào ngày lành ấy, quần thần đã triều bái, tung hô vạn tuế và suy tôn Minh Vương lên ngôi vị Quốc chúa^[261]. Cảnh tượng này lại được tái diễn ở vương phủ, tại Phú Xuân, vào tháng Tư năm Giáp Tí, tức năm 1744^[262], trong một khung cảnh trang nghiêm huy hoàng.

Nhân vì đúng lúc công cuộc kiến tạo đô ấp vừa hoàn tất, có một cây sung trong vương phủ bỗng nở hoa chi chít đầy cành, trông cực kỳ rực rỡ, ngoạn mục, người người đều cho là cát triệu^[263]. Quần thần, do Lễ bộ kiêm Lại bộ Chuyết Trai Nguyễn Đăng Thạnh^[264] cầm đầu, bèn cùng dâng biểu xin Thế Tôn nghĩ đến việc chính thức đăng vương vị. Trước bệ ngọc bày tôi cùng khẩn khoản tâu bày:

- Các sao đã châu về Tử vi, mặt trời đã lên đến hoàng đạo. Chỉ với chục dặm bờ cõi, nhà Thương đã dựng nền “huyền diệu”, hưởng hồ ba nghìn dặm dư đồ, sao còn chịu đứng địa vị hoàn khuê.^[265]

Điều thỉnh cầu này quả rất hợp ý của Võ Vương, nhưng bề ngoài Chúa vẫn cố tỏ vẻ khiêm nhường, từ tốn:

- Ta vừa kế thừa nghiệp lớn chưa được bao lâu, ngày đêm những còn lo ngại về nỗi đức tài non kém chưa xứng đáng vào đâu với cái trọng trách vỗ yên trăm họ, giữ vững giềng mối, làm sao ta đã dám nghĩ tới chuyện tự đặt mình vào một ngôi vị cao cả như vậy mà không sợ đắc tội với các đấng tiên vương.

Ngoại tử^[266] Trương Phúc Loan vội tâu bày những lẽ thiệt hơn:

- Thân chúa, chúa thượng vì đức khiêm nhường mà phán truyền như vậy, chứ xét ra cho thấu lý thì việc thế theo ý nguyện của quần thần để chính thức đăng vương vị là một chuyện chính đáng, phù hợp với ý chỉ và di chỉ của các đấng tiên vương. Việc Quốc Chúa xưa đã cho đúc Quốc tử, dùng vương hiệu “Đại Việt Quốc vương” cách đây những bốn mươi tám năm về trước^[267] là một bằng chứng. Và lại hiện nay, tình hình nội trị, ngoại an, nhờ thánh đức của chúa thượng đã đạt tới chỗ ổn cố, vững chắc trong ngoài, đem lại cảnh hoan lạc, âu ca cho

bách tính. Công cuộc mở mang bờ cõi cũng tiến triển khả quan, uy danh, thanh thế của chúa thượng đã lan rộng về Nam tận vịnh Xiêm La và dinh Long Hồ. Còn về phương Bắc, tình thế càng có lợi cho ta hơn trước. Trịnh Giang đã hoang dâm, bạo ngược lại kiêu căng, lộng quyền. Hiến Tôn thì ươn hèn, nhu nhược. Việc Trịnh Cương trước kia mưu lập Duy Phường làm Thái tử, ép buộc Dĩ Tôn trao ngôi^[268] không còn che mắt được ai. Rồi đến Trịnh Giang cùng tế thần Nguyễn Công Kháng âm mưu đổi thay chế độ, lại đoạt tước của Thái thường tự khanh Bùi Sĩ Tiêm vì cái tội dám vạch rõ mưu gian^[269] sau đó lại ngang nhiên phế bỏ, ám hại Hôn Đức công cùng các triều thần có tiết tháo^[270]. Những hành động này đã làm sôi sục căm thù khắp nơi ở Đàng Ngoài và đã tạo đoan cho nhiều vụ nổi loạn. Mặc dù âm mưu đốt phá kinh thành và vụ Lê Duy Mật^[271] bị đàn áp kịp thời, nhưng cái cơ loạn lạc vẫn không vì đó mà ngăn chặn nổi, trái lại có thể còn bành trướng vì tình trạng đói kém và cái thế thao túng của giặc Nguyễn Hữu Cầu ở khắp cả một vùng Đồi Sơn^[272]. Tưởng đó cũng là thêm một lý do để có thể coi việc đăng vương vị của chúa thượng vào lúc này không những đã hợp lý, hợp tình mà còn rất đổi hợp thời.

Võ Vương nghe xong liền đồng ý. Lễ chính thức đăng vương vị được định vào ngày mười hai tháng Tư^[273] và được tổ chức với tất cả sự huy hoàng, long trọng chưa từng thấy ở Thủ phủ từ trước đến nay.

Chung quanh vương phủ, nhất là ở mặt tiền trông về phương nam, dưới sông cũng như trên bộ, cờ xí rợp đất, đèn kết, hoa đăng, nhan nhản phường môn, hương án. Năm chục thớt voi phủ nhung màu, thắt lụa màu^[274] mang bành vàng có lót thảm đỏ, có tàn che, lính hầu, có quân tượng mặc đồng phục điều khiển và bốn trăm kỵ binh^[275] nón dấu màu vàng, áo dấu đỏ màu ráng pha, xếp thành đội ngũ, đứng dàn hai bên cửa chính, phía dưới vọng lâu. Tất cả chiến thuyền đều được tập trung về Đô thành. Một chiếc hồng thuyền lớn cùng một đội thuyền hộ giá đậu ngay bến chính, trước mặt vương phủ. Quang cảnh

sông Hương, từ phủ Dương Xuân, qua điện Trường Lạc, đến tận thôn Vĩ Dạ, trông thật là từng bừng, hùng tráng.

Vào ngày nói trên, một chiếu đại xá ban ra khắp trong toàn cõi. Sau khi đã cử hành lễ đăng vương vị bên trong vương phủ, giữa những tiếng thần công vang nổ rền trời, Quốc vương ngự ra cửa thành, trên chiếc kiệu sơn son, thếp vàng có tám lính khiêng^[276], có các thượng quan cưỡi ngựa theo sau hộ giá, đi giữa hai hàng cận vệ áo đỏ, mũ đỏ thếp vàng và đoàn lính hầu đông đảo, mang tàn, lọng, cờ, quạt. Dẫn đầu xa giá là bốn thớt Kinh tượng cao lớn nhất và hai đội Thân quân gồm toàn những hạng lực sĩ, có trang bị đao thương.

Tiếng loa truyền lệnh dẹp đường, tiếng thanh la, tiếng trống long chuyển không khí thị phố, chen lẫn tiếng tung hô vạn tuế nổi lên như sấm dậy từ những rừng người chen chúc hai bên chính lộ, cách xa vệ đường những năm sáu thước, và khép nép, thu hình phía sau đám bô lão, chức sắc mặc lễ phục, châu chực bên các hương án nghi ngút hương trầm để bái nghinh xa giá.

Vì điện Trường Lạc là nơi được chọn để Quốc vương cùng quần thần hội yến, nên sau khi xa giá đã diễn hành qua khắp Đô ấp để chúng dân được thỏa lòng chiêm mộ, Quốc vương ngự xuống hồng thuyền cùng đám quốc thân và các thượng quan. Những cuộc vui chung dành cho sĩ thứ cũng được bắt đầu ngay từ giờ phút đó. Không khí rộn rịp, vui nhộn hơn cả ngày xuân, ngày Tết kéo dài suốt tháng. Tại điện Trường Lạc thực không còn bút mực nào tả xiết được cái cảnh sắc nghiêm lệ, xa hoa, lộng lẫy của những cuộc yến ẩm, ca vũ mà Quốc vương muốn dành cho quần thần vào dịp khánh điển cực kỳ trọng đại.

Và Phú Xuân lẽ tự nhiên phải được hưởng nhiều ân sủng. Cảnh nội toàn cõi chia làm mười hai dinh, riêng Phú Xuân được gọi là *Chánh dinh*, đô ấp được xưng là Đô thành^[277]. Phong khí của Phú Xuân càng trở nên tôn nghiêm theo vận hội mới.

Võ Vương, sau khi chính thức đăng vương vị, với cái chủ đích cải đổi mạng trời, liền ủy thác cho *Chuyết Trai* Nguyễn Đăng Thạnh tham chước chế độ các triều đại, sáng định việc đổi mới chế độ^[278]. Quốc tử được đúc. Các vị chúa đời trước được truy tôn và mạng cho xây cất nhà Tôn Miếu. Những danh xưng thuộc về chúa đều được đổi thay. *Phủ* gọi là *điện*. Khi khai trình lên chúa việc gì phải dùng chữ *tấu* thay cho chữ *thân*. Văn thư tuy vẫn dùng niên hiệu của vua Lê, nhưng đổi với thuộc quốc thì xưng là *Thiên Vương*. Trong việc bổ quan lại vẫn dùng hai chữ *thị phó* hoặc *lệnh truyền* như trước, nhưng phía dưới kiểm ấn Quốc Vương chứ không kiểm dấu *Thái phó Quốc công* và *Tổng trấn Tướng quân*. Trước kia bà con của chúa dù được trọng dụng tín nhiệm đến đâu, khi còn sống vẫn không được tặng Quận công. Sau ngày đăng vương vị, cải đổi lệ này và phong tặng Quận công cho các bậc quốc thân. Con trưởng của chúa vẫn gọi là Thái công tử, nhưng vợ chánh của chúa trước kia gọi là Chánh phu nhân, nay đổi là *Tà hành lang* và vợ lẽ là *Hữu hành lang*.^[279]

Để làm tỏ rạng phong thế của một vương quốc, Võ Vương ra lệnh tổ chức lại các cơ quan chính quyền ở Trung ương và định lại triều phục. Ở Chánh dinh, chức *Ký lục* đổi thành *Lại bộ*, *Nha úy* đổi thành *Hộ bộ*, lại đặt thêm *Binh bộ* và *Công bộ*. *Thân quân* đổi thành *Vệ lâm quân*, *Văn chức* đổi thành *Hàn lâm viện*^[280]. Về triều phục, văn quan từ chức *Quản bộ* đến chức *Chiêm hậu*, *Huấn đạo*, võ quan từ chức *Chưởng dinh* đến *Cai đội*, mũ đội phải trang sức vàng bạc, mãng bào phải dùng thái đoạn. Bạc *bang* thì áo mãng bào có thêu thủy ba, mũ cũng dát vàng, dát bạc^[281]. Việc thay đổi triều phục này càng làm rạng rỡ thêm vẻ văn vật của chốn Thượng đô và càng nâng cao giá trị của những ơn mưa móc ban ra từ cửa khuyết, đến độ những hạng hào phú ở xa xôi tận cùng bờ cõi, như cha con *Lâm Tổ Quan* - ông ngoại *Trịnh Hoài Đức* - ở Đại phố châu *Nông Hải* cũng nô nức dâng vàng lạp quyên để cầu được phong chức *Nội viện thị hàn* chỉ vì lòng hâm mộ sự vinh hoa của cận đại, áo mũ^[282]. Việc chiêu nạp hiền tài cũng vì đó

mà càng được các tầng lớp sĩ thứ nô nức hưởng ứng đông đảo hơn xưa bội phần qua các khoa thi mở ngay trong vương phủ. Từ năm Canh Thân (1740), Võ Vương đã cho định lại phép thi. Những người đậu về đệ nhất gọi là *Nhiêu học* được miễn sai năm năm, đậu kỳ đệ nhị và đệ tam được miễn sai chung thân, đậu kỳ đệ tứ gọi là *Hương cống* được bổ đi làm Tri phủ, Tri huyện^[283]. Cũng về y phục, về phần nhân dân, Võ Vương đã cho thực hiện một sự cải cách lớn trong lối trang phục, trai gái đều mặc áo ngắn, theo kiểu gần giống như người Tàu^[284]. Lại cùng với sự cải phục sắc, còn “*đổi phong tục trong dân gian theo lối mới, trừ tập tệ ở Bắc Hà từ xưa nay*”^[285].

Phú Xuân không những được tăng thêm cái phong khí văn vật mà còn là một nơi đô hội rộn rịp vì cái không khí hỉ lạc, ưu du. Vì ngoài những cuộc yến hội, xướng ca trong vương phủ, Võ Vương còn cho tổ chức nhiều cuộc hội hè hay những cuộc giải trí quy mô, đáng kể nhất là những trận đấu giữa voi với cạp tại cồn Dã Viên, mỗi khi các dinh bắt được mãnh hổ đem dâng cho Chúa. Không khí, quang cảnh của cuộc đấu sức giữa hai loài mãnh thú này là không khí, quang cảnh của một ngày đại hội. Từ các thôn mạc xa xôi, dân chúng cơm đùm, cơm gói đổ về. Võ Vương ngự đến đầu cồn trên một chiếc thuyền có lọng đỏ, đi giữa đoàn thuyền hộ giá. Chúa dùng hai thanh tre khổ mạnh vào nhau để ra hiệu khai mạc cuộc vui. Trên cồn, một bên là hai hàng voi gồm bốn chục thớt, một bên là những mãnh hổ bị nhốt trong cũi lớn. Sau khi Võ Vương đã ra hiệu lệnh, mãnh hổ lần lượt được thả ra, và tùy theo số hổ, một số voi được rời khỏi hàng ngũ, hùng hổ tiến tới dùng vòi quật ngã địch thủ, và khi đã quật ngã được rồi, phải dùng ngà mà xúc, tung mãnh hổ lên cao và rất nhiều lần cho đến khi hổ chết. Những cuộc đấu sức này thực ra không gây được nhiều hồi hộp trong đám khán giả đông như kiến cỏ, và sự đắc thắng của đám thị tượng cũng không có gì vẻ vang, oanh liệt, vì mãnh hổ trước khi được thả ra để tranh hùng, đã bị nhổ sạch nanh, vuốt, buộc chặt mõm lại, đồng

thời còn bị vướng vấp vì một sợi thừng buộc lòng thông, đầu thừng lại cột chặt vào một cây trụ lớn. [\[286\]](#)

NHỮNG ĐIỀM LẠ VÀ NHỮNG DÒNG CHỮ VÔ HÌNH Ở VÁCH CHÙA THIÊN MỤ

Chính giữa lúc Võ Vương cùng quần thần đang tin tưởng vào cái thế bền vững và hưng phát của đại nghiệp, chính giữa lúc Phú Xuân đang tỏa rạng vẻ nghiêm lệ, huy hoàng, đặc ý với cái địa vị tôn quý của nó đối với các dinh trong toàn cõi, và chính giữa lúc Thiên Mụ tự đang hân hoan chứng kiến cái thành quả rực rỡ của công cuộc gây dựng bá nghiệp do hiệu lực của long mạch ở gò Hà Khê, thì bỗng có rất nhiều điềm lạ xảy ra.

Trước tiên là một ngọn núi, ở cách Đô thành không xa, tự dưng rung chuyển, nổ tung và sụp đổ. Rồi một cửa bể bị cát bồi lấp, thuyền bè không thể nào còn qua lại được. Tiếp theo là nạn chuột hoành hành. Chuột bầy, chuột lũ, nhung nhúc từng đàn hàng nghìn, hàng vạn con, phá hại tất cả mọi thứ hoa lợi ở nơi lục dã.^[287]

Tuy đắm say nữ sắc, triền miên trong thú yến ca giữa đám tả, hữu hành lang. Thế Tôn cũng không khỏi giật mình kinh ngạc và lo âu khi được nghe nội giám tâu bày về những hiện tượng dị thường như vậy. Chúa liền cho vời các bậc quốc thân và thượng quan vào Điện ban hỏi ý kiến về những sự việc xảy ra.

Theo một số các vị quốc thân thì những điềm gở này báo hiệu những tai họa còn đáng lo ngại hơn nhiều cho quốc vận, mà nguyên nhân là việc tà đạo của bọn người Tây dương đã được du nhập vào nội cảnh, được dung túng để có cơ bành trướng. Trong dân gian đã có một số đáng kể vì bị mê hoặc bởi tà đạo, dám cả gan dẹp bỏ bàn thờ gia tiên, quên chuyện hương khói, dám khinh mạn đối với chính giáo, coi nhẹ đạo nghĩa, luân thường. Muốn giải trừ hậu quả chẳng lành và khó tránh của những thứ hung triệu này thì việc cấm ngặt tà đạo chưa đủ

mà còn phải trục xuất cả bọn người Tây dương ra khỏi đất nước mới yên.

Thế Tôn rất đổi phân vân, khó nghĩ, vì nhà Chúa tuy không bao dung tà đạo của bọn ngoại nhân, nhưng vẫn có cảm tình với một số thương gia và giáo sĩ Tây dương. Hầu hết các vị triều thần cũng như các vị quốc thần thời đó vốn sùng mộ Phật giáo và giàu óc kỳ thị nên rất bất mãn về việc Thế Tôn thường cho bọn ngoại nhân ra vào vương phủ. Quần thần đã xôn xao nhiều về chuyện một thương gia người Phú Lãng Sa^[288] được Chúa đón tiếp niềm nở, đưa đi xem khắp các điện, đường, am, các trong vương phủ và chỉ dừng lại ở trước hậu cung^[289]. Trường hợp của giáo sĩ Koffler còn đáng phàn nàn hơn nữa. Giáo sĩ đã từng được Thế Tôn cho phép ở lại, được giữ nguyên giáo đường ngay trong lúc lệnh trục xuất các giáo sĩ, bắt bớ giáo dân và triệt hạ giáo đường được ban hành khắp trong toàn cõi. Và cũng đã hơn một lần, vị giáo sĩ này được gọi vào vương phủ để xem mạch, chữa bệnh cho Chiêu Nghi - tức Mệ Hòm - một cung phi rất được Chúa sủng ái, khi các tay ngự y, các danh y trong hàng tăng lữ và cả bọn pháp sư đã chịu đầu hàng. Tuy ngại nỗi giáo sĩ có thể trả thù về những vụ đàn áp đã xảy ra và mặc dù nặng thành kiến đối với phép trị bệnh và các thứ dược phẩm của bọn người Tây dương vốn thường được *chế tạo bằng những chất độc địa, gớm guốc như bột xương người, rắn độc, nên có sức công phạt dữ dội đến độ con bệnh mà thoát chết được là chỉ nhờ ở phép lạ mà thôi...* Thế Tôn vẫn phải dùng giáo sĩ này, và, khi thấy bệnh có chiều thuyên giảm đôi chút, Chúa đã vui vẻ hứa quyết với giáo sĩ là sẽ cho xây cất lại các giáo đường bị đập phá, nếu Chiêu Nghi bình phục hoàn toàn. Nhưng rủi thay cho giáo sĩ, vì bệnh tình Chiêu Nghi thuyên giảm để rồi lại trở nặng bất thần, và ngôi sao sáng chói trong giới cung phi ấy, vào một đêm thu, đã nghe theo tiếng gọi của rừng sao xa xăm, cõi gió, nương mây tách lìa dương thế. Nỗi tiếc thương, đau đớn không những chỉ vò xé tâm can của vị chân chủ si tình mà còn làm bật phát cả một cơn lôi đình, thịnh nộ mà kẻ phải đón

nhận, lẽ tự nhiên, không ai khác hơn là tên “ngoại nhân tà đạo” đã dùng bột xương người, xương rắn để sát hại bệnh nhân. [290]

Sự đoán mệnh của Từ Mẫn Chiêu Nghi - với những hậu quả chẳng lành xảy ra cho giáo sĩ Koffler - tuy đã làm hài lòng rất nhiều người, nhưng chưa đủ để làm nguôi được mối bất bình chung của phần đông triều thần và sĩ thứ cũng như của hàng tăng lữ vốn muốn phục hồi lại cái uy thế độc tôn của Phật giáo như dưới thời Quốc Chúa Nguyễn Phước Châu. Phải đàn áp quyết liệt hơn nữa, phải trục xuất ráo riết hơn nữa bọn người Tây dương, phải trừng phạt bằng những thứ cực hình tàn khốc hơn nữa bọn người chạy theo ngoại đạo. Hiểu rõ ý nguyện này, Thế Tôn càng tỏ ra dè dặt.

- Bọn người Tây dương nhập cảnh không phải là không có lợi cho ta. Còn đối với ngoại đạo, chính ta cũng đã nghiêm cấm chứ đâu có chuyện bao dung...

Một vị Quốc thân đã không ngần ngại tâu bày:

- Tâu chúa thượng, bọn người Tây dương cho đến nay vẫn còn tỏ ra ngoan cố, xảo quyệt, vẫn dùng tà thuật để mê hoặc nhân dân, lại khéo biết dùng tài lợi, của quý, vật lạ để mua chuộc lòng người. Tại nhiều địa phương chúng vẫn còn được dung túng để lén lút giảng truyền tà giáo, lại dám phổ biến những ngụy thư - từng bị cấm đoán triệt để dưới thời các tiên vương - bài bác việc thờ phụng tổ tiên, chế giễu Thần, Thánh, Tiên, Phật. Chúng còn dám khinh mạn chính giáo, coi Phật giáo, Lão giáo là dị đoan mê tín. Và sở dĩ có tình trạng như thế là vì nghiêm pháp chưa được áp dụng triệt để, còn Dã Viên đã từ lâu không còn là nơi răn dạy chúng dân về việc giữ mình trước sự cám dỗ, lung lạc của bọn đạo sĩ Tây dương.

Cồn Dã Viên! Câu nói cuối cùng hàm chứa cả một đề nghị cực kỳ táo bạo, làm cho Thế Tôn cũng như số thượng quan, quốc thân, không có ác cảm nhiều đối với Thiên Chúa giáo, phải giật mình, sừng sốt. Đề nghị này gợi lại trong ký ức mọi người cảnh tượng ghê rợn từng xảy ra tại cồn Dã Viên dưới thời Minh Vương. Về thời đó, bãi cồn mát mẻ,

chốn thừa lương^[291] khá mơ mộng này thường được chọn làm địa điểm gia hình khổ nhục cho bọn thần dân chạy theo ngoại đạo. Tại đây, sĩ thứ ở Đô thành thỉnh thoảng lại được chứng kiến cái cảnh một số giáo sĩ hoặc giáo dân thọ nhận một thứ cực hình dai dẳng, trong một túp lều dựng lên giữa cồn. Cả bọn bị trói vào cọc, bị đánh đập tàn nhẫn và phải chịu đói, chịu khát, quần quai, giã giũa ngày này qua ngày khác cho đến khi kiệt sức. Từng loạt oan hồn kế tiếp nhau, thâm lặng, nương gió sông sương bến mà về cõi âm ty^[292]. Cồn Dã Viên, đối với dân chúng thời đó, là một vùng âm phong, lãnh khí, đêm đêm xa vọng những tiếng gào rú, khóc than thê thảm, chập chờn dưới ánh trăng sao những hồn ma, bóng quế, và khách hành nhân thường phải tránh né việc qua lại nơi này vào buổi chính Ngọ hay lúc canh khuya thanh vắng. Nhưng rồi, từ khi Phú Xuân được phục hồi cương vị thượng đô, Võ Vương chinh hang Đô ấp, cảnh sắc của cồn Dã Viên cũng được duông theo vận hội mới mà thay đổi khác xưa. Không những bóng dáng ác tà, hơi hướng sầu lạnh của âm phong, lãnh khí bị tan biến vì những tiếng súng của trường bắn được Võ Vương cho thiết lập gần phủ Dương Xuân^[293], mà chính tại đây dân chúng, thay vì phải chứng kiến những cảnh gia hình tàn khốc như xưa, lại thường được vui xem những cuộc tranh hùng giữa voi và cọp trong cái không khí hội hè tương bừng, rộn rịp như đã nói trên.

Võ Vương vốn chẳng ưa gì ngoại đạo, nhưng những tặng phẩm và các nguồn lợi do người Tây dương mang lại, đã khiến cho Chúa, vốn nặng óc lý tài, vụ lợi, phải cân nhắc thiệt hơn trong mọi quyết định đối với bọn người này. Hơn nữa được nối nghiệp lớn giữa cảnh thịnh trị và trước cái bề thế phong quan, hoa lệ của Đô thành vừa tạo dựng cũng như trong cái không khí ưu nhàn, dật lạc, Võ Vương không muốn gây ra những gì có thể làm giảm vẻ mỹ tú, thanh lương của nơi thủ phủ.

Giữa lúc Thế Tôn đang dẫn đo suy nghĩ, thì Lễ bộ kiêm Lại bộ Chuyết Trai Nguyễn Đăng Thạnh đã tâu:

- Theo chỗ hạ thần chiêm nghiệm thì tất cả những gì vừa xảy ra chỉ là những hiện tượng tự nhiên của trời đất mà thôi, không nên gán cho chúng những ý nghĩa chẳng lành. Về việc đối phó ngoại đạo, giữa lúc ân đức đang cần ban ra, tướng cũng nên tránh những biện pháp quá ư tàn khốc đối với bách tính, như lối gia hình ở cồn Dã Viên thuở trước.

Ngoại tả Trương Phúc Loan từng được số thương gia Tây dương ve vãn, thờ phụng, tán đồng ngay ý kiến của Chuyết Trai. Và, từ đấy, chuyện những điếm lạ không còn được Võ Vương quan tâm đến nữa. Tin tưởng ở các kế hoạch của mình trong chủ đích cải đổi mạng trời, tin tưởng ở sự bền vững của đại nghiệp, Võ Vương càng đắm mình trong thú cung dưỡng bằng thanh sắc, yến tiệc linh đình suốt tháng, quanh năm.

Tuy vậy nhờ có sự phò tá tận tâm của nhiều trang lương đồng, đáng kể trong số là Chuyết Trai Nguyễn Đăng Thạnh từng thi đậu hương tiến, làm Tri huyện Hương Trà, sung chức Thanh cung thị giảng, chức Đô tri, làm Ký lục Quảng Nam, sau được triệu về thăng Lễ bộ kiêm Lại bộ; Lưu thủ Long hồ Tống Phước Hiệp dòng dõi Luân Quận công, nổi tiếng là người có huệ chính được lòng dân cảm mến; Nguyễn Cửu Thống, học vấn uyên bác, từng được sung chức Thị học, dạy Thế tử Chương; Nguyễn Quang Tiên, học rộng, thơ hay, rất thông thạo về mặt văn thư thù ứng lân bang; Trương Phước Du và Nguyễn Cư Trinh là những tướng giỏi, nên không những công việc nội trị ngoại an vẫn được vững vàng, chu đáo, mà về mặt mở mang bờ cõi cũng thu đạt thêm nhiều thành tích vẻ vang. Năm 1753, nhân vụ Nặc Nguyên hà hiếp rợ Côn man^[294], thông sứ với chúa Trịnh để mưu đánh chống lại chúa Nguyễn, tướng Nguyễn Cư Trinh được lệnh đưa quân sang đánh dẹp. Năm sau, Nặc Nguyên bại trận, bỏ thành Nam Vang, chạy sang Hà Tiên, nhờ Mạc Thiên Tứ tâu xin nộp dâng hai phủ Tầm Côn, Lợi Lạp để chuộc tội và xin về nước. Nghe theo kế hoạch “*tầm thực*” của tướng Nguyễn Cư Trinh, Võ Vương chịu nhận lấy hai phủ. Qua năm 1759, Tổng trấn Trương Phước Du, nhân vụ Nặc Hinh giết nhạc phụ là

Nặc Nhuận - chú của Nặc Nguyên vừa thay thế Nặc Nguyên mới chết - đưa quân sang đánh. Nặc Hinh bại trận rồi bỏ mình. Con là Nặc Tôn, nhân được Võ Vương nghe theo lời tâu của Mạc Thiên Tứ, lập làm vua Chân Lạp, xin dâng đất Tầm Phong Long để tỏ lòng tri ân. Đinh Long Hồ liền được Chúa cho đưa về xứ Tầm Bào, nơi đóng tỉnh lỵ tỉnh Vĩnh Long hiện nay, và cho đặt thêm ba đạo là Đông Khẩu đạo ở Sadek, Tân Châu đạo ở Tiền Giang và Châu Đốc đạo ở Hậu Giang. [295] Thêm vào đó, còn phải kể đến phần đất Chân Lạp gồm năm phủ: Hương Úc, Cần Bột, Trục Sâm, Sài Mạt, Linh Quỳnh mà Nặc Tôn đã cắt để tạ ơn họ Mạc và Mạc Thiên Tứ lại đem dâng cho Nguyễn phủ, được Chúa cho thuộc về trấn Hà Tiên cai quản. [296]

Nhưng rồi cái thế suy vong vẫn không vì đó mà thiếu hẳn cơ duyên phát hiện, khi cái ưu thế trong chốn triều đường đã bắt đầu lọt dần vào tay một nhân vật giáo hoạt, giàu tham dục như Ngoại tả họ Trương.

Thực vậy, lợi dụng tính đam mê tửu sắc, yến ca của Võ Vương ngày càng trầm trọng đến độ xao nhãng, bỏ bê công việc triều chính, Ngoại tả Trương Phúc Loan tạo dần thế chuyên quyền, tác oai, tác phúc.

Ngoại tả vốn là dòng dõi thế phiệt. Tổ bốn đời của ông là Gia Sơn, Trương Công Điều - cũng có tên là Ca - từng giữ chức Điện tiền Đô kiểm điểm Lương Quận công tại triều nhà Lê; nhưng sau lại đưa cả gia đình vào Nam theo chúa Nguyễn. Lúc mới vào, Điều giữ chức Trấn thủ Quảng Bình, làm nhà ở ngay giữa lũy Trấn Ninh [297]. Vì có nhiều công trạng, được Chúa cho đổi chữ lót từ *Công* ra *Phúc*, bèn xưng là họ Trương Phúc từ đấy. Con Trương Phúc Điều là Trương Phúc Phấn, có võ lược hơn người, dưới thời Hy Tôn từng làm Cai cơ và Trấn thủ Bố Chính dinh, dưới thời Thần Tôn đã cùng con cả là Trương Phúc Hùng giữ vững lũy Trường Dục, khiến quân Trịnh phải khiếp phục mà rút lui [298]. Người con thứ của Phấn là Trương Phúc Cương sinh ra Trương Phúc Phan, thân phụ của Loan. Phan cũng là một tướng lãnh tài ba từng lập được nhiều võ công oanh liệt, nhất là trong cuộc tiêu trừ bọn hải phi ở đảo Côn Lôn. Phan lại có con gái gả cho chúa Túc

Tôn Nguyễn Phước Trú. Trương thị sinh ra Võ Vương Nguyễn Phước Khoát, do đó, Ngoại tả Trương Phúc Loan là cậu của Võ Vương.^[299]

Tuy thuộc dòng dõi thế phiệt, cha ông đều là hạng công thần trung nghĩa, nhưng Loan lại là người tham lam, tàn nhẫn, coi trọng sự nghiệp riêng tây hơn đại nghiệp của nhà chúa.

Theo sự nhận xét của một thương gia người Tây dương thuở đó, Loan là người “*có tính hay khoe khoang, ươn lười, phách lối, ít thể thống và ít cao thượng*”^[300]. Nhưng nếu Ngoại tả họ Trương có ươn lười là ươn lười về cái trách vụ nặng nề của một hạng trọng thần trung nghĩa, tận tụy, chứ về mặt củng cố địa vị, phát triển thế lực, tạo vây cánh để chuẩn bị cái thế nắm dần quyền bính, lấn át trong triều ngoài quận, vơ vét tài hóa quốc gia, bóc lột máu mỡ bách tính để bước lên tột đỉnh vinh hoa, phú quý thì Ngoại tả lại tỏ ra rất tích cực và có đủ thủ đoạn gian hùng, biết lợi dụng đúng mức những công trạng lớn lao của cha ông và lòng tín nhiệm của cháu là Võ Vương Nguyễn Phước Khoát.

Dưới thời Võ Vương, sự chuyên quyền của họ Trương tuy còn dè dặt, nhưng một con người giáo hoạt như Ngoại tả thì cái lợi thế có giới hạn trong hiện tại phải được khai thác triệt để nhằm mở đường cho cơ hội thao trì quyền bính về sau.

Trong vương phủ, Loan tìm đủ cách để khích lệ Võ Vương về mặt hưởng lạc. Biết rõ cái bệnh hiếu sắc của cháu, Ngoại tả đã khéo gài cái bẫy “*dâm loạn*” để dễ bề lung lạc. Thuở đó có công nữ Ngọc Cầu - con gái của Dận Quốc công Nguyễn Phước Điền - là một trang quốc sắc, thiên hương. Dận Quốc công vốn là con của Quốc Chúa Nguyễn Phước Châu, em của Túc Tôn Nguyễn Phước Trú và là chú của Võ Vương. Ngọc Cầu và Võ Vương chính là anh em đồng đường. Người em gái chú bác có cái nhan sắc nào nùng, diễm lệ như một giáng tiên này thường ra vào vương phủ và năng tìm cách gần gũi Võ Vương.

Một bên là trai đa tình, nịch sắc, một bên là gái ngọc, đã thanh tân, yêu kiều, duyên dáng lại bay bướm, lẳng lơ và đang độ xuân tình phơi

phối, hang tối khao khát hơi dương thì cái thể “lửa gần rơm” chẳng mấy chốc đã đốt nòng tẩm yêu và thiêu rụi cả khuôn khổ của luân thường đạo lý. Và tình ý trao đổi giữa đôi bên, qua hương trà, men rượu, tiếng nói, giọng cười, hẳn khó mà thoát lọt được cặp mắt tinh đời của Ngoại tá họ Trương. Nhưng ông cậu này đồng thời là một trong tứ trụ của triều đình họ Nguyễn vốn có cái trọng trách phải đóng vai “tránh thần” để ngăn chặn kịp thời những lỗi lầm nguy hại của người cầm đầu giềng mối, đã cố tình làm ngơ giả điếc vì một chủ ý thâm độc, bất lương.

Và chuyện đáng tiếc phải xảy ra đã xảy ra trong vương phủ. Ngọc Cầu, sau nhiều phen lăn lóc ái ân vụng trộm với người anh đồng đường, đã mang thai và sinh được một công tử. Loạn luân! Cái tội đáng phải ném đá đối với chúng dân, lại là một chuyện có thể coi thường ở chốn vương cung, trong vòng hoàng thất. Ngọc Cầu không những nghiêm nhiên trở thành một cung phi được sủng ái vào bậc nhất trong các hàng tả, hữu hành lang, mà cả đến anh em nàng cũng được Võ Vương trọng dụng, ban cho quyền cao, lộc hậu. Người anh cả của Ngọc Cầu là Nguyễn Phước Viên được làm *Chương thủy cơ*, và em của Viên là Nguyễn Phước Nghiêm được giữ chức *Nội hữu, Chương dinh* quản Bộ Lại và Bộ Binh, lãnh *Tả phủ Chương phủ sự* dinh Quảng Nam, tuy Viên là một người rất tầm thường, lười biếng chỉ thích rượu chè, còn Nghiêm thì càng bê bối hơn với cái phong thái xa hoa và bệnh hiếu sắc - hậu phòng thường có tới trên trăm người - quanh năm suốt tháng chỉ triền miên trong cái thú la đà say tình với bạn rượu và gái đẹp, lơ là bỏ bê công vụ, phó mặc cho bọn thuộc hạ muốn làm trời làm đất gì đấy thì làm.^[301]

Nhưng dù sao Võ Vương cũng không khỏi có ít nhiều mặc cảm tội lỗi về sự dâm loạn của mình, nên công tử - được đặt tên là Nguyễn Phước Thuận - chỉ được nuôi dưỡng khuất lấp ở chốn hậu cung và không được lập làm kế tử^[302] như ý mong muốn của người đẹp được sủng ái.

Vả lại việc kế vị hầu như đã được định đoạt ngay sau khi Thế tử Nguyễn Phước Chương - công tử cả - bị thất lạc vì bệnh nặng. Con trai của Thế tử hầu còn thơ ấu. Võ Vương nhân nhận thấy công tử thứ hai là Nguyễn Phước Luân - tức là hoàng khảo của vua Gia Long - thông minh, dĩnh ngộ lại có nhiều đức tính tỏ ra xứng đáng để nối nghiệp lớn sau này, bèn mạng cho *Nội hữu Cai cơ* Trương Văn Hạnh - được phong làm Thái phó - và *Thị giảng* Lê Cao Kỳ lo việc dạy dỗ. Để công tử sớm có kinh nghiệm trị quốc, Võ Vương thường cho tham dự các cuộc họp bàn quân cơ, chính sự của các vị đại thần.

Thái phó họ Trương vốn là một người khí khái, cương trực, phò tá chúa Nguyễn rất mực trung thành. Trong nhà Thái phó có nhiều môn khách và trong số môn khách này, có Giáo Hiến^[303], một xử sĩ phóng đạt, võ giỏi văn hay từng được Thái phó quý trọng và thường tỏ bày tâm sự mỗi khi có những điều bất ý, băn khoăn về tình hình triều chính.

Vốn đã hiểu rõ nỗi ưu phần của Thái phó trước những tệ trạng của triều đường và tình hình nội trị không mấy tốt đẹp do sự lạm dụng quyền hành của Ngoại tả Trương Phúc Loan và tính ham vui chơi, đắm nữ sắc của Võ Vương, nên khi được biết Chúa giao phó công việc dạy dỗ đệ nhị công tử cho Thái phó, Giáo Hiến cho đó là một điều may mắn:

- Tình hình triều chính hiện nay tuy có nhiều chuyện đáng buồn, nhưng việc nước nên hư sau này lại là do người kế vị có xứng đáng hay không. Qua việc ủy thác này, chúng ta cũng đã đoán biết được cái ý chỉ của chúa thượng về vấn đề chọn người kế vị. Như vậy, với trọng trách dạy dỗ đệ nhị công tử, ít ra tương công cũng đã có một phương thế may mắn để có ngày gây lại được một nền thiện chính.

Thái phó cũng tỏ vẻ lạc quan:

- Ta cũng mong như vậy. Đệ nhị công tử không những thông tuệ mà còn có khí độ cùng nhiều đức tính có thể đáp ứng kỳ vọng của ta.

Cùng Lê quân^[304] ta sẽ dốc lòng trong việc giáo đạo để giúp công tử trở thành một vị chân chủ dũng nghị, anh minh.

Nhưng chính trong lúc *Thái phó* họ Trương và *Thị giảng* họ Lê tỏ ra hết lòng với nhiệm vụ được ủy thác, thì một khởi niệm chẳng lành đã bắt đầu manh nha trong tư tưởng của Ngoại tả Trương Phúc Loan vốn đã có nhiều cảm tình đối với Ngọc Cầu, một phụ nhân thông minh, khôn ngoan, sớm biết mua chuộc thiện cảm của người mình có thể trông cậy nhằm thực hiện cái mộng lớn mà hạng phi tần được sủng ái thường hay ủ ấp. Hơn nữa, dưới cái nhìn của Ngoại tả, đệ nhị công tử Nguyễn Phước Luân, với bẩm tính thông tuệ và sự rèn tập tận tâm của hai vị phụ đạo thuộc hạng khôi ngô, trung nghĩa như vậy, sẽ là một chướng ngại lớn lao cho ông trong sự dụng tâm lung lạc, tiếm quyền về sau. Trên con đường thăng tiến của hạng người giáo hoạt, mọi thứ chướng ngại cần phải san bằng, bất chấp luân thường, đạo nghĩa. Cho nên những lúc ra vào vương phủ, với những dự phóng âm thầm về tương lai, cái nhìn đầy toan tính của Ngoại tả lại thường hướng về đứa trẻ thơ ấu được nuôi dưỡng kín đáo trong chốn hậu cung.

Tuy đó chỉ mới là cái tiềm ý còn ẩn tàng bên trong nhưng vẫn không thoát lọt được cái nhìn thấu suốt của hạng người có một nhãn quan mẫn ngộ.

Công tử thứ tư của Quốc Chúa Nguyễn Phước Châu là Nguyễn Phước Tứ - tức là Thiếu sư Luân Quốc công Tôn Thất Tứ, từng được sung chức Cai đội dưới thời Hiến Tôn, là người có khí độ, học rộng, văn hay, rất sở trường về thơ quốc âm^[305], đã tự ý xin rút lui về vui hưởng thú điền viên sau khi Võ Vương lên kế vị ít lâu. Có người bạn tâm giao, nhân một dịp cùng đàm đạo về thời cuộc trên chiếu rượu, đã gạn hỏi:

- Người ta thường cho rằng nhân huynh sở dĩ xin rút lui khỏi chốn triều đường, tìm nơi vắng vẻ, là vì muốn tránh trước cái chuyện chẳng lành thế tất phải xảy ra do sự gièm sảm của bọn tiểu nhân vì ghen ghét đức tài. Nhưng trộm nghĩ đã có cái vốn kinh luân vững chắc như nhân

huynh, thì lẽ nào chỉ vì sự tị hiềm mà quên nghĩ đến cái phần trách nhiệm của mình đối với đại nghiệp của cả dòng họ, để đành lòng chạy theo cái thú yên hà, tưng cúc mà không chút băn khoăn vì tình trạng pháp lệnh, giếng mỗi có bề lơ lửng hiện nay?

Luân Quốc công ngâm ngùi bảo bạn:

- Khi lòng trời đã không tựa nữa thì dù hạng người có tài cất vạc, nhổ núi cũng đành khoanh tay hưởng nữa là một kẻ tầm thường như ngu đệ này. Đâu có phải là chẳng nghĩ đến điều nhân huynh vừa nói. Chuyện hiến sách của Siêu Quần tiên sinh là do ngu đệ thỉnh cầu, hối thúc. Nhưng một khi ở vương phủ bước ra, vừa gặp nhau, tiên sinh đã tỏ bày nỗi thất vọng và khuyên đệ nên hiểu rõ cơ trời để sớm lách mình ra khỏi vòng cương tỏa. Theo Siêu Quần tiên sinh cái thế suy vong, khuyh đảo tuy còn tiềm tàng nhưng đã súc tích như bát nước đầy. Việc trọng dụng Ngoại tả Trương Phúc Loan là thêm một cơ duyên đưa tới cái thế tràn giạt vào một ngày không xa.

Điều tiên tri của Siêu Quần tiên sinh được Luân Quốc công Nguyễn Phước Tứ nhắc tới trong chiếu rượu là chuyện về sau. Trở lại với những điềm lạ xảy ra trong cõi, thì sau cuộc hội họp triều thần, Võ Vương tỏ ra càng vững tâm, yên trí để lại triền miên, đắm đuối trong thú yến ẩm, tửu sắc giữa khung cảnh hoa lệ của Trường Lạc điện.

Nhưng sau đó ít lâu, tại Đô thành lại xảy ra một chuyện lạ, gây cả một luồng dư luận chấn động, xôn xao trong triều, ngoài quận.

Một đạo sĩ, chẳng biết từ đâu xuất hiện, mặc áo thụng gai, chân mang giày cỏ, chống gậy trúc, dung mạo phong độ có vẻ tuấn dật, oai vệ khác thường khiến dân chúng mỗi khi vừa thoáng trông thấy bóng đã đổ xô lại, vây quanh vòng trong, vòng ngoài để chiêm mộ và nghe lời khuyến giáo. Chính những điều đạo sĩ nói ra càng đánh động óc hiếu kỳ và lòng cảm phục của quần chúng nhiều hơn, vì toàn là những chuyện lạ lùng, huyền bí, dữ dội mà chỉ có hạng người dám coi thường uy quyền của vương phủ, dám xem nhẹ tù tội và tính mệnh của mình, mới có can đảm lớn tiếng loan truyền ngay bên cửa Khuyết.

Theo lời đạo sĩ, thì chẳng còn bao lâu nữa, tai họa sẽ giáng xuống khắp nơi trong toàn cõi phương Nam. Nạn đói lan tràn, ôn dịch thao túng, binh hỏa dấy khởi, đại nghiệp của họ Nguyễn sẽ sụp đổ trong cảnh rùng tranh hổ chọi, chính vì mưu toan cải đổi mạng Trời. Vì thiện ý muốn giúp lương dân thoát khỏi thảm họa, đạo sĩ bất chấp những nguy hiểm xảy đến cho bản thân mình, xa lìa lều tranh, quán cỏ, lặn lội khắp nơi, khuyến cáo chúng dân phải sớm lo tu tỉnh, lánh dữ làm lành, nghiêm ngặt giữ mình trai giới, noi theo con đường chính giáo mà đi.

Những lời tuyên truyền, đồn đãi về chuyện lạ này chẳng mấy chốc đã lọt qua vòng tường lũy thâm nghiêm của vương phủ. Vừa nghe qua, Võ Vương đã nổi cơn thịnh nộ. Lại vì những lời sàm báng xôn xao của một số mỹ nhân được nịch ái trong giới tả, hữu hành lang, Võ Vương liền ra uy sấm sét, cho lệnh bắt đạo sĩ, khép vào tội khi quân, đưa ra pháp trường, nhổ răng, cắt lưỡi, rồi chém đầu, bêu ngay giữa chợ để cảnh giới chúng dân hầu ngăn chặn việc bàn tán xôn xao về những lời tiên tri huyền hoặc, cũng như về câu sấm văn từng được truyền tụng trước đây.^[306]

Ngay sau ngày hành quyết đạo sĩ, vào buổi sớm tinh sương, tại Thiên Mục tự, một vị lão tăng - từ phương xa đến viếng thăm - trong lúc ngồi dùng thuyền trà với Hòa thượng trụ trì, bất giác như sực nhớ ra điều gì, nhìn ra phía trước chùa rồi chép miệng, ngỏ lời:

- Khuya nay lắng nghe âm thanh của Đại hồng chung có gì lạ lắm. Sức ngân nga du viễn có thể là khác hẳn ngày thường. Chuông này là của Quốc Chúa Nguyễn Phước Châu cho đúc phải chăng?

- Đúng như vậy.

- Đáng tiếc! Đáng tiếc! Âm thanh của tiếng chuông đã báo hiệu cái vận số chẳng may của đại nghiệp rồi đó.

Một thư sinh nghèo, nường nấu cửa chùa, nhân có mặt trong tiệc trà, nghe thế tỏ vẻ kinh ngạc:

- Bạch thầy, có chuyện lạ lùng như vậy hay sao?

Vị lão tăng mỉm cười:

- Có gì đâu mà phải ngạc nhiên. Nhân kia tích lũy, quả nọ chín mùi, mầm ác đã cao dài thì dương phúc tự nhiên tiêu tán. Nghiệp vương, nghiệp bá xưa nay vốn khó thể xây dựng trên cơ sở thành, tín, nhân nghĩa, bác ái, từ bi, khó tránh được những thủ đoạn, cơ mưu tổn nhân, thất đức, hại tín, hại thành. Đại nghiệp họ Nguyễn cũng vậy.

Chuyên thêm thuyền trà vào chén, lão tăng nói tiếp:

- Lấy chuyện nhỏ mà luận, Nguyễn Hoàng xưa tuy được tiếng là “*chính trị khoan hòa, rộng ban ân huệ*”, nhưng trong lối xử kỷ, tiếp vật vẫn không thoát được cái tệ loạn đức, phi nghĩa của bọn tiểu nhân. Để tránh khỏi tình trạng “*hổ bị cầm giữ xa rừng*”, Tiên Chúa đã mật sử bọn thủy tướng Ngạn, Nga, Khuê nổi lên làm phản ở cửa bể Đại An, đẩy bọn người này - vốn xứng hàng con cháu - vào con đường lầm lạc và vào chỗ chết, chỉ vì cái lợi riêng cho bản thân mình mà chẳng chút xót xa, hối hận^[307]. Quốc Chúa Nguyễn Phước Châu tuy được tiếng là sùng mộ giáo lý Phật đà, dày công trong việc che chở vườn Thiên, xương minh Đạo pháp, nhưng đến như chính sách trưng binh, chế độ sưu dịch thì quả là một lối hà chính của bọn người bá đạo. Đó là chỉ đơn cử một vài thí dụ điển hình trong muôn vàn chuyện khác. Còn lấy việc đại sự mà nói, thì cái thế phân tranh vì quyền lợi giữa hai họ Trịnh, Nguyễn đã gây ra bao cảnh khốn đốn, điêu linh cho đám lê dân, đã khiến cho biết bao người vì nạn đói khó liên miên, vì cảnh chết chóc như rơm rạ đã phải dặt dứu nhau xa lìa nhà cửa, phần mộ, làng mạc, quê hương, đi cầu thực tha phương, chịu cảnh bơ vơ, luân lạc hoặc bỏ mình giữa vùng hoang địa lạnh lùng.^[308]

Thư sinh như muốn nói gì, nhưng lại ngồi im lặng lắng nghe:

- Nguyễn Hoàng vào trấn Thuận Quảng, chú trọng chính sách thân dân, chẳng qua là vì cái thế bắt buộc lúc đầu. Nhưng khi cơ đồ đã có bề vững chãi, kể từ Nhân Lộc hầu Nguyễn Phước Lan trở đi thì cái đại nghiệp triển khai ngày càng trở nên một thứ gánh nặng trên vai trăm họ. Nền đắp càng rộng, thành xây càng cao thì cái thế gián cách giữa

hạng thống trị với khối lê dân bị trị lại càng sâu rộng. Mỗi liên hệ giữa rãng với lợi lẫn hồi trở thành mối tương quan giữa chủ nhân ông với nô bộc, nô tì, giữa người với trâu cày, ngựa cưỡi. Kho lẫm khắp nơi trong cõi trần đây không còn là huyết mạch của nhân dân để phú, giáo nhân dân, mà là máu mỡ của bách tính để xây đài hạnh phúc, bảo đảm đời sống vương giả, xa hoa cho cá nhân hoặc dòng họ.

Thư sinh nhíu mày, tỏ vẻ hoài nghi và ngắt lời lão tăng:

- Bạch thầy! Luận định như vậy e có quá đáng chẳng. Sử quan, đời này qua đời khác, há đã chẳng ca tụng về lối vũ trị, thiện chính cùng những ân đức của các chúa đó sao?

Lão tăng để nở một nụ cười hiền hòa và nhìn thư sinh với cái nhìn đầy thương hại:

- Nên tránh cái bệnh tận tín ư thư^[309]. Sử quan thường chỉ ghi nhận về mặt nổi, về cái lớp vầng thanh bình, thịnh trị tạo nên bởi cái thể được ưu đãi của một tầng lớp nào đó mà thôi, chứ dưới cái bề mặt vàng son, hoa gấm ấy, chất chứa biết bao là uất hận, phẫn oán của đám thương sinh đông đảo khốn đốn, lầm than. Dưới thời Nhân Lộc hầu chẳng hạn, ngoài cái khổ sưu cao, thuế nặng, nhân dân còn phải điêu đứng vì cái họa bóc lột của một nàng Tống thị cầu kết cùng bọn ác bá, cường hào và cái bệnh hoang phí, hiếu sát của Thượng Vương trong cơn say đắm. Qua thời Dũng Lễ hầu, cái họa chinh chiến dài ngày đã nhiều phen khiến lòng dân chán nản, quân sĩ nhụt chí, và cuộc bại trận năm Vĩnh Thọ thứ ba, bảy huyện ở Nghệ An lọt vào tay họ Trịnh là vì cái lễ sĩ thứ bất mãn hơn là vì các tướng bất hòa. Rồi đến thời Nghĩa Vương, nhất là thời Minh Vương thì hồi ôi, tình trạng sa hầm, sẩy hang, lầm than, khốn khổ của bách tính lại đạt tới cái mức độ “bất khả thắng ngôn”. Dân nghèo thủa đó “*kiếm đủ cơm ăn không phải chuyện dễ. Lúa thóc làm ra phải đóng góp vào công khổ đến bảy tám phần. Hàng năm mỗi người dân phải nộp đến những hai quan tiền thuế thân cùng các thứ tre, gỗ, muối, gạo tùy theo thổ sản*^[310]. Ngay đến hạng bần cùng, vô sản, tay làm hàm nhai, khi đánh được cá, hái được củi

cũng phải nộp cho bọn Cai, Trưởng, bọn chúng hoàn lại cho bao nhiêu thì được nhờ bấy nhiêu^[311], đâu dám hé môi kêu ca, than thở. Và đó là hạng già nua, ốm yếu. Đến như hạng cường tráng thì phải lìa bỏ vợ con, cha mẹ, giã biệt nhà cửa, xóm làng để sung vào quân ngũ, làm phu, làm thợ lúc thường, xông pha trận địa khi có chiến tranh, phục dịch như trâu ngựa cho đến lúc đầu bạc, răng long mới được hoàn hương, coi như gần trọn đời chẳng được biết đến cái lạc thú sinh hoạt nơi gia viên, cố quận là gì. Hà chính tàn khốc đến độ, Đại Sán Hán Ông, một vị thượng khách của Quốc Chúa đã vì xúc động mà có những vần thơ cực kỳ bi thiết...

Nhấp một ngụm trà thơm, lão tăng ngâm lớn:

*Dân làng toàn lão nhược,
Trai tráng ra tòng quân.
Nuôi trẻ đành nhờ vợ,
Thờ vua phải hiến thân.
Nhà hư sợ mưa dột,
Cây héo mặc sương nhuần.
Nỗi khổ trong làng mạc,
Ai tau lên chín từng?!*

- Những thực trạng như thế sử quan đâu có ghi chép. Và chính cái hà chính ấy còn làm hại lây đến chốn Thiền quan. “Cha mẹ sợ con phải đi lính, vừa lớn lên đã cho vào chùa làm sãi, hầu mong trốn tránh việc quan”^[312]. Dưới thời Minh Vương, cứ nhìn bề ngoài, Phật giáo quả có vẻ sum sê, thịnh đạt, nhưng đi sâu vào bề trong thì đó là thời kỳ “Phật pháp trở nên hỗn loạn, chẳng những tôn phái không ai hỏi đến mà các việc Luật, Luận cũng đều xếp xó, bỏ qua”^[313]. Ác nghiệp cứ thế mà gia tăng, tích lũy và cái “xâu ác” do sự hưng nghiệp tạo ra đã đầy, cán cân “công” và “tội” đã nghiêng lệch quá nhiều thì cái đảo vận của đại nghiệp cũng nương theo mà phát hiện. Lòng dân đã ly gián thì lòng trời đâu còn tựa nữa. Quả sắp đến độ chín mùi...

Rồi nhân cùng thư sinh ra trước sân chùa ngắm xem cảnh trí, lão tăng hướng nhìn xuống dòng sông rồi nhìn về phía Đô thành, trầm ngâm lặng lẽ giây lâu, quay lại đưa tay bẻ một cành trúc, tiến tới phía trước vách chùa phía đông, vận dụng một cành trúc như vận dụng một cán bút lớn, hoa tay theo cái thế phượng múa, rồng bay, viết vào khoảng không ở gần mặt vách hai dòng chữ vô hình.

Viết xong, nhân thấy vẻ ngạc nhiên của thư sinh, lão tăng ném cành trúc ngỏ lời với giọng trầm buồn:

- Long mạch ở Hà Khê đứt nhưng chưa tuyệt. Chín năm trời, một khoảnh khắc, mọi sự rồi sẽ tỏ tường.

Đứt lời, quay vào chùa cáo biệt, cùng một chú tiểu quấy bầu, gánh níp ung dung lên đường. Thư sinh đứng lặng nhìn theo, và, chỉ trong thoáng chốc, đã thấy bóng lão tăng cùng chú tiểu biến tan mất hút giữa khoảng khói cuốn, mây vần.

Tương truyền chuyện này xảy ra vào tiết cuối xuân năm Cảnh Hưng thứ hai mươi sáu, tức năm Ất Dậu (1765).

ẤU CHÚA NGUYỄN PHƯỚC THUẦN VÀ QUYỀN THẦN TRƯỞNG PHÚC LOAN

Cũng chính vào năm này Võ Vương băng hà, sau hai mươi bảy năm ở ngôi chân chủ. Có thể vào lúc quay đầu về núi, Thế Tôn Hiếu Võ Hoàng đế vẫn còn mang theo niềm tin ở sự thành công trong cơ mưu cải đổi mạng trời.

Vả cả hai vị phụ đạo trung chính, Thái phó, Ý Đức hầu Trương Văn Hạnh cùng Thị giảng Lê Cao Kỳ, khi cung kính phủ phục trước tử cung của Thế Tôn sau lễ đại liệm, cũng yên trí và định ninh rằng đệ nhị công tử Nguyễn Phước Luân phải được kế thừa đại nghiệp. Riêng Thái phó càng vững tin một kỷ nguyên sáng sủa, thịnh trị sắp được mở màn với một nền thiên chính.

Cả hai bậc trung thần đâu có nghĩ tới những gì đang nẩy ra trong đầu óc của Ngoại tá họ Trương và đang ngấm ngấm xảy ra tại biệt thự của Ngoại tá và cũng không thể ngờ rằng cái cơ suy vong, đổ nát đã nẩy sinh và âm thầm khai triển từ lâu ở chốn hậu cung.

Vì ngay sau khi Thế Tôn vừa nhắm mắt, buông tay, Ngoại tá Trương Phúc Loan đã cùng Thái giám Chử Đức^[314] và Chương dinh Nguyễn Cửu Thống, mật bàn chuyện giành ngôi cho công tử thứ mười sáu tức Nguyễn Phước Thuần (cũng có tên là Nguyễn Phước Hân) - cái mộng từng được Ngọc Cầu ấp ủ từ lâu^[315]. Đúng ra thì chẳng phải là để thỏa mãn sở nguyện của một người từng tin cậy mình và từng lợi dụng cái thế được sủng ái để giúp mình trong việc củng cố địa vị mà Ngoại tá sốt sắng nhúng tay vào tội ác, nhưng chính là vì cái tham vọng chuyên quyền. Một đứa trẻ thơ mới mười hai tuổi đầu - chúa Nguyễn Phước Thuần sinh năm Giáp Tuất hay năm Cảnh Hưng thứ mười lăm (1754) - được đặt vào ngôi chân chủ quả là một thượng sách để nắm trọn quyền hành vào tay.

Chưởng dinh họ Nguyễn, vì tính thận trọng, đã bàn cùng Ngoại tả:

- Chuyện này rất dễ vì triều thần khó phân được thực hư về tờ di chiếu sắp được Ngoại tả cho tuyên đọc. Chỉ duy có hai vị phụ đạo vốn đã biết rõ ý chỉ của tiên vương, liệu có phản ứng gì chẳng?

Ngoại tả họ Trương, sắc diện đờng đờng sát khí, nhìn Chưởng dinh Nguyễn Cửu Thống bằng cặp mắt long lanh, sáng quắc:

- Ta đã nghĩ đến chuyện đó. Dù bọn ấy có phản ứng hay không cũng phải cho chúng nổi gót tiên vương để khỏi lộ bí mật về sau.

Thái giám Chử Đức vừa nghe xong, tỏ vẻ tán đồng và góp ý:

- Thế tất là phải như vậy. Xét ra, Thi giảng họ Lê ta muốn trừ khử lúc nào cũng được, nhưng trái lại Ý Đức hầu thì không phải là dễ. Hầu đã là người dũng lược, lại có nhiều môn khách, đồng sĩ túc trực thường xuyên trong nhà, nên tôi xin hiến kế này...

Nghe Thái giám Chử Đức trình bày xong, Ngoại tả họ Trương gật gù khen là diệu kế và ngay chiều hôm ấy, vào lúc sẩm tối, Ngoại tả cho mời Ý Đức hầu Trương Văn Hạnh vào vương phủ bàn việc cơ mật. Được vời vào triều bàn việc như vậy là chuyện rất thường nên Ý Đức hầu không chút nghi ngờ. Nhân có Giáo Hiến cùng ngồi đàm đạo, Hầu bảo riêng:

- Chắc là về việc chuẩn bị lễ đăng quang cho đệ nhị công tử.

Hiến cũng nghĩ như vậy. Nhưng lúc Ý Đức hầu đã lên kiệu, tự dừng Giáo Hiến bỗng cảm thấy áy náy không yên như vừa được linh cảm một chuyện chẳng lành. Tuy không nghĩ đến một tai họa có thể xảy ra, Giáo Hiến vẫn nghe hồi hộp trong lòng, không thể ngồi yên, bèn rời khỏi dinh Thái phó, dạo chơi trên con đường chính của Đô thành để nghe ngóng tình hình.

Nơi họp là Di Nhiên đường. Thái phó đến nơi đã thấy bên trong đèn đuốc sáng trưng, Ngoại tả ngồi sau án giữa, hai bên có tới trên trăm đồng sĩ đứng hầu. Số đồng sĩ hộ vệ đông đảo khác thường đã khiến Ý Đức hầu ngạc nhiên. Thi lễ xong, vừa được mời ngồi Ý Đức hầu đã nghe Ngoại tả cười lớn:

- Hình như khi tiên vương sắp sửa băng hà, ông đã có ý định noi gương người xưa, xin chết thay bằng cách nạp sách vào hòm kim đằng phải chăng?

Nghe câu hỏi lạ lùng và bất ngờ như vậy, Ý Đức hầu càng thêm sững sốt, nhưng chưa kịp nói gì thì Ngoại tả Trương Phúc Loan đã vớ lấy cây đèn nhỏ trên án, ném mạnh xuống đất, quát lớn một tiếng. Tức thì, một số đồng sĩ trong đám bất thần nhảy xổ lại, ghì chặt người Hầu, dùng thừng trói kỹ, rồi lôi ra khỏi điện, hạ sát ngay trong chốc lát.^[316]

Chính trong khi vụ sát hại Ý Đức hầu Trương Văn Hạnh xảy ra trước Di Nhiên đường, thì ở tư dinh của Thi giảng Lê Cao Kỳ, một thích khách đã lẻn vào thư phòng đâm chết vị đạo phụ đang ngồi xem sách bên án thư, cạnh đỉnh trầm kỳ nam còn nghi ngút khói. Và Thái giám Chử Đức thừa lệnh Ngoại tả đưa quân lính đến Dương Xuân bắt đệ nhị công tử Nguyễn Phước Luân - tức Chương Võ - hạ ngục, đồng thời ra lệnh lùng bắt một số môn khách, đồng sĩ trung thành nhất của Ý Đức hầu, trong số đó người được đặc biệt chú trọng chính là Giáo Hiến.

Nhưng sau khi thi hành phạt sự, người lãnh mạng đã quay về trình lại cùng Thái giám là tất cả bọn môn sinh, đồng sĩ cần bắt đã sa lưới tất cả, chỉ duy có Giáo Hiến chẳng biết đã tẩu thoát từ lúc nào, tìm mãi chẳng ra tung tích. Chử Đức một mặt thét bảo quân lính phải tiếp tục công việc lùng kiếm, một mặt trình lên Ngoại tả xin cho lệnh tầm nã được cấp tốc truyền đi khắp nơi trong cõi, vì theo Chử Đức, Giáo Hiến vốn là người tâm phúc của Ý Đức hầu lại là một tay lợi hại, không trừ được y thì có thể có chuyện đáng tiếc về sau.

Chuyện này sau đó ít lâu đến tai Nguyễn Quang Tiền, một văn thần giỏi về môn tinh lịch^[317] vốn thường để ý đến việc xem sao để chiêm nghiệm số vận đại nghiệp chúa Nguyễn, nhất là từ ngày xảy ra vụ đạo sĩ xuất hiện và bị hành quyết ngay tại Đô thành. Nguyễn tiên sinh thờ dài, bảo riêng người nhà:

- Chữ Đức^[318] không phải hạng người trí độ nhưng lại có một năng khiếu linh cảm khá bén nhạy để biết coi việc tẩu thoát của một người như Giáo Hiến là đầu mối hậu họa sau này. Tuy nhiên chẳng qua đó là sự khé mở huyền nhiệm của thiên cơ mà tài trí, thủ đoạn con người khó có thể đối phó.

Và sau khi hai vị phụ đạo đã ôm hận, nối gót tiên vương về miền linh phủ, ấu chúa Nguyễn Phước Thuần, do một di chiếu giả mạo, được lên chiếm ngôi chân chủ, lấy hiệu là *Khánh Phủ đạo nhân*, đương thời gọi là Định Vương tức là Duệ Tôn.

Có thể vị ấu chúa không hề biết rằng chính mình đã bước lên ngôi cao qua những ba xác chết của hai vị trung thần và của một người anh. Vì đệ nhị công tử Nguyễn Phước Luân tức *Hưng Tổ Hiếu Khương Hoàng đế*, sau ngày bị hạ ngục chẳng bao lâu cũng phải giã từ dương thế.

Tương truyền khi công tử đã mệnh một, quan tài được đưa về nhà riêng ở Dương Xuân. Trong lúc người nhà đang bán khoản vì chưa chọn được nơi an táng, thì một đêm kia, có một lão tăng lạ mắt đến thăm và hỏi:

- Đã tìm được đất hay chưa?

Người nhà thưa:

- Đang tìm mà chưa gặp được nơi đáng chọn.

Lão tăng liền bảo:

- Ta đến thăm là vì chuyện đó. Cứ lên núi Cư Chính, tìm đến chỗ đất trũng, nơi ta có trồng sẵn mộ chí, theo đúng phương hướng những cây ta đã cắm sẵn mà chôn. Đó là một cuộc đất tốt.

Ngày hôm sau, người nhà y theo lời dặn, lên núi mà tìm xem quả thấy mộ chí, tin chắc là thần nhân mách bảo, vì chẳng ai biết vị lão tăng đã từ đâu mà đến và đã đi về hướng nào sau khi cáo biệt. Quan tài Hưng Tổ liền được đưa lên nơi này an táng^[319]. Cách đó mấy tháng về sau, một nhà phong thủy người thiên triều, nhân dịp lên núi Cư Chính - được đổi tên là Hưng Nghiệp từ năm Minh Mạng thứ hai - trông thấy

nắm mộ, nhìn ngắm giây lâu địa thế xung quanh, rồi đặt địa la xem kỹ, liền cảm thấy thích thú, ngỏ lời thán phục với bạn đồng hành:

- Đáng phục lắm. Phải là tay tổ trong nghề và phải là cặp mắt đã từng ngắm địa hình, địa vật qua vạn dặm sơn khê, hải hồ mới có thể nhận ra cuộc đất quý này. Có một long mạch từ xa bị đứt, nhưng chưa tuyệt, đã chạy ngầm mà kéo đến nơi này. Thế núi, thế nước đã kết thành triệu đoan cho một nghiệp lớn trung hưng, sau một thời kỳ suy sụp.

Nhưng với cái tương lai còn xa vời ấy, đại nghiệp họ Nguyễn, vào lúc Duệ Tôn vừa được kế thừa ngôi báu, đã chuyển vào cái thế nứt rạn, lung lay để ngày càng tụt nhanh xuống dốc khuynh đảo, suy vong.

Duệ Tôn Nguyễn Phước Thuần, vì cái tuổi còn quá thơ ngây, chỉ biết ca hát vui chơi, chứ chẳng biết gì đến việc triều chính. Quvern hành năm trọn vào tay Ngoại tả họ Trương.

Để giữ vững cái thế tiềm quyền, theo với thời gian Ngoại tả bày dạy cho Duệ Tôn đủ các lối ăn chơi hưởng lạc, nhiễm tập phong thói xa hoa, hoang phí. Vì trẻ người non dạ, càng lớn trong cái thế được thù phụng, cung dưỡng đúng theo mọi bề sở thích, Duệ Tôn càng cảm mến, tin cậy Ngoại tả, và để đền đáp xứng đáng công trạng của một bậc trọng thần đã tỏ ra hết sức tận tâm chu đáo trong sự phò tá, Chúa đặt Ngoại tả làm Quốc phó, cầm đầu Bộ Hộ, cai quản tượng cơ và kiêm cả Tào vụ^[320]. Bổng lộc của Quốc phó lẽ tự nhiên là cực kỳ trọng hậu. Chỉ tính riêng số ngũ lộc được Chúa đặc ân, gồm các món thuế sản vật thuộc nguồn Thu Bồn và các nguồn Đông Hương, Trà Sơn, Trà Vân, mỗi năm cũng đã có tới trên năm vạn quan tiền.^[321]

Nhưng chức trọng, quyền cao, lộc hậu như vậy vẫn còn chưa đủ thỏa mãn một người quá nhiều tham dục như Quốc phó họ Trương. Để tạo cảnh quý sung cho cả gia đình, Quốc phó còn cho con cả là Trương Phúc Thặng cưới công nữ Ngọc Nguyệt và con thứ là Trương Phúc Nhạc cưới công nữ Ngọc Thọ^[322] - cả hai công nữ đều là con gái của Võ Vương - và mỗi liên hệ giữa gia đình Quốc phó với gia đình

Chúa như thế lại càng thêm mật thiết. Do mỗi liên hệ này mà cả Thặng lẫn Nhạc đều được giữ chức Chưởng dinh, Cai cơ. Cả nhà Quốc phó quyền thế át cả trong triều, ngoài quận. Với cái chủ đích tăng cường thế lực, nắm trọn ưu thế trong chốn triều đường, Quốc phó còn tìm cách mua chuộc, lôi cuốn những người có thể trông cậy được, trong hàng công tử, vương tôn hay quan lại. Nếu kẻ nào chống lại ý hướng này của ông thì nhất định bị ông mưu hại. Đó là trường hợp của Chưởng cơ lãnh Hình bộ Nguyễn Phước Dục, con trai của Thiếu sử Luân Quốc công Nguyễn Phước Tứ^[323]. Nhận thấy Chưởng cơ Dục là hạng tôn thần trong nước, có thanh danh, được người đương thời tôn kính, trọng vọng, Quốc phó muốn dẫn làm vây cánh, bèn gả con gái cho, những tưởng với môi lương duyên này, ông có thêm một cánh tay đắc lực. Nhưng Chưởng cơ Nguyễn Phước Dục trước sau vẫn giữ lòng trung chính không chịu luồn cúi, xu phụ. Thấy không thể nào lung lạc được Chưởng cơ họ Nguyễn, Quốc phó rất đổi bất bình, bèn sai thuộc hạ cáo giác là Chưởng cơ Nguyễn Phước Dục mưu phản, bắt giam, rồi bãi chức. Dục không lấy thế làm buồn. Chẳng màng công danh, không tiếc mùi vị đỉnh chung, ông lui về chốn điền viên, đặt tên nhà là Tĩnh Viễn đường, hằng ngày vui chơi ngâm vịnh cùng đám mạc khách, lại vốn sành âm nhạc, giỏi chơi cờ, nên cũng thường mượn cái thú cầm, kỳ để “*công danh quên bằng chuyện đời hơn thua*” như chính thân phụ ông trước đó.^[324]

Không những chỉ có cao vọng về công danh, quyền bính, Quốc phó họ Trương là hạng người còn ham hố lợi lộc với một lòng tham không đáy. Cầm đầu Bộ Hộ và Tào vụ, Quốc phó đã dùng bọn Thái Sinh kết thành bè đảng, mưu việc kinh tài, giữ các cửa sông, cửa bể trọng yếu, áp dụng biện pháp thu thuế cực kỳ tàn nhẫn, ráo riết, và nhờ đó số lợi tức vào tay Quốc phó hàng năm lên tới ba bốn vạn quan.^[325]

Cảnh giàu sang của Quốc phó thực là tột bậc. Chỉ riêng cái cơ dinh ở làng Phần Dương cũng đã đủ choáng ngợp chúng dân và đủ để phô trương cái tư thế “*đánh chuông bày vạc*” có một không hai trên toàn

côi. Tòa ngang dãy dọc la liệt, san sát, nô tì, nô bộc đông đảo đến hàng trăm tên, trâu ngựa đếm không thể xiết, vườn tược mênh mông, ruộng đất cò bay thẳng cánh, nông nô, điền khách phục dịch tấp nập, rộn ràng ngựa xe châu chực thường xuyên trước cửa, chen chân khó lọt, môn nhân hống hách, kiêu căng. Chỉ một dinh nghiệp cá nhân đã bày ra cái cảnh sắc trù phú, phồn vinh của một nơi thiên môn, vạn hộ. Và bên trong cái dinh cơ này là cả một kho tàng vĩ đại chất chứa tràn trề những châu báu, gấm vóc, bạc vàng.

Như thế chưa vừa, Quốc phó với lòng say sưa tài lợi, còn dùng địa vị, quyền hành của mình để giở trò bán quan, buôn ngục áp dụng một thứ hà chính cực kỳ tàn khốc để bóc lột lê dân tận xương, tận tủy, quy tất cả mọi nỗ lực vào việc làm giàu, làm có, tuyệt nhiên chẳng đếm xỉa gì đến công thiện, công ích và trách vụ bảo quốc, an dân.

Đã tham lam lại độc ác, tàn nhẫn, Quốc phó họ Trương đâu có ngại những chuyện tổn “đức”, thương “nhân”, và chính một tay ông đã gây ra không biết bao nhiêu là tội ác, tạo ra không biết bao nhiêu tai họa tày trời cho sĩ thứ. Những nỗi oan khuất ngày thêm chồng chất, và oán hận, căm hờn ngày càng dồn nén đầy ắp trong lòng dân chúng, sôi sục như dung nham sôi sục trong lòng hỏa sơn.

Vì quá thù ghét, thiên hạ đương thời đã ví ông với Tần Cối, đã gọi ông là Trương Tần Cối. Nhưng địa vị quá cao trọng, uy quyền quá lớn lao, vây cánh quá đông đảo của Quốc phó đã tạo cho ông một cái thế vững như bàn thạch, kiên cố như trụ đồng, cột sắt, để đám thương sinh yếu hèn, gầy còm không còn dám mong có một thế lực nào lay chuyển, khuynh đảo được ngoài cái thế lực của Trời. Chính cũng vì cái tâm lý này mà bất cứ một điều gì có vẻ bất hạnh xảy đến cho Quốc phó cũng gieo vào lòng bách tính một nỗi hả hê, thích thú. Một sự kiện được loan truyền rĩ tai nhiều nhất trong dân gian thuở ấy và được coi như là một quả báo nhãn tiền - có thể thỏa mãn trong muôn một nỗi phẫn uất và cái ý nguyện phục thù tiềm tàng trong lòng quảng đại quần chúng - là chuyện Quốc phó tuy sống trong cảnh “*chung minh, đỉnh thực*”,

nhưng lại không thể hưởng được cái thú thưởng thức mỹ vị, cao lương. Những tên hỏa đầu thiện nghệ, nổi tiếng trong cõi, được sung vào đám đầu bếp của Quốc phó, dù cố công, gắng sức đến đâu cũng đành chịu bất lực trong việc tạo được những món hào soạn ngon miệng cho vị chủ nhân khó tính.

Mà Quốc phó khó tính không phải là vì sành ăn, kén ăn, nhưng là vì Trời không cho ăn, là vì Trời trừng phạt, và là một hình thức trừng phạt rất đau đớn cho hạng gian ác, cố hút máu, hút mỡ của nhân dân để tạo nên cơ đồ sự nghiệp, rồi phải ngồi đấy trơ mắt mà nhìn, làm tên “mọi giữ của”, nhìn khát, nhìn thèm chứ không được dự phần hưởng thụ.

Cho nên hàng ngày, ở chợ, trong lúc bọn đầu bếp của Quốc phó, hống hách, phách lối, quen thói ỷ thế, ỷ thần, tranh mua tất cả những món ngon vật lạ, hạch sách về giá cả, làm âm ỹ, náo động cả lên, thì đám thị dân buôn bán lại thì thào, cười cợt, rỉ tai bảo nhỏ với nhau:

- Trời ơi, mua làm chi cho lăm. Rốt cuộc rồi ngài Quốc phó cũng chỉ xơi được một đĩa *mắm vãnh*^[326] và uống được bát nước chè mà thôi.

Và quả thực như vậy. Trong tư dinh của Quốc phó chẳng hiếm gì của ngon, vật bổ, nhưng mỗi ngày ba lần, tuy ngồi trước những mâm cơm cực kỳ thịnh soạn, đầy cả hải vị, sơn hào, Quốc phó vẫn không buồn sờ đũa, vẫn than van là không thể nào nuốt xuống, rồi lần nào cũng vậy, con người có quyền và có đủ phương tiện để tận hưởng mùi vị đỉnh chung ấy lại chỉ ăn được vài lưng cơm với một ít mắm vãnh mà thôi.^[327]

PHÚ XUÂN TRÊN BỜ VỰC THẨM

Bóng Trương Tần Cối như bóng một hung thần cao lớn, dữ dằn ngày càng lấn át và che khuất cả hình ảnh của Duệ Tôn, một vị chúa chỉ ngồi trên hư vị.

Và chính sức thao túng của quyền thần khát máu họ Trương đã làm cho triều chính, theo với thời gian, càng thêm thối nát. Số triều thần và bọn thuộc quan, nha lại thuộc vây cánh, bè đảng của Quốc phó ngày càng lỏng hành, cấu kết nhau thành một hệ thống không những tại Phú Xuân mà ở hầu khắp các dinh để thực hiện ráo riết chủ trương buôn chức, bán ngục của Quốc phó. Luồn cúi, đút lót trở thành một đường lối tiến thân dễ dàng, nhanh chóng hơn là tài thao lược, kinh luân; tiền bạc là đạo linh phù để tự do phạm pháp. Trong giới công bộc, những người có tài đức thực sự, biết giữ liêm sỉ, chẳng chịu khuất thân xu phụ thì ngày càng chìm xuống, trái lại, những bọn bất tài vô tướng, nhưng khéo dựa thân, dựa thế, giỏi quy lụy, cầu cạnh, hoặc biết vung tiền chạy chọt lại được trọng dụng, cất nhắc, thăng tiến vùn vụt trên đường công danh, chiếm nhiều ưu thế. Vì vậy, những hạng lương đồng, trung thần mỗi ngày mỗi thêm nhụt chí và, trước cái tình trạng “*anh hùng âm hận, đồ điếu*^[328] *phùng thời*”, đâm ra ngao ngán, có người ngoài sự cố gắng với chức vụ được phần nào hay phần ấy, chỉ muốn giả điếc làm ngơ, tìm sự khuây khỏa nổi ưu phần trong cuộc cờ, chén rượu, có người tìm cách lánh gót ra ngoài vòng cương tỏa, *giữ gìn tính mệnh trong quán cỏ, lều tranh*.

Nạn hối lộ, tham nhũng bành trướng từ trên xuống dưới, tình trạng mục nát lan rộng trong triều, ngoài tỉnh. Ở nơi điền dã, bọn ác bá cường hào khốc ngược được thể tung hoành, thao túng và, thêm vào đó, thuế má cao, sưu dịch nặng, vùi dập đám dân đen vào một cảnh lầm than đen tối cực kỳ thê thảm.

Trạng huống này chẳng bao lâu đã đưa tới cái hậu quả khó tránh cho trăm họ là, sau ba năm trị vì của Duệ Tôn, nạn thiếu ăn đã hoành hành, lan rộng. Nỗi cơ khổ cứ theo với năm tháng tăng dần. Cho đến năm Canh Dần (1770) thì sự thể lại càng nguy kịch. Một trong những nguyên nhân của nạn thiếu ăn trong dân chúng là tình trạng tiền tệ dễ hư hoại, mà lẽ ra nhà cầm quyền phải sớm tìm phương sách bổ cứu. Tình trạng này xảy ra từ lâu dưới thời Duệ Tôn và đã bắt nguồn xa hơn từ chủ trương đúc tiền kẽm dưới thời Võ Vương. Nguyên là vào thời Túc Tôn Nguyễn Phước Trú, tiền được thông dụng là tiền đúc bằng đồng. Nhân dân, vì thích có đồng để chế tạo các thứ vật dụng, đã nấu chảy tiền ra mà dùng, số tiền đồng mỗi ngày một hao hụt, vật giá vọt cao. Tình trạng vật giá leo thang càng trở nên trầm trọng dưới thời Võ Vương. Vào năm Bính Dần (1746) có người Trung Quốc họ Hoàng xin hiến phương sách bổ cứu. Theo lời đề nghị của họ Hoàng, Võ Vương cho mua kẽm trắng của người Tây dương và mở cục đúc tiền ở Lương Quán. Từ đấy tiền kẽm được thay thế cho tiền đồng, nạn khan hiếm tiền tệ chấm dứt. Nhưng về sau, và cần đúc thêm loại tiền “*Thiên minh thông bửu*” kẽm trắng được pha lẫn kẽm đen để có đủ vật liệu, vành tiền lại đúc quá mỏng nên dễ hư hoại, không thể cất giữ lâu ngày, nên dân chúng không thích dùng, vật giá do đó lại vọt lên cao^[329]. Và đến thời Duệ Tôn, do sự kiện này mà có tình trạng đáng lo ngại như nho gia Ngô Thế Lân đã nêu ra trong bản sớ dâng lên cho Chúa vào năm Canh Dần: “*Từ năm Mậu Tý (1768) đến nay giá lúa vọt lên cao, mức sinh hoạt của dân đói kém. Hỏi nguyên cớ tại đâu? Đó không phải là tại thiếu lúa nhưng là tại tiền kẽm quá nhiều. Nhân tình ai lại không ưa cái bền bỉ và ghét cái chóng hư. Nay người ta cho tiền kẽm là chóng hư mà tiền đồng là bền bỉ, bởi đó dân cứ muốn tích trữ lúa chứ không muốn tích tiền*^[330].”. Vì biết cái nạn tiền kẽm quá nhiều chưa có thể khắc phục ngay được, nhà nho họ Nguyễn đau lòng trước cảnh khốn khổ, đói khó của dân nghèo đã đề nghị phương pháp “*lập kho thường bình, đặt Ty coi sóc, rồi định giá thường bình, lúa rẻ cứ*

giá đó mà bán, lúa đắt cũng giá đó mà bán”, hầu tránh sự thiệt thòi cho dân cày khi giá lúa rẻ, và sự thiệt hại cho phú thương trong trường hợp lúa đắt. Đó là phương pháp cấp thời có thể giúp dân thoát cơn đói khổ để rồi sau đó sẽ nghĩ đến chuyện trừ cái tệ tiền kẽm nhằm bình thường vật giá.^[331]

Phương pháp tuy hay, lời số tuy tha thiết, nhưng triều đình đâu có lưu ý quan tâm. Quốc phó Trương Phúc Loan có thể đã gạt qua một bên bản số mà nội dung không có liên hệ chút nào đến công cuộc kinh tài, trực lợi của ông. Nhân dân lầm than đói khổ? Chuyện đó có nghĩa lý gì đối với một quyền thần gian ác, tham tàn. Tiền kẽm quá nhiều và dễ hư hoại? Nhưng vàng nén, bạc nén, châu báu ngọc ngà chất đầy rường, đầy hòm của Quốc phó thì vẫn bền gan cùng tuế nguyệt. Cảnh điêu linh, nguy ngập của quần chúng nếu có gây những xúc động sâu xa ở nhà nho họ Nguyễn thì lại chẳng lay chuyển được mây may quá tim sắt đá của Quốc phó họ Trương.

Còn Duệ Tôn? Đến đây thì Duệ Tôn đã được mười bảy tuổi tròn. Cái tuổi mà xưa kia, *Minh Vương* Nguyễn Phước Châu, khi lên kế vị, đã tỏ ra có đủ bản lĩnh để lèo lái vững vàng “*con thuyền đại nghiệp*”, nắm chặt giềng mối trong tay. Nhưng Duệ Tôn thì khác. Duệ Tôn tuy đã khôn lớn, nhưng khôn lớn trong sự hôn ám, giữa đám mê vân kết dệt bằng thanh sắc, khoái lạc, do bàn tay của Quốc phó đã dựng công bố trí, an bài. Nhà chúa không những chỉ gián cách với đời sống của đám lê dân bên ngoài bởi những thành lũy thâm nghiêm, kiên cố bằng đá, bằng gạch, những cung điện kín đáo, thâm u, mà còn gián cách bởi những bức tường linh động, ngoạn mục nhưng tinh mật hơn nhiều, kết hợp bằng những màu sắc gấm hoa, nhung, lụa, kim, ngọc và đám vũ nữ, ca nhi yêu kiều, quyến rũ cùng những vương tôn, công tử bay bướm, thanh lịch, sành thú ăn chơi, những cận thần, cận vệ bảnh bao, chải chuốt, khéo biết chiều theo ý thích, châu hầu, túc trực đêm ngày trong cái không khí yến hội, xướng ca từng bừng, vui nhộn. Cho nên cái cảnh trạng cơ khổ, lầm than của trăm họ, chẳng những Duệ Tôn

không thể hay biết mà còn khó thể tưởng tượng, hình dung. Đối với Duệ Tôn, cuộc sống bên ngoài thành lũy thâm nghiêm kia, ở chốn thành đô cũng như nơi sơn khê, điền dã, cũng phải tỏa rạng toàn một màu hồng và cũng diễn tiến trong cảnh ấm no, phú túc. Trong cái thế “*thanh bình thịnh trị*” như vậy, tại sao chúng dân lại chẳng biết tận hưởng lạc thú nhân sinh bằng những hình thức vui chơi, hội hè?

Chính vì cái quan niệm này mà, đau xót mĩa mai thay! Ngay trong khi những điềm tai dị xảy ra kế tiếp, liên miên, nào là: núi lở, sao sa, nào là nước trong hóa đỏ, đất bằng chấn động^[332], ngay vào thời kỳ đám thương sinh trong toàn cõi phải nheo nhóc, quay quắt vì nổi miếng cơm, manh áo không thể đánh đổi dễ dàng bằng mồ hôi, nước mắt, và cũng đúng vào lúc *Hàn lâm* Nguyễn Quang Tiễn, chiêm nghiệm cơ Trời qua bóng sao xa và qua bao nhiêu tai biến, đã phải hoảng hốt kêu lên: “*Than ôi, không quá sáu năm nữa, Quảng Nam sẽ có binh qua nổi dậy*”^[333], thì từ trên ngôi chân chủ, Duệ Tôn lại truyền lệnh cho các châu, các quận phải thành lập nhiều phường “*Chơi Xuân*”, và phải đóng góp tiền phường để gây quỹ nhằm tổ chức trò vui vào các dịp hội hè.^[334]

Nhưng hưởng ứng cái lệnh này có chẳng là hạng phú hào, hương lý có máu mặt, chứ đối với đám quảng đại quần chúng thì chính cái hảo ý của vị chân chủ trên ngôi cao chín bệ đã gieo cả một sự sừng sốt, thất vọng lớn lao đến độ họ phải cười ra nước mắt và sôi thêm uất hận trong lòng.

Tình trạng thiếu ăn cứ thế kéo dài mãi và trầm trọng thêm. Rồi tiếp theo là nạn đói thực sự. Lần này thì không phải là vì cái tệ tiền kẽm, không phải vì bọn địa chủ, phú nông, phú thương giàu thóc lúa vì chê tiền kém giá trị mà nhất định khép vừa, khép lằm không chịu bán ra, mà vì nạn mất mùa, một phần do thiên tai, hạn hán, một phần do sự kiệt lực của đám bần dân phải chịu cơ cực quá lâu ngày để không còn đủ sức sản xuất như xưa. Sử văn đã ghi chép: từ năm Canh Dần (1770)

đến năm Giáp Ngọ (1774), Thuận Hóa chịu cảnh cơ hoang^[335] trong mấy năm liền.^[336]

Vào những tháng cuối năm, năm Giáp Ngọ, gạo đắt như vàng và trạng huống đói khó bày ra lắm cảnh thương tâm không còn bút mực nào tả xiết. Đám thường dân không còn là những con người nữa mà là những bộ xương bọc da gầy gập, vàng vố, hoặc kéo đi lang thang như những cô hồn, hoặc nằm quăn quại, giãy giụa, thoi thóp trong xó nhà, ngoài đường lộ để chờ đợi sự giải phóng của lưỡi hái Tử thần. Xác chết nằm sấp lớp đây tầng, đầy sá. Những kẻ còn sống, còn cử động được, tranh giành, cấu xé nhau như một bầy chó vì một dây khoai hay một mẩu sắn hiếm hoi tìm thấy. Có lắm người vì không chịu đựng nổi sức thiêu đốt của lửa cơ đã phải uống độc dược mà chết.^[337] Có kẻ ăn đến thịt người và có hiện tượng thịt người được bày bán ngay giữa chợ. Số tử vong chiếm đến quá nửa dân số toàn miền Thuận Hóa.^[338]

Nền hà chính đã gây lắm nỗi bất công, thối nát, bày ra cái cảnh “*như bản đầy rẫy núi sông*”, tình trạng cơ cực quá ư trầm trọng lại tạo thêm cái thế bất an vốn là cơ duyên bốc dậy của men uất hận.

Mỗi căm thù Quốc phó Trương Phúc Loan bị dồn nén lâu ngày không những đã thoát ra bằng những lời ta thán, nguyện rửa mà còn gây thành cả một trào chống đối ngấm ngầm ăn sâu lan rộng từ chánh dinh Phú Xuân đến tận các vùng Nam Ngãi, Bình Phú và sẵn sàng bộc phát thành những cuộc phiến loạn khi thời cơ đã đến.

Ngay từ mùa hạ năm Canh Dần (1770) hiện tượng này đã được phát khởi với vụ nổi loạn ở tại Điện Bàn, khiến cho *Quảng Nam Cai bộ*^[339]. Trần Phước Thành - từng đậu giải nguyên khoa hương và là người có tài lược^[340] - phải bao phen khó nhọc mới dẹp yên và phải thường xuyên tuần hành cả năm ở phủ Quảng Nam mới giữ vững được tình hình an ninh trong địa hạt^[341]. Rồi tiếp đến vụ nổi dậy của các man ở Quảng Ngãi, tục gọi là mọi Đá Vách. Sáu đội quân Quảng Ngãi phải phối hợp với quân lính của hai phủ Quy Nhơn, Phú Yên và phải hành quân rất dài ngày mới đàn áp được.^[342]

Nhưng những dấu hiệu này vẫn là vô nghĩa đối với Duệ Tôn cũng như với Quốc phó. Ở trong vương phủ, vị chúa bất lực vẫn đắm đuối trầm mê giữa cảnh vui say với các món thích tình, phó mặc việc triều chính cho Quốc phó toàn quyền định đoạt. Còn Quốc phó Trương Phúc Loan thì, với cái chủ quan của hạng người tin tưởng ở sức vạm vỡ của quyền uy, bạo lực, ông chỉ coi những biến cố này như sự bùng cháy chốc lát của đám lửa rơm, không có gì đáng phải bận tâm. Trọng tâm hoạt động của Quốc phó vẫn là sự thỏa mãn lòng tham dục, vợ vét, tích lũy tài hóa quốc gia, máu mỡ lê dân hầu xây cất cho ngày càng thêm cao lầu đài phú quý, mặc dù ngồi trên tột đỉnh của lầu đài ấy, ông vẫn chẳng hưởng thụ được những gì nhiều hơn là “*một vài lưng cơm với một ít mắm vảnh và một bát nước chè*” trong mỗi bữa cơm hàng ngày. Và cũng vì đã bị mờ ám bởi lòng tham dục không bờ bến thường thấy ở hạng “*địch quốc phú gia, vị cực nhân thần*”^[343], cho nên cũng trên cái tột đỉnh của cảnh cao sang, phú quý, Quốc phó họ Trương không thể có cái miễn nhuệ của lương tri, cái sáng tỏ của tai, mắt để tế nhận được những diễn biến đáng lo ngại của tình hình đang triển chuyển theo cái ám triều của men uất hận sôi dậy từ đáy hạ tầng cơ sở, dâng cao, lan rộng và sẵn sàng đổ dồn về, như nước thác đổ xuống vực sâu, bất cứ hướng nào có tiếng gọi của thứ chính nghĩa “*trừ gian thần, hạ hôn chúa, giải phóng trăm họ lầm than*”.

Chính vào thuở đó, ở Phú Xuân phát hiện những chiến dịch ca tụng, ủng hộ Hoàng tôn Nguyễn Phước Dương^[344], khởi từ đám sĩ phu, triều thần từng căm phẫn về lối lộng hành và thái độ mục hạ vô nhân của Trương Tần Cối. Hoàng tôn Nguyễn Phước Dương, thông minh, nhân hậu, “*đẹp như vẽ, có đức hiền*”, không những tỏ ra có phong độ và tư cách để kế thừa đại nghiệp, mà xét theo thứ tự thế tập còn đáng được coi là thuận lý trong việc thay thế hôn chúa Nguyễn Phước Thuần ở ngôi chân chủ.

Nhưng chiến dịch ca tụng, ủng hộ Hoàng tôn Dương thực ra chỉ là một hình thức phản ứng tiêu cực - nhằm giải tỏa nỗi hận lòng - của

một số người đã cảm thức rõ sự bất lực của mình trước cái uy thế khó bề lay chuyển của Quốc phó, nhưng không có đủ quyết tâm, bản lĩnh để mưu đồ đại sự. Nó có thể đã bị dập tắt một cách dễ dàng bởi Quốc phó họ Trương, và có thể không lôi cuốn được thực sự đại khối lê dân cùng khốn, nếu nó không được lợi dụng như một yếu tố biểu dương chính nghĩa của một lực lượng khởi nghĩa đang được thành hình ở ấp Tây Sơn thượng thuộc Quy Nhơn phủ.^[345]

Đó là một sự trạng mà Quốc phó họ Trương không hề ngờ đến. Câu chuyện Giáo Hiến - từng làm cho *Thái giám* Chử Đức lo ngại trước kia - đã vùi sâu vào quên lãng, hơn nữa, có thể Quốc phó cũng khó mà nhận thức được cái tương quan nhân quả giữa một sự kiện không nghĩa lý gì như vậy với cái hậu họa xảy đến cho ông.

Thực vậy, Quốc phó đâu có ngờ rằng tên môn khách của Y Đức hầu Trương Văn Hạnh mà Chử Đức đã xin ra lệnh tâm nã - và dưới mắt ông chỉ là một đồ nho tầm thường - đã đóng một vai trò khá quyết định trong việc cổ xúy cho một cuộc khởi nghĩa, sau khi đã thoát khỏi Phú Xuân, vào Quy Nhơn phủ mở trường dạy học cả văn lẫn võ, ở tận Yên Thái một ấp hẻo lánh, xa xôi. Vì Giáo Hiến không phải chỉ cổ xúy ngấm ngầm bằng lối vạch trần âm mưu phế lập và sự tiếm quyền cùng những hành động gian ác của Trương Tần Cối, sự hôn ám, bất lực của Duệ Tôn, tình trạng mục nát, hư đốn của triều đình Phú Xuân. Ông còn đi xa hơn. Kết hợp mỗi thù hận riêng với mỗi thù hận chung của quần chúng và mối lo vì nghĩa lớn, Giáo Hiến đã khéo ký thác hoài bão, ý nguyện và cái chí mưu đồ đại sự của mình vào những môn đệ lỗi lạc xuất sắc nhất trong lò đào tạo của ông, những môn đệ tỏ ra sẽ có đủ khả năng, bản lĩnh để thực hiện cái sứ mạng “*trừ gian thần, hạ hôn chúa, khôi phục ngôi vị cho Hoàng tôn Dương!*” Và trong số môn đệ đông đảo, Nguyễn Nhạc, có thể là cả ba anh em Nhạc, đã đáp ứng đúng vào cái sở cầu ấy của bậc thầy đang băn khoăn vì đại nghĩa, đã làm cho vị sư trưởng, ôm hận từ Phú Xuân mà vào, không còn phải lo buồn vì nỗi “*vô dục khả y ưu quốc bệnh*”^[346].

Và rồi... trong lúc ở Tây Sơn, cái tác dụng của câu sấm văn “*Tây khởi nghĩa, Bắc thu công*”^[347] đã thúc đẩy Nguyễn Nhạc, nhân vì thâm lạm tiền thuế, muốn tránh tù tội, nhất định mạo hiểm vào rừng, mạnh dạn mưu việc lớn, tạo dần lực lượng để thực hiện cái sứ mạng khởi nghĩa thì, ở Phú Xuân, Duệ Tôn và Trương Phúc Loan vẫn thản nhiên, tự tại, không chút hay biết gì về những nguy cơ, hiểm họa đang tiềm tàng manh nha.

Đô thành Phú Xuân, một trung tâm mua danh, bán tước, vẫn bày ra cái cảnh xênh xang áo mũ, rộn ràng ngựa xe của bọn đồ điều phùng thời, với cái thể lẫn lút, khuynh loát của một lũ ươn hèn, vô hạnh chỉ giỏi chuyện bợ đỡ, đút lót, vào cúi ra luồn. Triều thần do đó, gồm hầu hết những bọn bất lực, bất tài, tham ô, sâu mọt, chỉ biết lo bảo vệ địa vị, tranh giành lợi lộc bằng tất cả mọi thủ đoạn, mách khố cầu cạnh, đục khoét, lừa dối trên, và mặc dù cái họa suy vong đã sát bên lưng, cả Chúa lẫn đám bày tôi vẫn quay cuồng lẫn lóc trong cái mê vông của lợi, danh với cái ảo giác “*thanh bình, thịnh trị*”. Riêng những hạng khô nho, lương đồng, biết trọng liêm sỉ, vì là thiếu số, đành phải chịu thúc thủ trước cái thế lộng quyền của Quốc phó cùng bè lũ và sự bất lực, hôn ám của Duệ Tôn, tuy tất cả đều căm tức đến cực độ về những hành động tham lận, gian ác của Trương Tân Cối.

Nhưng mỗi công phần nơi triều đường thực chẳng thấm vào đâu với niềm công phần sôi chuyển trong khối thứ dân đông đảo quần quai giữa cảnh lầm than. Và uất hận càng dâng cao, lòng dân càng thiết tha mong chờ những biến cố cứu độ. Với niềm khát vọng thiết tha này, lương tri quần chúng càng trở nên bén nhạy đối với cái ám triều diễn biến của thời cuộc, tình hình. Cho nên trong lúc cả Duệ Tôn lẫn Quốc phó cùng cái triều đình thối nát đang say sưa lặn hụp trong cảnh hoan lạc vương giả, thì đám lê dân lại chú tâm nghe ngóng, dò thăm mọi động tình qua những tin đồn đãi từ miền trong được chấp cánh bay về.

Trong khoảng thời gian từ năm Canh Dần (1770) đến năm Quý Tị (1773), nhân dân quả đã xôn xao nhiều vì những nguồn tin khá bất lợi

cho vương phủ. Nào là một biện lại tên Nhạc ở Vân Đồn, vì máu mê cờ bạc, thâm lạm tiền thuế, “*sợ tù tội trốn vào rừng làm kẻ trộm*”, nào là một đảng cướp cũng do tên Nhạc cầm đầu đã lập sào huyệt ở thượng đạo Tây Sơn^[348], rồi sau đó, đảng cướp ấy kéo xuống đóng ở ấp Kiên Thành, thao túng ở các huyện Phù Ly, Bồng Sơn, Huyền Khê, Tuy Viễn, v.v..., bọn chúng còn liên kết với Thị Hỏa, nữ chúa Chiêm Thành hiện đóng ở trại Thạch Thành để cùng làm thế ỷ dốc, lại chiêu dụ kết nạp được hai tay cướp núi lừng danh ở nguồn An Tượng là Nhưng Huy và Tứ Linh.^[349]

Nếu dưới cái nhìn của Duệ Tôn và Quốc phó, Biện Nhạc chỉ là một tên tiểu lại có tội lớn với triều đình và hành động của bọn Nhạc là hành động liều lĩnh của một bọn lục lâm, thổ phi, chỉ cần lực lượng võ bị ở địa phương cũng đủ tiêu trừ, trừng phạt như bao nhiêu đám giặc cỏ khác xưa nay, thì trong đầu óc của nhân dân, hình ảnh của Biện Nhạc, hoạt động của đảng cướp ở Kiên Thành lại có một ý nghĩa khác hơn. Tất cả những sự việc xảy ra được coi như là dấu hiệu của những tia sáng lóe lên ở bên kia con đường hầm hầm than, đen tối, sâu dài hun hút, hay ít nhất là một triệu chứng chẳng lành cho cái chế độ mà từ lâu họ tưởng chừng như không bao giờ rêm chuyển, lung lay. Vì quần chúng, qua lối rĩ tai, còn được thông báo nhiều chuyện lạ hơn, trái ngược hẳn với những luận điệu lên án của chính quyền về bọn cướp do Biện Nhạc cầm đầu.

Thực vậy, theo những lời đồn đãi, truyền tụng rĩ rả, được nhắc đi, nhắc lại một cách kín đáo chung quanh bếp lửa hay mâm cơm gia đình, trong các quán xá hoặc ở nơi chợ búa, thì đảng cướp của Biện Nhạc không phải là một đảng cướp tầm thường, không phải là một bọn lục lâm đáng sợ hãi, thù ghét, nhưng là một tổ chức hào hiệp chỉ chiếm đoạt của nhà giàu để giúp đỡ kẻ nghèo khó, hạ uy thế của bọn cường hào, ác bá để trả thù cho đám dân đen từng chịu cảnh bóc lột và chịu nhiều oan khuất. Hơn nữa, tổ chức này lại là một lực lượng có thực lực hẳn hoi từng dám công khai đương đầu với lực lượng của

chính quyền, từng kiểm soát được những ba bốn huyện, và đã gây được một tiếng vang khá lớn với cuộc đụng độ quan trọng, ngay tại Quy Nhơn phủ vào khoảng tháng Năm năm Quý Mão, trong đó một viên quan thu thuế đã bị đâm chết, quân lính lớp thì bỏ mình tại trận, lớp thì vì quá khiếp đảm, tranh nhau tìm đường tẩu thoát. Cái chết của viên quan thu thuế và ngọn lửa bốc lên từ mớ văn thư, tài liệu của quan quân bỏ lại được quân Tây Sơn đem đốt tại đình làng, không những đã tạo được một tiếng vang khá lớn mà còn gây được một xúc động có ảnh hưởng tốt đối với đại chúng khắp trong toàn cõi. Vì ít ra thì sự kiện này cũng thỏa mãn được phần nào cái ý nguyện triệt hạ uy quyền thống trị của triều đình họ Nguyễn, từng được ủ ấp một cách tuyệt vọng và lâu ngày chầy tháng trong lòng chúng dân. Cái ảnh hưởng ấy càng lan xa tỏa rộng khi những tin đồn đãi còn cho biết sự dấy khởi của quân Tây Sơn không phải là chuyện “*mở cờ làm loạn*” như lối chụp mũ của chính quyền, mà là một cuộc “*kéo cờ khởi nghĩa*” nhằm trừ gian thần, hạ hôn chúa và khuông phục ngôi vị cho Hoàng tôn Dương, và, người cầm đầu cuộc khởi nghĩa này, Biện Nhạc, không phải là một con người tầm thường, không phải là một biện lại chạy trốn vào rừng vì sợ tù tội, nhưng là một trang hào kiệt xuất loại, siêu quần, được thần minh giao phó sứ mạng cứu độ nhân dân ra khỏi cảnh điêu linh cơ khổ, qua rất nhiều hiện tượng kỳ bí như chuyện trao kiếm thần ở núi An Dương, chuyện tắm biển đồng xuất hiện sáng chói vào lúc canh khuya, cũng trên đỉnh núi An Dương với sáu chữ “*Tây Sơn Nguyễn Nhạc vi vương*”, chuyện Biện Nhạc được thần minh kêu gọi v.v..^[350]

Một đồn mười, mười đồn trăm, hình ảnh của Biện Nhạc chẳng bao lâu đã trở thành hình ảnh của một cứu tinh đối với đám lê dân cùng khổ đang căm hờn đến tột độ nền hà chính của triều đình và nheo nhóc vì cảnh cơ hàn dai dẳng. Cái hình ảnh ấy không những chỉ hấp dẫn, quyến rũ vì được đội sáng bởi bóng cờ chính nghĩa, được viền bọc hào quang bởi những huyền thoại kỳ, mà còn vì lẽ nó có gì gần gũi,

thăm thiết đối với đại chúng hơn là hình ảnh của bọn người cầm đầu giai tầng thống trị. Qua lương tri tất cả đều cảm thấy một mối liên hệ khăng khít giữa trang hào kiệt dựng cờ khởi nghĩa ở ấp Kiên Thành với cái khối thương sinh cơ cực, lầm than, có mình trong đó.

Cũng chính trong khi hy vọng đơm hoa trong lòng đại chúng, thì có rất nhiều tin cấp báo, từ xa bám theo vó ngựa truy phong, bay về kinh khuyết. Nhưng trong vương phủ, tiếng hoan ca, nhã nhạc vẫn không gián đoạn, cảnh yến hội vẫn giữ nguyên mức độ vui nhộn, linh đình. Và, tại dinh Quốc phó, quyền thần họ Trương, mỗi khi phải tạm gác công việc mưu đồ tư lợi để nghe lời bẩm báo về những tin dữ khẩn trương, lại nổi cơn lôi đình, vỗ án quát tháo:

- Cấp báo! Cấp báo! Động chút gì cũng cấp báo, cũng cho là khẩn trương và làm nhốn nháo cả lên. Chỉ là những đồ giặc cỏ mà không dẹp nổi hay sao để phải phiền đến binh lực của triều đình. Quả là một bọn vô dụng, bất tài. Cứ theo lệnh ta, truyền cho bọn chúng phải tự liệu lấy, nếu không đàn áp nổi thì khó toàn tính mệnh với ta.

Nhưng rồi chẳng bao lâu, không khí yên vui của Đô thành phần vinh, nghiêm lệ cũng bắt đầu chộn rộn không phải chỉ vì cảnh xác chết của người đói nằm lán lóc đầy đường, tại nhiều nơi ở vùng Thuận Hóa, cảnh người giết người vì miếng ăn, và người ăn thịt người thường xuyên tái diễn, mà còn vì những tin tức dồn dập về cái khí thế “trúc chẻ gói tan” của quân khởi nghĩa Tây Sơn.

Dù hôn ám đến đâu trong cảnh hoan lạc, trầm mê đến đâu trong vũng lầy tài lợi, Duệ Tôn và Quốc phó họ Trương cũng phải giật mình trước một sự trạng bất ngờ, ngoài sức tưởng tượng, nhất là khi được tin cấp báo phủ lỵ Quy Nhơn phủ bị đánh chiếm, Tuần vũ Nguyễn Đắc Tuyên chạy dài, hai kho lúa ở Cần Dương, Đạm Thủy bị cướp đoạt, Đốc trưng Đăng và Khâm sai Lượng “dĩ đào vi thượng” nhưng rồi cũng không thoát khỏi tay địch, cả hai đều bị giết^[351] và thảm hơn, cả họ Đăng đều bị tru di^[352], một số quan lại ở các huyện từng có tiếng là độc ác, bị quân Tây Sơn lùng bắt đem về hành hạ, các tù phạm đều

được phóng thích. Nguyễn Nhạc lập cờ hiệu Tây Sơn, chia quân làm năm đồn, và còn tiến chiếm cả tỉnh Phú Yên, đốt dinh, lấy của^[353] lại đánh tan cả đạo quân tiếp cứu từ Quảng Ngãi vào^[354].

Trước tình thế ấy, triều đình Phú Xuân khó thế ngồi yên. Ba đạo thủy quân liền được tung ra và bốn đạo lục quân được lên đàng tiến thảo dưới quyền điều khiển của Chương cơ Nguyễn Cửu Thống, Nguyễn Văn Sách, Tổng nhung Tống Sùng, Tán lý^[355] Đỗ Văn Hoãn, Cai cơ Phan Tiến, Cai đội Nguyễn Vệ. Nhưng thủy quân gồm ba chiến thuyền chưa kịp đến nơi thì hai chiếc đã bị đắm chìm, tan rã ngay giữa bể vì một cơn bão táp. Còn về mặt bộ, Sùng và Hoãn đều cùng tử trận. Tây Sơn thừa thắng, đánh chiếm Quảng Ngãi và đi phá phách nhiều nơi.^[356]

Triều đình Phú Xuân càng xôn xao, hốt hoảng. Chẳng những bọn quan lại bất tài, vì giỏi cầu cạnh, cúi lồn được dự hưởng đỉnh chung, tước lộc nay đâm ra lo sợ cuống cuồng, hoang mang, dao động mà ngay đến các tướng sĩ, phần đông vì sống lâu ngày trong cảnh an nhàn, vô sự chẳng còn biết mùi vị trận mạc là gì, nên chỉ mới nghe nói đến cái khí thế dũng mãnh của địch quân cũng đã mất hết tinh thần, và khi được chỉ định đi đánh dẹp là cố tìm đủ phương thế để trốn tránh nghĩa vụ. Mà phương thế hữu hiệu nhất lại vẫn là sự đút lót vào cửa Quốc phó họ Trương. Tuy đã biết rõ nguy cơ, hiểm họa gần kề, Quốc phó Trương Phúc Loan vẫn lại mờ mắt vì tài lợi, vẫn khư khư ôm giữ cái cao vọng “địch quốc phú gia” và lợi dụng triệt để tâm lý “tham sinh úy tử” của bọn người hèn nhát để hốt tiền, hốt của. Do đó mà ngay giữa lúc tình thế đã cực kỳ nghiêm trọng, lửa bỏng dầu sôi, địch quân mỗi ngày mỗi lấn đất và mỗi tiến tới gần hơn, thì ở chánh dinh Phú Xuân công việc điều binh khiển tướng, nhằm kịp thời đối phó vẫn nay lần, mai lửa, trì hoãn, trùng trình, mà lý do chính là vì Quốc phó luôn luôn thay đổi ý kiến trong việc chỉ định các tướng sĩ xông pha trận mạc. Dư luận Đô thành xôn xao hẳn lên vì cái không khí rộn ràng, xao xuyến trong giới võ quan. Xao xuyến vì tinh thần úy tử, rộn ràng vì sự tranh

đua chạy chọt, vận động, và lần này không phải chạy chọt để được thăng quan, tiến chức, nhưng để cầu tránh được nhiệm vụ diệt địch, cứu nguy. Trong các tửu quán, trà đình, và bất cứ ở đâu có đông người quần tụ, cũng nghe chào xáo, dị nghị về tình trạng bất công, thiên vị trong việc chọn tướng, điểm quân xuất trận. Tiếng thán oán, nguyền rủa của các gia đình những kẻ vì cô thế hay không có đủ khả năng dứt lốt; bị đẩy ra chiến trường - thay cho bọn người đã được chỉ định nhưng lại sẵn bạc, vàng hay nhờ thần thế mua được sự yên thân - từ chỗ chùng lén, thềm vụng đã dám chuyển thành công khai. Và đám tướng tá, binh sĩ phải lên đường, phần đông vì đã mang sẵn một mối bất mãn, ưu phần, nên làm gì còn có tinh thần chiến đấu quyết liệt, hăng say, hay dù có chằng nữa thì cái tinh thần ấy cũng phải suy giảm phần nào vì cái mặc cảm “ngụy binh” gây nên bởi sức tác dụng của câu ví được truyền tụng khắp nơi trong dân chúng, trên đường hành quân: “*Binh Triều, binh Quốc phó, binh Ó, binh Hoàng tôn*”. Cho nên quân tính của triều đình, trước cái khí thế dũng mãnh, ào ạt như nước thác, dữ dằn như cuồng phong của những đạo “quân Ó” nhất là những đạo quân Ó dưới quyền điều khiển của bọn Tập Đình, Lý Tài - đã hung hăng, lại có vẻ cổ quái như một đoàn âm binh với những chiếc khăn đỏ vấn đầu, những tấm mình trần trụi trụi và những đạo bùa kết bằng giấy vàng bạc bọc quanh trên cổ, những bộ mặt đanh ác bừng bừng sát khí pha lẫn hơi men tay cầm khiên mây, đại đao^[357] - thì thực chẳng khác gì bày chuột phải chạm trán với đàn mèo, lũ thỏ gặp chúa sơn lâm, do đó những tin chiến bại càng được tới tấp bay về làm chấn động cả một vùng Thượng đô, gây hoang mang cho cả triều đình lẫn đám sĩ thứ Phú Xuân.

Một số công tộ, đại thần còn biết quan tâm đến đại cuộc không thể nào đành chịu khoanh tay ngồi nhìn, nên cùng ngấm ngấm liên kết để tìm phương sách cứu nguy.

Trong một cuộc họp mật, tất cả đã lên án gắt gao về hành vi tham lận của Quốc phó ngay trong cơn quốc biến. Ngoại hữu Chương dinh

Nguyễn Cửu Pháp, sau khi đã quy tất cả trách nhiệm về tình trạng triều chính thối nát và quân cơ bê bối cho Quốc phó Trương Phúc Loan, đã yêu cầu cần phải có biện pháp loại trừ gian thần mới mong cứu vãn được nguy cơ đã quá ư trầm trọng. *Chưởng dinh* Tống Phước Khuông^[358] - cha của Thừa Thiên Cao Hoàng hậu sau này - góp ý:

- Điều cần kíp là phải tranh thủ lại lòng dân, gây lại niềm phấn khởi cho tướng sĩ, giúp cho chúa thượng thoát khỏi vòng hôn ám để có đủ sáng suốt ban ân, thi huệ, giữ vững mỗi giềng. Muốn được như thế thì điều trước tiên là phải loại trừ ra khỏi triều đường tên quyền thần gian ác họ Trương.

Các vị trong hàng công tặc đều tán đồng ý kiến. Nhưng loại trừ được Quốc phó hay triệt hạ được uy thế của ông ta thực không phải là chuyện dễ, vì Quốc phó đã chiếm trọn lòng tin cậy của Duệ Tôn, đến độ dù là hạng công tặc, công thần được Duệ Tôn trọng nể cũng khó mong dùng lời lẽ để thuyết phục được vị chúa trẻ trung nhận rõ sự mê hoặc, lung lạc nguy hại của con người mà Chúa đã định ninh tin tưởng là một trang lương đồng tận trung, tận lực trong việc khuông phò.

Một kế hoạch ly gián liền được đề ra và được ủy thác cho *Hàn lâm* Ngô Đình Thứ cùng *Tri phủ* Trần Giai. Hàn lâm họ Ngô có nhiệm vụ soạn thảo một bức thư của Quốc phó ngầm gửi cho Nguyễn Nhạc, ước hẹn sẽ cưỡng bách Duệ Tôn đầu hàng khi quân Tây Sơn kéo đến Phú Xuân. Tri phủ Trần Giai, vì thường được ra vào dinh Quốc phó, có nhiệm vụ dùng trộm ấn đóng vào thư rồi đem bỏ ngoài đường. Thuở đó có Tham mưu Tá^[359], thường châu hầu, túc trực về đêm trong vương phủ và có lệ về nhà vào lúc tinh sương. Tá vốn không ưa gì Quốc phó. Biết rõ điểm này, Tri phủ Giai tìm cách bỏ rơi phong thư ngay ở quãng đường gần nhà của Tá. Quả nhiên Tham mưu Tá nhặt được, đem trình ngay với *Nội tả Chưởng cơ* Nguyễn Phước Văn. Xem thư, Nội tả Chưởng cơ xiết bao kinh ngạc, liền đem trình lên Chúa. Chẳng may, Duệ Tôn đã không nghi ngờ lại cho vờ Quốc phó vào, trao thư rồi cười mà phán bảo:

- Có người nhặt được thư này dâng lên ta. Nhưng ta chắc đây chỉ là trò mạo cáo của bọn tiểu nhân, chẳng nghĩa lý gì.

Quốc phó Trương Phúc Loan mừng rỡ, tạ ân về sự sáng suốt và lòng tín nhiệm tuyệt đối của Chúa dành cho mình, nhưng lòng riêng rất đỗi căm tức, lo ngại, vì không ngờ trong triều lại có bọn người dám lập mưu để hãm hại mình. Khi đã biết thư do Tham mưu Tá bắt được, đưa cho *Chưởng cơ* Nguyễn Phước Văn rồi Văn dâng cho Chúa, Quốc phó đình ninh chính Tham mưu Tá là kẻ chủ mưu, liền hạ lệnh tống ngục rồi sai người giết chết. Lại vì oán giận *Nội tả Chưởng cơ* Nguyễn Phước Văn về chuyện trình thư lên Chúa, Quốc phó quyết trả thù, bèn cũng làm giả mạo một bức thư của Nhạc gửi cho Văn hỏi dò về kết quả của vụ ly gián và bàn nhiều kế hoạch thông mưu, rồi ngầm khiến người đứng ra tố cáo *Chưởng cơ* Nguyễn Phước Văn làm phản. Quốc phó đem thư lên trình Chúa và khéo lựa lời tâu bày để Duệ Tôn tin là sự thực:

- Tâu chúa thượng, lòng Trời còn tựa, vận số đại nghiệp còn vững, nên mưu gian của bọn tạo phản trước đây, nhờ đức anh minh của chúa thượng “soi sáng đến tận nơi chấu úp”, đã thất bại và chính tôi cũng tránh được hậu quả chẳng lành. Và cũng nhờ vậy, tôi càng lưu tâm theo dõi, nên đã phát giác được các mưu cơ tiềm ẩn của chúng. Kế ly gián bất thành, *Nội tả Chưởng cơ* Nguyễn Phước Văn lại được Nhạc ngầm ngầm liên lạc hầu bố trí nhiều mưu mô khác. Và đây là tang trạng xin trình lên Chúa.

Duệ Tôn xem thư xong, cả giận, phán bảo:

- Chúng nó đã tìm kế ly gián ta với Quốc phó, lại dám cả gan thông mưu với Nguyễn Nhạc, tội trạng đã rõ ràng như vậy, Quốc phó còn ngại gì mà không chiếu luật thi hành.

- Tâu chúa thượng, dù sao *Nội tả Chưởng cơ* cũng là người trong công tặc nên xin để lượng trên quyết định. Và lại, việc mưu phản chắc hẳn không phải chỉ một mình y, nên cần tâu sự việc lên để xin chúa

thượng cho tiến hành cuộc tra xét sâu rộng trong hàng công tặc, đại thần, để diệt trừ cho sạch mầm gian.

Duệ Tôn đồng ý. Quốc phó định lợi dụng cơ hội, thanh toán tất cả những người từ lâu có ý chống đối, không chịu ngả theo bề phái của mình. Cùng với *Chưởng cơ* Văn, người đáng để ý nhất trong số này phải là Nguyễn Phước Dục, như đã nói ở phần trên. Chính Dục đã bị tố cáo và bị bắt giam vào dịp này. Nhưng trong lúc Quốc phó đang còn bàn bạc với bọn đồng sĩ, thì có người từ trong vương phủ nhanh chân mật báo với *Nội tả Chưởng cơ* Nguyễn Phước Văn. Biết khó tránh được tai họa, *Chưởng cơ* Văn đang đêm lén trốn, một mình một ngựa chạy về phía đông bắc. Hay tin, Quốc phó liền sai *Cai đội* Nguyễn Phước Hương đuổi theo truy nã, và hứa sẽ trọng thưởng nếu bắt được hoặc giết được *Chưởng cơ* Văn.

Tuy đã chạy được khá xa, nhưng rủi thay cho số phận, khi đến bờ phá Hạc Hải - tức phá Tam Giang - vì đêm khuya nên chẳng có đèn, *Chưởng cơ* họ Nguyễn vừa định cho ngựa chạy theo hướng khác thì *Cai đội* Hương đã đuổi kịp, lớn tiếng gọi Văn phải xuống ngựa nộp mình. Văn bảo:

- Tôi cùng anh là người trong công tặc, anh há vì tên gian thần mà hại tôi sao?

- Nhưng người mưu phản!

- Đó chỉ là một trò mạo cáo của Trương Tần Cối. Trung thành làm gì với một tên quyền thần gian ác như vậy để rước lây cái nhục về sau.

Cai đội Nguyễn Phước Hương vốn là tay chân tâm phúc của Quốc phó và biết rõ việc hạ sát được Văn sẽ là một công trạng rất lớn, nên bất chấp tình thân thuộc, dùng đại đao chém xả vào người *Chưởng cơ* họ Nguyễn. Liệu thế không địch nổi, *Chưởng cơ* Văn cho ngựa chạy nhào xuống phá, rồi định lặn mà tìm đường tẩu thoát. Nhưng *Cai đội* Hương là một tay bơi lội có tài, liền nhảy xuống, đuổi theo, và chẳng mấy chốc đã tóm được Văn, dìm chết ngay giữa phá.¹[\[360\]](#)

Chuyện này tuy được giấu kín nhem, nhưng rồi chẳng bao lâu cũng bị bại lộ. *Cai đội* Hương nhân được thăng chức và được thưởng một số bạc vàng, vì quá vui mừng, đã tiết lộ cho người vợ biết công việc của mình đã làm. Mà ở đời còn có phương thức quảng bá tin tức nào mau lẹ, nhanh chóng cho bằng lối bí mật rỉ tai với phụ nhân trong chốn khuê phòng kín đáo. Nên sau đó, không những chỉ trong hàng đại thần, công tặc mà đến cả chúng dân cũng biết rõ, lòng oán giận, căm thù Quốc phó càng tăng thêm dữ dội.

Trước cái thế ngày càng nghiêm trọng của tình hình và những lời dị nghị, thán oán náo động khắp nơi, Duệ Tôn hầu như cũng bắt đầu nhận thức được nguy cơ và quan tâm đến việc đối phó hiểm họa thay vì khoán trắng vào tay Quốc phó. Theo lệnh Chúa, một đạo quân lớn được chinh bị, chọn toàn những binh sĩ khỏe mạnh và các tướng sús dũng lược. Đạo quân này được đặt dưới quyền tiết chế của Nguyễn Phước Hương. Có thể nhờ đó mà chuyển tiến thảo lần này đã gây được một nhuệ khí tốt đẹp cho quân sĩ, lại nhờ tài thao lược của nhiều tay kiện tướng - nổi bật trong số đó là Du Quận công Nguyễn Cửu Dật, từng được quân sĩ sánh với Hàn Kỳ Phạm Trọng Yêm đời Tống, trải mười trận đều thắng cả mười^[361] - nên quân triều thắng lớn, quân Tây Sơn phải rút vào Quảng Ngãi, rồi tiếp theo, vào mùa xuân năm Giáp Ngọ, quân Triều lại tiến chiếm hai phần ba Quy Nhơn phủ.^[362]

Nhưng rồi sau đó, lại có tin cấp báo trận thảm bại tại núi Bích Khê - ở phía bắc huyện Phù Mỹ - vì phục binh của bọn Tập Đình, Lý Tài. Nguyễn Phước Hương tử trận. Quân triều tổn thất có tới một nghìn sáu trăm binh sĩ, lại bị mất rất nhiều vũ khí cùng một số voi. Chỉ trong bảy ngày, quân Tây Sơn lại tái chiếm tất cả những tỉnh họ vừa bị mất, lại tiến chiếm thêm từ Phú Yên đến Bình Thuận.

Những tin cấp báo này làm chấn động cả Đô thành Phú Xuân, Duệ Tôn cấp tốc mạng cho Nguyễn Phước Thăng đem quân tiếp viện. Nhưng khổ nỗi Thăng là hạng võ quan thiếu hăn khí cốt, chưa giáp mặt địch đã sợ oai, đang đêm lén trốn quay về. Duệ Tôn bèn chọn

tướng khác, quân Triều vẫn lại thất bại nặng nề. Và đến tháng Năm năm Giáp Ngọ, hai đạo quân cùng nhiều chiến thuyền lại được tung vào Quảng Nam. Chiến cuộc khai diễn gần dinh Chàm, và, lần này, quân Tây Sơn đại bại^[363]. Nhưng trong lúc rút lui họ vẫn mang theo trên đường về rất nhiều chiến lợi phẩm: tám mươi hai khẩu đại bác, bốn mươi lăm thớt voi, rất nhiều khí giới, lương thực và mười hai chiếc thuyền chở đầy của cải. Ngoài ra họ còn đốt phá rất nhiều nhà cửa của bọn quan lại, dinh chúa và chín đền thờ trong vòng thành.^[364]

Tuy nhiên, vào lúc Duệ Tôn nhận được tiếp báo về những thắng lợi này, thì cũng chính là lúc hiểm họa lại bắt đầu nhen nhúm lên từ phương Bắc. Vì cũng vào tháng Năm năm Giáp Ngọ, ở Bắc Hà, *Chương phủ Đại tư đồ quốc lão Việp* Quận công Hoàng Ngũ Phước, đang nghỉ việc ở nhà, và *Tham tụng Đại tư đồ Xuân* Quận công, đang đêm được lệnh *Tĩnh Đô vương* Trịnh Sâm triệu gấp vào triều bàn việc cơ mật.^[365]

Vừa giáp mặt, *Tĩnh Đô vương* đã cho hai vị trọng thần biết rõ lý do của cuộc họp bất thần:

- Vừa rồi, Trấn thủ Nghệ An đã đệ trình lên ta bản báo cáo của Trù Vũ Bá^[366] trình rõ về tình hình Thuận Hóa. Nam Hà quả đang rối loạn không phải chỉ vì quân Tây Sơn hoành hành, mà còn vì tình trạng cơ hoang, dân tình đã khốn đốn vì nạn đói lại oán hận vì những hành động gian ác tham tàn của quyền thần họ Trương, sự nhu nhược của Duệ Tôn. Ngay trong hàng triều thần còn có khuynh hướng không phục ngôi vị cho Nguyễn Phước Dương, truất phế Nguyễn Phước Thuần. Ta xét thấy đây là thời cơ để thâm gồm giang sơn vào một mối, các ông nghĩ sao?

Việp Quận công cùng Xuân Quận công đều tỏ ý tán thành. *Tĩnh Đô vương* cả mừng, bèn nói rõ hơn chủ ý:

- Chỉ vì thương dân, muốn tránh cái họa binh đao cho bách tính, nên cuộc hưu chiến giữa Nam Bắc mới được phía ta duy trì cho đến ngày nay. Nhưng xét kỹ Nam Hà vẫn là đất đai của Triều đình thì khi đã có

cơ hội vừa xóa bỏ được cương giới, thống nhất được lĩnh thổ lại vừa giải phóng được nhân dân khỏi cảnh điêu linh, tưởng không nên bỏ lỡ. Và lại ngoài cái tình hình rất thuận lợi cho ta ở Nam Hà còn có một yếu tố khác để nắm vững sự thành công, đó là khí thế của tướng sĩ ta đang lên cao vì những chiến thắng vừa thu đạt được ở Trấn Ninh, Hưng Hóa^[367], nên cuộc Nam Phạt theo ý ta cần tiến hành ngay.

Bàn qua việc quân cơ, Tĩnh Đô vương chỉ định Hoàng Ngũ Phúc làm đại tướng, cho điều động ba vạn quân gồm những tướng sĩ thủy binh, bộ binh thuộc ba mươi dinh và các đạo Thanh Hóa, Nghệ An. Theo giúp Hoàng Ngũ Phúc còn có một số tướng tá có tài thao lược.^[368]

Về phía Nam Hà, ở Phú Xuân, sau những ngày có tiếp báo thắng lợi chẳng bao lâu lại có tin cấp báo là quân Tây Sơn tái chiếm Quảng Nam, cửa Hàn, sáu thuyền đạn dược bị địch tịch thu, và địch quân đang ráo riết phong tỏa về mặt kinh tế, cắt đứt các đường giao thông thủy, bộ giữa Quảng Nam với Phú Xuân. Những thuyền lúa của Mạc Thiên Tứ chở ra theo đường biển đã bị chặn đánh ngoài khơi Quy Nhơn phủ.

Đang lâm vào tình cảnh đối khó trầm trọng, được tin này, Phú Xuân càng xôn xao, chộn rộn hẳn lên. Duệ Tôn kinh hoàng và thấy đã đến lúc phải thân chinh, bèn phong cho Nguyễn Phước Kính - công tử thứ bảy của Võ Vương - chức Quyền giám quốc sự rồi tự mình chỉ huy một đạo quân, có Hữu chưởng cơ Nguyễn Phước Nghiêm phụ tá, lên đường xuất chinh vào ngày hai mươi chín tháng Bảy năm Giáp Ngọ. Nhưng khi đoàn quân của Chúa vừa ra đến cửa Tư Dung - tức cửa Tư Hiền - thì bỗng được tin quân Trịnh lăm le kéo vào xâm tính. Duệ Tôn liền trao quyền cầm quân cho Tả quân Đại đô đốc Du Quận công Nguyễn Cửu Dật rồi cùng Nguyễn Phước Nghiêm bốn ba^[369] quay về, cấp tốc hội họp triều thần trừ nghị việc đối phó.^[370]

Danh nghĩa do Hoàng Ngũ Phúc nêu ra trong thư gửi cho biên tướng Nam Hà - theo đó Phúc chỉ vâng lệnh Tĩnh Đô vương kéo quân

vào Nam để giúp chúa Nguyễn diệt trừ Tây Sơn - không che đậy được cái manh tâm “buông câu nước đục” để thực hiện mộng xâm tính Nam Hà, nên theo đề nghị của Triều thần, việc cần kíp phải lo là tìm cách chặn đường quân địch ngay khi họ Hoàng còn đóng trú ở Hà Trung. Duệ Tôn nghe theo, bèn đặt Tống Hữu Trường làm *Thống suất lưu đồn* ở Quảng Bình và Nguyễn Phước Hiệp^[371] là *Trấn thủ Bắc Chính*.

Đến tháng Chín, Hoàng Ngũ Phúc kéo quân vào Bắc Bắc Chính châu. Nhân có Tri phủ Trần Giai, người trước kia từng tham dự vào việc làm mạo thư để hại Loan, vì sự việc bất thành, lại nhân vụ Loan sát hại Tham mưu Tá và Nguyễn Phước Văn, lòng càng mang nặng một mối thâm thù, nên nhân dịp này tìm đến Hoàng Ngũ Phúc tình nguyện việc chỉ đường, đưa lối. Nghe theo ý kiến của Giai, Hoàng Ngũ Phúc quyết định vượt qua cương giới tiến vào Nam Hà, nên truyền cho Ngô Dao đóng quân ở làng Đại Đan, rồi thừa lúc đêm tối, Phúc đưa quân vượt Linh Giang và đóng ở làng Cao Lao.^[372]

Được tin này, Duệ Tôn và Quốc phó họ Trương càng thêm bối rối. Trong đám đình thần có người hiến kế tìm cách mua chuộc bọn Hoàng Ngũ Phúc.

- Tình hạng binh bị của ta lúc này thực khó mà đối phó ngay với quân lực Bắc Hà. Phải có thời gian chuẩn bị. Vậy cần chọn sứ giả ra tận nơi, lấy cớ là vì thâm cảm thiện ý của Tĩnh Đô vương và của họ Hoàng cùng sự khó nhọc của tướng sĩ, mở tiệc khoản đãi cực kỳ trọng hậu, lại dùng châu báu, quý kim mua chuộc, thuyết phục họ Hoàng kéo quân trở về Bắc. Nếu xem chừng việc này khó thành, thì khéo liệu cách cầm chân Trịnh quân tại đấy, càng lâu càng tốt, để triều đình có đủ thời giờ chuẩn bị.

Duệ Tôn bèn chọn *Cai đội* Quý Lộc và *Câu đê*^[373]. Kiêm Long để ủy thác sứ mạng. Hai sứ giả được sử dụng một ngân khoản rất lớn trong chuyến đi này, không cần ngại tốn kém miễn là được việc thì thôi.

Quý Lộc và Kiêm Long phụng mạng ra đi và đã tổ chức yến tiệc rất linh đình, trọng thể, nhưng không phải để thuyết phục, mà để ngấm ngấm mời gọi Trịnh quân tiến tới. Duệ Tôn đã chọn làm người. Lộc và Long vốn đã oán ghét tình trạng thối nát của triều đường từ lâu, nhất là oán ghét Quốc phó họ Trương, nên cũng như Tri phủ Giai, họ muốn nhờ sức Trịnh quân để trừ gian thần, hạ hôn chúa. Cả hai vốn không phải là người trong công tộc, đại nghiệp của họ Nguyễn có mất vào tay họ Trịnh, chuyện đó thực chẳng có gì đáng băn khoăn, đau xót. Nhưng khác với Trần Giai, bọn Lộc và Long không trở mặt một cách công khai, chỉ khéo tìm cách để xúi giục bằng lối thác ý vào những lời bóng gió xa xôi. Giữa tiệc vui, Hoàng Ngũ Phúc đã ngỏ lời dò dẫm với hai sứ giả:

- Ta rất hoan hỉ về việc Định Vương vì đã thông cảm thiện ý của ta mà có sự đãi ngộ trọng hậu như thế này. Nhưng cũng vì thế, ta muốn biết rõ thực lực của Nam Hà có đủ sức dẹp yên được loạn Tây Sơn hay không? Liệu ta rút quân về có hại gì cho Định Vương chăng? Hay là ta cần phải tiến tới để hoàn thành sứ mạng yểm trợ?

Quý Lộc liếc nhìn Kiêm Long:

- Nhân huynh là hạng cao kiến hơn tôi xin hãy trình bày cùng Quận công những lẽ thiệt hơn.

Kiêm Long vén tay áo, tự rót thêm rượu vào cốc của Hoàng Ngũ Phúc, nhìn quanh đám tiệc, tò vè dè dặt:

- Quận công đã vì nghĩa lớn, không nề đàn sá xa xôi, kéo đại binh vào đây tất đã nắm rõ tình hình và cái thế của Nam Hà. Bọn chúng tôi là hạng bầy tôi thiếu tài, thiếu trí, vâng mệnh trên ra đây chỉ biết có bốn phận bày tỏ niềm tri ân của chúa chúng tôi đối với Quận công và cái ý chỉ của Chúa không muốn phiền hà đến quân lực của ngài quá dài ngày, chứ đâu dám lạm bàn đến những điều ngài vừa hạ vấn.

Nhưng nói xong trong giây lát, Kiêm Long lại giả vờ quá chén, vui đùa, dùng đũa gõ nhẹ vào thành bát, ngâm câu:

Chung bất khẩu bất minh...

Chung bất khẩu bất minh, lộ bất hành bất chí. [\[374\]](#).

Hoàng Ngũ Phúc lộ vẻ hân hoan, cười lớn.

QUYỀN THẦN SA CƠ, PHÚ XUÂN ĐỐI CHỦ, ĐẠI NGHIỆP CỦA HỌ NGUYỄN CÁO CHUNG TRONG CẢNH ĐIỀU TÀN

Sau những cuộc yếm ảm linh đình do Duệ Tôn cho các sứ giả ân cần khoản đãi, quân Trịnh thay vì rút lui về Bắc lại tiến vào Nam Hà. Lo ngại, *Trấn thủ Bối Chính dinh* Nguyễn Phước Thiệp và *Ký lục* Bảo Quang vội rút về Đồng Hới. Nhưng khi tướng Hoàng Đình Thế đưa quân tới trước lũy Trấn Ninh - tức Lũy cũ Phú Ninh, bọn biên tướng và thú tướng Nam Hà liền mở cửa đầu hàng. Lũy này được đắp từ thời Thái Tôn - vào năm 1662 do Ngô Quốc công Nguyễn Hữu Dật trông coi^[375] - rất đổi kiên cố. Trước đây đã mấy lần Trịnh quân đánh phá vẫn không hạ được, lần này khi vào được lũy liền cho hủy hoại. Bọn quan lại Nam Hà chẳng biết làm gì khác hơn là rủ nhau lẫn trốn. Cho hay tinh thần, nhuệ khí khi đã mất thì thành cao, lũy dày cũng trở nên vô nghĩa. Từ ngày có cuộc phân tranh Nam Bắc đến nay, Trịnh quân đã biết bao phen muốn xâm tính Nam Hà, mà rồi, lần nào cũng vậy, đành phải ôm hận cuốn cờ, xếp trống rút lui, vì sức chế ngự vô cùng kiên cố của các lũy. Linh Giang hay Thanh Hà tuy rộng những một trăm bảy chục trượng, “*hai bờ xa cách hiểm trở thiên nhiên*”, gần cửa biển tại có “*ba đào rằm rộ*”^[376] vẫn chưa thấm vào đâu với sự hiểm trở của các lũy Động Hải, Trấn Ninh, Trường Dục, cái hiểm trở khó thể vượt mà chính người miền Bắc đã từng nói lên trong câu ca truyền tụng:

Hữu trí dững hề
Khá quá Thanh hà,
Túng hữu dực hề
Trường lũy bất khả qua.^[377]

Nhưng rồi đến nay, quân của Hoàng Ngũ Phúc tuy không có cánh vẫn vượt qua trường lũy dễ dàng, và đến tháng Mười Một năm Giáp Ngọ, họ Hoàng đã đóng quân ở làng Hồ Xá.

Được tin, Duệ Tôn rụng rời hoảng hốt, phần thì căm tức vì sự phản bội bất ngờ của hai tên sứ giả, phần lo nổi không thể nào trở tay cho kịp. Và Đô thành Phú Xuân cũng thêm xôn xao, rúng động với cái khùng khí nặng nề, căng thẳng đầy âu lo, nghi kỵ và những mưu toan phản trắc ngấm ngầm. Hạng giàu có lo chôn giấu châu báu, bạc vàng. Hạng quyền quý phập phồng, hồi hộp, mất ngủ mất ăn vì cơn phong ba, bão táp bất ngờ trên bể hoạn - khó tránh được và đã gần kề - chẳng những đe dọa đến địa vị, thân danh mà còn đe dọa đến cả sinh mạng nữa. Một số đông chẳng còn thiết tha gì đến công vụ, chỉ lo nghe ngóng, đón chùng hướng gió để tiện việc bỏ buồm.

Nhưng người phải lo ngại, kinh hoàng trước nhất là Quốc phó họ Trương. Không phải lo ngại vì đại cuộc, vì cảnh ngửa nghiêng của xã tắc, sơn hà, mà lo ngại cho chính bản thân, cho cái thế sa cơ, mặt lộ đã được báo hiệu bởi bài hịch của Hoàng Ngũ Phúc vừa cho loan truyền từ Hồ Xá và đang được phổ biến khắp cõi, đang gây cả một trào xôn xao đầy hoan hỉ trong các tầng lớp chúng dân.

Lời lẽ đanh thép như rìu phang, búa bổ của bài hịch và những tội trạng được nêu ra đã làm cho Quốc phó họ Trương khiếp hãi đến toát tháo mồ hôi. Dù ẩn mình trong biệt thự thâm nghiêm, tường cao, cổng kín ở Phần Dương, Quốc phó vẫn hình dung được cái trào xao động của quần chúng từ thôn dã đến sơn khê một khi uất hận đã có cơ trào thoát, và vẫn nghe bên tai sang sảng những lời đàn hặc dữ dằn:

“Tả tướng Trương Phúc Loan là người đầu sao^[378], tiểu khí, quí vức tà tâm^[379], thân thiết với hạng đàn bà con gái, tử tế với bọn thao thiết, xu cơ, tin dùng những kẻ gian nặc, hãm hại những người trung lương, tìm cách ly cựu, gián thân để cho đảng thêm mạnh, bày mưu chuyên quyền, nạp đảng để cho mình càng giàu, tự ý giết kẻ này lập kẻ khác, thật có tay, có chân mà chẳng khác gì sài lang, thích thú về

những điều cay việc độc, thật đội mũ mặc quần mà giống hệt như cầm thú, lấy thuế dân nặng như hút máu mủ, bớt lương binh như nhổ răng, nhổ móng. Cách cai trị nguy cấp như đốt cháy lông mày, các hình phạt thâm độc như chọc thủng mắt, xui dân oán hận, đảo lộn ngôi thứ, khiến quân Táy Sơn kết tụ bọn gian manh làm đồ đảng, đông như kiến, như ong...”

Và viễn tượng của một sự thanh trừng thảm khốc không thể coi thường:

“Muốn làm cho dân chúng sống lại, tôi mới vội đem binh sĩ đầy sinh lực vào đây để trước là giết cường thần...”^[380]

Quốc phó họ Trương đã nhận thấy quá rõ là trước thời cuộc, Trịnh quân đã biến ông thành một đối tượng quan trọng và nguy hại vào bậc nhất, một cái cớ chính yếu để xâm tính Nam Hà. Nhưng Nam Hà có mất đâu phải là chuyện đáng lo, mà cái đáng lo là tính mệnh ông và cái sản nghiệp “*địch quốc phú gia*”. Qua những giấc ngủ chập chờn hay những đêm trắng dài dặc, trần trọc thâu canh, Quốc phó bao phen phải giật mình với mồ hôi giá lạnh vì cái ấn tượng kinh hoàng: một mình làm đích cho cả một đại binh hùng hậu, cho hàng nghìn, hàng vạn ngọn giáo, mũi tên. Và đến đây con người đại gian, đại ác này mới cảm nghiệm, lĩnh hội được tất cả cái ý nghĩa của câu “*thập mục, thập thủ*”, vì không phải là phảng phất mà lại rất rõ ràng, không phải chỉ có mười cặp mắt chăm nhìn, mười ngón tay chỉ trở, mà là hàng vạn, hàng triệu cặp mắt nẩy lửa, hàng vạn, hàng triệu ngón tay xia xói đổ dồn vào ông, bao vây lấy ông ngay trong khoảng màn che, trướng rủ, hàng vạn, hàng triệu cặp mắt cánh tay của đám thương sinh đang nổi dậy la ó, gào thét để đòi nợ máu...

Lần đầu tiên trong đời và cũng là lần đầu tiên trên cương vị một “vị cực nhân thần”, Quốc phó họ Trương phải đón nhận một sự nhục mạ nặng nề, công khai, trước đám bách tính từng phải khuất phục dưới uy quyền của ông cũng như những bầy đoàn trâu ngựa. Nhưng trước sự khinh mạn, khiêu khích đáng được trả đũa bằng cách xé xác, phanh

thây ăn tươi, nuốt sống này, Quốc phó đành phải cam chịu bó tay trong sự tuyệt vọng của một con người cô thế.

Vốn chỉ nhờ ở mối liên hệ thân tộc với nhà Chúa, nhờ sự thừa hưởng ảnh hưởng của cha ông mấy đời là công thần, mà được chức cao, quyền trọng, Trương Phúc Loan chỉ là hạng người giao hoạt với nhiều thủ đoạn cơ mưu lúc thường, nhưng khi bất thần phải đương đầu với nghịch cảnh thì lại tỏ ra không có khí cốt và khả năng quyền biến. Loan chỉ là người gian ngoan chứ không phải là hạng gian hùng.

Thái Sinh là người đầu tiên, trong bè đảng, tìm đến Quốc phó để thỉnh thị phương thế ứng biến, đã được đối diện không phải với một vị quyền thần thét ra khói, khắc ra lửa, một vị quan thầy hồng hách, oai nghiêm như thường ngày, nhưng là một lão nhân tầm thường, bơ phờ, gầy gập, ngồi thu hình trên chiếc sập gụ, ôm chiếc gối dựa bọc gấm, gục đầu xuống trong dáng suy tư.

- Thưa Quốc phó, tình hình cực kỳ nguy ngập, khẩn trương. Quân Trịnh thế nào cũng kéo về đây...

- Ta biết...

- Và Hoàng Ngũ Phúc đã dám khinh mạn...

- Ta biết. Các con ta đã cho ta biết rõ chuyện đó. Bọn Trần Giai, Quý Lộc, Kiên Long phản bội. Quân khốn nạn. Thực là chó má... Ai có ngờ.

- Thưa Quốc phó, còn có chuyện bất ngờ nguy hại hơn nữa...

Loan giật mình, ngồi thẳng người lên, hỏi vội:

- Gì nữa?

- Bọn công tộc đang có âm mưu... thưa Quốc phó, chúng đang dự tính bắt Quốc phó đem nộp cho Hoàng Ngũ Phúc để lập công.

- Bắt ta? Nhưng... dù sao bè đảng của ta vẫn còn đông, chúng làm gì được.

Thái Sinh lắc đầu, buông ra một tiếng thở dài thất vọng:

- Thừa Quốc phó, hầu hết đã vì thời thế mà thay lòng đổi dạ cả rồi. Ngay đến hạng cốt cán như Chương dinh Nguyễn Cửu Thống cũng đã ngã theo bọn họ.

Quốc phó Trương Phúc Loan trở mắt nhìn Thái Sinh, mồm há hốc, và tuy cố trấn định lòng mình, tay ôm chặt chiếc gối dựa, ông vẫn không giấu nổi sự run rẩy của toàn thân, run vì tức giận, mà cũng run vì hốt hoảng trước cái thế cùng đồ không lối thoát.

- Nguyễn Cửu Thống! Chương dinh Nguyễn Cửu Thống cũng lại phản bội ta sao?

- Thừa Quốc phó, chúng ta phải ứng biến bằng cách nào đây. Chẳng lẽ khoanh tay mà chịu chết?

Im lặng giây lát, Quốc phó thở dài:

- Ta cần gặp đông đủ các con ta rồi sẽ định liệu. Người liên lạc gấp và tin cho chúng biết về chuyện vừa rồi.

Thái Sinh lui ra. Quốc phó như người mất hồn và ông còn run sợ nhiều hơn với cái thế cô đơn mà lần đầu tiên ông cảm nhận trên cái chóp đỉnh “*địch quốc phú gia, vị cực nhân thần*”. Tất cả đã bỏ rơi ông. Tất cả. Ngay Duệ Tôn cũng đã bỏ rơi Quốc phó. Lòng tín nhiệm của Duệ Tôn đã mất từ lâu, từ lâu sau vụ sát hại Nguyễn Phước Văn và Tham mưu Tá bị đổ bể, từ ngày Duệ Tôn phải tự tay lo liệu mọi việc quân cơ vì biết rõ tình trạng bê bối do sự tham lận của Loan gây ra. Còn bè đảng? Đã tan rã mất rồi. Trở cờ, quay giáo đó là thế sự thường tình, nhưng khổ nỗi cái chuyện thường tình dễ hiểu ấy từ trước đến nay ông lại chẳng bao giờ nghĩ đến. Kịp khi nghiệm thấy thì đã quá muộn màng. Chung quanh ông chỉ toàn là những người phản bội, và, đông đảo hơn, chỉ toàn là những người oán ghét, căm thù. Trong cái thế cô thân chích ảnh^[381], việc đối phó đã bất thành, mà ngay đến chuyện đào thoát cũng khó mà liệu được. Đi đâu và chạy về đâu? Phía bắc, quân Trịnh. Phía nam, quân Tây Sơn. Hơn nữa, bao vây ông lúc này, không phải chỉ có những vòng lưới của bọn triều thần thù địch mà còn có những vòng lưới tinh mật của đám chúng dân đang hăm

hằm moi tim, xé xác để rửa hận, phục thù. Tất cả đều trở nên thù địch. Ngay cái khung cảnh màn che, trướng rủ, ấm áp êm đềm, rất quen thuộc, rạng rỡ ánh kim ngân, châu báu, gấm hoa của biệt thự Phần Dương, giờ đây cũng bắt đầu trở nên xa lạ, như không còn thuộc về ông nữa, như đang ngỏ lời giã từ, vĩnh biệt. Tựa cửa gác cao, ngăm nhìn cái dinh cơ đồ sộ, nguy nga, Quốc phó tự nhiên có cảm tưởng như tất cả, từ những tòa ngang, dãy dọc, lẫm lớn, kho dài, những đám nô tì, nô bộc đông đảo hàng trăm, những ngựa trâu nhung nhúc đầy đàn, đến những cánh đồng mênh mông nằm trong vòng tay chiếm hữu của ông đang bốc thành hơi, biến thành khói. Cả cái sự nghiệp lớn lao chỉ là một bức tranh ván cầu, và, có gì như một tiếng sét nổ bên tai, khiến ông bàng hoàng chột tỉnh để cảm thấy đau xót thấm thía khi lạng ngăm hai bàn tay gầy guộc, giá lạnh, hai bàn tay trắng giữa cảnh sa cơ nhục nhằn. Hai bàn tay trắng với rất nhiều ác nghiệp! Hai bàn tay trắng với cái danh hiệu ô nhục là “*Trương Tần Cối*”, là hạng “*tử hữu dư cô*”.^[382]

Và những gì phải xảy ra đã xảy đến sớm hơn sự ước tính của Quốc phó. Vào lúc sẩm tối, trong khi đang chờ đợi các con và Thái Sinh, Quốc phó Trương Phúc Loan bỗng nghe có tiếng ồn ào bên ngoài. Bọn gia nhân nhốn nháo cả lên khi thấy cả một đám đông quân lính bao vây biệt thự. Rồi một toán dũng sĩ đập phá cổng ngõ, ào ạt xông vào. Chỉ trong chớp nhoáng, Quốc phó đã bị chộp cổ, trói cặp cánh và bị điệu đi giữa hai hàng đuốc bốc cháy sáng rực. Dân chúng nghe tin, đổ ra chen chúc hai bên lề một quãng đường dài, đông như kiến cỏ. Tiếng reo mừng, xỉ vả nổi dậy và lan dài như tiếng sấm rền.

Lê bước giữa đám đông, bị uy hiếp bởi cái khí thế cuồng nộ của quần chúng, Quốc phó khiếp đảm đến độ bao nhiêu hồn vía đều bay cả lên mây. Nhưng cũng chính trong cái trạng thái “hồn bất phụ thể” và trong cơn khùng cụ, hãi hùng này, con người đại gian, đại ác từng khinh thường lê dân như trâu ngựa, đã nhận thức được là không có một thứ cực hình nào, một uy lực nào đáng gờm sợ, kinh hoàng bằng

những cái nhìn hần học, những cặp mắt phóng tỏa lửa uất hận, căm hờn của đại khối chúng dân. Những cặp mắt ấy sáng quắc lên dưới ánh đuốc, nhan nhản như một rừng sao, quả đã có gì khiến cho Quốc phó rùng mình ớn lạnh như đang đón nhận lưỡi hái sắc bén của tử thần đưa ngang qua cổ.

Vụ bắt bớ này là do sự chủ mưu của Chương dinh Nguyễn Cửu Pháp và Tiết chế thủy bộ binh Nguyễn Phước Huống - công tử thứ tư của Thế Tôn. Ngay sau khi đã bắt Quốc phó và đã tống ngục Thái Sinh, sự việc mới được tâu lên Duệ Tôn biết rõ.

Tuy không tin phục Quốc phó như trước, Duệ Tôn vẫn không nở lòng nào xử tệ với một người đã từng có công đưa mình lên ngôi chân chủ, nên tỏ ra áy náy, phân vân. Hiểu rõ tâm trạng của Chúa, Tiết chế Nguyễn Phước Huống liền thẳng thắn tâu bày:

- Việp Quận công muốn đưa quân xâm tước Nam Hà, nhân thấy lòng dân oán ghét Quốc phó vì chuyện tiếm quyền và nhiều hành động gian ác, nên cố mượn việc “trừ gian thần” làm danh nghĩa và lý do để tiện bề tiến thảo. Vậy việc bắt Quốc phó nộp cho Quận công là loại trừ được cái danh nghĩa ông ta cố tình lợi dụng. Quốc phó đã bị trừng trị thì Việp Quận công không thể lấy cớ gì để đưa quân vào, mà lòng dân cũng được hả hê, thỏa mãn, sẽ nức lòng vì công cuộc cứu nguy. Được lợi cả hai bề như vậy, xin chúa thượng nên vì nghiệp lớn mà dứt bỏ tình riêng, không thì hiểm họa khó bề ngăn chặn.

Duệ Tôn vốn đã nao núng nhiều trước tình thế nguy ngập và xét thấy sự hữu lý của lời đề nghị, đành phải nghe theo. Chúa mạng cho Tham mưu Lê Công Bình, theo đường thủy đưa Loan đến nộp cho Hoàng Ngũ Phúc tại hành dinh, đồng thời sai thảo một tờ biểu dâng lên vua Lê, một tờ khải dâng cho chúa Trịnh lời lẽ rất khiêm cung, bi thiết, nguyện dâng nạp bản đồ tịch trong xứ và cầu xin được giữ chức cố gắng mà thôi. Cùng với các văn kiện này, Chúa còn gửi dâng vua Lê ba chục nén, chúa Trịnh hai chục nén và Việp Quận công hai trăm lượng vàng ròng.^[383]

Sau khi Trương Phúc Loan đã bị áp giải xuống thuyền thì, ở Phú Xuân, người phải lo âu nhiều nhất là Duệ Tôn. Hiểm họa ngày càng hiện rõ. Binh lực đã suy yếu. Có bao nhiêu tướng sủng dụng Chúa đã cho vào mặt trận Quảng Nam để chiến đấu với quân Tây Sơn, số binh tướng còn lại từ Hiền sĩ trở ra chỉ toàn là hạng già yếu, không quen chinh chiến. Trung thần xét ra cũng chẳng được bao người, ngay cả trong hàng công tặc. Văn võ bá quan phần đông chỉ là hạng ươn hèn, bất lực, sẵn sàng phản bội, tiếp tay với địch để cầu bảo toàn tính mệnh và vớt vát cái bã vinh hoa, chung đỉnh. Còn dân chúng? Quốc phó Trương Phúc Loan tuy đã bị bắt, đã nhận lãnh tất cả những hậu quả chẳng lành của nghiệp báo mà thiên lý thường dành cho hạng bạo ngược, tham tàn. Nhưng mỗi uất hận vì nền hà chính đâu có dễ nguôi ngoai vì chuyện loại trừ một tay gian thần. Lại thêm cái nạn giặc đói hoành hành, giặc tham nhũng vẫn không ngừng tiếp diễn, chính quyền thì hoàn toàn bất lực về mặt chân tế, cứu bản, nên lòng dân càng thêm căm phẫn.

Trên ngôi chân chủ, vốn kém đức, kém tài, lại vừa bước ra khỏi một cơn hôn ám, đã phải đương đầu với bao nhiêu biến cố lớn lao, dập dồn, trong cái thế tuyệt vọng của một người thuyền trưởng chưa quen với bể cả, điều khiển một chiếc thuyền xộc xệch với một đoàn thủy thủ vụng về, tiêu cực, khiếp nhược, chẳng biết đến trách nhiệm chung trước hiểm họa là gì, giữa mặt đại dương nổi loạn, Duệ Tôn ngày càng cảm thấy rõ sự bất lực của mình và cũng cảm thấy, như Quốc phó họ Trương, nỗi cô đơn đáng sợ hãi của mình.

Thực vậy, lòng dân đã ly tán, khó thể chinh phục thu hồi. Đình thần thì những hạng manh tâm phản trắc, sẵn sàng quay giáo, trở cờ khi cơ hội đến, chẳng nói làm gì, đến ngay số lương đồng, khôi kho có đủ tài thao lược, kinh luân thì đa số ngoài mặt tuy vẫn phục tòng nhưng trong lòng lại ủ ấp cái hoài bão khuông phục ngôi vị cho Hoàng tôn Dương.

Cho nên Thành đô dù còn nghiêm lệ, cung điện vẫn còn nguy nga, ngọn Bồng Sơn hay *tiền án* ở phương nam vẫn chững chạc, kiên cố, nhưng trong không khí Kinh sư đã chứa đầy đe dọa, và, vào buổi canh khuya, tiếng *Đại hồng chung* văng lại từ gác chuông Thiên Mục tự đã có gì khác lạ trong âm thanh trầm buồn khiến cho vị chúa trẻ trung phải bàng hoàng, sửng sốt và phải trải qua những đêm dài trăn trở, chột tình, chột mê với rất nhiều ác mộng.

Và ác mộng đã trở thành sự thực. Vì diệt trừ gian thần chỉ là cái cớ viện ra để dễ tiến quân, nên dù Trương Phúc Loan có được giải tới hành dinh^[384], Hoàng Ngũ Phúc vẫn không vì đó mà chịu bỏ rơi tham vọng. Có đủ lý do để khoa trương chính nghĩa thì dong cờ, khoa trống mà đi, không có lý do chính đáng thì đại binh cũng vẫn tiếp tục cuộc hành trình Nam phạt, chỉ khác là tiến tới trong sự lặng lẽ, âm thầm. Từ Hồ Xá, quân của Ngũ Phúc lại kéo đến huyện Đăng Xương, đóng ở làng Ái Tử.^[385]

Sự phản trắc của nhân tâm thường duỗi theo với cái thế “*lòng trời không tựa*”, Hoàng Ngũ Phúc, trong cuộc Nam phạt, đã được khích lệ rất nhiều về phương diện này. Ở Bắc Bộ Chính châu, vì có Tri phủ Trần Giai, mà họ Hoàng mạnh dạn vượt qua cương giới Nam Hà. Ở làng Cao Lao, vì có câu: “*Lộ bất hành bất chí, chung bất khẩu bất minh*” thốt ra từ cửa miệng của sứ giả Kiêm Long, quân Trịnh không còn ngại nổi “*trường lũy bất khả qua*” và đã tiến sâu đến làng Hồ Xá. Tại đây, tình ý của một số triều thần mà họ Hoàng nhận thấy qua việc bắt nộp Quốc phó Trương Phúc Loan ngay tại hành dinh, đã khuyến khích Trịnh quân kéo đến làng Ái Tử thuộc huyện Đăng Xương. Rồi tại Ái Tử, trong lúc họ Hoàng đang dò dẫm thế tiến, thì một bài thơ của một nhà nho, người họ Trần, tên là Duy Trung, ở trong huyện này, gửi dâng để bày tỏ niềm hoan hỉ được thấy bóng cờ Nam phạt của đại binh nhà Lê xuất hiện trên dải đất Nam Hà, đã đưa tới cho họ Hoàng thêm một niềm khích lệ trên đường hành quân. Qua tình ý hàm ẩn trong “tám câu bốn vắn”, Hoàng Ngũ Phúc biết là tác giả còn có nhiều

điều hay muốn được tỏ bày, bèn cho mời tới và đón tiếp rất mực ân cần. Nhân lúc vui chuyện, họ Hoàng liền hỏi:

- Tôi từ xa mà đến, tình hình chưa được an tường, tiên sinh thấy có điều gì cần chỉ giáo về việc tiến quân xin vì đại nghĩa mà soi sáng cho thì thực là vạn hạnh.

Nho sĩ họ Trần ngỏ lời khiêm tốn:

- Hạng nho sĩ chỉ biết có việc cầm bút như tôi mà dám lạm bàn đến việc quân cơ với một bậc danh tướng như Quận công là chuyện múa rìu qua mắt thợ. Nhưng ngài đã không chê là thiên tài, thiên trí để có lời hạ vấn, tôi chỉ xin trình bày một nhận định về sở trường, sở đoản của quân Nguyễn mà bất cứ ai, ở Nam Hà, đã lưu ý cũng thấy được rõ ràng.

- Hay lắm, đó cũng chính là điều tôi muốn biết.

- Thưa Quận công, theo thiên kiến của tôi thì đại binh nên tiến theo đường bộ mà nên tránh đường thủy. Vì quân Nguyễn thiện chiến về mặt thủy, nhưng rất kém về mặt bộ. Thủy quân, trải qua bao đời, từ thời Dũng Lễ hầu đến nay, đã được đặc biệt chú trọng, về mặt tổ chức cũng như về việc thao luyện kỹ thuật chiến đấu, nên đã tạo được một lực lượng khá hùng hậu với một hiệu năng hiếm có. Bộ binh vốn đã kém mà hiện nay có bao nhiêu binh hùng, tướng giỏi đều được tung vào mặt trận Quảng Nam, do đó, nếu tiến về mặt bộ thì việc chiếm đóng Phú Xuân là chuyện dễ như lật bàn tay.

Hoàng Ngũ Phúc cả mừng, liền một mặt chọn ngày tiến thảo, sai các tướng Hoàng Đình Thế, Hoàng Nghĩa Phác đưa quân tiến theo đường núi, một mặt sai người đưa thư vào chúa Duệ Tôn, ngỏ ý vì *“giặc Tây Sơn chưa tiêu trừ xong, nên xin hội quân ở Phú Xuân để ứng tiếp”*.^[386]

Được thư, Duệ Tôn biết rõ cái dã tâm của họ Hoàng và càng thấy rõ nguy cơ khó tránh. Nhưng rồi giữa cái thế hoàn toàn thất vọng này, với cái truyền thống hùng nghị tiềm tàng trong dòng máu vừa bị kích động bởi sự thử thách của một nghịch cảnh quá lớn lao, Duệ Tôn,

không như Quốc phó họ Trương, chẳng chịu khoan tay đầu hàng Định mệnh. Đã khuất nhục nhiều rồi, và dù sao thì sự khuất nhục của một con người từng đã lớn lên trong niềm kiêu hãnh của một dòng họ chân chủ có đủ bản lĩnh để tách riêng một cõi sơn hà, và từng được kế thừa một đại nghiệp bền vững qua gần hai thế kỷ, cũng phải là một sự khuất nhục có giới hạn, nhất là khi đã biết rõ rằng: *bó tay đầu hàng là chấp nhận cái chết nhục nhã dưới chân họ Trịnh*. Còn nước, còn tát. Phải đối phó ngay cơ đến cùng. Đó không phải là cái quyết tâm riêng của Duệ Tôn, mà cũng là cái quyết tâm của một số người - rất hiếm hoi - có dũng lược và khí độ trong hàng công tặc, và trong số đó phải kể đến một thiếu nhi mười bốn tuổi mà không ai lúc bấy giờ có thể ngờ rằng mai kia sẽ là người tạo dựng lại đại nghiệp ngay trên cơ sở đổ nát, điêu tàn: cậu bé Nguyễn Phước Ánh.

Duệ Tôn bèn cùng đình thần gấp rút lo việc đối phó. Kế hoạch là một mặt ngăn chặn bước tiến của địch, một mặt kêu gọi nhân dân Quảng Bình, Bồ Chính ủng hộ bằng cách ngăn chặn đường rút lui của địch, để thừa thế tiêu diệt Trịnh quân. Nguyễn Phước Thiệp liền được đặt làm *Thống binh thuộc nội*, *Cai đội* Đặng được đảm nhận chức vụ *Quản cấm vệ quân*, lo việc ngự giặc. Còn *Cai đội* Tuyên Chính, *Tham mưu* Thành Đức được lãnh sứ mạng ra trá hàng dụ dỗ Trịnh quân. Việc kêu gọi dân chúng được ủy thác cho *Cai đội* Phẩm Bình.^[387]

Nhưng rồi kết quả chỉ là một sự thảm bại chua cay. Lòng dân đã hoàn toàn ly tán mà kêu gọi nhân dân nổi dậy chống lại một đại binh hùng hậu mang danh nghĩa “trừ gian thần”, đập đổ một nền hà chính vượt hẳn sức chịu đựng của quảng đại quần chúng lầm than, là cả một chuyện thất sách, một chủ trương không tưởng. Tướng tá, binh sĩ đã mất hẳn nhuệ khí, lại chọn lầm những người bất tài, bất lực để giao phó những nhiệm vụ trọng yếu, khó khăn như dụ dỗ địch, vận dụng chúng dân chống địch thì sự thất bại lẽ tự nhiên là chuyện không thể tránh. Do đó, ngự địch, nhưng *Cai đội* Đặng vừa thấy giặc đã hoảng sợ, chạy dài. *Thống binh thuộc nội* Nguyễn Phước Thiệp thì bị các

tướng Trịnh đánh cho tơi bời, xiềng liềng. Riêng phần *Cai đội* Phẫm Bình chưa kịp vận động quần chúng đã bại lộ cơ mưu, bị quân địch bắt^[388]. Và quân Ngũ Phúc tiến vào đến sông Bái Đáp, trong lúc các tướng Hoàng Đình Thế và Hoàng Nghĩa Phác, tiến theo đường núi, đã vượt qua thác Trầm, thác Ma, giết tướng đồn là bọn Tường Quang, Doãn Đức, rồi bắc cầu nổi, qua sông.^[389]

Được tin thất trận, Duệ Tôn đành phải gom góp tất cả những gì còn lại trong tay về binh lực, liều đánh một ván bài xả láng. Một đạo quân gồm những hai chục chiếc thuyền liền được đặt dưới quyền điều khiển của *Tiết chế bộ binh* Nguyễn Phước Chất, *Tiết chế thủy sư* Nguyễn Phước Dinh, cùng *Tham tán quân vụ* Nguyễn Đăng Trường, cấp tốc chia đường chống cự. Nhưng chuyển tiến thảo này vẫn không đẩy lui được địch. Duệ Tôn bèn chọn *Nội tá Chưởng dinh* Nguyễn Văn Chính thay Chất, chỉ huy tất cả lực lượng bộ, thủy.

Vận đã suy, thế đã yếu, nên dù có ý chí “thắng thiên”, nguy cơ cũng khó bề thoát vượt. Như kẻ bị sa lầy, càng chựa quậy càng chìm lún thêm sâu, những cố gắng của Duệ Tôn, những nỗ lực cuối cùng chỉ đưa tới hết thất bại này đến thất bại khác. Và khi cho *Nội tá Chưởng dinh* Nguyễn Văn Chính thay Nguyễn Phước Chất, nhà Chúa đã phạm một lỗi lầm rất lớn để phải đón nhận sớm hơn giây phút sa cơ nhục nhằn. Vì Phước Chính là một tay võ biên thiếu tài, thiếu đức, chỉ giỏi rượu chè, ba hoa, lại hẹp hòi, nông nổi. Cấp chỉ huy đã như vậy mà quân ngũ thì lại gồm toàn những binh sĩ già yếu, ươn hèn, không quen chinh chiến, nên khi quân của Hoàng Ngũ Phúc và của bọn Thế, Phác cùng tiến công đánh cả hai mặt trước sau, thì quân của Chính đã như ong vỡ tổ, chỉ trong chốc lát phải lâm vào tình trạng trúc chẻ, ngói tan, bỏ lại trên chiến địa vô số thi hài tử thương, trong đó có xác của *Nội tá Chưởng dinh* họ Nguyễn.^[390]

Và ngày hai mươi tám tháng Chạp năm Giáp Ngọ - coi như là ba mươi Tết vì là tháng thiếu - dân chúng Đô thành, thay vì chuẩn bị chào

mừng Xuân mới, đã rối loạn cả lên vì cái tin quân Trịnh sắp kéo về chiếm đóng Thượng đô.

Trong cái không khí rộn ràng, náo loạn ấy, Duệ Tôn đã thấy rõ cái thế cùng đờ, khốn bách, không còn lối thoát nào khác hơn là sự tự bỏ Thượng đô, dẫn thân vào một cuộc phiêu lưu vô vọng trước một tương lai đen tối, mịt mờ. Phải đi và phải bỏ tất cả. Thành quách, tôn miếu, cung điện, triều đình, tất cả đều phải giã từ vĩnh viễn. Và cả một đại nghiệp từng được gầy dựng, bồi đắp qua những hai thế kỷ, với bao nhiêu công khó “khai sơn, phá thạch, phá rừng bụi, đuổi hùm voi”, bao nhiêu chiến tích “*Bắc phòng Nam tiến*” của các đấng tiên vương.

Từ trên *Triều Dương các*, lòng đau như cắt, ruột xót như bào, Duệ Tôn dương mắt buồn ngăm nhìn toàn thể Đô thành, như cố thu vào, một lần chót, hình ảnh Thượng đô, nơi chôn nhau cắt rốn. Cũng như Quốc phó họ Trương trước đây khi từ trên gác cao ngăm nhìn cái dinh cơ nguy nga, đồ sộ ở làng Phần Dương, Duệ Tôn hốt nhiên cảm nhận được tính cách vô thường, vô nghĩa của những gì mà từ lâu vị chúa trẻ trung đình ninh là đã thống thuộc một cách bền bỉ, chắc chắn trong vòng tay chân chủ rộng lớn của mình. Vương phủ với bao nhiêu cung, điện, đình, các, quan xá, quân trại, kho tàng, tượng xường, mã xường và, xa hơn, bên kia sông, với Trường Lạc điện, phủ Dương Xuân, và, xa hơn nữa, tất cả cái phần linh thổ mệnh mệnh, thu đạt được bởi sức khai quốc dũng nghị của tám đời chân chủ trước đây, vụt nhiên trở nên xa lạ, tất cả đã thoát ly hẳn cái quyền uy ngự trị, và đang quay lưng, trở mặt, biểu thị một vẻ lạnh lùng, thù nghịch, khinh mạn, mỉa mai. Và qua màn lệ, tất cả hầu như đang bốc thành hơi, mờ nhòa, tan biến. Nỗi đau thương, nỗi tiếc pha lẫn hãi hùng như lay tỉnh vị chân chủ lâm cảnh thất thế, sa cơ ra khỏi một cơn mộng mị để càng nhận thấy rõ hơn tính cách mộng huyễn của những gì gọi là vĩ nghiệp, phong công. Tất cả đều đã trở thành mộng ảo. Tất cả đều chỉ là mộng. Tất cả những thành quả lớn lao mà con người thu đạt được vì lòng tham dục, hiếu thắng, dù hùng vĩ, kiên cố đến đâu, cũng thoát lọt qua mười ngón tay

ham hố như nước xuyên qua mặt lưới, như gió lọt song sa. Kể cả cái nghiệp bá trải qua chín đời chân chủ. Và mười năm trên ngôi cao, hay cả cái tuổi hai trăm năm của một đại nghiệp, cũng chỉ là một khoảng thời gian ngắn ngủi, một khoảnh khắc, chưa đủ để nung một nồi kê vàng cho chín.

Những tin báo nguy càng tới tấp, dập dồn. Duệ Tôn không thể còn chùng chình được nữa, bèn một mặt sai Tổng Phước Đạm đem quân án ngữ ở cửa Bắc để nỗ lực ngăn chặn địch quân được giờ phút nào hay giờ phút ấy, và một mặt sai Tả thủy Nguyễn Cốc, Trung thủy Võ Di Nguy, Tiền thủy Trương Phúc Dĩnh, gấp rút chuẩn bị ghe thuyền. Rồi thừa lúc đêm tối, Duệ Tôn thu tóm châu báu, vàng bạc, cùng cung quyến và một số thân binh trăm người, âm thầm lặng lẽ xuống thuyền, nhắm hướng cửa Tư Dung thẳng tiến.^[391]

CỰU ĐÔ PHÚ XUÂN TRONG CẢNH ĐIỀU TÀN VÀ CÂU ĐỐI VÔ HÌNH TRÊN VÁCH CHÙA THIÊN MỤ

Trong cuộc tiến chiếm Phú Xuân, Hoàng Đình Thế được Việp Quận công cho đến trước, giữ bốn cửa thành và niêm phong tất cả các kho tàng của chúa Nguyễn. Hay tin Duệ Tôn đã đào thoát, Hoàng Ngũ Phúc liền sai Hoàng Đình Thế đưa quân đuổi theo.

Đoàn thuyền của Duệ Tôn cùng cung quyến vì gặp gió ngược không thể nào tiến nhanh được, nên vào ngày mùng năm năm Ất Mùi (1775), Duệ Tôn cùng bọn Nguyễn Huống, Nguyễn Kinh và Nguyễn Trí phải bỏ thuyền lên bờ rồi theo đường núi mà đi, qua Hải Vân quan, ẩn náu trong một ngôi chùa suốt ba ngày. Qua ngày thứ tư, quân Trịnh đuổi kịp, phần đông những người trong đoàn hộ giá bỏ chạy. Rất may cho Duệ Tôn là quân Trịnh, vì ham tranh nhau cướp giạt số châu báu, vàng bạc bị rơi, không đuổi đến cùng, và, nhờ thế, Duệ Tôn cùng số người thân tín đã trốn thoát.^[392]

Từ Hà Trung được tiếp báo về chiến thắng của đại binh Hoàng Ngũ Phúc, Tĩnh Đô vương hết sức vui mừng. Cái mộng diệt Nguyễn, tham vọng xâm chiếm Nam Hà của họ Trịnh - dồn nén từ một trăm năm qua - không ngờ lại đã thực hiện được một cách dễ dàng. Tĩnh Đô vương liền sai Nguyễn Quýnh Trai đem vào thưởng cho Phúc một trăm lạng vàng và cho các tướng sĩ năm trăm lạng bạc, lại đặt Phúc làm Trấn vũ Thuận Hóa với toàn quyền định đoạt về mọi việc thưởng phạt.^[393]

Ngày mùng ba tháng Giêng năm Ất Mùi, Hoàng Ngũ Phúc vừa tiến vào thành, thì bọn quận Chiêm, quận Thăng hơn một trăm người đã kéo ra quy thuận và hầu hết các tướng tá, quan lại họ Nguyễn còn lại đều xin đầu hàng.^[394]

Nếu Phú Xuân phải đau khổ, tủi hận vì cái vận số không may, thì dân chúng Phú Xuân cũng như Thuận Hóa, qua một cơn kinh hoàng, hồi hộp, lại đón nhận sự đổi thay này với tất cả niềm hoan hỉ. Lòng tư Lê tưởng chừng đã hoàn toàn nguôi ngoai, phai nhạt sau những hai trăm năm trời gián cách Bắc Nam, lúc này lại được phát hiện ngay trong thái độ hân hoan của các tầng lớp sĩ thứ vì cái vui được *thấy rõ mũ áo của Triều đình*^[395]. Hơn nữa, ngay sau khi cuộc xâm tính thành công, Trấn vũ họ Hoàng cũng biết rõ công việc thu phục nhân tâm là chuyện thiết yếu, liền cho ra tuyên chỉ vỗ về, ủy lạo và yết bảng chiêu an, không những thường dân mà các hàng quan lại của chúa Nguyễn cũng được ở yên như cũ.

Sự ra đi của Duệ Tôn chẳng lưu lại một niềm buồn thương luyến tiếc nào trong lòng sĩ thứ. Hình ảnh của vị chúa trẻ trung được quần chúng bỏ rơi vào quên lãng một cách nhanh vội, hay nếu có còn phảng phất trong tâm trí người dân thì cũng chỉ được nhớ tới với những cảm niệm, ý nghĩ không đẹp từng dành cho quyền thần họ Trương, cho cả một nền hà chính tàn khốc, cho cái đại nghiệp mà họ phải chịu đựng như một gánh nặng đến oằn cổ, trầy vai qua bao nhiêu thế hệ. Ra sao thì ra, nhưng chỉ mỗi một sự kiện là nền hà chính ấy đã bị sụp đổ, quyền thần đại gian, đại ác đã bị diệt trừ, cái gánh nặng trên vai hay cái đại nghiệp ấy đã được cất bỏ, hôn chúa đã vắng bóng, thì sĩ thứ cũng đã cảm thấy nhẹ nhàng, thỏa thích như vừa thoát được một tai ách nặng nề, một cơn ác mộng kinh hoàng, dữ dội.

Chúa Nguyễn ra đi, Phú Xuân coi như đã qua hẳn một thời vàng son oanh liệt. Có bao nhiêu kho tàng còn lại đều lọt vào tay quân Trịnh. Trên ba chục vạn quan tiền đồng - loại tiền tốt nhất của nhà Đường, nhà Tống - bị tịch thu^[396]. Tất cả những khẩu thần công đại bác bằng đồng, những đỉnh đồng, vạc đồng to lớn, biểu thị uy quyền của chúa Nguyễn, đều được nấu chảy để đúc loại tiền "*Cảnh hưng thuận bảo*". Số đồng biến chế thành chất liệu đúc tiền cân nặng có tới bảy trăm

chín mươi chín tạ và số tiền đúc được có tới ba vạn ba trăm sáu mươi hai quan.

Tuần trăng mật giữa Trịnh quân và nhân dân cự đô chẳng được mấy ngày đã vội cáo chung. Cái vui mừng vì “*không ngờ đã hai trăm năm mới được trông thấy áo mào của Triều đình*” chỉ thoáng qua rồi tan biến trong niềm thất vọng. Nha môn được thiết lập, thành lũy hư hại được sửa sang, trọng binh chiếm đóng được đưa tới đông đảo để khống chế. Với số binh lính có trên ba vạn, kỷ luật không được nghiêm minh, cự đô Phú Xuân, hơn ở đâu hết, đã phải chịu đựng nhiều nỗi bầm dập, tàn phá nặng nề. Cái thiện ý vỗ về, ủy lạo chỉ có trong lời lẽ của các tuyên chỉ và bảng chiêu an chứ chẳng có dấu vết gì trong thực tế.

Các quân trại cũ ở Đô thành cũng như những tư thất của các hàng quan lại có tới mấy vạn nhà, phần lớn toàn bằng những loại danh mộc như sao, trắc, giáng hương, kiên kiên, đều bị quân lính ngang nhiên triệt hạ để lấy làm củi chụm. Tình trạng sách nhiễu, phá phách, lạm dụng quyền hành lại tái diễn gây thêm lăm nổi hoang mang, oan khuất cho đám lê dân đã từng điêu đứng vì nền bạo chính trước đây, và đã làm cho những hạng hiền tài giàu lòng ái phủ nhân dân như Đoàn hậu Lê Quý Đôn phải băn khoăn, lo ngại và gấp tìm phương thế chinh đốn, cứu vãn. Vào tháng Giêng, năm Cảnh Hưng thứ ba mươi bảy, được cử làm *Tham thị* để cùng với *Phó đốc thị* Nguyễn Mậu Đình và *Trấn vũ* Thuận Hóa Bùi Thế Đạt kinh lý việc quân, Lê Quý Đôn đã phản ánh những sự trạng đáng buồn này trong bài tựa của tập *Vũ biên tạp lục*:

“... Những trấn ty mới đặt, mọi việc bắt đầu. Bây giờ binh dân ở lẫn lộn với nhau, quân đội ý thế cướp đoạt, dời các trại lính cũ làm củi, đặt những đồn mới để bắt bớ, khám xét. Tiền kẽm không ăn, giá lúa vọt lên cao, các lò nấu muối bỏ nghề, cự quan cùng thổ dân tranh nhau ruộng đất, phát sinh kiện cáo, lại dân ăn mặc khác kiểu, kẻ hung hãn lớn tiếng, kẻ yếu uất ức. Tôi cùng đồng liêu bàn cách khu xử, bắt đầu tạm đặt đề lại, định lệ kiện, cấm các quan đồn xét kiện, việc nào huyện

xét, việc nào trấn xét đều có phép thường, sức cho các tướng hiệu cầm quân lính không được hiếp chế cưỡng đoạt, khiến quân lính phải lên núi Hòn Chén ở thượng lưu để lấy củi, cắt cỏ, không được tự tiện vào nhà dân, lại khiến dân gian dùng tiền kẽm, cứ ba đồng tiền kẽm ăn một đồng tiền đồng. Cho đầu nguồn Cam Lợi chở gạo dùng vào, bỏ các sở thuế tuần, thuế đò, thuế chợ phim hà, thuế toái hơn một trăm bốn chục sở...”^[397]

Nhưng tình hình Thuận Hóa vẫn ngày thêm rối ren, lòng dân nhiều nơi đã phải thất vọng, mầm loạn nảy nở nhiều nơi. Ở Quảng Trị, một bọn người tự xưng là công tộc nhà Nguyễn, do Lâm và Mộc cầm đầu đã xách động được nhân dân bốn huyện Cam Lộ, Hải Lăng, Đăng Xương và Minh Linh cùng nổi dậy. Tướng Bùi Thế Đạt phải hợp lực cùng Phạm Huy Đỉnh ở Dinh Cát đánh dẹp rất khó nhọc mới đàn áp được.^[398] Ở Quảng Nam, khi Hoàng Ngũ Phúc vừa rút quân về - vì tin tưởng quân Tây Sơn đã thực lòng quy phục mà cũng vì lo ngại về tình hình bất an ở Quảng Trị - thì tại các nơi như phủ Thăng, phủ Điện, những người của họ Nguyễn lại thừa cơ nổi dậy. Cầm đầu cuộc quật khởi này là hai công tử của Thế Tôn Nguyễn Phước Khoát: tức Nguyễn Phước Quyền, công tử thứ mười bốn, và Nguyễn Phước Xuân, công tử thứ mười sáu, với mưu sĩ là Trương Phúc Tá. Nhưng nếu ở Quảng Trị, bọn Lâm và Mộc bị quân của Bùi Thế Đạt tiêu diệt, thì ở phủ Thăng, phủ Điện, bọn Quyền và Xuân lại bị quân Tây Sơn đàn áp rồi vì thiếu lương thực, một phần vì Quảng Nam đang lâm cảnh cơ hoang, một phần vì bị quân địch phong tỏa, nên chỉ cầm cự được hai tháng trời rồi tan rã. Xuân và Quyền phải lẩn trốn tìm đường đào thoát vào Nam.^[399]

Đến đây thì tất cả những hy vọng cuối cùng của Cựu đô Phú Xuân về cái mộng khôi phục lại tư thế xưa với cảnh trù phú chủ cũ nhờ ở sức quật khởi của những người có lòng trung nghĩa và tinh thần bất khuất trong hàng công tộc, triều thần, đã hoàn toàn tiêu tan.

Và cũng như Cự đô Phú Xuân, ngôi cổ tự Thiên Mục tự trên đồi Hà Khê, nơi bài vị các tiên vương còn được lưu giữ - cũng phải chịu chung ảnh hưởng của cảnh dâu bể, đón nhận cái số phận “ngọc chìm, châu cháy” qua bao cuộc đổi thay và bao cơn binh biến, hết cuộc xâm tính của Trịnh quân đến nạn xâm tính của quân Tây Sơn. Cổ Đại hồng chung, đêm đêm, vào lúc canh khuya, từ trên đồi cao lại gieo xuống dòng sông vắng lạnh những loạt âm ba du viển vương vấn giọng trầm ưu, thường gieo cả một mối sầu hoài não nuốt cho những mặc khách trong vùng còn nặng tình với dòng họ chân chủ phương Nam.

Trong số mặc khách hiếm hoi này, có Trần Lang, một nho sĩ xưa kia từng được mục kích cử chỉ lạ lùng của vị lão tăng bẻ trúc làm bút, viết thành hai dòng chữ vô hình trên mặt vách chùa Thiên Mục. Từ lâu, trước cảnh ngôi tan đất lở, như bản tràn đầy núi sông, Trần Lang không còn màng tưởng đến cái mộng công danh, ngại việc dấn thân vào vòng cương tỏa, nên dù bụng chứa thiên kinh vạn quyển vẫn chỉ thích vui sống với cái thú ần nấu lều tranh, quán cỏ. Một đêm trăng, nhân đọc tập “*Hoài Nam khúc*” của Hoàng Quang, xúc động vì những từ ý bi tráng, cảm kích vì cái khí thức và tiết tháo của tác giả^[400] mà thao thức mãi, rồi giữa khoảng đêm vắng, canh trường, lóng nghe những tiếng chuông ngân nga từ đồi Hà Khê vọng lại, bỗng sức nhớ đến chuyện cũ, và, qua sáng hôm sau, Trần Lang dậy rất sớm, sắm sanh lễ vật cúng dường, lên chùa viếng thăm.

Và lạ lùng thay, khi lên đến nơi, vừa nhìn vào mặt vách phía đông, Trần Lang đã kinh ngạc, sững sốt, vì hai dòng chữ vô hình trước kia, giờ đây đã hiện thành hai câu thơ:

*Khả liên nhị bách niên cơ nghiệp,
Bất cập sơn tăng nhất mộng trường.*

HẾT

CHÚ THÍCH

[1] Nguyễn Hoàng sinh năm 1525, lên ngôi chúa năm 1558 và mất năm 1613. Trong tác phẩm này, niên đại ghi sau tên các đời vua, chúa là chỉ khoảng thời gian từ khi lên ngôi đến khi mất (hoặc bị phế) chứ không phải năm sinh - năm mất.

[2] Thuận Hóa: Bao gồm Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế.

[3] Nay thuộc thành phố Huế.

Các chú thích nguyên bản của tác giả Phan Du được gán chữ (TG), các chú thích không có chữ này là của Tao Đàn chú thêm để bạn đọc tiện theo dõi.

[4] Tên cũ là Thọ Khang thượng khố. Đầu niên hiệu Gia Long, đổi thành Thọ Xương. Năm Minh Mạng thứ năm (1824) đổi thành Long Thọ cang, trên có dựng đình bát giác gọi là Long Thọ cang đình và có chạm bi chế để lưu thăng cảnh. (Theo Đại Nam nhất thống chí - Kinh sử: Tự quán. Nha Văn hóa bộ QGGD xuất bản, tập VI, 1960). (TG)

[5] Hai câu thơ này của cụ Phạm Quỳnh, nhân đi chơi Huế mà mượn câu trên và nửa câu dưới của cụ Dương Khuê.

[6] Sung thiệm (Hán Việt): Sung túc.

[7] Đây chỉ là truyền thuyết dân gian chứ không thể xuất hiện trong lịch sử. Bởi vì Thuận Hóa từ năm 1069 mới quy về Việt Nam, trong khi Cao Biền là Tiết độ sứ Tĩnh Hải quân (xứ An Nam) thời Bắc thuộc từ năm 866 đến 868.

[8] Theo sự truyền tụng của nhân dân trong vùng. (TG)

[9] Đây là truyền thuyết Trích Tiên, các phần sau có dùng từ Trích Tiên chính để chỉ cố sự này.

[10] Vào tháng Giêng năm thứ mười lăm, niên hiệu Tự Đức, tức tháng Hai năm 1862, nhà vua nhân nghiệm thấy chữ *Thiên* và chữ *Địa* có tính cách thiêng liêng cao quý, nên ngài truyền tự hậu, để tỏ lòng tôn kính, những chữ này phải được tránh dùng. Những tên đã đặt cho một vài cơ quan có những chữ này, như *Khâm thiên giám*, *Thừa Thiên phủ* thì chữ *Thiên* phải chữa trống. Nhân có lệnh này, Bộ Lễ liền tâu xin cải đổi tên chùa *Thiên Mụ* thành *Tiên Mụ*, nhưng nhà vua lại đổi chữ *Tiên* thành chữ *Linh*, và từ đấy *Thiên Mụ* tự được gọi là *Linh Mụ tự* - (Pagode *Thiên mẫu*: Description, Légende du Plan général de la Pagode, par A. Bonhomme. B.A.V.H. 1915). (TG)

[11] Theo *Việt Nam khai quốc chí*, *Đại Nam thực lục tiền biên* và *Hội điển* (trích dẫn trong bài *La Pagode Thiên mẫu: Historique - Description*. B.A.V.H. 1915). - Đ.N.N.T.C.. Kinh sư: Tự quán: Chùa *Thiên Mụ*, tr. 88, 89). (TG)

[12] Có thuyết cho rằng đó là con rùa bằng vôi do Cao Biền cho đắp để yểm trừ long mạch. Óc tưởng tượng của nhân dân trong vùng thực là dồi dào phong phú, ngay như câu chuyện long mạch và nữ thần cũng còn có nhiều điểm rất khác nhau và kỳ thú.

[13] *Hiền Vương*: Tức Nguyễn Phước Tần, vị chúa thứ 4 của nhà Nguyễn, được người sau gọi là chúa *Hiền*.

[14] *Quốc Chúa*: Tức Nguyễn Phước Châu, vị chúa thứ 6 của nhà Nguyễn.

[15] *Tức Thiệu Trị*.

[16] Để bảo vệ chu đáo các đồ tự khí quý giá và tượng Phật bằng vàng ở tầng tháp trên cùng, chìa khóa của tháp được giao cho bộ Lễ cất giữ, thang bắc lên các tầng tháp trên cho bộ Công giữ. Chi khi nào có phương việc, cả hai bộ mới phối hợp nhau để mở cửa và bắc thang.

[17] Trích trong câu đối của *Hiển Tôn* ban cho chùa *Quốc Ân*: “Bát bảo xán kim lương, hiểu nhật lâm quan, tiền hữu nhân hữu cảnh. Ngũ vân sanh ngọc đồng, xuân quan triều toả, hỷ bất tức bất ly”. (Đồ bát bảo rực rỡ rường vàng, vừng nhật chiếu đến *Thiên quan*, mền được có

người và có cảnh. Mây ngũ sắc giăng quanh cột ngọc, bóng xuân triều về Phật tọa, vui thay không bức lại không xa.) - Đ.N.N.T.C.. - Thừa Thiên phủ (tập thượng). Tự quán: Chùa Quốc Ân. Tr. 87. (TG)

(Đ.N.N.T.C.: Đại Nam nhất thống chí, cách viết tắt này được tác giả sử dụng trong các chú thích sau).

[18] Lóng nghe (từ cổ): Lẳng nghe.

[19] Hội điển, bi văn về chùa Thiên Mụ của vua Thiệu Trị (trích dẫn trong *La Pagode Thiên Mâu: Historique. B.A.V.H., 1915*). (TG)

[20] Nguyên trước là người quý hương Tống Sơn, sau di cư vào Thừa Thiên, xuất sĩ vào đời Lê, làm đến chức Thuận Hóa trấn phủ, Luân Quận công. Chính trị khoan hòa, trăm họ thương mến, từng xưng tụng là Bản Xứ công. Khi Nguyễn Hoàng vào trấn miền Nam, ông Trị là người đầu tiên dâng đồ tịch trong xứ, giúp *Tiên chúa* hết lòng, có nhiều công trạng (Theo Đ.N.N.T.C.. - *Thanh Hóa* (tập hạ), mục *Nhân vật bản triều*: Tống Phúc Trị. Tr. 127 - Đ.N.N.T.C.. *Thừa Thiên phủ* (tập trung) mục *Nhân vật bản triều*: Tống Phúc Trị, tr 30). (TG)

[21] Thiên: Di, chuyển

[22] Thiên phủ: Kho trời.

[23] Sáu huyện là Kim Trà, Đan Điền, Hải Lăng, Võ Xương, Tư Vinh, Điện Bàn và hai châu là Sa Bồn và Thuận Bình (Theo Đ.N.N.T.C.. *Thừa Thiên phủ* (tập thượng), mục *Kiến trí duyên cách*, tr.24). (TG)

[24] Ngoài việc đổi tên các huyện nói trên, vào năm 1558, *Tiên chúa* còn đổi tên huyện Võ Xương thành Đăng Xương, trích huyện Điện Bàn thăng làm phủ, cải thuộc tỉnh Quảng Nam (Theo Đ.N.N.T.C.. *Thừa Thiên phủ* (tập thượng), mục *Kiến trí duyên cách*, tr.24). (TG)

[25] Thuộc địa phận Quảng Điền, phá này chảy qua đông nam hai mươi dặm, hiệp với Hương Giang chảy ra cửa bể Thuận An.

[26] Nguyên trước thuộc huyện Phú Vang, năm Minh Mạng thứ mười sáu (1835) đổi thuộc Phú Lộc.

[27] Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập thượng), mục *Sơn Xuyên*: núi Hải Vân, tr.53, 54. (TG)

[28] Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập thượng), mục *Sơn Xuyên*: núi Hải Vân, tr.53, 54. (TG)

[29] Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập thượng), mục *Sơn Xuyên*: núi Hưng Nghiệp, tr.44. (TG)

[30] Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập thượng), mục *Sơn Xuyên*: núi Hưng Nghiệp, tr.44. (TG)

[31] Đ.N.N.T.C.. - *Kinh sư*. Tập số VI, năm 1960, tr.15. (TG)

[32] Hai câu trong bài thơ vịnh cửa ô Long. Tên Ô Long được đặt từ thời nhà Lý. Qua nhà Trần được đổi thành cửa Tư Dung. Còn có tên là Ôn Hải Môn và Biện Hải Môn. Thiệu Trị nguyên niên được đổi thành cửa Tư Hiền (Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập thượng), mục Quan tấn: cửa tấn Tư Hiền, tr.99-102). (TG)

[33] Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập thượng), Hình thế, tr.29. (TG)

[34] Hào soạn: Đồ ăn ngon.

[35] Huyền Trân công chúa (thơ), Hoàng Cao Khải. (TG)

[36] Tục gọi là hoa sói, người Kinh kỳ thường dùng để ướp trà. (TG)

[37] Phạm Thục công ở đất Hứa có làm giàn cho hoa đỗ my leo trước Trường Tú đường. Cứ vào khoảng cuối xuân, hoa nở, thường mở tiệc rượu dưới giàn hoa. Mỗi lúc có gió thoảng qua, hoa rơi xuống nhằm vào chén người nào thì người ấy được uống một chén lớn. Hoa rơi nhiều nên người nào cũng phải uống nhiều. Tiệc rượu ấy gọi là Phi anh hội. Ở Kinh kỳ, các bậc trưởng lão phong lưu trước đây có nhiều vị hay mở chiếu rượu dưới dàn hoa lý. Tuy hoa lý không rơi như hoa đỗ my, nhưng những tiệc rượu như vậy cũng được gọi là Phi anh hội. (TG)

[38] *Généalogie des Nguyễn avant Gia Long* par S.E. Tôn Thất Hân, traduction de Bùi Thanh Vân, B.A.V.H. 1920.

Truyền thuyết kể rằng khi *Tiên chúa* đến nhậm chức ở Thuận Hóa, dân chúng đem dâng bảy chum nước, Chúa mừng lắm bởi nước ở đây đồng âm với chữ nước trong đất nước. (TG)

[39] Do: tiếng Hán Việt nghĩa là “từ”. (Theo từ điển Trần Văn Chánh)

[40] Làng Minh Hương và phố Thanh Hà thuộc tỉnh Thừa Thiên của Gs. Trần Kinh Hòa. Tạp chí Đại học số 21 tháng Bảy năm 1961, tr.100. (TG)

[41] Minh Xuân đạo, tục danh là lúa Minh Xuân, hạt màu vàng lợt và dài, gạo trắng mà thơm lắm. Tháng Mười một cấy, tháng Tư gặt, sản xuất ở tổng Bái Ân, hàng năm có cống hiến. (Đ.N.N.T.C.. - *Tỉnh Quảng Trị*, mục *Thổ sản*: Minh Xuân đạo, tr.80). (TG)

[42] Cũng theo Đ.N.N.T.C.. - *Tỉnh Quảng Trị*, mục *Thổ sản*, thì xưa kia rượu Kim Lung, Hải Lăng ngon có tiếng.

[43] *Việt sử: xứ Đàng Trong* của Gs. Phan Khoang, Khai Trí xuất bản, tr.144. (TG)

[44] Đ.N.N.T.C.. - *Tỉnh Quảng Trị*, mục *Tự miếu*: Đền Thanh Tương Hầu, tr.51. (TG)

[45] Đ.N.N.T.C.. - *Tỉnh Quảng Trị*, mục *Thổ sản*: Chim trĩ sinh ở núi Thành Hóa, tr.84. (TG)

[46] Mật đảo: Thầm cầu nguyện.

[47] Đ.N.N.T.C.. - *Tỉnh Quảng Trị*, mục *Tự miếu*: Đền Trảo Trảo phu nhân, tr.49. (TG)

[48] *Le Việt Nam: Histoire et civilisation* par Lê Thành Khôi (*Sécession du Nord et du Sud: Les Nguyễn au gouvernement* du Thuận Quảng), p.244, Ed. De Minuit, Paris 1955 - *La Province de Quảng Trị* par A.Laborde B.A.V.H. 1921 -Đ.N.N.T.C.. *Tỉnh Quảng Trị*, mục *Tự miếu*: đền Trảo Trảo phu nhân, tr.49, mục *Sơn Xuyên sông Ái Tử*, tr.42. (TG)

[49] *Việt sử: Xứ Đàng Trong* của Gs. Phan Khoang, tr.145. (TG)

[50] *La Province de Quảng Trị* par A.Laborde, B.A.V.H. 1921. (TG)

[51] Làng Minh Hương và phố Thanh Hà thuộc tỉnh Thừa Thiên của Gs. Trần Kinh Hòa có chép: cứ theo điều tra căn cứ xác thực của Đức Cha L. Cadière và nghiên cứu trong các sách Đ.N.N.T.C.. và Đ.N. thực lục tiền biên thì vào năm Gia Tĩnh thứ 37 (Lê, Chính Trị nguyên niên, 1558) Nguyễn Hoàng mới vào trấn thủ Thuận Hóa, do cửa Việt lên sông Quảng Trị, đóng dinh tại làng Ái Tử, huyện Đăng Xương (tức Động Cát chạy ra sông Quảng Trị, tục gọi bãi cát Cồn Cỏ, nằm về phía Tây Bắc tỉnh thành Quảng Trị ngày nay), năm 1570 dời Dinh vào làng Trà Bát (tức thôn Trà Bát hiện nay, thuộc dãy chùa Liên Bông xứ Cồn Dinh) cách phía đông bắc làng Ái Tử chừng hai cây số. Năm 1610 lại dời qua xứ Phủ Thò cũng thuộc làng nói trên và gọi là Dinh Cát (Tạp chí Đại học số 21 tháng Bảy, 1961, tr.100). (TG)

[52] Trịnh Tùng: Chúa thứ nhất của nhà Trịnh, con của Trịnh Kiểm

[53] *Le Việt Nam: Histoire et civilisation* par Lê Thành Khôi (Sécession du Nord et du Sud: Les Nguyễn au gouvernement du Thuận Quảng), p.245. (TG)

[54] *Một vài ý kiến về sự nghiệp Gia Long* của Gs. Phạm Việt Tuyền, Đại học Tạp chí số 8, tháng Ba, 1959, tr.67. (TG)

[55] *Le Việt Nam: Histoire et civilisation* par Lê Thành Khôi, p.245. (TG)

[56] Đại Việt sử ký toàn thư (trích dẫn trong “*Việt sử: xứ Đàng Trong*” của Gs. Phan Khoang): Thuận Đức năm đầu (1600), *Tiên chúa* mật sử bọn thủy tướng là Phan Ngạn, Ngô Đình Nga, Bùi Văn Khuê làm phản ở cửa biển Đại An, rồi tự mình xin đi đánh dẹp. Ngạn, Khuê vốn nhận *Tiên chúa* là cậu, dấy binh nổi loạn, vây đánh kinh thành rất gấp, phóng hỏa đốt kinh thành, phố xá, dinh trại, trăm họ kinh sợ, dạt mẹ bồng con đi trốn. Bình An vương phải phò vua Lê theo đường Mỹ Lương về Thanh Hóa để giữ vững căn bản. (TG)

[57] *Le Việt Nam: Histoire et civilisation* par Lê Thành Khôi (Sécession du Nord et du Sud: les Nguyễn au gouvernement du Thuận

Quảng). (TG)

[58] Năm Kiến Phúc nguyên niên vì kỵ húy nên đổi tên Đăng Xương thành Thuận Xương. (TG)

[59] Đông Tây dương khảo, mục Giao chỉ dịch (trích dẫn trong “*Làng Minh Hương và phố Thanh Hà thuộc tỉnh Thừa Thiên*” của Gs. Trần Kinh Hòa. (TG)

[60] Đông Tây dương khảo, mục Giao Chỉ dịch (trích dẫn trong “*Làng Minh Hương và phố Thanh Hà thuộc tỉnh Thừa Thiên*” của Gs. Trần Kinh Hòa. (TG)

[61] Theo Gs. Trần Kinh Hòa trong bài “*Làng Minh Hương và phố Thanh Hà...* (niên đại bắt đầu kiến thiết phố Thanh Hà, tr.99, 100) thì những điều sách Đông Tây dương khảo (biên soạn năm Đinh Ty, niên hiệu Vạn lịch, 1617) ghi chép về việc thương thuyền Trung Hoa bắt đầu thông thương với Thuận Hóa có lẽ là trạng huống khoảng năm 1610, thì Thuận Hóa mà thuyền buôn Trung Hoa qua buôn bán lúc bấy giờ chính chỉ Dinh Cát bên sông Quảng Trị ngày nay, chớ quyết không phải Thuận Hóa ở bờ sông Hương.

[62] Ô Châu cận lục, bản dịch của Bùi Lương (trích dẫn trong “*Việt sử: xứ Đàng Trong*” của Gs. Phan Khoang, Khai Trí xuất bản, tr.118, 120). (TG)

[63] Ô Châu cận lục, bản dịch của Bùi Lương (trích dẫn trong “*Việt sử: xứ Đàng Trong*” của Gs. Phan Khoang, Khai Trí xuất bản, tr.118, 120). (TG)

[64] Ô Châu cận lục, bản dịch của Bùi Lương (trích dẫn trong “*Việt sử: xứ Đàng Trong*” của Gs. Phan Khoang, Khai Trí xuất bản, tr.118, 120). (TG)

[65] Ô Châu cận lục, bản dịch của Bùi Lương (trích dẫn trong “*Việt sử: xứ Đàng Trong*” của Gs. Phan Khoang, Khai Trí xuất bản, tr.118, 120). (TG)

[66] *Hải ngoại kỷ sự* của Thích Đại Sán (Bài tựa của Đại Việt Quốc vương Nguyễn Phước Châu, tr.9). Ủy ban biên dịch sử liệu Việt Nam, Viện Đại học Huế xuất bản, 1963. (TG)

[67] Kim thang: Thang hình chữ Kim (金), tức hình tam giác cân, chỉ sự bền vững.

[68] Tức Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm.

[69] Đại Việt sử ký toàn thư (trích dẫn trong *Việt sử: xứ Đàng Trong* của Gs. Phan Khoang). (TG)

[70] *Généalogie des Nguyễn avant Gia Long* par S.E. Tôn Thất Hân, traduction de Bùi Thanh Vân, B.A.V.H. 1920. (TG)

[71] Nguyễn Hoàng mất vào năm Hoảng Định thứ 24 (1613), thọ 89 tuổi, ở ngôi năm mươi sáu năm. Vua Lê sai sứ đem lễ vật vào phúng và phong tặng tước Cẩn Nghĩa công (Đại Việt sử ký toàn thư). (TG)

[72] Các nhà phong thủy thường cho gò Long Thọ là “ả trời trực đất” (Xem Đ.N.N.T.C. *Thừa Thiên phủ* (tập thượng), mục Sơn Xuyên: gò Long Thọ, tr.56). (TG)

[73] Sãi Vương: Tức Nguyễn Phúc Nguyên, vị chúa thứ 2 của nhà Nguyễn, còn gọi là Tế Vương. Chúa sinh năm 1563, lên ngôi chúa năm 1613.

[74] Theo *Généalogie des Nguyễn avant Gia Long*, B.A.V.H. 1920. (TG)

[75] *Généalogie des Nguyễn avant Gia Long*: Troisième généalogie (hệ) qua-trième ligne (phòng): Hy Tôn Hiếu Văn Hoàng đế (1613-1635) Nguyễn Phước Nguyên. (TG)

[76] Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập trung) mục *Nhân vật* Tôn Thất Vệ, tr.21 - *Généalogie des Nguyễn avant Gia Long*, p.320 - *Le Việt Nam: Histoire et civilisation: Sécession du Nord et du Sud*, p.244-251. (TG)

[77] Trịnh Tráng: Chúa thứ 2 của nhà Trịnh.

[78] Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập trung) mục *Nhân vật*: Tôn Thất Vệ, tr.21 - *Généalogie des Nguyễn avant Gia Long*, p.320 - *Le Việt Nam: Histoire et civilisation: Sécession du Nord et du Sud*, p.244-251. (TG)

[79] Trong bài thơ của vua Lê Thái Tôn làm vào dịp đóng quân ở cửa bể Nhật Lệ có câu: Sa hàn địa lão tà dương nhạt, sương lẫm phong phi túc thảo khư (Cát lạnh đất chai khi bóng xế, sương mù gió thổi gò cỏ hoang). Đ.N.N.T.C.. *Tỉnh Quảng Bình*, mục *Quan tấ*: Hải tấ Nhật Lệ, tr.155. (TG)

[80] Chưởng dinh: Chức võ quan cao cấp nhất của Đàng Trong, xứ Đàng Trong có 5 dinh, mỗi dinh thường có từ một đến nhiều cơ quân. Đứng đầu dinh là chức Chưởng dinh.

Chưởng cơ: Chức võ quan cao cấp của chúa Nguyễn ở Đàng Trong, chỉ huy một cơ binh (khoảng 250 đến 3000 người).

Cai đội: Chức võ quan bậc trung của Đàng Trong, chỉ huy một đội quân (đơn vị dưới cơ binh), nếu biên chế đầy đủ thì khoảng 500 người.

[81] Đại Việt sử ký toàn thư (trích dẫn trong *Việt sử: xứ Đàng Trong* của Gs. Phan Khoang, tr.178). (TG)

[82] *Ngọa long cương ngâm* của Đào Duy Từ. (TG)

[83] *Ngọa long cương ngâm* của Đào Duy Từ. (TG)

[84] Năm Kỷ Vị (1619) Nguyễn Hữu Dật được tôn bổ vào làm văn chức, ông là người minh đạt có tài lược, làm tướng có mưu chước hay, đánh đâu được đấy, thường được người đương thời ví với Khổng Minh, Bá Ôn. Năm Đinh Mão (1617), Đức Hóa tiến cử Đào Duy Từ, Hy Tôn cho làm Nha úy Nội tán, tước Lộc Khê hầu. Sau khi Văn Khuông theo kế của Từ đem mâm đồng hai đày có đựng sắc thư ra Đông đô và trở về vô sự, Hy Tôn bảo rằng: “Duy Từ thực là Khổng Minh, Trương Lương đời nay vậy.” Năm Tân Vị (1631) Nội tán Duy Từ tiến cử Nguyễn Hữu Tiến, Hy Tôn cho Tiến làm Đội trưởng và thăng Cai đội. Tiến cùng Dật thường đánh thắng quân Trịnh nhiều trận

rất lớn. - Theo Đ.N.N.T.C.. *Thừa Thiên phủ* (tập trung), mục *Nhân vật* - Việt Nam nhân vật chi vịnh biên (tr.38, 39 và 231) của Thái Văn Kiểm và Hồ Đắc Hàm, tập số 13, 14-1962. (TG)

[85] Xứ Bồ: Tức Bồ Đào Nha.

[86] Tức João da Cruz.

[87] *Việt Nam Pháp thuộc sử* (1862 - 1945) của Gs. Phan Khoang (người Âu châu đến buôn bán ở V.N.), tr.15, Khai Trí 1961. (TG)

[88] *Le Việt Nam: Histoire et Civilisation*, par Lê Thành Khôi: *Les Nguyễn au gouvernement du Thuận Quảng*. (TG)

Mã xưởng, Tập tượng trưng: Nơi luyện ngựa và voi của quân đội.

[89] Đ.N.N.T.C.. *Tỉnh Quảng Bình*, mục Cổ tích: Lũy cũ Trường Dục, tr.142, mục Quan tẩn: Trường thành Định Bắc, tr.154, mục Sơn Xuyên: núi Đâu Mâu, tr.107 - Việt Nam Nhân vật chi vịnh biên: Từ (Đào Duy), tr.223. (TG)

[90] *Việt sử: xứ Đàng Trong* của Gs. Phan Khoang. (TG)

[91] Theo *Généalogie des Nguyễn avant Gia Long* thì Sãi vương có cả thảy mười lăm người con, trong số có bốn con gái: Ngọc Liên, Ngọc Vạn, Ngọc Khoa, Ngọc Đĩnh. Ngọc Liên là vợ của Nguyễn Phước Vinh (con trai đầu của Mạc Cảnh Huống), Ngọc Đĩnh là vợ của Nguyễn Cửu Kiều tức Nghĩa Quận công. Còn Ngọc Vạn, Ngọc Khoa thì không thấy nói đến chuyện chồng con như thế nào. (TG)

[92] *Histoire du Cambodge du 1er siècle de notre ère* par A.Leclère, p.339, 340 - Paris 1914 (trích dẫn trong bài chú thích) bài “Thành trì chí của Trịnh Hoài Đức” của Gs. Trần Kinh Hòa, Tạp chí Đại học số 24, tháng 12, 1961, tr.33. (TG)

[93] *Việt Nam nhân vật chí vịnh biên: Từ* (Đào Duy), tr.232. (TG)

Tương truyền: Chúa Trịnh mượn danh vua Lê gửi sắc cho Chúa Nguyễn, trách việc bỏ nộp thuế và ép gửi con vào làm tin. Chúa Sãi không muốn nhận sắc, nhưng sợ lực yếu không dám ra mặt từ chối bèn theo kế của Đào Duy Từ, đúc cái mâm đồng hai đáy, phía trên để vàng

bạc, giữa hai lớp đáy bỏ lại tờ sắc và kèm bài thơ của Đào Duy Từ hàm nghĩa “Ta không nhận sắc”.

[94] *Le Hué du P.de Rhodes* (Les Européens qui ont vu le Vieux Hué: le P.de Rhodes). L. Cadière des Missions Etrangères de Paris, B.A.V.H. 1922, p.231-249. (TG)

[95] *Le Hué du P.de Rhodes* (Les Européens qui ont vu le Vieux Hué: le P.de Rhodes). L. Cadière des Missions Etrangères de Paris, B.A.V.H. 1922, p.231-249. (TG)

[96] Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập thượng), mục *Tân độ*: Bến đò Thanh Phước, tr.107, 108. (TG)

[97] Chính Đồ, Hoa Văn: Chính Đồ là khoa thi tuyển người làm quan, Hoa Văn là khoa thi tuyển người làm lại.

[98] Theo “*Làng Minh Hương và phố Thanh Hà thuộc tỉnh Thừa Thiên*” của Gs. Trần Kinh Hòa, Tạp chí Đại Học, số 21 tháng 7, 1961, tr.98-101. (TG)

[99] Theo “*Làng Minh Hương và phố Thanh Hà thuộc tỉnh Thừa Thiên*” của Gs. Trần Kinh Hòa, Tạp chí Đại Học, số 21 tháng 7, 1961, tr.98-101. (TG)

[100] Chỗ chúa Nguyễn ở vào thời này thường được người Tây dương gọi là “Kehue” (Theo *Voyages et Missions* du P. de Rhodes, trích dẫn trong “*Les Européens qui ont vu le Vieux Hué: le P. de Rhodes*” par L. Cadière B.A.V.H. 1922, p.241, 249) (TG)

[101] Theo *Voyages et Missions* du P. de Rhodes, trích dẫn trong “*Les Européens qui ont vu le Vieux Hué: le P. de Rhodes*” par L. Cadière B.A.V.H. 1922, p.241, 249.

[102] Ký lục: Chức quan chánh tam phẩm, coi việc Bộ Lại ở các trấn.

[103] “*Nam triều Nguyễn chúa khai quốc công nghiệp diễn chí tân soạn*” của Nguyễn Khoa Chiêm (trích dẫn trong “*Việt sử: xứ Đàng Trong*” của Gs. Phan Khoang).

[104] Cai cơ: Chức võ quan cao cấp của chúa Nguyễn ở Đàng Trong, chỉ huy một cơ binh dưới Chưởng cơ.

[105] Chính xác phải là Vân Hiên hầu, ông tên là Phạm Quang Hựu, chính là Ký lục Phạm nhắc đến trong sự việc tạo phản của Nguyễn Phước Anh đoạn trên. Ông là mưu thần thân cận số một của Chúa Thượng Nguyễn Phước Lan. Nội tán là chức quan lớn, phụ trách việc tham mưu cho Chúa.

[106] Nịch ái: Yêu đến mức say mê.

[107] Tránh thần: Tránh nghĩa là can gián, tránh thần nghĩa là bề tôi lo việc can gián.

[108] “*Nam triều Nguyễn chúa khai quốc công nghiệp diễn chí tân soạn*” của Nguyễn Khoa chiêm (trích dẫn trong “*Việt sử: xứ Đàng Trong*” của Gs. Phan Khoang).

[109] “Thuyền Hòa Lan chỉ sợ có sức mạnh của Thượng Đế mà thôi”, đó là câu trả lời của một người Hòa Lan từng bị bão tố đưa giạt vào trong xứ và được sung vào quân đội của Chúa Nguyễn, khi Chúa hỏi có nên cho chiến thuyền đuổi đánh các tàu Hòa Lan qua giúp Chúa Trịnh hay không? (TG)

[110] Đàng Trong, chiến thuyền đều gọi là ghe, sơn đen gọi là ghe Ô, sơn đỏ gọi là ghe Chu.

[111] Tức quân Hà Lan.

[112] *Việt Nam Pháp thuộc sử* (1862-1945) của Gs. Phan Khoang (Người Âu châu đến buôn bán ở V.N., tr.20) - Đại Nam thực lục tiền biên (trích dẫn trong bài “*Xã hội V.N. trong con mắt của Đắc Lộ*” của ông Bửu Kế, tạp chí Đại học số 19, tháng 2, 1961, tr.61) - *Le V.N. Histoire et civilisation (Sécession du Nord et du Sud, par Lê Thành Khôi)*. (TG)

[113] Theo “*Thực lục tiền biên*” và “*Nam triều Nguyễn chúa khai quốc công nghiệp diễn chí tân soạn*”, (trích dẫn trong “*Việt sử: xứ Đàng Trong*” của Gs. Phan Khoang). (TG)

[114] Đ.N.N.T.C.. - *Tỉnh Quảng Trị* (Cổ tích: Phủ cũ Toàn Thắng), tr.48. (TG)

[115] 3. Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập trung) mục *Nhân vật bản triều*: Trương Phúc Phấn, tr.35, Đ.N.N.T.C. tỉnh Quảng Bình (Cổ tích: Lũy Trường Dục), tr.142. (TG)

[116] *Le V.N. Histoire et civilisation: Sécesssion du Nord et du Sud - Les Nguyễn au gouvernement du Thuận Quảng*. (TG)

[117] Khi Thần Tôn đem đại binh đóng trại ở xã Trung Chi, có một bà lão đến dâng đậu Trường Xích, Chúa hỏi: “Quân ta có thể thắng được không?” Bà lão đáp: “Mười phần toàn thắng”.

[118] Khi quân Trịnh đến xâm tính, Đại tướng Nguyễn Hữu Tiến đóng binh ở Võ Xá tiếp ứng cùng dinh Động Hải. Phía đông dinh này toàn là ruộng nương bùn lầy rất sâu, quân Trịnh trước sức tấn công của quân Nguyễn thường bị sa lầy tan vỡ, nên có câu ca này. Dịch nghĩa: “Một điều đáng sợ là lũy dài Động Hải, hai điều đáng sợ là ruộng lầy Võ Xá.” (Theo Đ.N.N.T.C.. tỉnh Quảng Bình, mục Cổ tích: Dinh cũ Võ Xá, tr.143). (TG)

[119] *Généalogie des Nguyễn avant Gia Long* (quatrième généalogie: Thần Tôn Hiếu Chiêu Hoàng đế), p.326, 327, B.A.V.H. 1920.

[120] Phân tiêu: Phân chia, tiêu thụ.

[121] *Việt Nam Pháp thuộc sử* (1862-1945) của Gs. Phan Khoang (người Âu châu đến buôn bán ở V.N.), tr.13. (TG)

[122] Mã đầu (Hán Việt): Bến sông, bến cảng.

[123] *Y phục của người Việt qua các thời đại* của Thái Văn Kiểm, tạp chí Đại học số 38, tháng Tư năm 1964, tr.244. (TG)

[124] *Vũ biên tạp lục* (quyển VI) của Lê Quý Đôn, mục *Sản vật Phong tục* (trích dẫn trong “*Làng Minh Hương và thành phố Thanh Hà thuộc tỉnh Thừa Thiên*”). (TG)

Vũ biên tạp lục còn được gọi một cách phổ biến hơn là *Phủ biên tạp lục*. Chúng tôi giữ nguyên tên *Vũ biên tạp lục* theo nguyên tác.

[125] *Vũ biên tạp lục* (quyển VI) của Lê Quý Đôn, mục *Sản vật Phong tục* (trích dẫn trong “*Làng Minh Hương và thành phố Thanh Hà thuộc tỉnh Thừa Thiên*”). (TG)

[126] *Vũ biên tạp lục* (quyển VI) của Lê Quý Đôn, mục *Sản vật Phong tục* (trích dẫn trong “*Làng Minh Hương và thành phố Thanh Hà thuộc tỉnh Thừa Thiên*”). (TG)

[127] Xảo tứ: Sáng ý.

[128] *Toàn chiết binh chế khảo* của Hầu Kế Cao (quyển II, phụ lục) *Cận báo oai kính* (Trích dẫn trong “*Làng Minh Hương và thành phố Thanh Hà thuộc tỉnh Thừa Thiên*”).

[129] Tức Chúa Hiền Nguyễn Phước Tần.

[130] *Vũ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn (Bản điều tra về công nghệ) trích dẫn trong “*Y phục của người Việt qua các thời đại*” của Thái Văn Kiểm. (TG)

[131] *Vũ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn (Bản hiệu thị của Nha môn quân Trịnh, tháng 7 Giáp Ngọ (1774)), trích dẫn trong “*Y phục của người Việt qua các thời đại*”). (TG)

[132] *Vũ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn (Bản hiệu thị của Nha môn quân Trịnh, tháng 7 Giáp Ngọ (1774)), trích dẫn trong “*Y phục của người Việt qua các thời đại*”). (TG)

[133] *Vũ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn (Bản hiệu thị của Nha môn quân Trịnh, tháng 7 Giáp Ngọ (1774)), trích dẫn trong “*Y phục của người Việt qua các thời đại*”). (TG)

[134] *Vũ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn (Bản hiệu thị của Nha môn quân Trịnh, tháng 7 Giáp Ngọ (1774)), trích dẫn trong “*Y phục của người Việt qua các thời đại*”). (TG)

[135] *Hải ngoại kỷ sự* của Thích Đại Sán (trích trong bài thứ 19 trong số 27 bài thơ “*Khách trung khiển hứng*”), tr.69. (TG)

[136] Tức Thiên sư Trung Quốc Thạch Liêm, năm 1695, theo lời mời của chúa Nguyễn Phước Châu mà qua xứ Đàng Trong. Đến năm 1698

mới theo thuyền về lại Quảng Đông.

[137] Cai bạ tàu: Chức quan ngũ phẩm triều Nguyễn, thuộc Ty Tào vụ (ty quản lý tàu bè xuất nhập cảng).

[138] *Vũ biên tạp lục*, quyển VI, Lê Quý Đôn (Bản điều tra về công nghệ), trích dẫn trong “*Y phục của người Việt qua các thời đại*” của Thái Văn Kiểm. (TG)

[139] *Làng Minh Hương và phố Thanh Hà thuộc tỉnh Thừa Thiên*, Gs. Trần Kinh Hòa (Công việc dinh thương, thể lệ nạp thuế và các công vụ phải thừa hành của Thanh Hà phố), tạp chí Đại học, số 21, tháng 7, 1961, tr.107.

[140] Yến diên (Hán Việt): Tiệc tùng.

[141] Chỗ đất hiểm yếu (Long bàn, hổ cứ). (TG)

[142] Oai Mục Đế, Tương Dực Đế: Oai Mục Đế là vua thứ 7 nhà Hậu Lê (còn gọi là Lê Uy Mục), nổi tiếng tàn bạo, hoang dâm, tục gọi là Quỷ Vương, sau bị phế, uống thuốc độc tự sát, xác bị nhét vào súng thần công bắn cho tan nát. Tương Dực Đế là vua thứ 9 nhà Hậu Lê (còn gọi là Lê Tương Dực), trước chăm việc nước, sau bỏ bê mà mê xa hoa nên cuối cùng cũng bị phế và giết, xác bị đem thiêu.

[143] Đây nói Ngô Vương Phù Sai bên Trung Quốc chứ không phải vua Ngô Quyền nước ta.

[144] *Liệt truyện tiền biên*, quyển IV, 3a. *Thực lục tiền biên*, quyển IV, 4a (Trích dẫn trong *Les Européens qui ont vu le Vieux Hué: le P. de Rhodes*). B.A.V.H. 1922, p.231-249. (TG)

[145] “*Nom triều Nguyễn Chúa khai Quốc công nghiệp diễn chí tân soạn*” của Nguyễn Khoa Chiêm (Trích dẫn trong *Việt sử: xứ Đàng Trong*) của Gs. Phan Khoang.

[146] “*Thực lục tiền biên - Nam triều Nguyễn chúa khai quốc công nghiệp*” (Trích dẫn trong *Việt sử: xứ Đàng Trong*).

[147] Đ.N.N.T.C.. *tỉnh Quảng Bình, mục Cổ tích*: dinh cũ Võ Xá, tr,143. (TG)

[148] *Việt sử: xứ Đàng Trong* của Gs. Phan Khoang (Thái tôn Nguyễn Phước Tần (1648-1687)). (TG)

[149] Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập thượng), mục *Tân độ*: Bến đò Thanh Phước, tr.107 - *Việt Sử: xứ Đàng Trong*: Thái tôn Nguyễn Phước Tần. (TG)

[150] *Việt sử: xứ Đàng Trong* của Gs. Phan Khoang (Thái tôn Nguyễn Phước Tần (1648-1687)). (TG)

[151] *Le Việt Nam: Histoire et civilisation* par Lê Thành Khôi (*Sécession du Nord et du Sud: les Nguyễn au gouvernement du Thuận Quảng*), p.244-251. (TG)

[152] Nhậm lệ: Mau lệ, nhanh nhen.

[153] *Việt sử: xứ Đàng Trong* của Gs. Phan Khoang (Thái tôn Nguyễn Phước Tần (1648-1687)). (TG)

[154] Lương đồng, can thành: chỉ hạng có tài năng giúp việc quốc gia, cần thiết cho nước nhà như rường nhà (lương), như đòn nóc (đồng), và hạng tương gánh giữ được việc nước vững vàng như cái mộc đỡ binh (can), cái thành chống giặc (thành). (TG)

[155] Trịnh Đào: Tướng nhà Lê-Trịnh.

[156] “*Nam triều Nguyễn chúa khai quốc công nghiệp diễn chí tân soạn*” của Nguyễn Khoa Chiêm (trích dẫn trong *Việt sử: xứ Đàng Trong*). (TG)

[157] Đ.N.N.T.C.. - *Tỉnh Thanh Hóa* (tập hạ), mục Nhân vật bản triều: Nguyễn Cửu Kiên, tr.128. (TG)

[158] Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập trung), mục Nhân vật bản triều: Nguyễn Đức Bảo, tr.36. (TG)

[159] Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập thượng), mục Nhân vật bản triều: Tôn Thất Hiệp, tr.18. (TG)

[160] Năm Vỵ: Tức năm Mùi.

[161] *Việt Nam sử lược* của Lê Thần Trần Trọng Kim (Sự chiến tranh: đánh nhau lần thứ năm) tr.298, 299 - Tân Việt xuất bản. Bấy

huyện là: Kỳ Hoa, Thạch Hà, Thiên Lộc, Nghi Xuân, La Sơn, Hương Sơn và Thanh Chương. (TG)

[162] Trịnh Cán: chúa thứ 10 nhà Trịnh, con của Trịnh Sâm. Tuy nhiên chỗ này phải là Trịnh Căn (chúa đời thứ 4 nhà Trịnh, con của Trịnh Tạc) mới đúng. Sự kiện này xảy ra năm 1660, Trịnh Căn khi ấy chưa lên ngôi chúa, nhân biết Nguyễn Hữu Dật và Nguyễn Hữu Tiến bất hòa nên mang quân tiến đánh chiếm lại 7 huyện Nghệ An.

[163] Trịnh Tạc: Chúa đời thứ 3 nhà Trịnh, con của Trịnh Tráng.

[164] *Le Việt Nam: Histoire et civilisation* par Lê Thành Khôi (*Sécession du Nord et du Sud: les Nguyễn au gouvernement du Thuận Quảng*). (TG)

[165] *Việt Nam sử lược*: Lê Thần Trần Trọng Kim (Sự chiến tranh: đánh nhau lần thứ bảy), tr.303, 304. (TG)

[166] Tướng trước khi ra trận thì được giao binh phù để điều binh, sau khi thắng trận về thì trả lại phù. Lễ Hiến phù là trả lại binh phù đồng thời làm lễ dâng tù binh trước triều đình, thái miếu.

[167] *Le Việt Nam: Histoire et civilisation* par Lê Thành Khôi (*L'Art au XVIIème et XVIIIème siècle*), p.283. (TG)

[168] *Gia Định thông chí, cương vực chí*, mục Phiên An trấn (trích dẫn trong phần chú thích “*Thành trì chí của Trịnh Hoài Đức*”, Gs. Trần Kinh Hòa, Tạp chí Đ.H. số 24, tháng 12, 1961, tr.54. (TG)

[169] *Thành trì chí của Trịnh Hoài Đức*, Gs. Trần Kinh Hòa dịch thuật (*Gia Định thông chí, thành trì chí chú thích*) tạp chí Đại học số 24, tháng 12, 1961, tr.36. (TG)

[170] *Le V.N. Histoire et civilisation* par Lê Thành Khôi (*La Pousée vers le Sud*), p.265. (TG)

Tức vua Chiêm Thành bấy giờ, sai quân quấy nhiễu vùng Phú Yên, chúa sai Cai cơ Hùng Lộc dẫn binh đánh tan quân Chiêm, buộc Bà Thấm phải cắt đất xin hàng.

[171] *Việt sử: xứ Đàng Trong*, Gs. Phan Khoang (Thái tôn Nguyễn Phước Tần (1648-1687)). (TG)

[172] *Thực lục tiền biên* (Trích dẫn trong *Việt sử: xứ Đàng Trong*). (TG)

[173] *Đại Nam Liệt truyện tiền biên* quyển VI (trích dẫn trong phần khảo cứu của Gs. Trần Kinh Hòa về quyển *Hải ngoại kỷ sự*, III: Cuộc du hành Quảng Nam của Thích Đại Sán), tr.257. (TG)

[174] *Đại Nam thực lục tiền biên* (trích dẫn trong *La Pagode Thiên Mẫu: Historique*, B.A.V.H. 1915, p.251-286). (TG)

[175] Trích trong bài thơ vịnh chùa Thiên Mụ của Thích Đại Sán, *Hải ngoại kỷ sự*, quyển III, tr.200. (TG)

[176] *Việt sử: xứ Đàng Trong* của Gs. Phan Khoang (Thái tôn Nguyễn Phước Tần (1648-1687)). (TG)

[177] *Việt sử: xứ Đàng Trong* của Gs. Phan Khoang (Thái tôn Nguyễn Phước Tần (1648-1687)). (TG)

[178] *Việt sử; xứ Đàng Trong* của Gs. Phan Khoang (Anh tôn Nguyễn Phước Trăn (1687-1691)). (TG)

[179] *Đất Việt*, Trời Nam của Thái Văn Kiểm (Huế muôn thuở), tr.334, Nguồn sống, 1960. (TG)

[180] Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập thượng), mục Sơn Xuyên: núi Ngự Bình, tr.45, 46. (TG)

[181] *Cố đô Huế* của Thái Văn Kiểm (Văn hóa từng thư - Nha Văn hóa Bộ QGGD xuất bản), tr.121, 122. (TG)

[182] Cửa tấn: cửa sông đổ ra biển

[183] Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập thượng), mục Sơn Xuyên: sông Hương Giang, tr.59, 60. (TG)

[184] *Le Canal impérial* par L.Cadière des M.E.de Paris, B.A.V.H., 1915. (TG)

[185] Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập thượng), mục Sơn Xuyên: sông Bạch Yến, tr.60, 61 - *Le Canal impérial* par L.Cadière, B.A.V.H.,

1915. (TG)

[186] Câu thơ trong bài “Hương Giang hiếu phiếm” của vua Thiệu Trị, có nghĩa: Một dòng nước có nguồn vực sâu thăm hộ vệ Đế thành (xem Cổ đô Huế của Thái Văn Kiểm). (TG)

[187] Nhân đình: một trong chín cái đình đúc dưới thời Minh Mạng vào năm thứ 17 (1836) và đặt trước Thế Miếu. (TG)

[188] Tự điển là điển lễ tế tự. Theo Thơ kinh: núi sông cũng có trật tự lớn nhỏ khác nhau. Năm núi lớn hay “ngũ nhạc” thì coi như vị thứ tam tông, còn bốn sông lớn hay “tứ độc” thì coi như vị thứ chư hầu. Ở Trung Quốc, năm trái núi cao được coi là tiêu biểu cho năm phương là: Hành sơn nam nhạc, Hoa sơn tây nhạc, Thái sơn đông nhạc, Hằng sơn bắc nhạc và Tung sơn trung nhạc. Các núi sông khác thuộc các tước Bá, Tử, Nam. Trật tự đã khác nhau nên vật phẩm cúng tế núi sông cũng tùy theo lớn nhỏ và trật tự mà có khác nhau. (TG)

[189] Văn Miếu không rõ được xây cất từ thời nào, chỉ biết dưới thời Minh Vương Nguyễn Phước Châu đã có tại làng Triệu Sơn, thờ thần tượng - tọa lạc tại nơi dựng miếu Hội đồng vào năm Minh mạng thứ bảy (1826). Vào thời Duệ Tôn, năm 1766, Văn Miếu được dời tới làng Lương Quán, phía hữu ngạn sông Hương. Đến năm 1770 lại dời đến làng Long Hồ phía tả ngạn. Qua năm Gia Long thứ bảy (1808), Văn Miếu được xây cất tại xã An Ninh, mai táng thần tượng để bài vị để thờ (theo Le Temple des Lettres par Ứng Trinh, B.A.V.H., 1917, p.259, 262 - Đ.N.N.T.C.. Kinh sử, mục Đàn miếu: Văn Miếu, tr.37-39). (TG)

[190] *Hải ngoại kỷ sự* của Thích Đại Sán, quyển I, tr.34. (TG)

[191] Tức Nguyễn Phước Thái (1650-1691), lên ngôi chúa năm 1687.

[192] Việt Nam sử lược, Lê Thần Trần Trọng Kim (Công việc họ Nguyễn làm ở xứ Nam), chương VI, tr.330. (TG)

Nặc Ông Thu (Ang Sor) làm vua Chân Lạp, trước hàng sau phản, bỏ cống nạp chúa Nguyễn, chúa sai quân dẹp được loạn, bắt vua Chân

Lạp phải theo lệ triều cống.

[193] *Les Européens qui ont vu le Vieux Hué*: l'abbé de Choisy par L.Cadière des M.E.de Paris, B.A.V.H., 16ème année, No. 3 Juillet 1929, p.114.

[194] *Les Eléphants royaux* (Provenance des éléphants des Seigneurs de Hué) par L.Cadière des M.E.de Paris, B.A.V.H., 1922. (TG)

[195] *Les Européens qui ont vu le vieux Hué*: l'abbé de Choisy par L.Cadière des M.E.de Paris, B.A.V.H., 1929, p.116. (TG)

[196] *Hải ngoại kỷ sự* quyển I, Thích Đại Sán, tr.43. (TG)

[197] Dưới thời các Chúa Nguyễn, con trai của chúa gọi là công tử. Con trai được chỉ định để kế vị được gọi là Thái công tử, thường là đệ nhất công tử. Sau khi chúa Nguyễn Phước Khoát xưng vương cũng vẫn gọi như vậy. Theo tu sĩ de Choisy, Thế tử được sử dụng 5.000 quân sĩ, đệ nhị công tử 3.000, đệ tam công tử 2.000. (TG)

[198] *Les Européens qui ont vu le Vieux Hué*: l'abbé de Choisy (Note No. 54) par L.Cadière, B.A.V.H., 1929. (TG)

[199] *Mémoire de Bénigne Vachet sur la Cochinchine* (Bulletin Comm. Arch. Indochine 1913, p.27), trích dẫn trong phần chú thích bài “Les Européens qui ont vu le vieux Hué: l'abbé de Choisy”, B.A.V.H., 1929. (TG)

[200] *Les Européens qui ont vu le Vieux Hué*: l'abbé de Choisy, B.A.V.H., 1929, p.116. (TG)

[201] Cạy, bát: Cạy là lái thuyền qua bên trái. Bát là lái thuyền sang bên phải.

[202] *Hải ngoại kỷ sự*, quyển III, Thích Đại Sán, tr.113 - *Mémoire de Bénigne Vachet sur la Cochinchine* (Bulletin Comm, Arch. Indochine 1913, page 19), trích dẫn trong phần chú thích số 50 của bài “*Les Européens qui ont vu le Vieux Hué*”, B.A.V.H., 1929. (TG)

[203] *Hải ngoại kỷ sự* của Thích Đại Sán, quyển II, tr.91-94. (TG)

[204] *Hải ngoại kỷ sự* của Thích Đại Sán, quyển II, tr.91-94. (TG)

[205] *Lược khảo về khoa cử ở Việt Nam* của Huyền Quang - Văn hóa Á châu số 8, tháng 11-1960. *Việt sử: xứ Đàng Trong* của Gs. Phan Khoang (Hiển tôn Nguyễn Phước Châu, 1691-1725). (TG)

[206] Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập thượng), mục Sơn Xuyên: núi Kim Sơn, tr.53. (TG)

[207] Ngụ lộc: Bổng lộc ở chỗ ngụ. (TG)

[208] Nghé: *Vũ biên tạp lục* bản Ngô Lập Chí dịch là bong bóng trâu, dễ hiểu hơn.

[209] Đ.N.N.T.C.. Tỉnh Quảng Nam, mục Sơn Xuyên: Trà Tế Sơn, tr.29. (TG)

[210] *Mémoire de Bénigne Vachet sur la Cochinchine* (Bulletin Comm. Arch Indochine 1912, trích dẫn trong phần chú thích số 47 của bài “*Les Européens qui ont vu le vieux Hué: l’abbe de Choisy*”, B.A.V.H. 1929, p.115). (TG)

[211] *Hải ngoại kỷ sự* của Thích Đại Sán, quyển I, tr.40. (TG)

[212] *Hải ngoại kỷ sự* của Thích Đại Sán, quyển I, tr.40. (TG)

[213] Hộ tốt: Vệ binh.

[214] *Hải ngoại kỷ sự* của Thích Đại Sán, quyển II, tr.82. (TG)

[215] *Hải ngoại kỷ sự* của Thích Đại Sán, quyển I, tr.40.(TG)

[216] Trích bài “*Khải*” của Thích Đại Sán, trong *Hải ngoại kỷ sự* quyển I, tr.36. (TG)

[217] “*Hai bức thư chữ nôm mở màn cuộc phân tranh Trịnh-Nguyễn*” của Bửu Cầm - Văn hóa Nguyệt san số 85, tháng 9-1963. (TG)

[218] *Đại Nam thực lục tiền biên*, quyển 8, 9 và 10 (trích dẫn trong phần khảo cứu “*Hải ngoại kỷ sự*” về tiểu sử của Thích Đại Sán, Gs. Trần Kinh Hòa, tr.251). (TG)

[219] Tư Lê: Nhớ tới nhà Lê.

[220] *Hải ngoại kỷ sự*, tr.35, quyển I. (TG)

[221] Xưng Quốc chúa năm 1692, rồi qua năm 1702 mới khiến bọn Hoàng Thần, Hưng Triệt mang quốc thư và cống phẩm gồm có: 5 cân 4 lượng kỳ nam, 1 cân 13 lượng tiền vàng sống, một cặp ngà tượng nặng 350 cân, 50 sợi mây song, qua nhờ Lương Quảng Tổng đốc xin Thanh đình chính thức cầu phong (xem Đ.N.T.L.T.B. quyển 8, 9, 10 và phần khảo cứu “*Hải ngoại kỷ sự*” của Gs. Trần Kinh Hòa, tr.272, 273) chứ không phải vì việc cầu phong bất thành mới xưng Quốc chúa, như một vài tài liệu đã viết, chẳng hạn trong “*Le V.N.Histoire et civilisation*” của Lê Thành Khôi, ở phần *Sécession du Nord et du Sud: La Seigneurie Nguyễn au XVIIIème siècle*. (TG)

[222] Đun dây: Đầy

[223] *Hải ngoại kỷ sự* quyển III, tr.199-200. (TG)

[224] *Hải ngoại kỷ sự* quyển III, tr.199-200. (TG)

[225] Dịch: Thừng vàng mở đường giác (câu thơ trong bài *Xuân nhật qui sơn ký Mạnh Hạo Nhiên* của Lý Bạch)

[226] *Hải ngoại kỷ sự* phần Khảo cứu của Gs. Trần Kinh Hòa, tr.261-262. (TG)

[227] Đ.N.N.T.C.. *Thừa Thiên phủ* (tập trung), mục Nhân vật Tôn thất bản triều: Tôn Thất Hiệp, tr.18. (TG)

[228] *Đại Nam thực lục tiền biên* quyển VII, 22a, 23a, 26b, trích dẫn trong phần chú thích Số 15, ở phần Khảo cứu “*Hải ngoại kỷ sự*”, tr.277. (TG)

[229] Theo Gs. Trần Kinh Hòa, trong chú thích số 14, ở phần khảo cứu “*Hải ngoại kỷ sự*” thì *Thực lục tiền biên* quyển 7 “Hiển Tôn Hiếu Minh Hoàng đế thực lục thượng” có chép: Hiển Tôn sinh vào năm Khương Hy thứ 14, con trưởng của Anh Tôn Hiếu Nghĩa Hoàng đế. Vậ Thiều Dương hầu cũng như Lệ Truyền hầu có thể là con một bà vợ thứ của Anh Tôn. (TG)

[230] *Hải ngoại kỷ sự* của Thích Đại Sán, tr.200. (TG)

[231] Chùa Sùng Hóa ở làng Triêm Đức, quận Phú Vang, Thừa Thiên, được trùng tu vào năm Nhâm Dần (1662), dưới thời Thái Tôn. Chùa Bảo Châu ở làng Trà Kiệu huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam được xây cất vào năm Đinh Tỵ (1607). Chùa Kính Thiên ở làng Thuận Trạch, huyện Lệ Thủy, Quảng Bình - được đổi tên là chùa Hoằng Phước vào năm Minh Mạng thứ hai nhân dịp thánh giá Bắc tuần - được xây cất vào năm Kỷ Dậu (1609), có cỗ chuông nặng tới 1.000 cân (Généalogies des Nguyễn avant Gia Long B.A.V.H. 1920-Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ*, mục *Tự quán*: chùa Sùng Hóa, tr.90. - Đ.N.N.T.C.. *Tỉnh Quảng Nam*, mục *Tự quán* : chùa Bảo Châu, tr.58 - Đ.N.N.T.C.. *Tỉnh Quảng Bình*, mục *Động, chùa*: chùa Hoằng Phước, tr.150-153. (TG)

[232] Lục Chân Lạp: Trong thế kỷ VIII, Chân Lạp bị chia thành 2 quốc gia, Lục Chân Lạp và Thủy Chân Lạp.

[233] *Le Việt Nam: Histoire et civilisation* par Lê Thành Khôi (L'œuvre des Nguyễn dans le Sud - La Poussée vers le Sud), p.267-268. (TG)

[234] “*Thành trì chí của Trịnh Hoài Đức*”, Gs. Trần Kinh Hòa dịch thuật, Tạp chí Đại học số 24, tr.54-55.

[235] “*Thành trì chí của Trịnh Hoài Đức*”, Gs. Trần Kinh Hòa dịch thuật, Tạp chí Đại học số 24, tr.54-55.

[236] Tả trà viên là chức danh, tương đương Tả Thừa tướng chứ không phải tên người, nhiều sách nhầm Tả Trà Viên và Kế Bà Tử là 2 người.

[237] *Việt sử: xứ Đàng Trong* của Gs. Phan Khoang (Hiển tôn Nguyễn Phước Châu (1691-1725)). (TG)

[238] Bản in cũ đề là năm 1707. Thực ra sự kiện Tống Phước Thiệu nổi loạn xảy ra vào năm 1709, tức là năm Kỷ Sửu. Chúng tôi sửa lại cho chính xác.

[239] *Việt sử: xứ Đàng Trong* của Gs. Phan Khoang (Hiển tôn Nguyễn Phước Châu (1691-1725)). (TG)

[240] *Đại Nam thực lục tiền biên* (trích dẫn trong *La Pagode Thiên Mẫu: Historique*, B.A.V.H. 1915). (TG)

[241] *Việt sử: xứ Đàng Trong* của Gs. Phan Khoang (Hiển Tôn Nguyễn Phước Châu (1691-1725), tr.224). (TG)

Tắc thành: tắc lòng thành

[242] *Les Stèles de Minh Vương* (trong bài *La Pagode Thiên Mẫu* par A.Bonhomme, B.A.V.H. No 4, Octo. Déc. 1915, page 429. (TG)

[243] Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập thượng), mục Tự quán: chùa Quốc Ân, tr.87). (TG)

[244] *Đại Nam thực lục tiền biên* - Passages relatifs aux réparations (trích dẫn trong *La Pagode Thiên Mẫu: Historique*, B.A.V.H., 1915).

[245] Tương truyền hai câu thơ này của quan Đốc đồng Hoan Châu Bùi Huy Bích thường cùng quan Đốc thị Trương Đăng Quỳ đi thuyền lên viếng Thiên Mục tự, vào thời Cảnh Hưng, nhân dịp phụng chỉ vào Huế tuyên dụ (*Tang thương ngẫu lục*, Phổ thông bán nguyệt san số 6 tháng Chạp năm 1913, tr.150, 152). (TG)

[246] Thước đây tương đương với 0,40m. Vây bia cao 2,6m; rộng 1,2m; Linh Quy dài 2m; rộng 1,4m; dày 0,7m. Bia này hiện đang còn ở phía trước tháp Phước Duyên về phía tay mặt. (TG)

[247] *Les Stèles: La stèle de Minh Vương* (La Pagode Thiên Mẫu), B.A.V.H 1915. (TG)

[248] *Les Stèles: La stèle de Minh Vương* (La Pagode Thiên Mẫu), B.A.V.H 1915. (TG)

[249] Tức Nguyễn Phước Chú, chúa thứ 7 nhà Nguyễn, sinh năm 1697, lên ngôi Chúa năm 1725.

[250] Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập trung), mục Nhân vật bản triều: Nguyễn Đăng Đàn, tr.38. (TG)

[251] Dật dân: Kẻ nhàn rỗi, ẩn sĩ.

[252] Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập trung), mục Nhân vật bản triều: Nguyễn Đăng Đàn, tr.38. (TG)

[253] *Đại Nam thực lục tiền biên* quyển 10 (trích dẫn trong bài “*Võ Vương et la Prophétie d'un ermite*”, L. Cadière), B.A.V.H. 1915.

[254] *Vũ biên tạp lục* quyển II của Lê Quý Đôn (trích dẫn trong *Việt sử: xứ Đàng Trong*: Thế Tôn Nguyễn Phước Khoát (1738-1765)). (TG)

[255] *Voyage de Pierre Poivre en Cochinchine. Revue de l'Extrême-Orient* Publiée par M.H.Cordier, Volume III, p.442. (TG)

[256] Đ.N.N.T.C.. - *Kinh sử*, mục Thành trì, tr.18. (TG)

[257] *Description historique de la Cochinchine par Jean Koffler, traduction frse de Victor Barbler des M.E. de la Revue Indochinoise*, 1911, tome XV, P.572. (TG)

[258] Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập thượng), Sơn Xuyên: Gò Dương Xuân, tr.56. (TG)

Thời Lê có đặt chức Trấn Lỗ tướng quân để quản lý người Việt gốc Chăm ở Thuận Hóa.

[259] Đ.N.N.T.C.. *Kinh sử*, mục Thành trì, tr.18. (TG)

[260] *Vũ biên tạp lục* quyển II, của Lê Quý Đôn (trích dẫn trong *Việt sử: xứ Đàng Trong*). (TG)

[261] *Đại Nam thực lục tiền biên*, quyển VII, 5a (trong “*Les Européens qui ont vu le Vieux Hué: Thomas Bowyear*”). (TG)

[262] “*Thành trì chí của Trịnh Hoài Đức*”, Gs. Trần Kinh Hòa dịch thuật, tr.155 (Tạp chí Đại học số 25).

[263] *Vũ biên tạp lục* quyển II của Lê Quý Đôn (trích dẫn trong *Việt sử: xứ Đàng Trong*: Thế Tôn Nguyễn Phước Khoát). (TG)

[264] Nguyễn Đăng Thạnh hiệu là Chuyết Trai.

[265] Huyền điểu: chim đen. Bà Giản Dịch nuốt trứng chim huyền điểu sinh ra ông Tiết là nhà tổ nhà Thương, nên người ta thường gọi nhà Thương là cơ nghiệp “huyền điểu”. (TG)

Hoàn khuê: cái hốt bằng ngọc, thường các bậc công tước mới được cầm khi chào vua. Ở đây chỉ địa vị bề tôi chứ không lên hàng vua chúa.

[266] Những bước đầu của anh em Tây Sơn của Gs. Nguyễn Phương, Tạp chí Đại học số 26, tháng 4-1962, tr.323. (TG)

Ngoại tử: Một trong tứ trụ triều đình (nội tử, ngoại tử, nội hữu, ngoại hữu) do Chúa Nguyễn Phước Lan đặt ra.

[267] Theo bài “Bản sử *Hải ngoại kỷ sự*” của Thích Đại Sán thì Minh Vương Nguyễn Phước Châu đã xưng Đại Việt Quốc Vương vào năm Bính Tý (1696), như vậy là trước ngày xưng vương của Võ Vương Nguyễn Phước Khoát 48 năm (Xem *Hải ngoại kỷ sự* của Thích Đại Sán, phần khảo cứu của Gs. Trần Kinh Hòa, tr.251). (TG)

Bản in cũ chép năm Bính Tý (1695), thực tế năm Bính Tý là 1696, trong *Lời tựa Hải Ngoại Kỷ Sự* do chính tay Minh Vương viết, ông tự xưng là Đại Việt Quốc vương Nguyễn Phước Châu.

[268] *Việt Nam nhân vật chí vịnh biên* (tập thượng): Bùi Sĩ Tiêm, tr.291 - của Hồ Đắc Hàm và Thái Văn Kiểm, Nha Văn hóa Bộ Q.G.G.D. 1962. (TG)

[269] *Việt Nam nhân vật chí vịnh biên* (tập thượng): Bùi Sĩ Tiêm, tr.291 - của Hồ Đắc Hàm và Thái Văn Kiểm, Nha Văn hóa Bộ Q.G.G.D. 1962. (TG)

[270] *Le Việt Nam: Histoire et Civilisation* par Lê Thành Khôi (La Sécession du Nord et du Sud: Poevre des Trịnh dans le Nord), page 261, 260. (TG)

Năm 1729, Trịnh Cương ép Lê Dụ Tông (Lê Dũ Tôn) truyền ngôi cho Thái tử Lê Duy Phường, tức Vĩnh Khánh Đế. Đến năm 1732, Chúa Trịnh Giang (con Trịnh Cương) phế Vĩnh Khánh Đế xuống làm Hôn Đức công, lập anh trai của Đế là Lê Duy Tường lên làm vua. Đến năm 1735, Trịnh Giang sai người thắt cổ giết ông, lúc ấy mới 27 tuổi.

[271] Lê Duy Mật là con thứ của Lê Dụ Tông, sau khi Trịnh Giang giết Lê Duy Phường, Duy Mật định làm binh biến tại Thăng Long nhưng bị lộ. ông chạy về Thanh Hóa khởi nghĩa với tôn chỉ “Phù Lê diệt Trịnh”. Ảnh hưởng của ông khiến Trịnh Giang bị phế, em là Trịnh Doanh thay làm Chúa. Đến đời Trịnh Sâm (con Trịnh Doanh) mới điều danh tướng Hoàng Ngũ Phúc đánh và tiêu diệt hoàn toàn nghĩa quân. Cùng đường, Lê Duy Mật cùng vợ con tự thiêu mà chết.

[272] *Le Việt Nam: Histoire et Civilisation* par Lê Thành Khôi (La Sécession du Nord et du Sud: Poevvre des Trịnh dans le Nord), page 261, 260. (TG)

[273] “Thành trì chí của Trịnh Hoài Đức”, Gs. Trần Kinh Hòa, Tạp chí Đại học số 25, tháng 2-1962, phần chú thích số 44. (TG)

[274] *Les Eléphants royaux* par L. Cadière, B.A.V.H. 1922. (TG)

[275] *Les Européens qui ont vu le Vieux Hué: l’abbé de Choisy* par L. Cadière - Annotation No.60, B.A.V.H. No.3 Juillet 1929. (TG)

[276] *Voyage de Pierre Poivre en Cochinchine* - Revue de l’Extrême-Orient, volume III, page 422, cité dans “Le quartier des Arènes” par L.Cadière, B.A.V.H. 1925. (TG)

[277] Đ.N.N.T.C.. - Kinh sử, tr.15. (TG)

[278] Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập trung), mục Nhân vật bản triều: Nguyễn Đăng Thanh, tr.37. (TG)

[279] “Vũ biên tạp lục” của Lê Quý Đôn, trích dẫn trong “Việt sử: xứ Đàng Trong”, tr.235, 236. (TG)

[280] “Vũ biên tạp lục” của Lê Quý Đôn, trích dẫn trong “Việt sử: xứ Đàng Trong”, tr.235, 236. (TG)

[281] “Thành trì chí của Trịnh Hoài Đức”, Gs. Trần Kinh Hòa dịch thuật, phần chú thích số 44, Tạp chí Đại học số 25, tr.155. “Vũ biên tạp lục” của Lê Quý Đôn, trích dẫn trong “Y phục của người Việt qua các thời đại” của Thái Văn Kiểm, Tạp chí Đại học số 38 tháng Tư 1964, tr.242, 243. (TG)

[282] “*Thành trì chí của Trịnh Hoài Đức*”, Tạp chí Đại học số 25, tr.241. (TG)

[283] “*Lược khảo về khoa cử ở Việt Nam*” của Huyền Quang - Văn hóa Á châu số 8 tháng 11-1960, tr.99. (TG)

[284] “*Vũ biên tạp lục*” của Lê Quý Đôn (trích dẫn trong “*Y phục của người Việt qua các thời đại*” của Thái Văn Kiểm, Tạp chí Đại học số 38, 1964). (TG)

[285] “*Gia Định thông chí*” quyển III (Cương Vực) của Trịnh Hoài Đức. (TG)

[286] *Les Eléphants royaux* par L.Cadière, B.A.V.H. 1922.

[287] Dựa theo “*Võ Vương et la Prophétie d'un ermite*” par L. Cadière, B.A.V.H. 1915. (TG)

Lục dã: Đồng xanh.

[288] Tức người Pháp.

[289] *Description historique de la Cochinchine par Jean Koffler*, traduction frse de Victor Barbler. Revue Indochinoise 1911, tome XV. (TG)

[290] *Les Européens qui ont vu le Vieux Hué: l'abbé de Choisy*, B.A.V.H. No.3 Juillet 1929. (TG)

[291] Thừa lương: Hóng mát.

[292] Dựa theo “*Le Quartier des Arènes*” (Souvenirs des Nguyễn) par L.Cadière B.A.V.H. 1925, page 129. (TG)

[293] *Voyage de Pierre Poivre en Cochinchine, Revue de l'Extrême-Orient*, Vol. III, p.422. (TG)

[294] Nặc Nguyên: vua chân Lạp. Côn man: Người Chân Lạp gốc Chiêm Thành.

[295] Đông Khẩu, Tân Châu, Sa Đéc chính là ba đạo chia từ Tam Phong Long ra.

[296] *Việt Nam sử lược*, Lê Thần Trần Trọng Kim (Mở đất Việt Nam và sự giao thiệp với Chân Lạp), tr.332, 333. (TG)

[297] Đ.N.N.T.C.. Tỉnh Thanh Hóa (tập hạ), mục Nhân vật: Trương Phúc Phấn, tr.129. - Đ.N.N.T.C.. *Thừa Thiên phủ* (tập trung), mục Nhân vật bản triều: Trương Phúc Phấn, tr.35. - *Những bước đầu của anh em Tây Sơn* của Gs. Nguyễn Phương (Triều Chúa thối nát), Tạp chí Đại học số 26, tháng 4-1962, tr.321. (TG)

[298] Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập trung), mục Nhân vật bản triều: Trương Phúc Phấn, tr.35. (TG)

[299] *Những bước đầu của anh em Tây Sơn* của Gs. Nguyễn Phương. Tạp chí Đại học số 26, tr.322. (TG)

[300] Voyage de Pierre Poivre en Cochinchine. Voyage du vaisseau de la Compagnie le “Marchault” à la Cochinchine en 1749 et 1750. Journal d’un voyage à la Cochinchine depuis le 29 Aout 1749, jour de notre arrivée, jusqu’au 11 février 1750 - Revue de l’Extrême-Orient, Vol.III (trích dẫn trong “*Những bước đầu của anh em Tây Sơn*” của Gs.Nguyễn Phương). (TG)

[301] *Vũ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn (trích dẫn trong *Việt sử: xứ Đàng Trong* - Duệ Tôn Nguyễn Phước Thuận). (TG)

[302] *Vũ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn (trích dẫn trong *Việt sử: xứ Đàng Trong* - Duệ Tôn Nguyễn Phước Thuận). (TG)

[303] Giáo Hiến: Trương Văn Hiến, thầy giáo dạy của ba anh em nhà Sơn Tây: Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ, do vậy gọi là Giáo Hiến.

[304] Tức Lê Cao Kỳ.

[305] Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập trung), mục *Nhân vật, tôn thất bản triều*: Tôn Thất Tứ, tr.18, 19. (TG)

[306] Dựa theo “*Võ Vương et la prophétie d'un ermite*” par L. Cadière, B.A.V.H. 1915. (TG)

[307] Đại Việt sử ký toàn thư (trích dẫn trong “*Việt sử xứ Đàng Trong*” của Gs. Phan Khoang): Thuận Đức năm đầu (1600), *Tiên chúa* mật sử bọn thủy tướng là Phan Ngạn, Ngô Đình Nga, Bùi Văn Khuê

làm phản ở cửa biển Đại An, rồi tự mình xin đi đánh dẹp. Ngạn, Khuê vốn nhận *Tiên chúa* là cậu, dấy binh nổi loạn, vây đánh kinh thành rất gấp, phóng hỏa đốt kinh thành, phố xá, dinh trại, trăm họ kinh sợ, dắt mẹ chồng con đi trốn. Bình An vương phải phò vua Lê theo đường Mỹ Lương về Thanh Hóa để giữ vững căn bản. (TG)

[308] *Việt Nam sử lược*, Lê Thần Trần Trọng Kim (Mở đất Việt Nam và sự giao thiệp với Chân Lạp), tr.329. (TG)

[309] Tận tìn ư thư: Tin hoàn toàn vào sách vở (Mạnh Tử)

[310] *Hải ngoại kỷ sự* của Thích Đại Sán, tr.113. (TG)

[311] *Hải ngoại kỷ sự* của Thích Đại Sán, tr.113. (TG)

[312] *Hải ngoại kỷ sự* của Thích Đại Sán, trang 261 có chép: “... Vì việc bắt sung quân, dân còn lại đều ốm yếu tàn tật, ít có người tráng kiện. Cha mẹ sợ con bị bắt lính, con lớn tuổi liền cho đi ở chùa làm sãi may ra được khỏi. Vì cố ấy tăng đồ rất đông, nhưng Phật pháp cũng do đó sinh ra hỗn loạn”. (TG)

[313] *Hải ngoại kỷ sự* của Thích Đại Sán, trang 261. (TG)

[314] Một số tài liệu cho rằng Chử Đức (hay Chử Đức) thực chất là tước Chử Đức hầu, phong cho một Thái giám thời đó. Họ tên Thái giám này hiện chưa tra cứu được.

[315] *Việt sử: xứ Đàng Trong* của Gs. Phan Khoang (Duệ Tôn Nguyễn Phước Thuận, 1765-1776). (TG)

[316] *Vũ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn (trích dẫn trong “*Việt sử: xứ Đàng Trong*”: Duệ Tôn Nguyễn Phước Thuận). (TG)

[317] Đ.N.N.T.C. - *Thừa Thiên phủ* (tập trung), mục Nhân vật bản triều: Nguyễn Quang Tiền, tr.56). (TG)

Tinh lịch: Chiêm tinh, lịch số.

[318] Bản in cũ ghi là Đức Chử, chúng tôi mạn phép sửa lại cho đúng tên của Thái giám Chử Đức.

[319] Đ.N.N.T.C.: Kinh sử - Mục Sơn Lãng, tr.55. Còn có ghi chép: “Mùa đông năm Canh Tuất (1790), Tây Sơn khiến Đô đốc Nguyễn

Văn Ngũ dời quan tài, giấu ở vực sông trước lăng. Nhà Ngũ bị thất hỏa, Ngũ chạy về. Người xã Cư Chính là Nguyễn Ngọc Huyền lặn xuống vực, dời giấu chỗ khác, sau chỗ ấy nổi thành gò Cát. Mùa hạ năm Tân Dậu (1801) khắc phục cự kinh, Ngọc Huyền đem việc ấy tâu lên, vua bèn lựa ngày đem an táng lại chỗ cũ. Năm Gia Long thứ năm (1806) đắp sửa sơn lăng và dựng tên hiện kim. Năm Minh Mạng thứ hai (1821) phong núi này làm Hưng Nghiệp sơn, tông tự vào giao đàn”. (TG)

[320] “*Những bước đầu của anh em Tây Sơn*” của Gs. Nguyễn Phương (II -Nguyên nhân cuộc Tây Sơn khởi nghĩa), Tạp chí Đại học số 26 tháng 4-1962, tr.323). (TG)

[321] “*Việt sử: xứ Đàng Trong*” của Gs. Phan Khoang (Duệ Tôn Nguyễn Phước Thuận). (TG)

[322] “*Những bước đầu của anh em Tây Sơn*” của Gs. Nguyễn Phương, Tạp chí Đại học số 26 tháng 4-1962, tr.324. - theo “*Việt sử: xứ Đàng Trong*”: Trương Phúc Nhạc lấy công nữ Ngọc Đảo, chứ không phải Ngọc Thọ. (TG)

[323] Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập trung), mục Nhân vật, tôn thất bản triều: Tôn Thất Tứ, tr.18, 19. (TG)

[324] Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập trung), mục Nhân vật, tôn thất bản triều: Tôn Thất Tứ, tr.18, 19. (TG)

[325] *Việt sử: xứ Đàng Trong* của Gs. Phan Khoang. Duệ Tôn Nguyễn Phước Thuận (1765-1776). (TG)

[326] Vảnh: Tên một loại cá nước ngọt.

[327] *Liệt truyện tiền biên*, mục Gian thần (trích dẫn trong *Những bước đầu của anh em Tây Sơn* - Gs. Nguyễn Phương). (TG)

[328] Đò: Đò tế. Đieu: câu cá. Chỉ hạng người thấp kém trong xã hội xưa.

[329] *Việt sử: xứ Đàng Trong*, Gs. Phan Khoang (Duệ Tôn Nguyễn Phước Thuận, 1765-1776). (TG)

[330] *Thực lục tiền biên* quyển 11,12ab (trích dẫn trong bài “*Những bước đầu của anh em Tây Sơn*”, Tạp chí Đại học số 26, tháng 4-1962, tr.326). (TG)

[331] *Thực lục tiền biên* quyển 11,12ab (trích dẫn trong bài “*Những bước đầu của anh em Tây Sơn*”, Tạp chí Đại học số 26, tháng 4-1962, tr.326). (TG)

[332] *Việt sử: xứ Đàng Trong*, Gs. Phan Khoang (Duệ Tôn Nguyễn Phước Thuần, 1765-1776). (TG)

[333] Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập trung), mục Nhân vật bản triều: Nguyễn Quang Tiên, tr.56) (TG).

[334] *Việt sử: xứ Đàng Trong*, Gs. Phan Khoang (Duệ Tôn Nguyễn Phước Thuần, 1765-1776). (TG)

[335] Cơ hoang: Nạn đói.

[336] *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* quyển 44, 11a (trích dẫn trong *Những bước đầu của anh em Tây Sơn*), Tạp chí Đại học số 26 tr.327. (TG)

[337] Thư của Linh mục La Bartette viết năm 1776 do L. Cadière, trích dẫn trong *Le Mur de Đồng Hới* (B.F.E.O) tập VI, 1906, tr.238 - Tạp chí Đại học số 26, tr.327. (TG)

[338] Thư của Linh mục La Bartette viết năm 1776 do L. Cadière, trích dẫn trong *Le Mur de Đồng Hới* (B.F.E.O) tập VI, 1906, tr.238 - Tạp chí Đại học số 26, tr.327. (TG)

[339] Cai bộ: Quan trông coi ngân khố của một trấn.

[340] *Thực lục tiền biên* quyển 11, 11ab (trích dẫn trong “*Những bước đầu của anh em Tây Sơn*”, Đ.H. số 26, tr.327. - Đ.N.N.T.C.. *Tỉnh Quảng Nam*, mục Nhân vật (triều Nguyễn): Trần Phước Thành, tr.105. (TG)

[341] Đ.N.N.T.C.. *Tỉnh Quảng Nam*, mục Nhân vật (triều Nguyễn): Trần Phước Thành, tr.105. (TG)

[342] *Việt sử: xứ Đàng Trong*, Gs. Phan Khoang (Duệ Tôn Nguyễn Phước Thuần). (TG)

[343] Dịch quốc phú gia: người giàu lắm có thể dịch lại với Nhà nước. Vị cực nhân thần: người làm quan đến chỗ tội bực quyền quý.

[344] Nguyễn Phước Dương có cha là Nguyễn Phước Chương, con cả của Võ Vương, nhưng mất sớm.

[345] Theo *Chính biên liệt truyện* quyển 30, 2b, Nhạc và đồng bọn thường nói: “Con của Thái Bảo là Hoàng tôn Dương nhân hậu, thông minh, ta nên rước lập làm Chúa để ổn định vương thất”. (TG)

[346] Dịch: Không thuốc nào chữa được bệnh lo âu việc nước.

[347] Theo *Chính biên liệt truyện*: Sau Nhạc làm tuần biện ở Vân Đồn, tiêu lạm tiền thuế, Đốc trưng Đăng đòi hỏi gặt gao, nên Nhạc vào núi làm kẻ trộm. Hiến gọi Nhạc đến nói riêng rằng: “Sấm có câu: ‘Tây khởi nghĩa, Bắc thu công’. Mày là người Tây Sơn, hãy gắng lên.” Nhạc cho là phải và mừng thầm. (TG)

Tuần biện: Chức quan nhỏ, phụ trách thu thuế một trạm.

[348] *Việt sử: xứ Đàng Trong*, Gs. Phan Khoang (Duệ Tôn Nguyễn Phước Thuần, 1765-1776). (TG)

[349] *Những bước đầu của anh em Tây Sơn*, Gs. Nguyễn Phương (Đặt một cơ sở để bàn trưng), Đại học số 26 tháng 4-1962, tr.335. - *Việt sử: xứ Đàng Trong* (Duệ Tôn Nguyễn Phước Thuần, 1765-1776). (TG)

[350] *Dã sử* quyển 6, 6b, Lê Ký - *Chính biên liệt truyện* quyển 30, 1b (trích dẫn trong “*Những bước đầu của anh em Tây sơn*”, Đại học số 26, tr.331).

[351] *Chính biên liệt truyện* quyển 30, 3a, B.S.E.I. tập L.5 1940, 75 (trích dẫn trong “*Những bước đầu của anh em Tây Sơn*”, tr.337-339). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (trích dẫn trong “*Việt sử: xứ Đàng Trong*”). (TG)

[352] *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, trích dẫn trong “*Việt sử: xứ Đàng Trong*” (Duệ Tôn Nguyễn Phước Thuận). (TG)

[353] *Những bước đầu của anh em Tây Sơn*, Gs. Nguyễn Phương (III - Đặt một cơ sở để bàn trưởng), Đ.H. 26, tr.338. (TG)

[354] Thấy Qui Nhơn thất thủ, quan cai trị Quảng Ngãi, một đảng phi báo triều đình, đảng khác cất quân vào tiếp cứu kéo sợ phong trào nổi dậy chóng lan đến tỉnh nhà. Chính quan ra cầm quân, có 5 voi dự chiến. Quan gặp địch quân khi vào đến chừng nửa tỉnh Qui Nhơn. Cuộc xung đột xảy ra với sự thiệt hại nặng nề về phía quân Quảng Ngãi. Quan Bồ phi ngựa tẩu thoát. Tây Sơn thu được nhiều khí giới và voi. (TG)

[355] Tán lý: Chức quan văn giúp việc binh khi đánh trận.

[356] *Tây Sơn lấy Nam Hà*, Gs. Nguyễn Phương (“Bước đầu”, Mặt trận năm 1773, Tạp chí Đại học số 27, tháng 6-1962, tr.435 - *Việt sử: xứ Đàng Trong* (Duệ Tôn Nguyễn Phước Thuận)). (TG)

[357] *Tây Sơn lấy Nam Hà*, Gs. Nguyễn Phương (“Bước đầu”, tr.433 - *Tây Sơn làm tôi họ Trịnh*, tr.456). (TG)

[358] Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập trung), mục Nhân vật bản triều: Tống Phước Khuông, tr.39. (TG)

[359] Quan Tham mưu, tên Tá, chưa rõ tên họ đầy đủ là gì.

[360] *Việt sử: xứ Đàng Trong* (Duệ Tôn Nguyễn Phước Thuận, 1765-1776) (TG)

[361] *Thừa Thiên phủ* (tập trung), mục *Nhân vật bản triều* Nguyễn Cửu Dật, tr.33). (TG)

[362] *Tây Sơn lấy Nam Hà*, Gs. Nguyễn Phương, Tạp chí Đại học số 27, tháng 6-1962, tr.436. (TG)

[363] *Tây Sơn lấy Nam Hà*, Gs. Nguyễn Phương, Tạp chí Đại học số 27, tháng 6-1962, tr.436. (TG)

[364] *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises*, tập 15, 1940, 80 (trích dẫn trong “*Tây Sơn lấy Nam Hà*”, tr.440). (TG)

[365] *Việt sử: xứ Đàng Trong*, Gs. Phan Khoang (Duệ Tôn Nguyễn Phước Thuần). (TG)

[366] *Vũ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn ghi là Trà Vũ Bá. Họ Trà có lẽ hợp lý hơn.

[367] Lúc bấy giờ Chúa Trịnh đã dẹp yên được loạn Hoàng Công Chất ở Hưng Hóa và Lê Duy Mật ở Trấn Ninh. (TG)

[368] *Tây Sơn lấy Nam Hà*, Gs. Nguyễn Phương (II - Tây Sơn làm tôi họ Trịnh, tr.443 - Đại học số 27 tháng 6-1962) - Các tướng sĩ được cử theo giúp Phúc là: Phan Lê Phiên, Uông Sĩ Điền làm tham biện, Hoàng Phùng Cơ, Hoàng Đình Thế làm thuộc tướng. Hoàng Lệ, Hoàng Đình Báu giúp việc điều khiển, về việc lương vận thì có Nguyễn Đình Điển quản lãnh lương trường ở Mỹ Lộc, Sơn Nam, Nguyễn Thục quản lãnh lương trường ở Hà Trung, Nghệ An, Ngô Dao quản lãnh lương trường ở Đồng Hới, Quảng Bình. (TG)

[369] Bôn bả (từ cổ): Bôn ba.

[370] *Tây Sơn lấy Nam Hà*, Gs. Nguyễn Phương (Mặt trận 1774, tr.441). (TG)

[371] Có lẽ là Nguyễn Phước Thiệp thì đúng hơn. Nguyễn Phước Hiệp là công tử thứ tư của Thái Tôn, sau khi đại thắng quân Trịnh năm 1672 thì lui về ở ẩn. Một số đoạn sau, tác giả cũng chép tên Nguyễn Phước Thiệp.

[372] *Tây Sơn lấy Nam Hà*, Gs. Nguyễn Phương (Mặt trận 1774, tr.444). (TG)

[373] Có lẽ là Câu kê, chức quan văn làm việc trong phủ Chúa.

[374] *Tây Sơn lấy Nam Hà*, Gs. Nguyễn Phương (Tây Sơn làm tôi họ Trịnh - Quân Trịnh vào Nam Hà) có chép: Những người Duệ Tôn sai đi lại không thật lòng gì với Duệ Tôn. Lòng oán ghét sự thối nát của triều Chúa Nguyễn đã choán tâm hồn họ, khiến họ đã phản bội một cách khôn khéo. Khi Ngũ Phúc hỏi ý kiến họ về việc tiến thoái nên như thế nào, thì họ đáp với một câu tục ngữ: “Lộ bất hành bất chí,

chung bất khẩu bất minh.” (Đường không đi không đến, chuông không đánh không kêu). Ngũ Phúc biết rõ là họ mời mình tiến, nên lại sắp đặt lên đường (Đại học số 27, tr.445). (TG)

[375] Đ.N.N.T.C.. *Tỉnh Quảng Bình*, mục Cổ tích: Lũy cũ Phú Ninh (trước gọi là Trấn Ninh), tr.142. (TG)

[376] Đ.N.N.T.C.. *Tỉnh Quảng Bình*, mục Sơn Xuyên: sông Linh Giang, tr.128. Sông này ở phía nam huyện Bình Chính ba dặm, phía Bắc thuộc huyện Bình Chính, phía nam thuộc huyện Bồ Trạch. Còn có một tên nữa là Thanh Hà. Sông rộng 170 trượng, phát nguyên từ ba chỗ: một chỗ ở núi Thanh Lăng, địa giới huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, một chỗ từ nguồn Kim Linh, và một chỗ từ nguồn sông An Niệm. Thuở Trịnh, Nguyễn phân tranh lấy sông này làm giới hạn để chia cương giới. (TG)

[377] Xưa người Bắc có câu ca: Hữu trí dững hề, khả quá Thanh Hà, túng hữu dực hề, Trường lũy bất khả qua (Người có trí dững có thể qua sông Thanh Hà (tức Linh Giang), túng sứ có cánh đi nữa cũng không bay qua Trường lũy được. (TG)

[378] Đẩu sao: Hẹp lượng, nông cạn (Đẩu tức cái đẩu, sao: cái rổ, cái rá).

[379] Quỷ vực tà tâm: chỗ này chúng tôi nghĩ có lẽ là “quỷ vực tà tâm” thì đúng hơn. Vực là con “vực”. Theo truyền thuyết là một loài bọ độc ở trong nước, ngậm cát phun người làm sinh bệnh, còn gọi là “sạ công”. Thường kẻ nào âm hiểm hay gọi là “quỷ vực”. Nguyễn Du có thơ: “Long xà quỷ vực biến nhân gian”. Đưa ra để bạn đọc tiện tham khảo.

[380] *Thực lục tiền biên* quyển 11, 23ab (trích dẫn trong “*Tây Sơn lấy Nam Hà*”, T.C. Đại học số 27, tr.445, 446).

[381] Cô thân chích ảnh: Đơn thân lẻ bóng.

[382] Tử hữu dư cô: Tội lỗi quá nhiều dù có chết cũng chưa đền hết. Chỉ người có nhiều tội ác nhất trong xã hội. (TG)

[383] *Vũ biên tạp lục* (trích dẫn trong “*Việt sử: xứ Đàng Trong*”, Duệ Tôn Nguyễn Phước Thuận). (TG)

[384] Theo *Vũ biên tạp lục*: Nguyễn Phước Thuận sai Tham mưu Lê Công Bình đưa Loan, do đường thủy, đến nạp ở hành dinh. Con Loan sai đem biểu tỳ tướng của Việp Quận công là Tạo Nhuận ba chục nén vàng để cầu chu toàn. Mùa xuân năm Ất Mùi, Việp Quận công vào Phú Xuân, cho giam Loan ở phía tả nội dinh. Con Loan lại nhờ Tuân Thọ hầu nạp 30 nén vàng, 200 nén bạc (mỗi nén hai chục lượng) để xin chuộc tội và thưởng biểu riêng vàng, bạc, bảo vật có đến hàng nghìn. Mùa đông năm Bính Thân, Loan bị đưa về Thăng Long, chết dọc đường (*Việt sử: xứ Đàng Trong* - Duệ Tôn Nguyễn Phước Thuận). (TG)

[385] *Tây Sơn lấy Nam Hà*, Gs. Nguyễn Phương (Tây Sơn làm tội họ Trịnh - Quân Trịnh vào Nam Hà), tr.446. (TG)

[386] *Việt Sử: xứ Đàng Trong*, Gs. Phan Khoang (Duệ Tôn Nguyễn Phước Thuận, 1765-1776).

[387] *Tây Sơn lấy Nam Hà*, Gs. Nguyễn Phương (Phú Xuân đổi chủ), tr.447.

[388] *Tây Sơn lấy Nam Hà*, Gs. Nguyễn Phương (Phú Xuân đổi chủ), tr.447. (TG)

[389] *Việt sử: xứ Đàng Trong*, Gs. Phan Khoang (Duệ Tôn Nguyễn Phước Thuận). (TG)

[390] *Tây Sơn lấy Nam Hà*, Gs. Nguyễn Phương, tr.447. (TG)

[391] *Việt sử: xứ Đàng Trong*, Gs. Phan Khoang (Duệ Tôn Nguyễn Phước Thuận). (TG)

[392] *Vũ biên tạp lục*, trích dẫn ở phần bị chú của *Việt sử: xứ Đàng Trong*, tr.273, 274. (TG)

[393] *Tây Sơn lấy Nam Hà*, Gs. Nguyễn Phương (Phú Xuân đổi chủ), tr.449. (TG)

[394] *Việt sử: xứ Đàng Trong*, Gs. Phan Khoang (Duệ Tôn Nguyễn Phước Thuận). (TG)

[395] *Việt sử: xứ Đàng Trong*, Gs. Phan Khoang (Duệ Tôn Nguyễn Phước Thuận). (TG)

[396] Đàng Trong không có mỏ đồng nên không tự đúc được tiền đồng. Do vậy dưới thời Chúa Nguyễn, các loại tiền đồng của nhà Lê, Mạc thậm chí tiền Trung Quốc, Nhật Bản vẫn được nhập về sử dụng.

[397] Tình hình quân dân lúc mới chiếm đóng (bài tựa *Vũ biên tạp lục*), trích dẫn trong *Việt sử: xứ Đàng Trong*. (TG)

[398] *Tây Sơn lấy Nam Hà*, Gs. Nguyễn Phương (Tây Sơn làm tôi họ Trịnh), Đại học số 27, tr.457. (TG)

[399] *Tây Sơn lấy Nam Hà*, Gs. Nguyễn Phương (Tây Sơn làm tôi họ Trịnh), Đại học số 27, tr.457. (TG)

[400] Đ.N.N.T.C.. - *Thừa Thiên phủ* (tập trung), mục *Nhân vật bản triều*: Hoàng Quang, tr.38. (TG)

MỤC LỤC

1. LINH MỤ TỰ VÀ DÒNG HỌ CHÂN CHỦ PHƯƠNG NAM
2. PHÚ XUÂN VÀ DI CHÍ THIÊN DI DINH, PHỦ VỀ NAM CỦA TIÊN CHÚA NGUYỄN HOÀNG
3. TỪ DINH TRẠI Ở TRÀ BÁT ĐẾN PHỦ TRỊ Ở KIM LONG
4. KIM LONG DƯỚI THỜI NHÂN LỘC HẦU NGUYỄN PHƯỚC LAN
5. NGUYỄN PHỦ Ở KIM LONG DƯỚI THỜI HIỀN VƯƠNG
6. PHÚ XUÂN DƯỚI THỜI NGHĨA VƯƠNG VÀ MINH VƯƠNG
7. QUỐC CHÚA VÀ NGÔI CỔ TỰ TRÊN ĐỒI HÀ KHÊ
8. CẢNH THỊNH ĐẠT CỦA PHÚ XUÂN DƯỚI THỜI VÕ VƯƠNG NGUYỄN PHƯỚC KHOÁT
9. NHỮNG ĐIỂM LẠ VÀ NHỮNG DÒNG CHỮ VÔ HÌNH Ở VÁCH CHÙA THIÊN MỤ
10. ẤU CHÚA NGUYỄN PHƯỚC THUẦN VÀ QUYỀN THẦN TRƯỞNG PHÚC LOAN
11. PHÚ XUÂN TRÊN BỜ VỰC THẨM
12. QUYỀN THẦN SA CƠ, PHÚ XUÂN ĐỐI CHỦ, ĐẠI NGHIỆP CỦA HỌ NGUYỄN CÁO CHUNG TRONG CẢNH ĐIÊU TÀN
13. CỰU ĐÔ PHÚ XUÂN TRONG CẢNH ĐIÊU TÀN VÀ CÂU ĐỐI VÔ HÌNH TRÊN VÁCH CHÙA THIÊN MỤ
14. CHÚ THÍCH
15. MỤC LỤC

Table of Contents

LINH MỤ TỰ VÀ DÒNG HỌ CHÂN CHỦ PHƯƠNG NAM
PHÚ XUÂN VÀ DI CHÍ THIÊN DI DINH, PHỦ VỀ NAM CỦA TIÊN
CHÚA NGUYỄN HOÀNG
TỪ DINH TRẠI Ở TRÀ BÁT ĐẾN PHỦ TRỊ Ở KIM LONG
KIM LONG DƯỚI THỜI NHÂN LỘC HẦU NGUYỄN PHƯỚC LAN
NGUYỄN PHỦ Ở KIM LONG DƯỚI THỜI HIỀN VƯƠNG
PHÚ XUÂN DƯỚI THỜI NGHĨA VƯƠNG VÀ MINH VƯƠNG
QUỐC CHÚA VÀ NGÔI CỔ TỰ TRÊN ĐỒI HÀ KHÊ
CẢNH THỊNH ĐẠT CỦA PHÚ XUÂN DƯỚI THỜI VÕ VƯƠNG
NGUYỄN PHƯỚC KHOÁT
NHỮNG ĐIỂM LẠ VÀ NHỮNG DÒNG CHỮ VÔ HÌNH Ở VÁCH
CHÙA THIÊN MỤ
ẤU CHÚA NGUYỄN PHƯỚC THUẦN VÀ QUYỀN THẦN TRƯỞNG
PHÚC LOAN
PHÚ XUÂN TRÊN BỜ VỰC THẮM
QUYỀN THẦN SA CƠ, PHÚ XUÂN ĐỐI CHỦ, ĐẠI NGHIỆP CỦA HỌ
NGUYỄN CÁO CHUNG TRONG CẢNH ĐIÊU TÀN
CỰU ĐÔ PHÚ XUÂN TRONG CẢNH ĐIÊU TÀN VÀ CÂU ĐỐI VÔ
HÌNH TRÊN VÁCH CHÙA THIÊN MỤ
CHÚ THÍCH
MỤC LỤC